VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tưởng niệm phùng quán (1932-1995)

mai kim ngọc • nguyễn đặng thường quán • đặng nguyên thường

hơi mát

doãn quốc sỹ

câu chuyện văn học

nguyễn thị vinh

văn học dân gian trong truyện Kiều

nguyễn thế việt

tiếng lòng đất

hà thúc sinh

chim quyên ăn trái nhãn lồng

trần vĩnh phố

bản đồ tiểu thuyết

đào trung đạo

những bài thơ mới nhất của

nguyễn bá trạc • khoa hữu

thời sự văn học

nguyễn huy thạch

SỐ 107 • THÁNG 3 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 49 Franklin, Ville Mont Royal,
Quebec, CANADA H3P 1S8
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về

Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THAY ĐỔI GIÁ BÁO

Kính thưa quí độc giả,

Trong gần mười năm qua, tạp chí Văn Học đều đặn đến tay quí độc giả liên tục, phần lớn nhờ sự ủng hộ tích cực của quí độc giả sốt sắng mua báo dài hạn.

Đáp lại lòng ưu ái đó, nhóm chủ trương cố gắng vượt qua những khó khăn tài chánh để tháng tháng gởi đến tay quí vị món ăn tinh thần bổ ích, ước mong đem lại cho bạn đọc những giây phút thoải mái sau những ngày giờ nặng nhọc với đời sống tất bật nơi xứ người. Từ Hoa Kỳ sang Âu châu, Úc Châu, Á châu, số độc giả dài hạn ngày càng tăng, khích lệ chúng tôi hơn nữa trong việc duy trì tạp chí Văn Học về mọi phương diện: hình thức, nội dung, phát hành, v.v.

Gần đây, sở phí ấn loát gia tăng vì giá giấy tăng vọt (30%), cộng thêm việc Sở Bưu Điện Hoa Kỳ tăng mọi giá biểu bưu phí, từ 10% đến 25% tùy theo cách gởi.

Vì thế, Ban chủ trương Văn Học buộc lòng quyết định thay đổi giá báo bán lẻ, cũng như giá báo dài hạn. Bù lại, chúng tôi tăng thêm số trang, từ 124 trang lên 148 trang.

Kể từ ngày 1 tháng 4, 1995, giá báo thay đổi như sau:

Giá bán lẻ:		US$4.00
Giá dài hạn cho một năm:		
Hoa Kỳ:	Hạng Tư :	US$ 42.00
	Hạng nhất	US$ 50.00
Canada:	Đường bộ:	US$ 46.00
	Máy bay:	US$ 54.00
Âu, Á, Úc Châu hay các quốc gia khác:		
	Đường thủy (surface)	US$ 56.00
	Máy bay (Air Mail)	US$ 94.00

Riêng các Thư Viện, từ nay Văn Học chỉ gởi hạng nhất (Hoa Kỳ) hay bằng máy bay (các quốc gia khác), theo giá biểu sau:

Hoa Kỳ/Hạng Nhất	US$ 50.00
Ngoại quốc/Máy bay:	US$ 100.00

Giá biểu này áp dụng tù ngày 1 tháng 4, 1995.

Riêng độc giả dài hạn, **từ nay cho đến ngày 31 tháng 3, 1995,** có thể gia hạn báo thêm một năm nữa hay nhiều hơn, dù chưa đáo hạn, **theo giá biểu cũ**.

Chúng tôi mong ước được sự ủng hộ nhiệt thành của quí vị, như đã từng ủng hộ chúng tôi trong nhiều năm qua, giúp phương tiện để gởi đến tay quí vị tạp chí mà quí vị hằng yêu mến.

Chân thành cảm ơn quí độc giả.

Văn Học

VănHọc

Số 107, Tháng 3. 1995

❖

VĂN HỌC	Thư Tòa Soạn	2
MAI KIM NGỌC	Phùng Quán (1932-1995)	3
	Về hai nhà thơ Nga và Phùng Quán	20
PHÙNG QUÁN	*Chống Tham Ô Lãng Phí*	25
	Lời Mẹ Dặn	28
NGUYỄN ĐẶNG	Những lá thư cuối cùng của Phùng Quán	30
THƯỜNG QUÁN	*Bài ghi trên vách gỗ Chòi Ngó Sóng*	37
	Một góc trời Phùng Quán	38
	Đêm cuối ở Chòi Ngó Sóng	38
ĐẶNG NGUYÊN THƯỜNG	*Khúc Hát Mùa Xuân*	41
NGUYỄN THẾ VIỆT	Từ Truyện Kiều, tìm hiểu quy luật tiếp nhận văn học dân gian	42
HOÀNG XUÂN SƠN	*Đọc Tình Tọa*	49
NGUYỄN BÁ TRẠC	*Thơ của một người ba phải*	50
NGUYỄN THỊ VINH	Câu Chuyện văn học	52
TRẦN HỒNG CHÂU	*Em gái cà phê*	65
DOÃN QUỐC SỸ	Hơi mát	66
KHOA HỮU	*Những bài thơ tạm biệt thơ*	80
ĐÀO TRUNG ĐẠO	Bản đồ tiểu thuyết	83
TRẦN VĨNH PHỐ	Chim quyên ăn trái nhãn lồng	99
HÀ THÚC SINH	Tiếng lòng đất	116
TRẦN DOÃN NHO	Một nơi để đi, một nơi để đến	123
VĂN HỌC	Nên bao cấp văn hoá chăng?	
SCOTT KRAFT	Phỏng vấn François Barre	129
ROBERT PEAR	Jane Alexander biện hộ	135
NGUYỄN HUY THẠCH	Ghi chép	138
VĂN HỌC	Toà soạn với bạn đọc	155
VĂN HỌC	Giới thiệu sách mới	160

© Tác giả và Văn học giữ bản quyền, 1994-1995
© Copyright by authors and Văn Học. All rights reserved. 1994-1995

Thư Tòa soạn

Văn Học số 107 Tân niên có chiều dày hơn số thường hằng tháng vì nhiều lý do. Trong một tháng nghỉ sau số Xuân Ất Hợi, bài vở các văn hữu gửi về Tòa soạn nhiều lên, đồng thời sinh hoạt văn học khắp nơi cũng có nhiều biến cố đáng chú ý.

Trước hết là tin buồn từ Việt Nam đưa sang: nhà thơ Phùng Quán từ trần ngày 21 tháng 1 năm 1995, vài hôm sau khi nhà thơ đọc được bài viết của mình đăng trên Văn Học Xuân Ất Hợi. Tòa soạn Văn Học vẫn mong lần lượt phổ biến những bài viết giá trị của Phùng Quán về những bạn văn cùng chịu khổ nhục như ông, từ Nguyễn Hữu Đang tới Đoàn Phú Tứ. Cái chết của nhà thơ là cái tang chung cho văn giới Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước. Văn Học dành một số trang tưởng niệm Phùng Quán, gồm những bài viết của Mai Kim Ngọc, Nguyễn Đặng và Thường Quán.

Một tin vui lớn đến vào thời gian Văn Học chuẩn bị bài vở đem đi in, là tin gia đình nhà văn Doãn Quốc Sỹ đến Hoa Kỳ sau hai mươi năm sống dưới chế độ cộng sản. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, mặc dù phải mất mười ba năm tủi nhục trong nhà tù cộng sản, vẫn không ngừng sáng tác, không ngừng tuyên xưng tinh thần cương trực và nhân ái vốn là chủ đề của suốt văn nghiệp của ông. Nhà xuất bản Văn Nghệ đón mừng tin vui bằng cách phát hành ba cuốn tiểu thuyết mới nhất của nhà văn. Văn Học trích đăng một phần của chương sách thuộc cuốn truyện dài *Mình Lại Soi Mình* của Doãn Quốc Sỹ, để bạn đọc thấy rằng dù trải qua những biến cố bi đát nhất, tủi nhục nhất, Doãn Quốc Sỹ vẫn giữ nguyên tinh thần nhân ái và cương trực trước kia.

Ngoài những bài thuộc hai chủ đề thời sự nói trên, Văn Học xin giới thiệu tiểu luận văn học của Nguyễn Thế Việt, Nguyễn thị Vinh và Đào Trung Đạo. Về thơ có đóng góp của các nhà thơ Nguyễn Bá Trạc, Trần Hồng Châu, Đặng Nguyên Thường, Hoàng Xuân Sơn và Khoa Hữu. Văn có truyện ngắn của Hà Thúc Sinh, bút ký của Trần Doãn Nho và đặc biệt là truyện ngắn *Chim Quyên Ăn Trái Nhãn Lồng* lần đầu tiên Trần Vĩnh Phố ưu ái gửi cho Văn Học.

Vì số trang hạn chế, Tòa soạn đành phải gác một số lớn bài vở dự định sẽ đăng trong số này. Văn Học xin cáo lỗi cùng các văn hữu tác giả những bài phải gác lại một kỳ.

Văn Học

PHÙNG QUÁN
(1932-1995)

Mai Kim Ngọc

Thơ ai như thơ ông
Lặng im mà gầm thét
Trang trang đều xé lòng
Câu câu đều đẫm huyết....

P.Q.

Nhà thơ Phùng Quán đã qua đời ngày 21 tháng 1, 1995 tại Hà Nội, khoảng một tháng sau khi bệnh ung thư gan phát hiện. Lúc đầu cả bác sĩ lẫn gia đình giấu ông và chính ông cũng giấu mọi người, giả vờ như chưa biết rõ định bệnh. Trong cung cách sống tế nhị rất Việt Nam của nhà thơ, những tuần hấp hối của ông là một cố gắng chung để bệnh nhân lẫn thân nhân trấn an lẫn nhau: tất cả chỉ là bệnh xơ gan cổ trướng do rượu gây ra, hiểm nghèo nhưng vẫn có cơ bình phục...

Riêng với một bạn văn hải ngoại, ông viết lá thư cuối cùng, lời lẽ như trăn trối. Ông nói đến cái nguyện vọng của ông là khi sắp chết, ông sẽ lết về Huế để nghe tiếng thông Ngự Bình hay tiếng sóng Phá Tam Giang. Nhưng có lẽ quyết tâm đóng cho trót vở kịch lạc quan để trấn an người thân, ông đã không thi hành ý nguyện đó...

Theo người nhà và bằng hữu, Phùng Quán đợi cái chết một cách bình thản, thinh thoảng với chút ngang tàng, nhưng không bao giờ ngông nghênh hay kiêu bạc. Ông giã từ sự sống một cách trầm tĩnh và đĩnh đạc,

nhưng không hẳn là không nuối tiếc. Ông nuối tiếc gia đình bè bạn, nuối tiếc rượu, nuối tiếc thơ, nuối tiếc cái thú cho bạn nghe thơ mình và mình đọc văn bạn, nuối tiếc chưa được thấy cái ngày mà tất cả những người bị khổ nạn, nhất là văn nạn, được hoàn toàn phục hồi... Và ông nuối tiếc đã không được tiếp tục bênh vực những người khổ nạn ấy...

Đám ma ông được cử hành ngày 24 tháng Giêng, 1995. Người đọc điếu văn là Phùng Cung, bà con mà cũng là đồng đội đồng nạn trong vụ Nhân Văn giai phẩm. Phùng Cung nhấn mạnh đến sự phục hồi của ông sau cùng đã trọn vẹn... Hội nhà văn phúng một triệu đồng, một món tiền lớn trong cảnh sống quốc nội, và rất lớn so với món tiền phúng Đoàn Phú Tứ gần đây.

Cảm động nhất là sự thương tiếc của các bạn văn và độc giả của ông. Họ nối nhau thành một đám dài đưa ông ra tận nghĩa trang ngoại thành Hà Nội.

Theo gia đình và một vài người bạn kể lại, đám ma ông hoa phúng rất nhiều, và hôm ấy Hà Nội chưng hoa ở mộ nhà thơ nhiều hơn ở lăng "Bác". Câu chuyện kể lại làm ta liên tưởng đến một sự việc mà các du khách Mỹ mấy năm trước đã trầm trồ khi thăm lại Petersburg, sau mấy thập niên cách ly vì bức màn sắt: Tượng Pushkin nắng hay mưa cũng nhiều hoa hơn tượng Lenin.

Tiểu sử của Phùng Quán đã được đăng lại gần đây trong nhiều tờ báo văn học của người Việt hải ngoại. Ông sinh năm 1932, nhà nghèo, mồ côi cha từ năm lên hai. Năm mười ba tuổi, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ông xung phong vào Vệ Quốc Quân làm liên lạc viên. Lớn lên trong quân ngũ, ông thành lính trinh sát. Chiến tranh chấm dứt, ông thành nhà văn, tác phẩm "*Vượt Côn Đảo*" được nhà nước tái bản tất cả năm lần, tổng số tiền nhuận bút tương đương với bảy cây vàng, một tài sản kể như quan trọng vào thời ấy.

Đang là người lính trẻ đầy quân công kiêm nhà văn có tác phẩm bán chạy, ông tự ý làm một bước rẽ quan trọng. Ông nhận lời ông Nguyễn Hữu Đang tham gia vào phong trào phản kháng của văn nghệ sĩ miền Bắc. Chuyện riêng tư của ông trở thành câu chuyện thời sự của Giai Phẩm Mùa Xuân rồi Giai Phẩm Mùa Thu 1956. Rồi ông bắt đầu một cuộc văn nạn dài ba mươi năm, và từ đấy cuộc đời ông trở thành câu chuyện của quần chúng, của chính trị, và của văn học.

Di ảnh Phùng Quán (1932-1995)

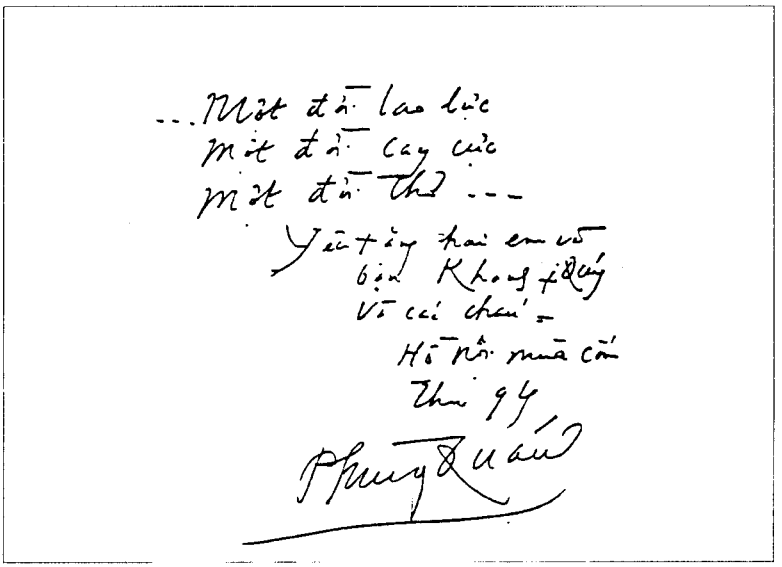

...Một đời lao lực
một đời cay cực
một đời thơ ...
Yêu tặng hai em và
bạn Khang + Quý
và các cháu –
Hồ Nội mùa cốm
Thu 94
Phùng Quán

Thủ bút

Tại sao người con cưng của chế độ lại bất mãn với chế độ? Ông đã khẳng định trả lời câu hỏi trực diện này. Ông không bất mãn cho bản thân mà cho những người nghèo hay *nhân dân* (mượn chữ của ông), thành thị cũng như nông thôn, vẫn còn sống trong tăm tối đói lạnh. Xúc động trở thành công phẫn, khi ông thấy tham ô và lãng phí vẫn nhan nhản trong hàng ngũ bộ đội cũng như cán bộ dân chính. Với tâm sự ấy, ông gặp Nguyễn Hữu Đang, và ông hăng hái tham gia phong trào phản kháng ông Đang đang cùng một số văn nghệ sĩ chủ trương.

Ông khai hỏa bằng bài *"Chống Tham Ô Lãng Phí"* đăng trên *Giai Phẩm Mùa Xuân* (tháng 3, 1956). Vì chữ *Người* phạm húy trong bài thơ của Trần Dần, Giai Phẩm tức khắc bị tịch thu. Phải đợi đến *Giai Phẩm Mùa Thu* (tháng 10, 1956) bài của Phùng Quán mới tái xuất hiện cùng với phần lớn nội dung của số báo đầu.

Phong trào bị đàn áp, ông bị kết tội là tay sai tư bản có dụng tâm bôi xấu chế độ. Thay vì tự kiểm thảo hay nhận tội, ông trả lời lại bằng bài *"Lời Mẹ Dặn"* đăng trong báo *Văn* (tháng 9, 1957).

Giới cầm quyền phản ứng riết ráo và mãnh liệt. Hai tháng sau báo *Nhân Dân* cho đăng một bài thơ tựa đề *"Lời Mẹ Dặn Không Phải Là Bài Thơ Chân Thật"*. Bài dài hơn trăm câu, Phùng Quán đọc thuộc lòng cho khách nghe một đoạn tiêu biểu:

Nó yêu ai? Yêu gái điếm cao bồi
Nó ghét những nơi thầy hiền bạn tốt
Nó yêu quân bán nước buôn nòi
Quen học thói gà đồng mèo mả
Hóa ra thân chó mái chim mồi

Bài thơ ký tên Trúc Chi, và Phùng Quán đi tìm Trúc Chi để đòi rửa nhục. Ông tính xử lý bằng võ thay vì bằng văn, và ông sẽ bắt đối phương chọn võ khí, từ dao găm lưỡi lê cho đến súng lục. Với tài bắn cỡ kiện tướng trung đoàn, với thành tích lính trinh sát trưởng thành sau chín năm chiến tranh chống Pháp, ông tự tin sẽ không như Pushkin hay Lermontov để cho đối phương hạ sát...

Tất nhiên Trúc Chi chỉ là một bút hiệu, và Phùng Quán không tìm ra tung tích kẻ thù mà báo *Nhân Dân* nhất định giữ bí mật. Mãi hai mươi năm sau, Phùng Quán mới biết được Trúc Chi của báo *Nhân Dân* chính là Hoàng Văn Hoan, khi ấy đã chạy sang Trung Quốc.

Nhưng sự lăng mạ bằng thơ trên báo *Nhân Dân* chỉ là cái khẻ tay nhẹ, so với hình phạt tiếp theo của nhà nước Bắc Việt bấy giờ. Ông bị mười lăm năm khổ sai, và phải mười lăm năm nữa ông mới được phục hồi. Suốt ba mươi năm văn nạn, ông đã phải làm đủ mọi nghề để sống, trong đó có vụ câu cá trộm chuyên nghiệp, thu hoạch tất cả được bốn tấn rưỡi cá của

nhà nước.

Chuyện phải trộm cá để sống cũng như những gian khổ thể xác khác, ông kể lại nhẹ nhõm như một trò đùa. Với ông, nghiệt ngã nhất là sự cô lập. Cái cô lập giữa rừng người, theo lời con gái ông, còn nặng nề hơn cái cô độc của Robinson Crusoe trên hoang đảo. Ông mất hộ khẩu, không bè bạn, viết không ai in, ra đường người quen gặp không dám chào hỏi.

Ông nghĩ đến tự vận. Khoảng thời gian đó cái chết ám ảnh ông ngày đêm.

Ông nói:*"Năm ba mươi tuổi tôi muốn tự sát... Chết cho rồi, sống làm gì... Hồi ấy tôi nghiên cứu về tự sát, các loại tự sát, xem loại nào là tốt nhất... cắt động mạch, tức là mở động mạch ấy... xong rồi là treo cổ, bắn súng... rồi các thứ khác, xem cách nào là ngon nhất... thế thì người ta treo cổ là chính, người ta để một cái ghế, người ta đứng như thế này, xong người ta đá cái ghế đi... "*

Ông lại bảo có thể thay vì leo lên cái ghế, người ta có thể leo lên chồng sách... nhưng tựu chung vẫn còn là xoàng, vì như vậy là không tin ý chí muốn chết của mình, và còn lo sợ lúc chót có thể đổi ý...

Ông chỉ phục cách thắt cổ của Esenin, nhà thơ Nga nổi tiếng của Liên Bang Xô Viết hồi mới thành lập. Esenin ngồi trên ghế bành trước lò sưởi tự vẫn bằng cách lấy cà-vạt giăng cổ ra mà chết, ý chí tự hủy không lay chuyển trong suốt những phút giây rùng rợn của cơn hấp hối.

Phùng Quán treo ảnh Esenin trên vách gỗ căn gác ngắm sóng của ông ở hồ Tây, với vần thơ tuyệt mệnh của nhà văn Nga viết bằng máu cắn từ đầu ngón tay, *"Ở cuộc đời này chết chẳng có gì là mới, nhưng sống cũng chẳng có gì mới hơn..."*

Bài thơ tuyệt mệnh Esenin gửi mẹ trước khi tự vẫn, Phùng Quán thuộc lòng bản dịch Việt ngữ có lẽ do chính tay ông thực hiện, và ông sẵn sàng chia sẻ với văn hữu xa gần khi họ đến thăm:

Mẹ ơi quán rượu đêm nào,
Tìm con ai đó cắm vào lưỡi gươm
Tám năm mong một điều này
Mẹ đến sáng ngày đừng đánh thức con
Cho con một giấc ngủ luôn
Với niềm kiêu hãnh với hồn khát khao
Mẹ đừng rầy phép nguyện cầu
Con không già được nữa đâu mẹ à

Hôm ấy Esenin mới ba mươi tuổi, và từ dấy về sau ông không già thêm dù một ngày hay một khắc...

Nhưng Phùng Quán không tự vận. Trong băng thơ cho bạn ở hải ngoại, ông nói là ông phải sống để gột rửa sự lăng nhục người ta đã trùm lên ông.

Có lẽ tình yêu, có lẽ sự gặp gỡ với cô Trâm, cô giáo văn trường Chu Văn An và về sau cũng là bà Quán, đã giúp ông tiếp tục sống. Ai đã tới thăm gia đình Phùng Quán đều có dịp ghi nhận vai trò quan trọng của bà Quán trong đời sống của chồng. Tất nhiên thơ cũng giúp ông rất nhiều trong những giờ phút tuyệt vọng ấy:

Có những lúc ngã lòng
Tôi đã vịn câu thơ và đứng dậy...

Ông chấp nhận đời sống, nhưng những suy nghiệm về cái chết vẫn tiếp tục ám ảnh ông. Hai mươi năm sau, ý niệm tự tử lại trở lại cám dỗ ông giữa tuổi năm mươi, khi bỗng dưng ông tưởng nguồn thơ ông như đã cạn. Ông viết trong *"Trăng Hoàng Cung"* về khoảng thời gian ấy:

"Nhưng rồi bằng đi một dạo tôi không làm thơ được nữa. Cái giếng Thơ tưởng như bị tắt mạch, hoặc đã múc đến gầu cuối cùng. Giờ bất hạnh cho đời tôi đã điểm!"

Ám ảnh tự vận khi mạch văn bỗng tắc nghe quen thuộc, những nhà văn lớn bỗng dưng viết hết hay thường nghĩ đến giải pháp cuối cùng và khốc liệt này. Hemingway ngậm lòng súng bắn voi rồi kéo cò năm nào, có lẽ cũng cùng một hội chứng.

Riêng Phùng Quán, ông xử lý một cách rất Phùng Quán. Ông lên rừng tìm thơ giữa cây cỏ:

"Nhưng xuất thân là anh lính chiến cứng đầu, chưa từng chịu bó tay trong hoàn cảnh gay cấn nhất, cạn thơ giữa cuộc đời, tôi quyết định rời bỏ thành phố, gia đình, bạn hữu, giữa cái tuổi năm mươi, lên rừng tìm thơ giữa thiên nhiên.

"Tôi đã sống suốt ba năm trong cái lán lợp tranh lá mía, giữa một bãi đất phù sa cổ hoang vu, vùng đồi núi Thái Nguyên, mọc lút đầu cỏ đại và cây trinh nữ xanh..."

Nơi ông ở có khi mười ngày liền không có tiếng người. Trong ba năm, chỉ có hai lần ông có bạn đến thăm, là Trần Quốc Vượng và một nhà thơ trẻ tên Quốc Thuấn. Ông đào một cái huyệt ven bờ suối, nguyện nếu không tìm được thơ đúng hạn kỳ, ông sẽ lăn xuống huyệt mà chết:

Dàn mối của đất phù sa
Sẽ thay phu đào huyệt
Bao nghiệt ngã trần gian
Chỉ một tuần vùi hết

Và trong ba năm tự đầy ải nơi rừng xanh núi đỏ, ông tìm được một bài thơ độc nhất:

Ly-rượu-đời Thượng Đế ban cho tôi
Quá bủn xỉn...
Tôi chỉ mới nhấp môi mà đã cạn
Khi chén rượu đời đã cạn,
Mà túi rỗng không
Phải đứng lên và bước ra khỏi quán

Nghĩa là phải nhắm thái dương mình mà nổ súng
Hay xiết dây thòng lọng quanh cổ mình
Và trổ lên cuộc đời
Những vần thơ tuyệt mệnh
Như những vết chàm xanh...

Các anh tôi đó
Mai-a và Essénhin ....

Nhưng tôi chưa sống cho tròn nợ sống
Tôi chưa yêu cho hết nợ tình yêu
Tôi phải lên rừng
Hái lá khổ-sâm
Tự mình cất lấy ly-rượu-sống
Ôi rượu khổ sâm đắng lắm:
Đắng đến tận cùng nỗi đắng thế gian...

Bạn hữu thân thiết ơi:
Xin đừng trách cứ tôi
Sao câu thơ tôi có lẫn nhiều vị đắng

Chỉ vì
Tôi vừa ngậm ngợi câu thơ
Vừa cạn chén-rượu-đời
Cất bằng lá khổ sâm...

Bài thơ đã cho phép ông sống tiếp để về Huế, nơi nguồn thơ trở lại lai láng trong pho tiểu thuyết tình *"Trăng Hoàng Cung."* Nhưng cay đắng vẫn đeo đuổi ông. Ông viết hậu từ của *"Trăng Hoàng Cung"* cũng với niềm cay đắng ấy:

Thượng Đế ơi!
Tôi đã làm gì?
Mà ly-rượu-đời Người ban cho tôi
Đắng thế?

Cuộc sống của ông cứ thế cho đến mãi gần đây, khoảng bảy tám năm trở lại, ông mới được nếm chút ngọt bùi. Ông được chính thức viết lại, và tác phẩm của ông, kể cả những tác phẩm đã viết chui, nếu đăng được, được quý trọng, và thực tế hơn, được trả giá cao. Trường thiên tự truyện *"Tuổi Thơ Dữ Dội"* ông viết sau khi phục hồi được xuất bản ít nhất là hai lần. Thơ ông xuất hiện đó đây trên các báo văn quốc nội. Những người miền Nam cũ ngưỡng mộ ông qua vụ Nhân Văn Giai Phẩm khi từ nước ngoài về chơi thường ghé lại thăm ông, cộng thêm với khối độc giả quốc nội mỗi ngày một đông đảo, tạo cho ông một cảnh già êm ấm vui vẻ.

Về quá trình hình thành nhà văn của ông, chúng ta biết quá ít. Ta chỉ biết ông đi vào văn chương bằng ngả *"tráng ca"*, như ông đi vào cuộc đời bằng con đường gian khổ của một em bé liên lạc. Ta không biết ai đã khuyến khích ông viết câu thơ đầu tiên, truyện ngắn đầu tiên... Ta không biết ông trau dồi tài nghệ như thế nào, ông đọc những ai, ông học sách nào...

Tuy nhiên, một cách gián tiếp, dựa trên những câu chuyện bên lề ông kể hay viết lại, ta có thể thấy thấp thoáng ít nét về những người đi trước đã ảnh hưởng ông.

Ông gần như không biết gì về các nhà văn miền Nam sau hiệp định Genève. Chỉ có một lần ông nhắc lại một câu thơ tiền chiến của Vũ Hoàng Chương, *"Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh..."* khi ông kể Huế không đăng bài thơ đầu tiên của ông sau khi được phục hồi, mà để cho Đà Nẵng làm chuyện ấy.

Với các nhà văn miền Bắc, ông hay nhắc đến họ, nhưng nhắc đến trong tinh thần giao tế hồi ký nhiều hơn là văn học... Một điểm lạ là tôi chưa được nghe ông phát biểu hay thấy ông viết về những nhà văn phản kháng lớp trẻ hiện thời như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp...

Hình ảnh nổi bật trong câu chuyện của ông là những nhà thơ nhà văn nổi tiếng của Nga, thời Nga Hoàng cũng như thời Liên Bang Xô Viết... Những Chekhov, những Turgenev, những Maxim Gorky vân vân...

Nhưng còn trội hơn nữa là những nhà thơ chết trẻ, những người có tài mà chết bất ngờ và dữ dội...

Hoặc tại cọc xử bắn như Gabriel Peri, mà hai câu thơ cuối cùng Phùng Quán đã thuộc và kể lại trong phần khai từ *"Trăng Hoàng Cung"*:

Nếu cần đi trở lại
Tôi lại đi đường này
Để cuối cùng dừng lại ở đây...

Hoặc bị người khác giết vì đấu súng đấu gươm, như Lermontov và Pushkin, hay tự vận bằng súng lục hay bằng dây thòng lọng như Mayakovsky và Esenin...

Trong các nhà văn chết trẻ này, có lẽ ông tâm đắc nhất với Mayakovsky và Esenin, như ta thấy qua hai câu thơ:

Hai anh tôi đó
Mai-a và Essénhin

Cả hai đều là nhà thơ lớn của Nga và cũng của thế giới vào đầu thế kỷ này. Ảnh hưởng sâu đậm của họ trên phần đông các thi sĩ Bắc Việt thời ấy là chuyện tất nhiên, Phùng Quán không phải là một ngoại lệ. Và ta thấy văn phong của Phùng Quán là sự kết hợp hài hòa ảnh hưởng của hai người. Còn nữa, ta thấy cơ sở của sự tâm đắc Phùng Quán dành cho họ.

Từ **Mayakovsky**, ta thấy cái cố gắng đem thi ca phụng sự đấu tranh, cái dụng tâm sử dụng những từ dân gian thuần túy làm ngôn ngữ của thơ, cái tự do về nhịp điệu kể cả nhịp điệu chủ tâm khổ độc...

Nơi **Esenin**, ta thấy rất nhiều điểm tương đồng với Phùng Quán. Ta thấy cái lòng ái quốc không phải bằng não thùy mà bằng cả tâm hồn và cả con tim đam mê, ta thấy nỗi niềm gắn bó với nông dân để thấy được chất thơ và khai thác được những vần thơ đẹp từ cảnh sống thôn dã trong lành...

Có người bình luận về Esenin như sau: *"Sở trường của ông là đem nhạc vào thơ, và ông có tài tạo được bằng ngôn ngữ dân gian những hình ảnh thật đẹp có khả năng đi thẳng vào tim người đọc. Ông rất được quần chúng yêu mến, nên mặc dầu thất sủng với chính quyền Xô-Viết, thơ ông vẫn truyền bá trong dân gian."* Lời bình nghe quen thuộc quá, chỉ cần bỏ hai chữ *Xô-Viết*

đi, sự quen thuộc trở nên hoàn toàn, và ta tưởng như đang nghe ai tả Phùng Quán.

Tuy nhiên, dựa trên những gì đã biết về con người Phùng Quán và tiểu sử hai nhà thơ Nga (xem bài phụ lục *Phùng Quán và hai nhà thơ Nga Mayakovsky và Esenin*), ta khó hiểu sự tâm đắc của Phùng Quán cao độ đến chỗ ***"hai anh tôi đó"***. Phải chăng sự khác nhau về xuất xứ của những tư liệu đã tạo ra những chân dung khác nhau về cùng một nhân vật văn học hay lịch sử?

Văn Nghiệp toàn bộ của Phùng Quán, chúng ta ở hải ngoại chỉ được biết rất ít. Phải một thời gian nữa, bà Quán và các bạn ông mới sưu tập xong. Tuy nhiên, trong số báo Văn Học đặc biệt này dành riêng cho ông, ta cũng thử một vài nhận định sơ khởi, đúng hơn một vài cảm nghĩ chưa mạch lạc và ngắn nắp về văn nghiệp ông.

Phần lớn chúng ta ở miền Nam biết ông qua bài thơ *"Chống Tham Ô Lãng Phí"* và bài *"Lời Mẹ Dặn"* được in lại trong cuốn *"Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc"* của Hoàng Văn Chí tại Sài Gòn năm 1959.

Phùng Quán viết cả hai bài bằng lối văn *"tráng ca"* sở trường của ông, và cũng là một lối văn thích nghi cho cuộc tranh đấu của nhóm Nhân Văn. Hai bài đều phản ảnh cái can đảm của ông đối với chính quyền miền Bắc bấy giờ, đã làm ông nổi tiếng và trở thành một tên tuổi đặc biệt trong văn học sử của một thời đại quan trọng.

Mặt khác, ông bị thiệt thòi quá nhiều cũng vì hai bài thơ này. Cái thiệt thòi của ba mươi năm đày ải, ai cũng đã biết. Nhưng về diện con người và văn học nói chung, ông bị một sự thiệt thòi khác tế nhị hơn, nhưng không hẳn không quan trọng. Hai bài thơ đã gò bó chân dung văn học của ông, trong khi con người và văn nghiệp của ông lớn hơn hai bài thơ ấy nhiều lắm...

Viết đến đây tôi nghĩ đến Lỗ Tấn và *"A Q. Chính Truyện"*. Trung thiên tiểu thuyết đề tài chính trị và xã hội này không phải là truyện dở, nhưng không thể gọi là hay lắm lắm, lại càng không thể được coi như tất cả văn nghiệp của ông. Vậy mà Lỗ Tấn nổi danh vì *"A Q..."*

Nhưng sự nổi danh như vậy có cái giá của nó. Nhắc đến Lỗ Tấn, phản ứng đầu tiên và nhiều khi cũng là phản ứng độc nhất của nhiều người là nhắc đến *"A Q. Chính Truyện"* với những ẩn dụ tác giả chủ tâm hay bị gán cho. Tôi biết trong một trường cao trung của Hoa Kiều ở Chợ Lớn, một giáo sư văn đã không ngần ngại bỏ sang bên *"Quê Cũ"* cùng với *"Trong Quán Rượu"* và *"Con Diều giấy"* của Lỗ Tấn, để lấy chỗ dạy *"A Q. Chính Truyện"*. Nói một cách khác, văn nghiệp lớn của Lỗ Tấn đã bị thiệt thòi lớn, chỉ vì cái trung thiên tiểu thuyết chủ đề (tương đối tầm thường so

với những tác phẩm khác của ông) đã xích chân ông vào anh chàng cùng đinh ngớ ngẩn A Q. mà ông đã dựng lên với dụng tâm chở ý hơn là nghệ thuật. Nghe nói đám ma của Lỗ Tấn, A Q. cũng tới ám, chia sẻ một vị thế quan trọng trong bài điếu văn người ta dành cho ông.

Chính Phùng Quán cũng biết rõ những giới hạn của *"tráng ca"*, như ông tâm sự đó đây trong thơ từ trao đổi với bạn văn hải ngoại.

Ông cũng đã viết trong bài *Sóng*:

Tôi với sóng thiếu thời
Là anh em kết nghĩa
Cứu nước người một nơi
Dầu rừng cuối bể

Tôi mải mê chiến trận
Vùi mình giữa rừng xanh
Ngủ gối đầu lên súng
Nghe sóng vỗ quanh mình

Tan giặc gặp lại nhau
Cả hai thành thi sĩ
Tủi mừng qua phút đầu
Thôi hết thành tri kỷ

Tôi làm thơ chính trị
Sóng chỉ làm thơ chơi
Tôi cạn lời khuyên giải
Sóng lặng lẽ mỉm cười

Thơ tôi được đời in
Túi bạc tiền xủng xoảng
Thơ sóng chẳng ai nhìn
Trải mãi với trời xanh

Thơ in tôi tặng sóng
Dọc thơ sóng lặng thinh
Sóng vỗ bờ núc nở
Tôi thật lòng thương anh

Từ đó đứa một nơi
Không nhìn mặt nhau nữa
Cứ nghĩ đến "thơ chơi"
Lòng tôi càng giận dữ

Thoắt đã ba mươi năm
Sắp hết đời nhìn lại

Sự nghiệp thơ trắng tay
Lòng xiết bao kinh hãi

Tưởng mình là thi nhân
Hoá ra chỉ con hát
Giọng bổng với giọng trầm
Không hồn tựa lũ xác

Phút đắng cay tuyệt vọng
Tôi tìm về với sóng
Bạc đầu làm "thơ chơi"
Trải mãi dưới bầu trời

Gỗ ván kiếm dăm thanh
Tôi đụng chòi ngắm sóng
Như trẻ con chập chững
Tôi tập làm "thơ chơi"

Nhưng ta phải hiểu bài thơ trên với sự ghi nhận lòng khiêm nhượng của nhà thơ. Phùng Quán không phải chỉ biết làm thơ *"tráng ca"*. Không phải nơi ông ta chỉ thấy những vần thơ đơn điệu kiểu *"Nguy nga thay cái buổi lên đường."*

Ông làm nhiều *"tình ca"*, và trong mớ di cảo của ông, chỉ mới soạn qua đã phát hiện ra những bài *"tình ca"* tuyệt vời.

"Đêm Nghi Tàm Dọc Đỗ Phủ Cho Vợ Nghe" là một thí dụ điển hình:

Ngoài trời trăng như tuyết
Trắng lạnh đến thấu xương
Trong nhà vách trống toang
Gió ra vào thỏa thích...
Hồ khuya sương tịch mịch
Trộn nước lẫn cùng trời
Con dế chân bờ dậu
Nỉ non hoài không thôi...
Tựa lưng ghế cành ổi
Vai khoác áo bông sờn
Tôi ngồi đọc Đỗ Phủ
Vợ vừa nghe vừa đan...
Đỗ Phủ tự Tử Mỹ
Thường xưng già Thiếu Lăng
Sinh ở miền đất Củng
Cách ta hơn ngàn năm
Thơ viết chừng vạn trang

Chín nghìn trang thất lạc
Người đời sau thu nhặt
Còn được hơn nghìn bài
Chỉ hơn nghìn bài thôi
Nỗi đau đã Thái Sơn
Nếu còn đủ vạn trang
Trái đất này e chật!
Thơ ai như thơ ông
Lặng im mà gầm thét
Trang trang đều xé lòng
Câu câu đều đẫm huyết.
Thơ ai như thơ ông
Kể chuyện mái nhà tốc
Vác củi, làm chuồng gà...
Dọc lên trào nước mắt!
Thơ ai như thơ ông
Mỗi chữ đều như róc
Từ xương thịt cuộc đời
Từ bi thương phẫn uất!
Dụa tuyết trong đò con
Đỗ Phủ nằm chết đói.
Đắp mặt áo bông sờn
Kéo hoài không kín gối
Ngàn năm nay sông Tương
Sóng còn núc nở mãi
Khóc chuyện áo bông sờn
Đắp mặt Thơ-Chết-Đói...
Giật mình, trên tay vợ
Bỗng nảy một hạt sương
Hạt nữa... rồi hạt nữa...
Tôi nghẹn dừng giữa trang
Kéo áo bông che vai
Ngồi lặng nghe sương rơi
Con dế chân bờ đậu
Nỉ non hoài không thôi...
Vụng về tôi dỗ vợ:
"Em ơi... đừng buồn nữa
Qua rồi chuyện ngàn năm
Bao nhiêu nước sông Tương...
Miệng nói nhưng lòng nghĩ
Ôi thân phận nhà thơ
Khác nào thép không rỉ
Ngàn năm cũng thế thôi!

Dã di với nhân dân
Thì thơ không thể khác
Dân: máu lệ khốn cùng
Thơ chết: áo đắp mặt
Em ôi nếu Dỗ Phủ
Vai khoác áo lông cừu
Bụng no đến muốn mửa
Viết sao nổi câu thơ
Ngàn năm cháy như lửa!
Của son chiều thịt ôi
Ngoài đường xương chết buốt
Em ơi nếu Tự Mỹ
Nhà ở rộng mười gian
Cổng sắt với lầu son
Thềm cao đá hoa lát
Chắc ông không thể làm
Mua thu mái nhà tốc!
Em ơi nếu Thiếu Lăng
Cặp kè vợ béo nút
Một bước là ngựa xe
Dúng đi quân hầu chật
Dời nào ông lắng nghe
Tiếng gào và tiếng nấc
Bà cụ xóm Thạch Hào
Gái quê Tân hôn biệt
Dã di với nhân dân
Thì thơ không thể khác
Dân máu lệ khốn cùng
Thơ chết áo đắp mặt
Chính vì thế em ơi
Nhân loại ngàn năm qua
Máu chảy như sông xiết
Cũng là để cho thơ
Sẽ không còn phải viết:
Những Hành qua Bành Nha
Vô gia thùy lão biệt
Cũng là để cho thơ
Sẽ không còn ai chết
Giữa tuyết, trong dò con
Đắp mặt áo bông sờn...
Đừng buồn nữa... Em ơi
Chuyện ngàn năm ngàn năm...

Và "***Cây Mận Vĩnh Linh***", một bài khác nữa:

Lấp hố bom giữa nhà
Tôi ươm một hạt mận
Hạt mận tôi cây ra
Từ bàn tay vợ nóng
Vợ tôi sắp làm mẹ
Thèm ăn đỏ của chua
Túi áo nàng không khế
Thì cũng mận cũng mơ
Ôi! trái mận, trái mận
Cắn đỏ còn dấu răng
Nảy mầm trong xót thương
Đâm chồi trong thù hận
Vĩnh Linh im tiếng súng
Tôi trở lại ngôi nhà
Nơi vợ tôi chết xưa
Xum xuê một cây mận
Ôi! cây mận, cây mận
Trái chín trĩu cành cong
Trái nào tôi cũng thấy
Cắn đỏ một vết răng.

Và còn nhiều nữa, nhiều lắm, và tôi hy vọng sẽ có dịp trình bầy tiếp với bạc đọc trong tương lai.

Con người Phùng Quán có lẽ là chuyện đáng viết hơn hết tất cả những điều đã viết đến đây. Tính ông hào phóng, thích chia sẻ và sẵn sàng chia những gì quý nhất của ông với khách. Cụ thể là thơ và rượu.

Rượu của ông rất ngon, thường là rượu trắng ngâm ô mai chua, đựng trong hũ thủy tinh nội hóa, sủi tăm lăn tăn như rượu của vườn thơ dân gian. Còn nghe Phùng Quán đọc thơ Phùng Quán là một thú vui hiếm có cũng như một hiện tượng kỳ lạ.

Ông đọc thơ rất truyền cảm, truyền cảm đến chỗ như có phép lạ biến căn gác nhỏ của ông thành những khoảng không gian ông vẽ ra trong thơ, biến thời gian thành thời gian khi ông sáng tác bài thơ đang đọc... Nghe ông đọc *"Bến Nghi Tàm Đọc Đỗ Phủ Cho Vợ"*, mặc dầu trời Hà Nội nắng chang chang, ta vẫn có cảm tưởng như cùng Đỗ Phủ trên chiếc đò nhỏ đắp mặt manh áo bông rách, trong khi ngoài sông tuyết rơi sướt mướt... Tôi biết có người chưa hề lưu tâm đến thơ đến văn học, đã ứa nước mắt khi nghe ông đọc thơ, không hẳn chỉ tại thơ ông buồn, mà tại vì

xúc động trước một cái gì đẹp quá...

Nghe ông đọc bài thơ *Sóng*, ta bắt được cái ngậm ngùi và cái hồ nghi của ông, và phải chăng một chút nuối tiếc đã vì đam mê hành hiệp nên không có dịp sáng tác nhiều hơn cho những cái đẹp phi đấu tranh phi chính trị mà vĩnh cửu. Tất nhiên là ông không phủ nhận tráng ca hay quá khứ, nhưng một chút ngậm ngùi hay hồ nghi cũng quý hóa, dù cho một người hùng.

Chuyện lạ nhất là khi nghe Phùng Quán đọc thơ "tráng ca" của Phùng Quán. Tôi biết có nhiều người rất dị ứng với "*tráng ca*", nghĩ thể thơ chỉ là một phương tiện để viết khẩu hiệu cho những lập trường hay ý đồ xã hội chính trị. Và tôi cũng biết có nhiều người khác đã viết tráng ca vì nhu cầu thời thượng, về sau đọc lại tác phẩm của mình phải hổ thẹn đến đỏ mặt.

Nhưng tráng ca của Phùng Quán có khả năng xúc động người nghe một cách mãnh liệt, kể cả những người vốn dị ứng với thể thơ này. Và bốn mươi năm sau khi hoàn tất, ông đọc lại tác phẩm ông vẫn với đam mê và kiêu hãnh ban đầu, và người nghe vẫn xúc động và phẫn nộ với những điều bốn mươi năm trước đã làm ông xúc động và phẫn nộ.

Có lẽ tráng ca của ông khác tráng ca của người khác ở chỗ ông đã viết nó với tất cả tấm lòng chân thành. Nơi ông, vì không có sự giả dối thường lệ của chính trị hay sự nhỏ nhen vĩnh hằng của thợ viết, tráng ca đã trở thành một hình thức nghệ thuật đích thực...

Cái tài, hay hơn nữa cái thật đã làm tráng ca của ông đạt tới những thành quả cao đẹp, để phụng sự con người và cả nghệ thuật nữa, dù trong dạng thức chính trị hay xã hội hay đấu tranh...

Để kết thúc về một con người đặc biệt, tôi muốn tặng Phùng Quán một chữ ***Tâm***, món quà tặng quý nhất trong văn hóa của chúng ta. Và tôi kể một câu chuyện giản dị bắt ngay từ một sự việc hàng ngày, là cung cách Phùng Quán khi đối xử với tha nhân và cuộc sống...

Những năm gần đây như được trời đền bù cho nỗi cô đơn của ba thập niên cách ly, ông rất nhiều khách. Người ta đến thăm ông chắc khá thường xuyên, láng giềng hễ thấy bóng dáng du khách trong khu tập thể Chu Văn An, dù chưa hỏi đường, đã nhanh nhẩu chỉ lối tới ngõ nhà ông.

Vì văn thơ, vì tò mò, hay vì háo danh muốn chụp chung tấm hình với một nhà thơ nổi tiếng, hay ít nhiều vì mỗi thứ một tý, hay xi-ních hơn nữa, biết đâu lại không vì công tác rình mò, đám khách của ông thật vô cùng phức tạp... Hà Nội lại hiếm điện thoại, khách thường không hẹn

trước, không xin phép, đi qua tự tiện tạt vào thăm ông.

Khách khứa như vậy là cái mặt trái của tấm mề-đai dành cho danh nhân, sự ái mộ của quần chúng cho những con người đặc biệt, dù văn nhân hay thể thao gia hay chính trị gia, vân vân và vân vân, ở đâu cũng vậy... Và phản ứng thông thường là người ta trốn khách, ái mộ quá liều cũng khó chịu như lạnh nhạt thờ ơ. Trường hợp Solzhenytsin chẳng hạn. Nhà văn Nga này sau giải Nobel đã sang Mỹ sống, chỉ tiếp xúc với mọi người trong những hoàn cảnh chọn lọc cẩn thận. Ngoài ra, ông đã trốn rất kỹ. Tiền nhuận bút, tiền giải thưởng, tiền diễn thuyết, cụ bỏ ra mua một cơ ngơi ngót cả chục mẫu, rào kín lại, đặt hệ thống an ninh cá nhân để bảo vệ cho chút đời sống riêng tư còn sót lại sau giải Nobel.

Nhưng Phùng Quán tiếp tất cả mọi người. Và ông tiếp tất cả một cách đồng đều, một cách nhất quán, với tấm lòng quý người và hiếu khách hiếm có của ông. Ba mươi năm khổ cực đã không sứt mẻ nổi lòng tin của ông với cái tốt của nhân tâm. Câu sáo ngữ *"Nhà thơ yêu thương con người không mệt mỏi"* đã tìm lại được sinh khí nơi ông, như một viên ngọc trai tuyệt đẹp bị lấm cát bụi đã trở lại tinh tuyền...

Ta có cảm tưởng như ông thực tình sung sướng được trao đổi với tất cả mọi người, được ngắm nhìn, được cọ sát, được bắt lấy chất người ở mọi dạng thức, tới với ông từ mọi quá trình khác nhau... Tựa như ông tin cái tốt trong mọi người là chân lý vĩnh hằng, và người nào đến với ông cũng đầy thiện ý...

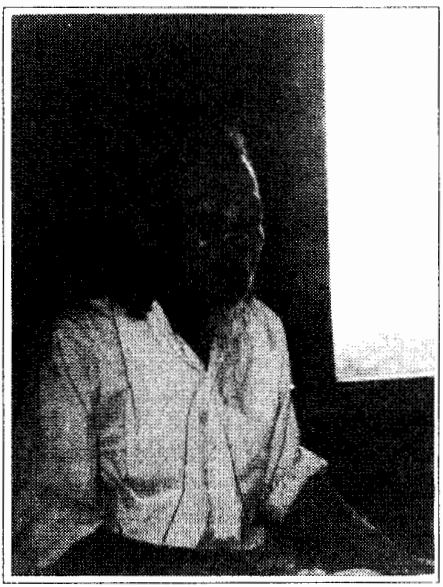

Có lẽ ông đúng, cái tâm đã gọi cái tâm, và cái tâm thành của ông đã đem lại cho ông nhiều bạn mới, những người gặp ông một lần mà tưởng như tìm được tâm đắc, và kỷ niệm của thời gian ngắn ngủi chia sẻ với ông sẽ không bao giờ phai nhạt trong ký ức họ. Hơn nữa, cũng cái tâm ấy có lẽ đã chuyển hóa những người tới với ông vì bổn phận rình mò hay ý đồ đen tối.

Ông gợi lên được những gì tốt lành tiềm ẩn trong mỗi chúng ta, những mơ ước thầm kín về cái đẹp cái thơ cái chân thật cái ngang tàng mà đời sống bận rộn và thực tế hàng ngày đã gác lại một xó...

Và như trong chuyện thần thoại, đám khách phức tạp có khi đến hỗn tạp của ông, sau khi thăm ông, đã thay đổi. Họ ra về hình như bớt phức tạp hỗn tạp đi một chút. Vô tình, họ đã có một điểm chung với nhau, là thấy được cái tâm tốt lành của ông. Và họ khám phá được một điều quan trọng:

Sự tốt hiện hữu trong thế gian, và một con người với cái tâm đẹp như Phùng Quán có thật, không những trong hư cấu của thơ của truyện, mà bằng xương bằng thịt bằng máu bằng nước mắt của một cuộc đời đầy oan trái nhưng bao giờ cũng hiên ngang cung cách và trong sáng.❐

Tác giả cảm tạ anh chị Đức Quý và Công Khanh, anh Đang, anh Sơn, cô chú Nghi và Liêm đã cho những tài liệu quí báu để viết bài này.

Về Hai Nhà Thơ Nga Và Phùng Quán

Mai Kim Ngọc

Ai đã quen Phùng Quán dù qua thơ văn hay trực diện, đều ghi nhận ông thường nhắc đến hai nhà thơ lớn của nước Nga. Đó là Mayakovsky (mà ông gọi là Mai-a) và Esenin (hay Essénhin, theo phiên âm của ông). Ông nhắc đến họ trong câu chuyện, ông nhắc đến họ khi đọc thơ vào băng cho bạn Việt kiều, ông nhắc đến họ trong *"Trăng Hoàng Cung"*, tác phẩm cuối cùng của ông xuất bản lúc còn sống. Ông nhắc đến họ như anh em kết nghĩa:

Hai anh tôi đó
Mai-A và Essénhin

Thật ra, họ là hai nhà văn lớn không những của Nga mà còn của thế giới. Tài năng của họ xuất chúng, và những khám phá và những thành quả của họ về thi ca vượt lên trên chính trị để tạo cho họ một địa vị huy hoàng ngay trong nền thi ca của thế giới tự do, và ngay cả trong thời chiến tranh lạnh.

Trong khuôn khổ số báo Văn Học chủ đề Phùng Quán này, chúng tôi ôn lại tiểu sử của họ với mục tiêu giới hạn là để hiểu thêm ít nhiều về quá trình hình thành nhà thơ nhà văn của Phùng Quán.

Mayakovsky ngay từ thuở đầu đã có ảnh hưởng rất lớn trên văn nghệ sĩ, trong cũng như ngoài nước Nga, kể cả những nước Tây Âu... Thế

giới thi ca sẵn sàng đón nhận những khám phá mới của ông về nội dung lẫn hình thức của thi ca, từ việc đem ngôn ngữ bình dân vào *thơ*, chủ đề xã hội chính trị vào *thơ*, cho đến tận dụng nhạc điệu của tiếng nói, không những êm ái hay du dương mà còn cả trúc trắc khổ độc có dụng tâm. Mayakovsky đã để lại một dấu ấn sâu đậm cho thời đại ông, và ảnh hưởng ấy cho đến bây giờ vẫn còn...

Mayakovsky tham gia cách mạng rất sớm, sớm nếm mùi tù đày, bắt đầu làm thơ năm 1909 trong lúc bị biệt giam. Hai tác phẩm *tiền dấn thân* của ông rất nổi tiếng, *Oblakov shtanakh*, (tạm dịch là *Mây Mặc Quần*, 1915) và *Fleyta-pozvonochnik* (*Chiếc Sáo Xương Lưng*, 1916). Cả hai tác phẩm đề tài tương đối cổ điển, nói tới chuyện yêu mà không được yêu lại, và cái bất mãn của nhà thơ với cuộc đời.

Khi cách mệnh bùng nổ, Mayakovsky hết lòng theo Bolchevik, và thơ ông trở thành thơ dấn thân. Những tác phẩm như *Oda Revolutsi* (tạm dịch là *Ca mừng Cách mạng*, 1918) và *Levy Marsh* (*Cuộc Tả Hành*, 1919) ra đời vào giai đoạn này. Ông còn viết văn xuôi và kịch. Ông năng nổ đi khắp nơi này nơi nọ diễn thuyết cho đảng. Ông viết sách giáo khoa cho trẻ nhỏ, vẽ tranh hoạt họa, kẻ khẩu hiệu cho công nhân. Ông sáng tác hàng loạt những bài vè tuyên truyền. Ông viết truyện phim, và có khi cũng đóng luôn vai chính cho phim mình viết...

Tác phẩm của ông, thơ cũng như văn như kịch, vinh danh vô sản. Sáng tác của ông là những bản trường ca của hồng quân đang tiến lên như sóng vỡ bờ, và những con người *bần thiu* (vô sản) đứng dậy chôn vùi đám người *sạch sẽ* (tiểu tư sản) trên khắp mặt địa cầu.

Sau cùng, ông không ngần ngại dấn thân trong nghiệp vụ vinh hiển lãnh tụ. Bài điếu văn lâm li bi thống khóc Lenin dài không kém 3.000 hàng (1922) là một tiền lệ cũng như mẫu mực cho các văn sĩ cộng sản sau này.

Sự cố oái oăm xảy đến cho ông năm 1928. Nhân chuyến tham quan Paris, ông gặp và mê cô Tatyana Yakovleva, một cô gái *di tản* Nga (tương đương với gái Ngụy của Việt Nam?). Ông yêu cô say đắm mà không được cô yêu lại, ông cầu hôn mà bị cô khước từ. Đồng thời, những hiểu lầm với Hội Nhà Văn Nga tạo thêm vấn đề cho ông. Về lại Moscow, ông bị thu hồi chiếu khán xuất ngoại. Thất tình cộng thêm thất sủng, cộng thêm những bế tắc khác, ông tự vẫn bằng súng lục năm 37 tuổi tại Moscow.

Với thời gian, những bài thơ khẩu hiệu của Mayakovsky đã lỗi thời. Nhưng ông vẫn là một nhà thơ lớn, nhờ những khám phá tài hoa về kỹ thuật và ngôn ngữ, và nhất là nhờ những bài thơ *tiền dấn thân* của ông, cũng như những bài thơ tuyệt tác thỉnh thoảng ông sáng tác, khi hồn thơ trong sáng và con tim khao khát của nhà thơ, mặc dầu dồn nén, đã vùng

lên để ca ngợi tình yêu... Hai tác phẩm *Lyublyu* (tạm dịch là *Tôi Yêu, 1922)* và *Proeto* (tạm dịch là *Chuyện Này*, 1923) cùng với *Mây Mặc Quần* của thuở ban đầu thường được sách vở dẫn chứng làm cơ sở cho nhận định trên...

Thân thế và sự nghiệp Mayakovsky đã như vậy, ta ngạc nhiên là Phùng Quán tâm đắc với nhà thơ Nga này. Cái giống về xu hướng tráng ca cũng như về kỹ thuật ngôn ngữ âm điệu tuy quan trọng, nhưng những điểm dị biệt quá nhiều. Riêng về phần thơ tải đạo chế tạo hàng loạt cũng như bài điếu văn 3000 câu dành cho Lenin, làm ta nghĩ đến Tố Hữu hơn là Phùng Quán.

Như đã nói ở một chỗ khác trong số này, sự việc có thể được lý giải bởi giả thuyết là Phùng Quán tâm đắc với một Mayakovsky khác. Nói một cách khác, tiểu sử Mayakovsky có thể được trình bày dưới một ánh sáng chọn lọc khác trong những tư liệu do các cơ quan văn hóa cộng sản nói chung và quốc nội nói riêng phát hành.

Esenin mới thật là con người mà Phùng Quán ngưỡng mộ một cách gần như toàn diện. Như đã nói, ông treo ảnh nhà thơ tự sát này trên vách căn gác nhỏ của ông, với hai câu thơ nổi danh *"Ở cuộc đời này chết chẳng có gì mới, nhưng sống cũng chẳng có gì mới hơn."*

Bài thơ tuyệt mệnh Esenin gửi mẹ trước khi tự vẫn, Phùng Quán thuộc lòng bản dịch Việt ngữ có lẽ do chính tay ông thực hiện, và ông sẵn sàng chia sẻ nó với văn hữu xa gần khi họ đến thăm:

Mẹ ơi quán rượu đêm nào,
Tim con ai đó cắm vào lưỡi gươm
Tám năm mong một điều này
Mẹ đến sáng ngày đừng đánh thức con
Cho con một giấc ngủ luôn
Với niềm kiêu hãnh với hồn khát khao
Mẹ đừng rầy phép nguyện cầu
Con không già được nữa đâu mẹ à

Esenin sinh ngày 3 tháng 10 1895 tại một làng nhỏ tên Lonstantinovo, tỉnh Ryazan, Nga, chết tại Leningrad ngày 12-27-1925. Ông là nhà thơ cuối cùng của đám thi sĩ Nga tiền kỹ nghệ, ca ngợi thôn làng và đời sống nông dân đến chỗ cực đoan. Với họ, kỹ nghệ là sản phẩm của quỷ dữ... Họ tôn vinh bằng thi ca tất cả những gì làm bằng gỗ, từ nhà cửa cho đến đồ dùng hàng ngày. Do đó họ được đặt tên là những *"Nhà Thơ Của Nước Nga Gỗ"*.

Năm 1916 Esenin trình làng tác phẩm đầu tay *Radunitsa* (Tạm dịch là *Nghi Lễ Cho Người Chết)*. Chưa có gì là cách mạng, tác phẩm vinh danh

những kỷ niệm thời thơ ấu của Esenin khi nước Nga còn ở *thời đại đồ gỗ*, chưa bị ô nhiễm bởi canh tân và kỹ nghệ... Trong ký ức ông, cuộc sống còn đẹp như những bức tranh vẽ trên vách giáo đường, thế giới còn được độ trì bởi các vị thánh, cò còn làm tổ trên nhưng mái nhà rạ của nông dân, và bầu trời thôn dã trên những cánh rừng bạch đàn của nước Nga còn mát mắt như một giải khăn lụa xanh lơ mầu nước biển...

Esenin mơ tưởng một ngày mai tốt lành cho nước mẹ Nga, một thời hoàng kim mới trị vì bởi nông dân với tất cả những chân thiện mỹ không tưởng mà theo ông chỉ người nông dân Nga mới có. Thế giới không tưởng ấy, như ông tả ra trong tác phẩm *Inoniya* (tạm dịch là *Một Miền Đất Khác*, 1918), được dựng bằng một nguyên lý rất đơn sơ. Con người phải tôn vinh và bảo tồn tất cả mọi vật làm bằng gỗ... sắt thép hay đá, là tượng trưng cho những gì đê hèn và thô bỉ mà kỹ nghệ và cuộc sống đô thị đã tạo ra để ô nhiễm nước Nga.

Nhất quán với lòng yêu nông thôn đến chỗ đam mê, ông viết bi kịch thơ Pugachyov năm 1921, ngợi ca cuộc nổi dậy của nông dân dưới trào Nga Hoàng Catherine II.

Ông nổi danh, và ít lâu sau thống lãnh một trường phái thơ có ảnh hưởng lớn ở Moscow. Phóng túng, ông là khách hàng thường xuyên của nhiều tiệm cà-phê (có bán rượu) của đô thành, nơi ông đọc thơ cho bạn nghe, và cũng là nơi ông tri kỷ với Lưu Linh ..

Vì những người Bolshevick bênh vực nông dân, Esenin đón nhận cuộc cách mạng tháng mười như một điềm báo ứng cho lời tiên tri của ông về thời đại hoàng kim ông mơ ước cho nước mẹ Nga.

Kỳ lạ là mặc dầu liên hệ của ông với cộng sản vô cùng thoải mái, họ suy tôn ông, ông quý mến họ, nhưng ông không hề để tâm nghiên cứu nghiêm túc chính trị cũng như lý thuyết của họ. Ông hồn nhiên sống cuộc đời nghệ sĩ của ông, nhởn nhơ giữa dòng thác cách mạng vô sản, không hề biết dòng thác ấy sắp cuốn đi không những bản thân ông mà còn cả một nửa thế giới...

Ông rất đào hoa, lấy vợ nhiều lần, và vợ ông là những người đàn bà nổi danh về tài năng hay nhan sắc hay gia thế... Vợ đầu tiên là Zinaida Reich về sau tái giá với tài-tử-kiêm-đạo-diễnVsevolod Myerhold. Kế đến là vũ nữ Mỹ Isadora Duncan. Trong giai đoạn này nhà thơ theo vợ đi trình diễn khắp các thủ đô tây Âu Mỹ. Hôn nhân hai người rất giông tố, và biết bao nhiêu căn phòng sang trọng của các khách sạn đế vương của Âu châu đã tan hoang vì xung đột của hai vợ chồng. Khi ở Mỹ, những cuộc cãi lộn của cặp uyên ương trước công chúng là đề tài phong phú cho các cột báo đàm tiếu về chuyện thị phi của các danh nhân...

Ông trung thực đến chỗ tự phi báng khi viết lại kinh nghiệm sống bê

tha của mình trong các tác phẩm *Ispoved Khuligana* (tạm dịch là *Lời Thú Tội Của Kẻ Vô Lại*, 1921) và *Moskva kabatskaya* (tạm dịch là *Các Tửu quán Thành Moscow*).

Hôn nhân với cô Duncan tất nhiên sớm đổ vỡ, ông về lại Nga, lại lấy vợ, vợ ông lần này là cháu gọi Tolstoy bằng ông. Vẫn uống rượu như nước lã, vẫn ăn chơi, lại thêm ghiền bạch phiến mới bắt mùi trong thời gian chung sống với cô đào Mỹ, Esenin khám phá ra trào lưu cộng sản đã tiến xa, và dân làng đã nhuần nhuyễn lý thuyết chính trị vô sản trong khi ông chưa đọc Marx được quá vài trang.

Esenin quyết tâm bắt kịp trào lưu, hy vọng nắm lại vị thế nhà thơ tiên tri của quần chúng. Chạy theo thị hiếu chung, ông viết theo đà, suy tôn kỹ nghệ, suy tôn luôn cả những nguyên liệu sắt thép và đá, và từ bỏ giấc mơ về một nước Nga thời đại đồ gỗ của ông.

Vậy mà vẫn chưa yên. Đảng coi tác phẩm và cuộc đời ông như một ảnh hưởng có thể nguy hại đến việc giáo dục thanh niên cộng sản. Tác phẩm được in cuối cùng của ông, *"Cherny Chelovek"* (tạm dịch là *Con Người Đen Tối*) là một bản tự phê bình nghiệt ngã ghi nhận những thất bại cay đắng của đời ông.

Năm 1925 bóng dáng thần chết đã lảng vảng bên ông. Ông bất mãn với cộng sản, cho đăng bài thơ *"Tháng Mười Khắc Nghiệt Dã Lừa Dối Tôi"*. ít lâu sau, ông khủng hoảng thần kinh phải vào bệnh viện. Và tiếp theo, ông tự vẫn trong khách sạn bằng cách thắt cổ, năm 30 tuổi, sau khi viết bằng máu mấy câu thơ cuối cùng như đã kể ở trên.

Tóm lược văn nghiệp ông, các nhà phê bình cho rằng ông viết khỏe viết nhiều, nhưng không đều tay. Sở trường của ông là đem nhạc vào thơ, và ông có tài tạo được bằng ngôn ngữ dân gian những hình ảnh thật đẹp có khả năng đi thẳng vào tim người đọc. Ông rất được quần chúng yêu mến, nên mặc dầu thất sủng với chính quyền Xô Viết, thơ ông vẫn truyền bá trong dân gian, và tác phẩm ông sau cùng được tái bản vào những năm 1956-1960. Cuối thập niên 70, Esenin toàn tập được hoàn tất.

Cái tâm đắc của Phùng Quán với Esenin tuy dễ hiểu hơn cái tâm đắc của ông với Mayakovsky, nhưng những cái khác vẫn nhiều quá. Đời sống phóng túng của Esenin với phụ nữ không phải là đời sống của Phùng Quán. Rượu của Esenin với rượu của Phùng Quán khác nhau một trời một vực. Một đằng là cái rượu ngang tàng và thi vị của thơ Đường, một đằng là cái rượu bệ rạc của bệnh nghiện rượu của những tiệm cà-phê (có bán rượu) của Moscow, bệ rạc đến nỗi về sau Gorbachov phải cam chịu thất thu công quỹ bạc tỷ để ngăn cấm. Sau cùng giấc mơ hoang tưởng về thời đại hoàng kim của một nước *Nga Dồ Gỗ* là của riêng Esenin, và thôn dã Việt Nam của Phùng Quán với thú quê thuần ức bén mùi hoàn toàn không có gì liên hệ..❐

Chống Tham Ô Lãng Phí

PHÙNG QUÁN

Ta đã đi qua
Những xóm làng chiến tranh vừa chấm dứt:
Tôi đã gặp
Những bà mẹ già quấn dẻ rách
Da đen như củi cháy giữa rừng
Kéo giây thép gai tay máu chảy ròng
Bới đồn giặc trồng ngô tỉa lúa
Tôi đã gặp
Những cô gái trồng bông
Hai mươi? ba mươi?
Tôi không nhìn ra nữa.
Mồ hôi sôi trên lưng
Mặt trời như mỏ hàn xì lửa
Dốt đôi vai cháy hồng.
Tôi đã đi qua
Nhiều xóm làng vùng Kiến An Hồng Quảng,
Nước biển dâng lên ướp nuốt các cánh đồng
Hai mùa lúa không có một bông
Phân người toàn vỏ khoai tím đỏ.
Tôi đã gặp
Những đứa em còm cõi
Lên năm, lên sáu tuổi đầu.
Cơm thòm thèm trộn ám và rau
Mới tháng ba đã ngóng mong đến Tết
Để được ăn cơm no có thịt
Một bữa một ngày...
Tôi đã đi giữa Hà Nội
Giữa Hà Nội những đêm mưa lất phất,
Đường mùa đông nước nhọn tựa dao găm
Tôi đã gặp
Chị em công nhân đổ thùng
Yếm rách chân trần,

Quần xăn quá gối,
Run lẩy bẩy chun vào hầm xia tối
Vác những thùng phân
Ta thuê một vạn một thùng
Có người không dám vác.
Các chị suốt đêm quần quật
Sáng ngày vừa đủ nuôi con.
Một triệu bài thơ không nói hết nhọc nhằn
Của quần chúng anh hùng lao động
Đang buộc bụng thắt lưng để sống,
Để dựng xây kiến thiết nước nhà,
Để yêu thương nuôi nấng chúng ta.
Vì lẽ đó
Tôi quyết tâm rời bỏ
Những vườn thơ đầy bướm đầy hoa,
Những vần thơ xanh đỏ sáng loà,
Như giấy trang kim
Dán lên quân trang.
Đẫm mồ hôi và máu tươi của cách mạng,
Như công nhân
Tôi muốn đúc thơ thành đạn
Bắn vào tim những kẻ làm càn
Những con người tiêu máu của dân
Như tiêu giấy bạc giả!

Các đồng chí ơi!
Tôi không nói quá
Về Nam Định mà xem
Đài xem lễ, họ cao hứng dựng lên
Nửa chừng thiếu tiền bỏ dở
Mười một triệu đồng dầm mưa dãi gió
Mồ hôi máu đỏ mốc rêu.

Những con chó sói quan liêu
Nhe răng cắn rút thịt da cách mạng!
Nghe gió mùa đông thâu đêm suốt sáng
Nhớ "đài xem lễ" tôi xót bao nhiêu

Đất nước chúng ta không đếm hết người nghèo
Đêm nay thiếu cơm thiếu áo.
Những tên quan liêu Đảng đã phê bình trên báo
Và bao nhiêu tên chưa ai biết, ai hay
Lớn, bé, nhỏ, to, cao, thấp, béo, gầy
Khắp mặt đất như ruồi nhặng
Ở đâu cũng có!

Đảng muốn phê bình tất cả
Phải một nghìn số báo Nhân Dân!
Tôi đã đến thăm nhiều hố xí cầu tiêu
Giấy trắng nửa mặt xé toang chùi đít.
Những người này không bao giờ biết
Ở làng quê con cái nhân dân ta
Rọc lá chuối non đóng vở học i-tờ!

Tôi đã đến dự những phiên toà
Họp suốt ngày luận bàn xử tội
Những con chuột mặc quần áo bộ đội
Dục cơm khoét áo chúng ta
Ăn cắp máu dân đổi chác đồng hồ
Kim phút kim giờ lép gầy như bụng đói.
Những mẹ già, em trai, chị gái
Còng lưng, rỏ máu lấn vành đai!
Trung ương Đảng ơi!
Lũ chuột mặt người chưa hết
Đảng lập đội trừ diệt
—Có tôi!
đi trong hàng ngũ tiền phong

***Giai Phẩm Mùa Thu* Tập II, Tháng 10, 1956**

Lời Mẹ Dặn

PHÙNG QUÁN

Tôi mồ côi cha năm hai tuổi
Mẹ tôi thương con không lấy chồng
Trồng dâu nuôi tằm dệt vải
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn.

Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ
Ngày ấy tôi mới lên năm
Có lần tôi nói dối mẹ
Hôm sau tưởng phải ăn đòn.

Nhưng không, mẹ tôi chỉ buồn
Ôm tôi hôn lên mái tóc
—Con ơi—
trước khi nhắm mắt
Cha con dặn con suốt đời
Phải làm một người chân thật.

—Mẹ ơi, chân thật là gì?
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt
Con ơi một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Từ đây người lớn hỏi tôi:
—Bé ơi, bé yêu ai nhất?
Nhớ lời mẹ tôi trả lời
—Bé yêu những người chân thật.

Người lớn nhìn tôi không tin
Cho tôi là con vẹt nhỏ
Nhưng không! Những lời dặn đó
In vào trí óc của tôi
Như trang giấy trắng tuyệt vời
In lên vết son đỏ chói.

Năm nay tôi hai mươi lăm tuổi
Đứa bé mồ côi thành nhà văn
Nhưng lời mẹ dặn thuở lên năm
Vẫn nguyên vẹn màu son chói đỏ.

Người làm xiếc đi giây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.

Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao đọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.

Tôi muốn làm nhà văn chân thật
chân thật trọn đời
Đường mật công danh
không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

***Văn* số 21 ra ngày 27.9.1957**

Những Lá Thư Cuối Cùng của Phùng Quán

Nguyễn Đặng

Vì một bài viết của Phùng Quán "Cuối Năm Phùng Quán Tìm Thăm Nguyễn Hữu Đang," chúng tôi cũng có ý định đi tìm người ấy, một người chúng tôi tưởng như những nhân vật trong những truyện kiếm hiệp truyền kỳ. Ý định thật là giản dị. Người đó đã bị tai họa sau vụ Nhân Văn 15 năm biệt giam, đến đó là chỉ để chờ chết, khó có thể trở về được. Sau đó là 20 năm quản thúc. Nhưng Nguyễn Hữu Đang đã không chết, đã không bị hủy hoại, đã lấy cóc nhái, rắn rết mà ăn như thuốc tẽ trường sinh, lưng đeo lục lạc như lão Ngoan Đồng. Bình tĩnh tìm một chỗ trũng, dưới lũy tre đầu xóm, nếu có chết thì cố bò ra đó để khỏi làm phiền hàng xóm. Nhưng cái chết cũng đã không đến. Tôi tưởng như ngày nào Lệnh Hồ Xung trong Tiếu Ngạo Giang Hồ của Kim Dung bị giam dưới đáy hồ sâu vừa mới thoát lên khỏi mặt đất để còn nhìn được thấy ánh mặt trời.

Một sự tình cờ, chính Phùng Quán lại là người chở cụ Đang về nhà, để chúng tôi có dịp gặp cả hai người. Với chúng tôi, họ như những huyền thoại ở bên kia lằn vĩ tuyến.

Phùng Quán cư ngụ ngay trong khuôn viên trường Trung học Chu Văn An, vì vợ ông là bà Vũ thị Bội-Trâm, một giáo sư dạy văn của trường, nay đã hồi hưu. Căn nhà rộng thoáng mát , ngay cạnh Hồ Tây, có một bể non bộ lớn, bên cạnh rải rác những chậu lan bằng sứ men xanh. Ông lại cất thêm một căn lầu bằng gỗ để tiếp các bạn văn, uống rượu ngâm thơ, mà ông đặt tên là "Chòi Ngắm Sóng." Khác với nhiều người làm văn nghệ trong nước, Phùng Quán có một đời sống tương đối thoải mái, vì theo lời nhà thơ Hoàng Cầm, trong thời gian ít năm gần đây, Phùng Quán đã được phục hồi, và do đó có thêm lợi tức do bản quyền các văn phẩm của ông.

Không hiểu trong những lần gặp gỡ có gì quyến luyến mà Phùng

Quán cứ muốn nhận chúng tôi là em. Phần tôi năm nay đã 60 tuổi, trong đời chưa có ai nhận mình như thế và chưa bao giờ muốn nhận làm em ai, Nhưng từ sau khi gặp, chúng tôi lúc nào cũng cảm thấy gần gũi thân thiết với Phùng Quán như người anh em ruột thịt. Sau này, đọc lại lá thư đầu tiên, chúng tôi mới hiểu được phần nào tâm trạng của Phùng Quán:

"Hai em cho anh được gọi như vậy, vì anh thấy vui và hạnh phúc khi nghĩ rằng ở xa nửa vòng trái đất, mình cũng có người mà mình có thể coi như anh em ruột thịt. Và thỉnh thoảng lại nhắc nhở, thương nhớ nhau, nghĩ về nhau... Anh chỉ có một mình. Bao nhiêu năm nay, anh vẫn tiếc sao ngày xưa mẹ không "cố gắng" đẻ thêm cho mình mấy đứa em gái em trai. Chắc cụ cũng định cố gắng, nhưng cụ ông mất sớm, lúc đó mẹ anh mới ngoài hai mươi tuổi, mà không hiểu sao cụ nhất định không đi bước nữa... Nỗi buồn tiếc này luôn luôn ám ảnh anh, từ lúc thiếu thời:

Ngày tôi lên đường cứu nước, cứu nhà
Tôi chẳng được như bao nhiêu anh em đồng chí
Có mẹ gấp áo quần, em gái nắm cơm...
Có cha cầm tay dặn dò: "Con cố gắng..."
Có người yêu đưa tiễn một quãng đường
Tiễn đưa tôi
Chỉ có sóng nước sông Hương đềnh cao chạm bờ cỏ
Và trăng hạ huyền như một lưỡi gươm cong
Trăng-Sóng thương tôi đưa một quãng đường..."

Buổi sáng cuối cùng ở Hà-nội, Phùng Quán hẹn chúng tôi đến nghe thơ và thâu băng luôn thể. Trong hơn hai tiếng đồng hồ, Phùng Quán kể chuyện và đọc gần hai chục bài thơ mà nhiều bài chúng tôi chưa bao giờ được biết. Cuốn băng này, sau chúng tôi đặt tên là: "Bên Sóng Hồ Tây, Phùng Quán Kể Lại Một Đời Thơ". Phải được nghe Phùng Quán đọc thơ mới thấy thấm, cái giọng nửa Huế, nửa Hà-nội, rưng rưng, bi hùng, bão táp ấy vẫn còn mê hoặc chúng tôi suốt bao nhiêu ngày sau khi rời Hà-nội cho đến tận bây giờ. Chưa có ai đọc thơ, đọc chứ không phải ngâm, hay đến thế. Lúc rời Việt Nam, chúng tôi đã cẩn thận đem kiểm duyệt, và cuốn băng đã được thông qua.

Nhìn vào số lượng tác phẩm thì có lẽ Phùng Quán là một nhà văn, vì trong 40 năm ông đã viết rất nhiều tác phẩm văn xuôi, với số ấn hành rất cao, và một số truyện ngắn dưới nhiều bút hiệu khác nhau. Lý do là ông đã bị đưa đi lao động cải tạo 15 năm vì hai bài thơ chống đối chế độ. Sau đó bị cấm viết, thấy tên Phùng Quán là không ai dám in và đăng tải, nên ông đã phải "viết văn chui". Trước đó, năm 22 tuổi, ông đã nổi danh với cuốn tiểu thuyết *Vượt Côn Dảo*, được giải thưởng của Hội Nhà Văn Việt

Nam năm 1955. Cuốn này đã được tái bản đến lần thứ năm, đem lại cho ông một số tiền nhuận bút khá lớn, có thể mua được 7 cây vàng lúc đó. Sau này, bộ truyện *Tuổi Thơ Dữ Dội*, gần như một tự truyện kể lại cuộc tham gia kháng chiến chống Pháp dành độc lập từ khi ông là một lính trinh sát 13 tuổi. Cuốn này cũng được giải thưởng văn học Thiếu Nhi Hội Nhà Văn Việt Nam năm 1989 và đã được quay thành phim ảnh dài 155 phút và lại được Bộ Văn Hóa tặng giải thưởng phim hay nhất năm 1990. Cuốn truyện này gần ngàn trang, chỉ là một phần tư của một trường thiên mà ông thường gọi là *Chiến Tranh và Hòa Bình* của ông. Trường thiên này ông đã hoàn tất trong 15 năm, ngay khi còn bị khai trừ, nhưng phần lớn đã bị mối xông, gần đây ông đã khởi sự viết lại tập đó, nhưng chắc đã không đủ thời giờ ... Nhiều tác phẩm của ông đã được dịch tại Nga, Trung Quốc.v.v.. Ngoài ra, nhiều truyện ngắn của ông, dù dưới bút hiệu khác nhau, cũng được nhiều giải thưởng trong cũng như ngoài nước, trong đó tập truyện *Như Con Cò Vàng Trong Cổ Tích* được giải nhất của Moscow năm 1970 dưới tên Vũ Quang Khải.

Nhưng với Phùng Quán, *Thơ* mới chính là sứ mạng mà Thượng Đế đã giao phó cho ông:*"Thơ là mạng sống, là lý lịch đời tôi"*, và dù: *"...Một đời lao lực, một đời cơ cực... một đời thơ..."*, thơ đã mang họa không ít cho ông, nhưng ông vẫn tin tưởng vào sức mạnh của thơ: *"Có những phút ngã lòng, tôi vịn câu thơ mà đứng dậy"*. Một câu thơ tâm niệm của ông. Hầu hết những người ở miền Nam như chúng ta chỉ biết đến Phùng Quán qua hai bài thơ, "Chống Tham Ô Lãng Phí" và bài "Lời Mẹ Dặn" với những câu thơ để đời:

Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Và dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
.....
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá

Nhưng phải nhìn vào cả cuộc đời và sự nghiệp của Phùng Quán mới thấy ông là một con người khác thường hơn nhiều. Phùng Quán là một nhà văn, một nhà thơ của những kẻ khốn cùng, của những kẻ bị bất công, của cây cỏ, của đồng đội, của những người bạn trong lúc thế cô. Suốt cả cuộc đời, ông hành xử như một người hiệp sĩ đã được trao cho thanh gươm báu để xông pha cứu khổn phò nguy.

Tối hôm đó, chúng tôi đáp chuyến tầu tốc hành Bắc-Nam để đi Saigon, thay vì đi bằng máy bay. Chuyến tầu sẽ đưa chúng tôi đi qua những vùng đất nước chưa đi qua, và để đi lại những quãng đường mà chúng tôi đã đi để hoàn thành một cuộc hành trình từ trước đến nay vẫn còn bỏ dở. Non sông muôn đời vẫn gấm hoa, dù có qua những cuộc phế hưng, hưng phế. Đêm hôm đó nằm trong toa tầu, hình ảnh của Phùng Quán lúc nào cũng đậm trong trí chúng tôi. Cái hình ảnh ngang tàng, nhưng lại hiền hòa trong chiếc áo chàm, chòm râu bạc bay phất phơ trong gió in hình trên nền trời chiều, bên Hồ Tây mênh mông sóng nước.

Trong những ngày tháng cuối cùng trong đời, cái thời gian mà trong một lần nói chuyện qua điện thoại, Phùng Quán vẫn cười cợt như không: *"Anh đang cụng ly với Tử Thần."* ông có trao đổi với chúng tôi mấy lá thư, lá cuối cùng ông viết bẩy ngày trước khi mất. Chúng tôi có đem ra đọc lại, ngoài những đoạn về tâm sự, Phùng Quán viết cả đến quan niệm về thơ, về sứ mạng mà ông nhận lãnh, về nhân sinh quan của cuộc đời và những điều ước muốn trước khi nhắm mắt. Chúng tôi thấy những lá thư đó, có những phần chúng tôi muốn đem chia sẻ với những người đã từng mến mộ và muốn tìm hiểu thêm về Phùng Quán.

Phùng Quán sinh vào tháng 1 năm 1932 tại xã Thủy Dương, thành phố Huế. Ông mất ngày 21 tháng 1 năm 1995 tại Hà-nội, có khoảng 800 người đưa tiễn ông về nơi an nghỉ cuối cùng. Chúng tôi chợt nghĩ đến bài thơ mà ông đã tặng Hoàng Cầm, người anh kết nghĩa, và nghĩ đến cả một quãng đời dài Phùng Quán sống bên cạnh Hồ Tây, chúng tôi tin rằng Hồ Tây sẽ dậy *"Sóng vỗ bờ nức nở, ngàn đời chịu tang anh."* Chúng tôi cũng tin rằng ngay cả núi Ba Vì sừng sững, mờ sương trước mặt, cũng đang nhỏ lệ để thương tiếc một người bạn đồng ẩm, vì đã có lần Phùng Quán đã từng nhắn nhủ với Ba Vì:

Thôi bác cứ ngồi yên ở đó
Còn tôi cứ tĩnh tọa ở đâu
Tôi thì làm thơ, bác làm núi
Nhớ nhau, tưới rượu xuống Hồ Tây

Phùng Quán nằm xuống, người hiệp sĩ đã để lại một thanh gươm "Thơ" báu cho đời.

Hồ Tây sáng sớm lạnh, đầy sương mù. Ngày... ....."

Anh ngồi bên cửa sổ nhìn ra Hồ Tây đầy sương mù, và cạnh anh là anh Dang đang ngủ say, đắp chiếc chăn "hồ cùu" vợ chồng em gửi tặng. Anh bỗng nhớ câu thơ của Nguyễn Du "Gió lạnh cả thế gian thổi thốc vào một người đơn độc". *Với tấm lòng và công trình của hai em và cháu đã ngăn bớt làn gió lạnh đó...Cụ Dang hết lời khen ngợi* "Cái chăn đắp ấm mà nhẹ, nó không đè

nặng lên ngực như chăn bông"....

Ở đây các nhà thơ đều phải bỏ tiền ra in thơ. Mà họ có giầu gì cho cam. Phải dành dụm từng đồng, bớt xén tiền ăn của cả nhà, có khi đến mấy năm mới in được tập thơ. Mà in rồi chỉ đem đi tặng cũng đủ hết hơi. Thì ra trên thế gian này, thơ văn sinh ra để làm vất vả cho con người. Nhưng anh sắp tránh được cái quy luật vất vả đó, Hội Nhà Văn bao cấp in cho anh một tập thơ khoảng 200 trang. Nghĩa là mình không phải mất tiền. Để đền bù lại phần nào "họ" đã làm khổ mình trong 30 năm. Anh cười ngất. Tưởng là bở. Những một tập thơ để đền bù cho 30 năm thì kể cái giá cũng hơi quá....

Rất cám ơn hai em đã đọc hết Tuổi Thơ Dữ Dội *của anh và cả* Trăng Hoàng Cung. *Nói cho đúng ra, anh mới chỉ viết sơ sơ. Sợ độc giả chịu không thấu, nếu viết hết sự thật, thì cả Remarque cũng phải lè lưỡi. Sách anh vốn viết cho con nít đọc, mà trở thành cuốn sách của người già. Mấy ông già cùng thế hệ với anh họ ham đọc cuốn đó lắm. Anh sẽ in tặng hai vợ chồng phim* Tuổi Thơ Dữ Dội, *2 tập, dài 155 phút, đã được quay màn ảnh rộng. Hôm chiếu ở cố thành Quảng Trị, năm 1990, cả ngàn người ngồi xem khóc như trong một đám tang lớn, làm anh phát hoảng. Kể với các em như vậy, để nói rằng sách không bịa đặt chút nào hết. Lượm và Mừng, hai nhân vật trong đó chính là một phần đời anh. Anh cũng đang định viết tiếp. Thật ra là "viết lại", vì cách đây 15 năm anh đã viết xong cả 4 tập* Chiến Tranh và Hòa Bình *của anh, mà* Tuổi Thơ Dữ Dội *là phần 1. Anh để tất cả vào cái hòm gỗ, hồi anh ở Nghi Tàm. Mối đã xông mất 3 phần. Phần 1 là mối chưa kịp xông, nên còn. Hôm đó anh đã khóc như con nít, vì tiếc cái công trình anh đã làm trong 15 năm.*

. . . . . .

Anh gửi kèm theo đây hai bài thơ của Tào Mạt, bậc danh bút của Việt Nam và là tác giả chèo lớn với bộ ba "Bài Ca Giữ Nước". Tào Mạt hơn anh 1 tuổi, đã mất cách đây một năm.

. . . . . .

Cho anh được gửi lời thăm bạn hữu bên đó và rất mong có ngày hội ngộ. Anh hi vọng ngày đó anh còn đủ sức làm đầu bếp để đãi hai em và cháu Th. A. một tiệc cá Tây Hồ".

Hồ Tây, ngày.....

"Anh xin thông báo tình hình sức khỏe hiện nay. Chứng bệnh "Xơ gan, cổ trướng" (Tên bệnh mà nghe như tên minh tinh điện ảnh Đài Loan). Hiện nay anh rất đẹp trai. Một lão trượng râu tóc bạc trắng, mang cái bụng sắp đến ngày khai hoa mãn nguyệt. Hàng ngày anh vẫn nhúc nhắc đi lại, sửa sang hoa cỏ, mỗi bữa cũng nuốt được lưng cháo, lưng cơm hoặc lưng sữa. Nhất là vẫn còn đọc được thơ (Tuy lục thơ có sút kém). Và viết được văn. Ngồi viết bị túc bụng

thì anh nằm viết. Bởi vậy văn anh bây giờ toàn câu văn chí thiên. Rất mong hai em và các cháu yên tâm. Nghe tin anh ốm, bạn bè đến thăm đông như hội: "Phùng Quán mà cũng ốm kia à?". *Xưa nay, các bạn đặt anh vào hàng lim, thép, trời vật không chết. Nếu phải chết thì các bạn sẽ được chứng kiến cái chết của người Chiến sĩ-Nghệ sĩ,* "Trông chết cười ngạo nghễ!". *Nhờ ốm mà anh được biết Hà-nội mình nhan nhản Hoa Dà, Biển thước, Tuệ Tĩnh, Lãn Ông...Anh hi vọng khỏi bệnh*

. . . . . .

Hai em khuyên anh bỏ rượu, nhưng rượu nó bỏ anh, vì từ khi anh bệnh rượu thấy anh mất phong độ cuả bậc ẩm giả. Thu hai em anh chưa nhận được, chắc chỉ đến trễ, không mất đâu. Cuộc đời vui quá không buồn được!

. . . . . .

Hồ Tây, sáng .....

Nhìn chữ anh viết chắc hai em cũng thấy anh chưa đến nỗi nào. Anh vẫn đi lại, tiếp khách, cười đùa, đọc thơ với cái bụng A Di Đà. Cơm, cháo, sữa uống rải rác trong ngày. Bác sĩ gan nổi tiếng vẫn thường xuyên chăm sóc anh. Nhờ em chuyển lời cảm tạ các bạn và thầy thuốc bên đó. Tình của các em sẽ góp phần giúp anh khỏi bệnh. Anh là nhà thơ của dân đen, cuả những người móc cống, quét rác... Trong đám này có rất nhiều lang vườn. Họ đòi được chữa trị cho anh. Họ mang tới những rễ cây dào trên các đỉnh núi đá tai mèo, và các thứ lá hái bên các dầm nước mặn. Anh cho sắc lên uống tắt, vừa uống vừa cười: "Tôi chơi luôn cả Thiên Dường lẫn Địa ngục!". *Anh nói với họ:* "Nếu không may tôi phải giã từ cuộc sống, thì điều hạnh phúc là thi thể tôi được các bàn tay hôi mùi nước cống, mùi phân rác, mùi thuốc nổ, bồng bỏ vào căn hộ bằng gỗ tạp".

Nhiều bạn thơ, trí thức trách cứ anh: "Nhà Phùng Quán có nhiều tạp khách!". *Họ đâu biết, chính vì những tạp khách đó mà anh trở thành nhà thơ. Hai em ạ, anh không được Thượng Dế ban cho ân sủng tìm thơ trong sự tinh khiết, đầy mầu sắc và hương thơm, giữa các vì sao và bầu trời ..... Thượng Dế nghiêm khắc nói với anh:* "Ngươi phải úp mặt xuống cống rãnh cuộc đời, trên các ao máu chiến trận không bao giờ khô cạn, trong khói đắng nghẹt của thuốc nổ...mà tìm lấy thơ". *Và anh đã phải thực hiện lời nguyền của Thượng Dế, từ lúc tuổi thơ cho đến nay, chương cuối cùng của cuộc đời anh...Anh Hoàng Cầm đến thăm anh luôn, có khi mang theo cả thầy lang, con trai của Yến Lan, tác giả* "Ông Già Bến Mi Lăng"

. . . . . .

Nếu chết, anh anh sẽ hóa thành một cây cỏ dại, cùng cỏ cây xanh tốt đất này.

Hồ Tây sớm sương mù ...

Anh phải thông báo ngay là anh vẫn đang nằm ở nhà, vừa cười vừa nốc cạn ca đầy, cốc vơi các thứ dược liệu có cây trị bệnh như thần! Anh hi vọng sẽ khỏi. Có cây của cả đất nước lẽ nào không cứu nổi một nhà thơ?

. . . . . .

Thư trước anh nhắc chuyện " Thơ và cống rãnh" *là cốt để hai em biết thêm một khía cạnh về quan niệm thi ca của anh mà anh thường phát biểu để chống lại quan niệm* "Con chim ngứa cổ hót chơi". *Với anh thì lời khen tặng sang trọng về thi ca là của nhà văn Đan Hích nói về Andersen:* "Ông ta là người có khả năng kỳ diệu. Bất kỳ cống rãnh nào cũng mò thấy ngọc trai!". *Còn về bệnh thì anh tin sẽ lành, nếu anh vượt qua năm Tuất.*

. . . . . .

Hiện nay anh đang bị một cú "Nốc ao", và trọng tài đang đếm đến 6. Hai em cứ ở lại bên đó ăn cái Tết thật vui với các cháu. Thế là ở bên này anh khỏe.....

. . . . . .

Ngay sau khi Phùng Quán mất, chúng tôi có gửi thư về nhắc bà Phùng Quán cố giữ gìn các kỷ vật trong "Chòi Ngắm Sóng", các tác phẩm và thâu thập các bài viết rải rác để làm một "Thư Viện Phùng Quán". Bà có yêu cầu chúng tôi gửi lại phó bản những lá thư mà Phùng Quán viết cho chúng tôi chính là bút tích cuối cùng của ông. Cũng theo lời bà,ngay cả cuốn băng mà chúng tôi thu được hồi mấy tháng trước có lẽ là cuốn băng thơ độc nhất về những lời thơ của ông. Chúng tôi đã gửi về để bà để vào "Chòi Ngắm Sóng." Chúng tôi nghĩ rằng Huế và Hà-nội phải hãnh diện vì đã có Phùng Quán, và chúng tôi đề nghị với Hà-nội hãy lập những viện bảo tàng nhỏ của các danh tài văn học khi họ qua đời, như các nước Âu-Mỹ họ thường làm, để tiếp tục giữ cho Hà-nội lúc nào cũng là kinh đô của ngàn năm văn vật. ❐

tìm đọc

trăng hoàng cung

phùng quán

THANH VĂN XUẤT BẢN

Bài ghi trên vách gỗ Chòi Ngó Sóng của Phùng Quán
THƯỜNG QUÁN

Dêm gió lá đập ngờ mưa
sáng mở cửa hồ Tây màu bất hoại
em ngọn gió chở hương mai tiết độ
bắt cháy trăng vàng mắt câu máu run xanh xao

Lá tre ô rủ những ngày vào Tết
lay không tiếng nói dạt bãi rào xa
ngoại thành trí nhớ từng vuông mất
dang sáng rỡ từng khoanh riêng của hoa

Từng khuôn mặt từng vai áo bông mở trận
dọt hồng và lá lửa liếp phên nhòa
mưa thất tán giếng mắt trào búp sóng
của hôm đáy hồ lòng ai đi xa

Lớp sóng rét ngục trời co sấp
tận đông một viền mây chạy băng qua
lấy tất hết. Gió im, nhẫn làu gương bóng
áo thâm và đôi mắt sen tàn.
Mở đôi tay lá xanh chờ tản sáng
thu không bồng lên râm ran
đã có những ngày ở xa mai chuyến đi xa
rứt khỏi cuống tim đặt lòng lên đá rạn.

Tình yêu cắm một sào tre đơn trên mặt nước ngang
ai khua tay sóng lan tròn ta nguyên quán
chỗ mưa là bụi và bụi thế tan hàng
trở về thơ trần trụi.

(Rời Hồ Tây 25.10.91)

Một góc trời Phùng Quán
THƯỜNG QUÁN

Một góc trời im một mái gỗ rầm
đưa đưa tay mời ngọn gió tạt
ba mươi đông kể như thân bằng
nâng chén tính chuyện trăm xuân
trong xanh một ngụm hồ
"đoạn bồng nhất phiến" lạc
tám trời nối lại một chỗ hoa tâm mọc
khai mãn thơ nói năng
tóc đổ sương mà tình thơ dại
búi cỏ lợp cửa mây lành
ngả nghiêng sân đất vững
một bếp lửa nồng
lửa tan sương chảy tràn hiên
Đôi dôi mắt nắng

(Hà nội 24.10.91)

Đêm cuối ở Chòi Ngó Sóng
THƯỜNG QUÁN

Tiếng thạch sùng trên sà nhà
tiếng chim khuya ngoài khuất
sương hồ
tiếng gà báo trật
những ngọn gió thổi qua
sóng nhu nhịp đập
một người vào giấc mơ chuyến đi
như về sao mai mới mọc
hỏi bâng quơ
dã sáng trời ơ?

(25.10.91)

Để được lời nói

THƯỜNG QUÁN

Tưởng niệm thi sĩ Phùng Quán

Không một hiên chùa một hiên sân nhà thờ
tôi khóc anh đứng giữa đường phố
cái nắng khô cuối mùa hè bây giờ tôi biết tại sao gió
lặng lẽ mà ăn hết
chia tay anh, mây là đá mộ, không phải thế, anh
nói, mây là đá
anh lập lại chữ - chữ khô khan thẳng thắn, khẳng
khái mà công bằng
không phải chỉ thế, khi tất cả đã mất đi, anh nói,
chữ là chân tình
chữ là đất, chỗ ta đứng
chia cho muôn con người rách áo cơm
tôi nhớ mấy đêm ngồi với anh dưới một bóng
đèn vàng
nhìn ra đêm tối, cái gì lặng lẽ thăm thẳm
những mái nhà dau dáu
ngọn gió cũng đòi mang những đôi mắt
phần lành lặn thua sút biết mấy phần tích lũy
của cái đau không tính được bằng số
vẫn ném về bất kể những chiếc khung méo mó
số phận
bằng đôi tay vẫn lại của những con người
hỗn hợp u tối, sợ hãi, hung bạo, hãnh diệu
tôi nhớ anh đã đi qua
nhiều đêm đói và ngày biếm nhục
sống chung dụng với nửa phần kia của con người

chấp nhận, can đảm, thầm lặng, mơ mộng
dứng trên vuông thềm những ngôi nhà cháy
lượm lặt từng trang
nén tiếng khóc để được lời nói.

Giờ thăm đã muộn màng
năm cùng tháng tận đêm qua giấc ngủ ngắn
tôi đi về
ngôi nhà sườn cột còn nguyên chứng tích
trận cháy nám đen
thềm nhà sũng nước lụt và những tiếng nổ đội
buốt ngực
sáng nay nguyên dán TDB điện báo tin anh mất -
để được lời nói để được lời nói
anh,
người ta không phải chỉ lật lại
những giấc mộng tối đen đêm qua, nén những lời
nói dối
rằng mình không biết
khóc đôi lần.

(Nguyên đán Ất Hợi)

Khúc hát mùa Xuân

ĐẶNG NGUYÊN THƯỜNG

Nức nở mùa thu ngàn âm điệu
Xé nát lòng ta một mối buồn
Phỏng thơ Verlaine
Gửi tặng chị Phùng Quán, để nhớ Anh

Những mùa thu Hà nội tuổi thơ
Hàng liễu xanh thầm thì
với những con rùa trong hồ Hoàn Kiếm

Những mùa thu mơ mộng cùng lá me bay
Trưng vương
Dường Duy Tân thênh thang như tương lai rộng mở
Lá vẫn bay...

Và Seattle. Những mùa thu trong mưa
Mưa bụi. Mưa bóng mây.
Mưa rả rích những nốt nhạc trầm
Lá phong vành ánh như Trăng Hoàng Cung
Ngẩn ngơ lòng người xa xứ.

Rồi trở lại một mùa thu Hà nội
Hồ Tây in bóng Ba Vì
Râu bạc
Áo chàm
hiên ngang như núi.
Tiếng thơ vũ bão
Lời thơ thiết tha
Chân thật. Bao dung. Vững vàng. Cao ngạo

Lá bàng lá sấu reo vui
Nắng cũng như mưa, cùng rực rỡ
Liễu vẫn xanh như nước hồ Gươm
ấp ủ những con rùa cổ tích

Nhưng Xuân mới vừa sang
Tất cả, tất cả cùng với mùa thu
đã đi vào huyền thoại.

Từ Truyện Kiều, Tìm Hiểu Quy Luật Tiếp Nhận Văn Học Dân Gian Của Văn Học Việt

Nguyễn Thế Việt

Vấn đề trung tâm của đề tài này là tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết từ một góc độ cụ thể: đạo lý (như là tư tưởng thẩm mỹ chỉ đạo sáng tác) trong một mối quan hệ so sánh cụ thể: *của tác giả dân gian trong truyện cổ tích và của Nguyễn Du trong truyện Kiều*. Thực ra đây là mối liên hệ *chìm*, ít có dấu hiệu trực tiếp (khác với các mối quan hệ ảnh hưởng có tính chất lôgic hình thức) và không kém phần phức tạp (giữa một bên là đạo lý hồn nhiên mang tính nhất nguyên và một bên khác là sự pha tạp, đồng hóa, đối kháng lẫn nhau giữa nhiều nguồn ảnh hưởng).

Thiện ý bài viết là bước đầu xác lập sự tiếp nhận (chứ không chỉ là mô tả) của trào lưu nhân đạo thế kỷ 18 - nửa đầu thế kỷ 19 đối với truyện cổ tích nói riêng, đối với văn học dân gian nói chung. Hạt nhân của vấn đề sẽ liên quan mật thiết đến việc nghiên cứu nhiều bình diện khác (Tâm sự của nhà văn, vấn đề bi kịch số phận trong tác phẩm, vấn đề sự xuất hiện của tư duy nghệ thuật mới trong văn học...)

Cũng cần nói thêm rằng sự so sánh kể trên chỉ là phương pháp so sánh cục bộ để nói toàn bộ (Tất cả những đặc điểm này không riêng gì cổ tích mà có tất cả các thể loại dân gian, rộng hơn nữa là nền văn hóa dân gian..., cũng như phía còn lại, không riêng gì là của Nguyễn Du, mà còn trong hàng loạt tác phẩm văn học viết cùng trào lưu đương thời). Cho nên sự phân biệt giữa nó và đồng chủng của nó chỉ là sự phân biệt tương đối.

Đạo lý hồn nhiên dân gian không chỉ biểu hiện trong văn nghệ dân

gian (hẹp hơn nữa là truyện cổ tích) mà nó có mặt hầu khắp bất cứ nơi nào có quan hệ xã hội giữa con người với con người. Vậy khi tiếp thu nó, Nguyễn Du chịu ảnh hưởng nguồn nào một cách rạch ròi, đó là vấn đề hết sức khó phân biệt.

Khác với một số truyện nôm vay mượn cốt truyện dân gian, Truyện Kiều có một cái bóng xa xôi của nó từ đất Tàu, làm thế nào để minh định rõ đâu là yếu tố chịu ảnh hưởng của Nguyễn Du đối với văn học dân gian, đâu là yếu tố chịu ảnh hưởng của Nguyễn Du đối với "lục phong tình" cổ ấy? Đó là vấn đề hóc búa.

Chúng tôi không hy vọng có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề phức tạp khác nhau trong bài này. Tuy vậy trong phạm vi có thể về khả năng, chúng tôi sẽ cố gắng làm sáng tỏ đến mức cho phép những vấn đề trên, chắc chắn khó có thể tránh những thiếu sót.

Vận dụng quan điểm của các nhà kinh điển về hai dòng văn hóa dân tộc dưới chế độ cũ có thể phân biệt trong mỗi dân tộc có hai thứ triết học: Một thứ có tính chất bác học, sách vở, được ghi thành văn, được tuyên truyền và bảo vệ bởi các nhà tư tưởng của cơ chế chính thống; một thứ có tính chất phổ cập, thông tục thường được thể hiện ra trong đời sống thực tiễn, của người bình dân và trong nền văn hóa dân gian.

Ở Việt Nam thời phong kiến thứ triết học thứ nhất là một thứ hỗn hợp Nho, Phật, Lão với những tín ngưỡng có tính chất dân gian; thứ triết lý thứ hai chính là đạo lý hồn nhiên dân gian được thể hiện trong nội dung tư tưởng thẩm mỹ của các tác phẩm văn học dân gian.

Truyện cổ tích, một trong những thể loại văn học dân gian, xuất hiện trong xã hội đã có sự phân hóa đẳng cấp ở mức thô sơ. Cách giải quyết vấn đề số phận con người và lý giải những quan hệ xã hội trong truyện cổ tích là cách giải quyết của đạo lý truyền thống mang tính nhất nguyên. Trục tương phản chính của truyện cổ tích được soi dưới ánh sáng của đạo lý dân gian thuần khiết. Mỗi truyện cổ tích là một mô hình sống biểu hiện một thái độ xử thế giữa người với người. Do đó dù không có một học thuyết nào tổng kết về đạo lý nhưng đạo lý dân gian vẫn được thể hiện sinh động và đa diện trong những "mô hình sống" kể trên. Đạo lý hồn nhiên trong truyện cổ tích đề cao bản chất tốt đẹp của người bình dân, một thái độ xử thế giàu lòng vị tha đối với người cùng khổ, một tinh thần xả thân nghĩa hiệp để bảo vệ công lý, một phong thái sống tiêu biểu cho những tình cảm ruột thịt, chia sẻ, cởi mở. Đặc điểm này quy định tính "bất biến" của nhân cách con người giữa hai phe đối lập trong truyện cổ tích: có thể tóm tắt dưới mô hình của triết lý "ở hiền gặp lành ở ác gặp dữ". Cái "thiện" chi phối các phạm trù khác ngoài nó là "chân" và "mỹ".

Người thiện thường mang những đặc điểm của các chuẩn mực hoàn hảo khác như: tốt (đối với xấu), đẹp (đối với xấu), thông minh (đối với đần độn), khỏe mạnh (đối với ươn hèn). Phe ác là mặt trái của tính cách phe thiện. Tất nhiên không phải bất cứ nhân vật chính diện hay phản diện nào cũng mang đủ các đặc điểm đối lập nhau kể trên (Sọ Dừa và Trương Chi là những ví dụ về biệt loại). Nhưng rõ ràng đạo lý dân gian phân biệt khá rạch ròi giữa trắng và đen, không chấp nhận tính hai mặt, hoặc trung dung trong tính cách. Người bình dân trong quá trình hoàn thiện không ngừng tác phẩm của mình đã quan niệm lại thế giới ngoại tại trong bản thân mình, là quá trình tạo ra các quan hệ xã hội cho mình theo kiểu riêng của mình. Do vậy, đạo lý theo họ sẽ là hạt nhân chi phối các yếu tố thuộc về logic hình thức (cốt truyện, kết cấu, hệ thống nhân vật...), chi phối lôgic thực tiễn (kết thúc có hậu, hệ thống lực lượng phù trợ phe thiện. Sự thay thế thời gian, không gian vật lý bằng thời gian, không gian huyền thoại..v.v..).

Từ đó Nho giáo, Phật giáo trong tác phẩm người bình dân đã bị dân gian hóa về mặt nội dung. Ông vua trong truyện cổ tích chẳng hạn không còn là vấn đề giềng mối, vấn đề "tu", "tề", "trị", "bình" mà chủ yếu đó là phần thưởng cao quý, là "huy chương vàng" của người thiện thắng cuộc. Vua của dân gian là tuyệt đỉnh của thiện và mỹ (Tấm Cám), là cán cân công lý (Thạch Sanh). Hoàng hậu là sự tuyệt đỉnh của "hạnh" và "tình" (Tấm Cám). Nhưng ở đây những nhân vật không có sự ngăn cách về đẳng cấp đối với quần thể đã sáng tạo ra họ. Hoàng hậu vẫn biết dệt vải, giặt giũ (Tấm Cám), nhà vua mang phong thái bình dân (Tấm Cám) và lòng nghĩa hiệp vị tha (Thạch Sanh).v.v.. Con người được đền bù hay bị trừng trị là sự thực hiện của công lý nhân dân ngay trên trần thế này chứ không chờ kiếp luân hồi theo thuyết "quả báo" của nhà Phật... Người bình dân đã hòa đồng những khái niệm của Nho Phật theo cách riêng của mình.

Từ đó để chúng ta rút ra kết luận có ý nghĩa thực tiễn trong suốt hàng ngàn năm phong kiến, ý thức hệ thống trị của cơ chế chính thống về căn bản đã không chi phối được đạo lý hồn nhiên của người bình dân trong nếp cảm nếp nghĩ của họ. Đạo lý hồn nhiên dân gian đã *độc lập tồn tại* bên cạnh đạo lý học thuyết phong kiến.

Tóm lại, ở truyện cổ tích, mọi giá trị tinh thần và vật chất phù hợp với nguyện vọng thiết thân của quần chúng và lẽ sống của con người đều được coi là phù hợp với đạo lý. Xung đột trong truyện cổ tích là sự đấu tranh của người bình dân với những gì "nghịch lý" của đạo lý, để cho đạo lý được bảo toàn trọn vẹn. Tất nhiên không phải lúc nào đạo lý cũng chiến thắng nhưng xu thế tất yếu cuối cùng sẽ thắng.

Khác với truyện cổ tích nói riêng, văn học dân gian nói chung, tác giả văn học viết phong kiến đồng thời là nho sĩ (những trí thức được đào tạo từ "cửa Khổng" "sân Trình"). Hố sâu ngăn cách giữa nhà văn phong kiến với phận "con ong cái kiến" của người bình dân trong mọi thời đại là một thực tế hiển nhiên. Tư tưởng thẩm mỹ chỉ đạo sáng tác của nhà Nho thời thịnh phong kiến đồng nhất tuyệt đối với đạo lý học thuyết phong kiến. Văn chương của họ chỉ tồn tại với chức năng giáo huấn "thi, thư, lễ, nghĩa". Cái "đạo" mà văn học phong kiến thời thịnh "tải" trong văn chương có phạm vi rất hẹp là vì thế.

Từ đó, nếu như tư tưởng thẩm mỹ chỉ đạo sáng tác trong văn học dân gian nói chung, truyện cổ tích nói riêng, là đạo lý hồn nhiên dân gian, thì ngược với tư tưởng thẩm mỹ chỉ đạo sáng tác trong văn học viết phong kiến. Về căn bản, cả hai dòng văn học kể trên giống nhau ở một điểm: Đó là ở mỗi dòng đều mang tính nhất nguyên tư tưởng thẩm mỹ chỉ đạo sáng tác.

Thế nhưng đến Nguyễn Du, Đặng Trần Côn, Hồ Xuân Hương và hàng loạt tác giả trong trào lưu nhân đạo thế kỷ 18 - nửa đầu thế kỷ 19 xuất hiện thì tình hình căn bản đã đổi khác. Hiện tượng "đào ngũ" về ý thức hệ của các tác giả "chính thống" của trào lưu nhân đạo chủ nghĩa thời kỳ này, mà tiêu biểu nhất là Nguyễn Du là hiện tượng của kẻ đi hóa đồng về mặt ý thức hệ lại bị "địch thủ" ý thức hệ của mình đồng hóa. Chỉ có điều đây là sự *đồng hóa không hoàn toàn*: vừa đồng hóa vừa đối kháng, hoặc là đồng hóa đối kháng nằm ngay trong một quan hệ như là nghịch lý.

Như thế cũng có nghĩa là tư tưởng thẩm mỹ chỉ đạo sáng tác của nhà Nho không còn tính nhất nguyên như trước nữa, mà đến đây đã có sự phân liệt. Sự đối cực giữa một bên là đạo lý học thuyết không còn là lý tưởng tôn thờ nữa nhưng vẫn còn ám ảnh nhà Nho như là những ma lực linh diệu, và bên khác là nguồn đạo lý hồn nhiên của người bình dân trong văn học dân gian, trong các quan hệ sống làng xã, có cơ hội tác động đến tâm lý những nhà Nho bế tắc. Thế là, đến thời suy phong kiến, ở những nhà Nho sáng suốt, tiến bộ, con đẻ tinh thần của họ ra đời thường có sự chi phối của cả hai luồng tư tưởng thẩm mỹ kể trên. Do đó bản thân hình tượng nghệ thuật chứa nghịch lý, phản ánh những nghịch lý trong nội bộ thế giới quan của họ. Nguyễn Du và Truyện Kiều là điển hình của hiện tượng này. Khi xây dựng hệ thống hình tượng, trong thế giới quan Nguyễn Du có sự phân biệt, có sự mâu thuẫn giữa "tâm" và "trí". Mà cả "tâm" lẫn "trí" đều chi phối quyết định sự hình thành hệ thống hình tượng. Hay nói cách khác, đó là sự phân biệt giữa giai đoạn "trực cảm" được đo bằng chuẩn mực của đạo lý hồn nhiên, còn giai đoạn khái quát

"lý tính" thì ngược lại được đo bằng một chuẩn mực khác: đạo lý học thuyết.

Chuẩn mực đạo lý hồn nhiên chi phối "tâm" Nguyễn Du và từ đó cái "tâm" vốn dĩ đa tình đa cảm ấy đến lượt nó phả "linh hồn" vào nhân vật. Nhưng đạo lý hồn nhiên về căn bản nghịch với đạo lý học thuyết. Có thể lấy một vài ví dụ:

Khi Nguyễn Du xây đựng lại, biến đổi về chất hệ thống nhân vật trong Truyện Kiều, là khi xuất phát từ một quan điểm đạo đức thẩm mỹ khác xa Thanh Tâm Tài Nhân. Đó chính là Nguyễn Du đã dân gian hóa, dân tộc hóa cái "lục phong tình" cũ của sách Tàu. Cái đêm "đánh dường tìm hoa" đầy lý tưởng của nàng Kiều (chứ không phải là cái đêm của Kiều trong Thanh Tâm Tài Nhân sặc mùi giáo huấn: Một cô Kiều vị ngã, suồng sã, đặc biệt là lanh lợi đến mức thậm chí còn lên lớp giảng đạo cho người tình của mình nữa) nào có khác gì với tinh thần tự chủ hồn nhiên để chiếm lĩnh hạnh phúc trong nhân vật cô con gái con nhà phú ông họ Trần của truyện cổ tích (Nợ tình chưa trả cho ai. Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan). Ấy thế nhưng nàng (hay chính Nguyễn Du) đã vi phạm cái cương thứ ba của Nho giáo, trái "mệnh", trái điều răn của giáo lý Phật (tu là cõi phúc, tình là dây oan). Cái phản ứng của phẩm chất trong trắng của Kiều trước cái nghề nghiệp dơ bẩn mà Tú Bà bắt ép phải làm (chứ không phải nàng Kiều bị thanh lâu hóa" người ta dùng mình để mua vui thì mình cũng mượn để khiển hứng" của Thanh Tâm Tài Nhân) nào có gì xa lạ với triết lý "giấy rách giữ lề".

Nguyễn Du đã biến tên "giặc cỏ" Từ Hải vũ phu của Thanh Tâm Tài Nhân thành một vị anh hùng, biến con dĩ Kiều ích kỷ, vị ngã, lý trí (Một nhân tố mới của con người thời tiền tư bản ở Trung quốc) thành một phu nhân đĩnh đạc có thủy có chung nào khác gì quan điểm của người bình dân khi đánh giá "Hầu Tạo", "Chàng Lía" trong truyện cổ tích. Ấy thế nhưng Nguyễn Du không dám theo "cơ nghiệp" Từ đến cùng và sau đó biến Kiều thành kẻ "giết" ân nhân của mình chính là vì sự ngự trị của cái "cương" thứ nhất của Nho giáo trong lý trí tác giả. Những mâu thuẫn *đồng loại* này phản ánh trong tính cách Thúy Kiều: đó là trạng thái cùng song hành tồn tại những nghịch lý trong con người nàng. Nguyễn Du biến Kiều trở nên sâu sắc hơn bất cứ nhân vật nào của truyện cổ tích chính là xuất phát từ đặc điểm này. Nhân vật truyện cổ tích là loại nhân vật *bất biến về tính cách*, nhân vật của đạo lý truyền thống; ngược lại Thuý Kiều là loại nhân vật *khả biến về tính cách*, nhân vật thật hơn bất cứ nhân vật cùng loại nào ở đời được Nguyễn Du xây dựng nên bằng thiên tài và bằng thế giới quan đặc biệt của mình.

Xung đột của các cặp nghịch lý trong Truyện Kiều thực chất là xung

đột giữa hai hệ ý thức: dòng đạo lý hồn nhiên dân gian và dòng đạo lý học thuyết phong kiến. Hạnh, Tài và Tình trong Kiều xung khắc với Mệnh hay chính là xung khắc giữa một bên là sức lôi cuốn của chân lý thực tiễn tác động vào ý thức của chủ thể sáng tạo và một bên là những định kiến bảo thủ của quan điểm chính thống ngự trị trong lý trí của tác giả.

Lại nữa, vấn đề ảnh hưởng của đạo lý dân gian từ truyện cổ tích đến Truyện Kiều không chỉ là vấn đề nội dung mà còn là vấn đề *cách diễn đạt hệ thống quan niệm* đó trong "máu thịt" của hình tượng. Lam bản *Truyện Kiều* là *Kim Vân Kiều Truyện* có thể giống *Truyện Kiều* căn bản về cốt truyện, tình tiết, những yếu tố xung đột, nhưng lại không thể nói là giống chiều sâu của đạo lý được thể hiện bằng tâm huyết của chính Nguyễn Du trong tác phẩm. (Cái mà Mộng Liên Đường chủ nhân bình là: "con mắt trông thấy sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời để cho cái "lục phong tình cũ" trở thành "tiếng kêu đứt ruột mới" được). Ở Thanh Tâm Tài Nhân, sự phân chia hai tuyến nhân vật: thiện/ác, tốt/xấu là có nhập nhằng, thậm chí có lúc bị tráo ngược khái niệm. (Một cô Kiều vi ngã, một Kim Trọng dâm sắc dục, một Từ Hải vũ phu, một sự đề cao quân đội triều đình..v.v..) thì ngược lại, ở *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã đưa nhân vật trở về đúng "tuyến" của mình, phe thiện, phe ác và lực lượng phù trợ. Quan điểm về trừng phạt và đền bù, vấn đề kết thúc "có hậu" của Nguyễn Du cũng không hoàn toàn giống Thanh Tâm Tài Nhân. Rõ ràng, chính chỗ khác nhau căn bản giữa *Truyện Kiều* và lam bản của nó lại là chỗ giống nhau căn bản giữa Truyện Kiều và thể loại truyện cổ tích. Chứng cớ này sẽ còn được minh định thêm ở một chỗ khác:

Trước *Truyện Kiều*, hàng loạt truyện Nôm bình dân, truyện Nôm bác học đã chịu ảnh hưởng của nguồn truyện kể dân gian (Thậm chí, có tác phẩm khởi nguồn từ truyện kể dân gian). Như vậy, từ truyện cổ tích đến truyện Kiều đã có chiếc cầu nối của nó là thể loại truyện Nôm mà đặc trưng cơ bản là sự chi phối của văn học dân gian đối với thể loại này rất nổi bật.

Ở Nguyễn Du, tiếp thu văn học dân gian không hàm nghĩa "giống để mà giống" mà chủ yếu "giống để mà khác". Dấu ấn cá tính của tác giả đã biến cái chất "thảo mộc dân giã" của dân gian thành cái chất "uyên thâm cổ điển" của một thiên tài. Ở đấy đạo lý được sáng tỏ rạch ròi. Đạo lý chi phối quá trình xây dựng hình tượng tác phẩm nhưng tuyệt nhiên hình tượng tác phẩm không thể là một sự mô phỏng đạo lý. Sự tách bạch giữa hoạt động độc lập của hệ thống hình tượng với những tín điều có tính giáo huấn là một bước tiến quan trọng của văn học dân tộc thế kỷ này so với các thế kỷ trước. Thế giới ngoại tại được phản ánh trong văn học dân gian mang thuộc tính phi cá biệt hóa...còn thế giới ngoại tại

trong văn học thuộc trào lưu nhân đạo chủ nghĩa thế kỷ này là thực thể sống, mang dấu ấn cá tính nhà văn rõ nét. Tuy nhiên việc vạch ra mối quan hệ ảnh hưởng của hai dòng đạo lý, về căn bản khác với việc minh định giá trị mỹ học của hai hệ thống hình tượng xa cách nhau về thời đại, và đó không phải là phạm vi của bài này. Vấn đề nảy ra sau khi khảo sát mối quan hệ ảnh hưởng về đạo lý giữa hai dòng văn học là: tại sao thời thịnh phong kiến dường như là một quy luật ngược bình thường, khi truyện cổ tích nói riêng, văn học dân gian nói chung phát triển rầm rộ thì chính cũng là thời đại mà văn học phong kiến "bế quan tỏa cảng" đối với văn học dân gian? Tại sao sau khi làm nhiệm vụ dân tộc, văn học phong kiến có lý tưởng nhân dân sâu sắc (Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi...là những ví dụ tiêu biểu) lại không thể duy trì tiếp ở giai đoạn cực thịnh sau đó? Tại sao sự xuất hiện đồng loạt những tác phẩm ưu tú của dân tộc, sự xuất hiện đồng loạt những tài năng kiệt xuất trên văn đàn thường ở giai đoạn đoạn giao thời giữa sự sụp đổ, sự khủng hoảng suy vong của một thời đại này, nhưng chưa phải là sự bắt đầu của một thời đại khác? Tất cả những vấn đề đó đều có hạt nhân liên quan về mối quan hệ giao lưu giữa các dòng tư tưởng mà chúng ta có dịp lưu ý ở phần trước.

Như mọi người đều biết nhà Nho thời thịnh có một lý tưởng để tôn thờ: đó là hướng về "bệ rồng". Ở họ, đó là lúc có một sự đồng nhất tuyệt đối giữa say mê và nghĩa vụ, giữa niềm tin và ý chí. Nhà Nho vào thời suy của chế độ phong kiến thì lý trí có sự phân cực: ý thức phản tỉnh chia làm hai, một bên là ý thức chính thống của đạo lý học thuyết đã rạn vỡ, đã có sự đảo ngược mọi quan niệm về giá trị trong quá trình suy đồi của chế độ phong kiến. Nhà Nho sáng suốt lúc này không thể nhắm mắt mù quáng phục tùng "kỷ luật" của giai cấp mình là "văn dĩ tải đạo" được nữa, nhưng chưa tìm được phương giải thoát. Tóm lại, trong xã hội phong kiến khủng hoảng suy vong, những nhà Nho tiến bộ, có lương tâm đều tự nguyện đứng về phía đạo lý của người bình dân với một cảm tình đặc biệt.

Sự tự mâu thuẫn này sẽ góp phần tạo nên cá tính sáng tạo độc đáo, rực rỡ của tài năng.

Trong những điều kiện căn bản như thế nhà văn phong kiến sẽ đi sai mục đích mà giai cấp mình quy định "văn dĩ tải đạo", hay nói đúng hơn, cái "đạo" trong văn chương đã bị đánh tráo về mặt khái niệm. Những vấn đề kể trên của quan hệ giữa hai dòng văn học (cụ thể hơn trong đề tài này là giữa truyện cổ tích và truyện Kiều) thực chất là những quy luật biểu hiện mối quan hệ xung đột muôn thuở của tư tưởng nhân đạo giàu lòng vị tha và đức hy sinh của người bình dân với bản chất khắc kỷ, vị kỷ

Đọc Tĩnh Tọa

HOÀNG XUÂN SƠN

Kính tặng Anh Hoàng Liên

Cửa thầm khép lại ưu tư
Nỗi riêng dằn vặt với mù sương giăng
Bước lên kinh động mấy tầng
Chấn song trăng bạc lòng vâng ý đồ
Ngồi nhìn tay sạm lửa hơ
Miếng trần vô vị đời co cụm dài
Ngoẵn ngoèo một bóng tương lai
Mai về hương lửa dấu dài gương tan

của những kẻ có quyền lực trong xã hội. Đạo lý hồn nhiên dân gian bênh vực quyền lợi của mỗi cảnh ngộ cụ thể của con người, ngược lại tư tưởng chính thống của kẻ cầm quyền lấy sinh mạng hàng triệu người làm vật hy sinh cho ngai vàng và dòng họ. Ông Bụt của nhân dân là cầu nối giữa hiện thực và ước mơ, ngược lại Dạm Tiên chỉ là "đường ray" bạc mệnh của cái gọi là "số phận", thực chất vấn đề là ở đó.

Tóm lại, trong phạm vi và điều kiện có hạn, bài viết chỉ phác thảo một số quan điểm sơ lược kể trên để góp phần xác định bước đầu một số phương hướng, một cách đặt vấn đề cho quá trình nghiên cứu mối quan hệ ảnh hưởng đầy phức tạp này. Từ đó, chúng tôi mạo muội thử đem đối chiếu một vài điểm trong đó để nghiên cứu một số tác phẩm cụ thể thuộc trào lưu này. Kết quả cho thấy, góc giao động của tư tưởng thẩm mỹ của các tác giả thuộc trào lưu này ở những mức độ khác nhau đều nghiêng về đạo lý hồn nhiên của người bình dân. Kết quả sẽ thực sự có ý nghĩa khi lý giải những vấn đề như: triết lý sống, vấn đề bi kịch số phận, vấn đề mâu thuẫn trong nội bộ thế giới quan tác giả, v.v. Cũng từ đó chúng tôi khẳng định lại một lần nữa một nhận định quen thuộc: Đó là việc muốn đánh giá giá trị một tác phẩm văn học viết quá khứ, không thể không đánh giá trong mối quan hệ giữa nó với nguồn dinh dưỡng vô tận của nó: **văn học dân gian**. Hàm lượng của đạo lý truyền thống của nhân dân trong mỗi tác phẩm văn học viết sẽ góp phần khẳng định giá trị trường tồn của nó trong lịch sử. Đó cũng sẽ là một trong những chuẩn mực để xác định giá trị của mỗi tác phẩm trong dòng văn học bác học mọi thời đại.❐

Thơ của một người ba phải

NGUYỄN BÁ TRẠC

Tôi thú thật:
Tôi là người ba phải
giữa hận thù, và giữa yêu thương
giữa lẳng lặng, dửng dưng không giận ghét
tôi vẫn bơ vơ giữa ngã ba đường
Tôi ba phải giữa hoài nghi và khẳng định
tôi phân vân
cam
đỏ
hay vàng
tôi phân vân
xám
trắng
hay đen
Thao thức mãi trong bóng đêm lịch sử.
- Đất nước hôm nay vẫn mịt mù?
Phải!
- Nhưng ngày mai trời lại sáng?
Phải!
- Tối lại sáng, sáng lại tối? Phải!
và bản chất cuộc đời vẫn thế: buồn vui lẫn lộn
có gì đâu mà đáng than phiền? Phải!
phải, phải, phải.
đều là phải cả.
nghĩ mà xem?!
Dâu lẽ phải giữa bên nguyên bên bị
giữa lời khai trong các phiên tòa
khi tay giơ cao
thề sự thực
những lời khai mâu thuẫn
được cất lên với mỹ từ hoa
Dâu lẽ phải
giữa linh hồn
và thể xác
giữa đấu tranh
hay lười biếng an nhàn

Dâu lẽ phải:
hoài nghi
hay khẳng định
hỡi Việt Nam tam giáo đồng nguyên

Dâu là phải
giữa lãng mạn hay tinh thần thực dụng
giữa chiến tranh và giữa hòa bình
bóng tối đêm đen, vẻ đẹp bình minh
Phát triển kinh tế
hay công bằng xã hội
Phải, Phải, Phải.
hay cả hai
Phải. Phải. Phải.
Tình thế như lưỡi đao!
phải đứng bên này hay bên kia!
Phải!
Tôi run sợ nghe tiếng hô vang đội
tiếng nổ kinh hoàng trong những đêm khuya
tôi ngần ngừ trước sự phân chia.
Tôi thú thật: tôi là người ba phải
yêu cả núi, cả biển, và đồng bằng
(có khi ba phải, có khi năm phải
vì cũng yêu cả suối cùng sông)

Dâu là phải: phút giây này
hay vĩnh cửu
đống giấy nhật trình
hay cuốn chân-kinh
tấm khẩu hiệu
hay lời khấn nguyện
chỉ một quả tim
mà chứa biết bao tình...

Tôi thú thật:
Tôi là người ba phải
giữa hận thù và giữa yêu thương
giữa lẳng lặng, dửng dưng, không giận ghét
Tôi vẫn bơ vơ trước ngã ba đường.

Câu Chuyện Văn Học
Thư Gửi Hai NgườI Đàn Bà Nổi Tiếng: Cô Mai Và Cô Loan Của Tự Lực Văn Đoàn*

Nguyễn Thị Vinh

Cô Mai và cô Loan thân mến,

Từ lâu tôi đã có ý muốn viết một lá thư chung cho hai cô, dù hai cô chưa một lần sống ở ngoài đời, nhưng hai cô vẫn mãi mãi sống trong lòng tôi, ít nhất là cho đến khi tôi không còn có mặt trong cuộc sống này nữa.

Đã có một thời mà người ta gọi là Thời Tiền Chiến, hai cô được mọi người yêu mến suốt từ ngoài Bắc vào tới trong Nam. Người này bảo hai cô là nhân vật tiểu thuyết lý tưởng và tiểu thuyết luận đề, người khác lại bảo là tiểu thuyết lãng mạn. Tôi thì tôi nghĩ khác, đành rằng cô Mai có mặt trong cuốn tiểu thuyết của nhà văn Khái Hưng, mang tên *Nửa Chừng Xuân*, in năm 1934, và cô Loan xuất hiện trong cuốn tiểu thuyết *Đoạn Tuyệt* của nhà văn Nhất Linh, in năm 1938, nhưng hai cô được sinh ra từ đời sống.

Như hai cô biết, dân tộc ta vốn là một dân tộc vô cùng nhân ái, từ cô tiểu thư cành vàng lá ngọc cho tới cô gái nhà quê chân lấm tay bùn, đều có một tình thương yêu vô bờ bến đối với con người, đến độ không cần phân biệt đâu là người ngoài đời với người trong sách vở. Chúng ta thương yêu nàng Kiều không phải vì nàng Kiều có thật trong đời mà vì nỗi đau khổ mà đời đem tới cho nàng Kiều là có thật. Nên tôi có yêu mến hai cô cũng là chuyện thường tình. Ba trăm năm trước, ba trăm năm sau, mỗi khi đọc hoặc nói về Đoạn Trường Tân Thanh, người ta vẫn gọi Kiều là cô Kiều, gọi mẹ của cô là bà Vương, bởi những người trong sách không bị thời gian chi phối. Mai và Loan cũng vậy, trẻ mãi không già, lúc nào cũng được gọi là cô.

Chính tôi từ nhỏ tới giờ, trong ý nghĩa vẫn cứ đinh ninh có một cô Mai và một cô Loan, bằng xương bằng thịt. Lúc này, hai cô đang sống quanh hoặc trong lòng thành phố Hà Nội, nếu là người ngoài đời, có thể đã già lắm rồi hoặc biết đâu đã chết trên đường đi tản cư trong chín năm đánh Pháp, di cư, hai mươi năm đất nước chia đôi và từ 1975 đến nay, di dân, di tản, người mình càng có thêm nhiều cách chết.

Ông Khái Hưng in *Nửa Chừng Xuân* năm 1934, năm tôi mới lên mười tuổi, tính đến năm nay, 1994, tuổi của cuốn *Nửa Chừng Xuân* được sáu chục. Nhưng Ông Khái Hưng thì đã mất lâu rồi. Người ta đã giam ông tại Trại Hối Thất Chính Trị Phạm Liên Khu 3 ở Lạc Quần (Trực Ninh) rồi sau đó giết ông ở bến đò Cựa Gà thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định năm 1947. Người ta kết tội và thủ tiêu ông Khái Hưng chỉ vì giữa ông với người ta khác nhau cái lối chống Pháp, chỉ vì ông biết người ta mượn tiếng Quốc Gia Dân tộc ngay từ những năm đầu cuộc Cách Mạng Mùa Thu. Giết một nhà văn lớn của đất nước xong, khi cầm được quyền, họ còn cấm cả cô Mai không được đi đến với bạn đọc. Hai mươi bảy năm sau, 1992, người ta lại cho quay phim *Nửa Chừng Xuân*, bán cả ra ngoài này và tôi cũng được xem, vừa xem vừa buồn.

Tôi thấy rõ ràng con người trong sách vở cũng có số phận như con người ngoài đời. Những tang thương của cuộc sống làm cho con người ngoài đời thăng trầm. Thân phận trôi nổi của một cuốn sách kéo theo bao đổi rời của những nhân vật trong nó.

Lạ lùng thay, một trong những cuốn truyện dài của tôi đã được xuất bản năm 1971 lại mang tên *Cô Mai* mà mãi cho đến bây giờ, 23 năm sau, trong lúc ngồi đánh máy lá thư này tôi mới nhận ra. Khi viết và đặt tên cho cuốn truyện ấy, tôi chỉ nghĩ đến người chị của tôi, một người có cái tên cũng thuộc vần M. Tôi không muốn dùng tên thật của chị tôi nên đã đặt tên sách là *Cô Mai*. Đây không hẳn là một sự trùng hợp, Cô Mai trong *Nửa Chừng Xuân*, vẫn đâu đó, sống cùng với tôi ở ngoài đời. Một cô Mai lúc nào cũng nhớ lời cha "ân cần dặn các con phải giữ lòng được vui vẻ, giữ linh hồn được trong sạch và đem hết nghị lực ra làm việc."

Tôi ngờ như đó là lời của Khái Hưng muốn nói với chính mình, rồi gửi tới những người trẻ tuổi cùng thời với tôi. Xưa nay nhiều người cầm bút không sống theo được những điều tốt đẹp mà họ viết ra, nhưng với phần lớn các nhà văn trong Tự Lực văn đoàn lớp trước, họ viết ra những điều tốt đẹp mà chính bản thân họ đã sống. Ngay việc đặt tên *Tự Lực* cho một văn đoàn, ra đời đầu mùa xuân năm 1933, cũng quy tụ toàn những con người có tinh thần tự lực: Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khái Hưng (Trần Khánh Dư), Hoàng Đạo (Tứ Ly Nguyễn Tường Long), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Thế Lữ (Nguyễn Thứ Lễ)... Tất cả đều tốt nghiệp Tây

học thời Tây mà không ai chịu ra làm việc cho Tây. Làm việc cho Tây, lúc mà có bằng cấp, có nghĩa là đi làm quan, vinh thân phì gia.

Thậm chí Khái Hưng, tốt nghiệp trường Albert Sarraut Hà Nội (Ban Cổ Điển) và Nhất Linh, cử nhân khoa học Paris (Ban Lý Hoá), mà chỉ thích đi dạy học ở trường tư, trường Trung học Thăng Long Hà Nội, nhất định không đi dạy cho trường nhà nước Bảo Hộ.

Cô Mai và cô Loan còn nhớ không? Thời mà "trong mỗi người Việt có một ông quan", Nhất Linh và Khái Hưng lại không muốn làm quan. Khái Hưng vừa dạy học vừa viết các xã thuyết và chuyện vui hàng tuần cho tờ báo của Chu Mậu để kiếm sống, trong khi Khái Hưng là con rể của Tổng đốc Bắc Ninh Lê Văn Đính, tự lực cánh sinh ngay trong đời sống cơm áo hàng ngày. Năm 1923, Nhất Linh, đậu bằng Thành Chung rồi ra làm Thông phán sở Tài Chánh, không đầy hai năm, ông bỏ sở rồi quay ra theo học trường Y khoa, rồi lại bỏ sang trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội. Chưa hết, từ 1926 đến 1930, Nhất Linh học vật lý và hóa học ở Pháp nhưng vẫn lo nghiên cứu thêm về chính trị, ấn loát, báo chí và hội họa. Là con trai của ông tri huyện Cẩm Giàng, song Nhất Linh suốt một đời chống thực dân và phong kiến.

Tự Lực Văn Đoàn được sáng lập bởi những người như thế, nên mới chỉ trong ngót mười năm trời, từ 1933 đến 1939, Tự Lực Văn Đoàn đã gây được một cao trào Dân tộc Tự Lực trong cả hai đời sống văn học và xã hội. Dùng ý niệm canh tân xứ sở để làm giàu cho văn chương và dùng văn chương trong sáng để truyền bá lòng yêu nước. Rất cần thiết những tiểu thuyết mà người ta gọi là tiểu thuyết luận đề trong bối cảnh nô lệ, mất nước, trình độ dân trí còn thấp, các sĩ phu của thời đại mới không thể nêu cao tinh thần trên lá cờ bằng thơ chữ Hán, giống như Cao Bá Quát: "Bình Dương Bồ Bản vô Nghiêu Thuấn; Mục dã, thanh điền hữu Võ Thang". Phải bằng tiếng Mẹ đẻ, dù ký hiệu của ngôn ngữ dựa vào Hán tự (chữ Nôm) hay La tinh (chữ Quốc ngữ).

Con đường dễ nhất xóa nạn mù chữ cho cả một dân tộc vẫn là "chữ Quốc ngữ chữ nước ta, con cái nhà đều phải học".

Nhưng chữ Quốc ngữ, như hai cô Mai và Loan thấy đó, nó có mặt ở trang giấy qua bao công sức của những nhà truyền giáo Tây phương, hết Bồ Đào Nha tới Phú Lãng Sa, chập chững lên đường trong "Phép Giảng Dạo Tám Ngày", với sự ghi âm và phát âm, cứng lưỡi, của người ngoại quốc nói tiếng Việt, "tỏ tuằng", khiến người mình chưa mấy ai tỏ tường.

Tới đầu thế kỷ, sau bao gian nan đẽo gọt của nhiều thế hệ, với những người như Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Trọng Thuật...đã làm cho tiếng Việt, ký âm La tinh, tuy gọn gàng phép tắc, song vẫn chưa lên hàng nghệ thuật như thời cô Mai

và cô Loan, tung hoành trên mọi dòng tư tưởng.

Chính Tự Lực Văn Đoàn, trước hết phải kể đến Khái Hưng, ngay trong tác phẩm đầu tay *Hồn Bướm Mơ Tiên* (Hà Nội tháng 5 năm 1933), cũng là cuốn truyện thứ nhất của Tự Lực Văn Đoàn, đã như áng thơ xuôi. Nhưng phải tới *Nửa Chừng Xuân* (Hà Nội 1934), sau tiểu thuyết văn vần *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, hết sức thành công, tiểu thuyết văn xuôi Việt Nam mới thật sự đứng vững và hướng đến một chân trời văn học rộng rãi và trong sáng. Khái Hưng, theo Vũ Ngọc Phan đã viết trong *Nhà Văn Hiện Đại*, thì: "Hiện nay, nhà văn mà được nam nữ thanh niên ưa chuộng, được họ coi là người hiểu tâm hồn họ hơn cả, có lẽ chỉ có Khái Hưng. Độc giả của ông không phải chị thợ máy điêm hay anh tài vặn ô tô như một vài tiểu thuyết chủ trương những thuyết cạn hẹp và thông thường, độc giả của ông thuộc hẳn hạng thanh niên trí thức, mà trong ấy phần đông là bạn gái. Khái Hưng là văn sĩ của thanh niên Việt Nam cũng như Alfed de Musset là thi sĩ của thanh niên Pháp xưa".

Cô Mai và cô Loan thấy hình như ở đây có điều gì đó mang tính chất mâu thuẫn phải không? Tiểu thuyết lý tưởng là gì? Chính ông Vũ Ngọc Phan đã bảo: "Một tiểu thuyết mà tác giả dựng lên những cái cao quá, người ở thế gian này không thể nào có được." Trong khi *Nửa Chừng Xuân* cũng lại được ông Vũ Ngọc Phan và nhiều người khác xếp vào loại tiểu thuyết lý tưởng. Vậy mà đối với đám đông thanh niên nam nữ, ít nhất suốt hai thập niên 30 và 40, đã coi Khái Hưng "là người hiểu tâm hồn họ hơn cả".

Phải chăng tuổi trẻ thời trước, cách đây trên nửa thế kỷ, sống với những tâm hồn lý tưởng? Lý tưởng thường nằm trong ước mơ muôn thuở của con người về những gì tươi sáng, đẹp đẽ, đạo đức, cao thượng, đôi khi tưởng chừng như không tưởng, khó có thể hoặc không có thể xảy ra trong cuộc sống.

Những người yêu nhau trong tiểu thuyết lý tưởng thường không giống những cặp tình nhân yêu nhau trong tiểu thuyết tả chân xã hội. Loại sau được người ta xem là gần gũi hoặc giống như ở ngoài đời. Người ta nói Cô Mai là một người đàn bà lý tưởng, từ đầu cho tới cuối cuốn *Nửa Chừng Xuân*, cô sống theo lời cha dặn "phải giữ lòng được vui vẻ, giữ linh hồn được trong sạch và đem hết nghị lực ra làm việc.".

Cô Mai không sống cho mình, ai giúp cho em trai của cô Mai được tiếp tục ăn học, người đó là ân nhân của cô và cô phải có bổn phận trả ơn. Lộc còn cứu Mai thoát khỏi gã cường hào Hàn Thanh ở thôn Xuân Đình. Cô Mai đã lấy Lộc, lúc đó anh đang làm Tham Tá ở Hà Nội và cũng là bạn thời thơ ấu của Mai. Sau đó, dù hết lòng yêu quý chồng, ngay trong lúc bụng mang dạ chửa cô cũng bỏ ra đi trong hoàn cảnh không một xu dính

túi. Vì sao? Không muốn để cho bà Án, mẹ của Lộc, xúc phạm hơn nữa tới danh dự gia đình nhà mình. Ngay khi cụ Tú vừa mới mất, cảnh nhà sa sút, thà phải bán ngôi nhà Thạch Lỗi, chứ không chịu nhờ vả họ hàng, để ra Làng Bưởi Hà Nội thuê căn nhà lá cho Huy, em trai của cô Mai được gần trường học. Huy tính thôi học, kiếm việc làm, có tiền giúp chị nhưng trước sau cô Mai đều gạt đi.

Trong *Nửa Chừng Xuân*, cô Mai là người tốt và những người cô gặp cũng đều tốt: Người cha tốt, người em ngoan, người lão bộc vui buồn theo nỗi vui buồn của cô tiểu chủ, người bà con là ông bà Phán ở phố Huế cũng sẵn lòng giúp đỡ, bà Cán vui lòng nhường cả gánh quà bánh mà bà đương bán trước cổng trường Bưởi cho Mai để chị em cô kiếm sống, bác sĩ Minh ân cần săn sóc thuốc men cho Huy nà không lấy tiền, họa sĩ Bạch Hải thành thật nói tốt về Mai. Vây quanh cô Mai chỉ vài người xấu: Hàn Thanh, bà Án, bà Lộc.

Dưới ngòi bút của Khái Hưng, ngay cả những con người xấu nhất trong truyện cũng được ông nương tay: Lộc nhờ người giả làm mẹ mình đến hỏi cưới Mai vì quá yêu Mai và biết chắc rằng bà Án, mẹ của Lộc, chẳng bao giờ chấp thuận một cuộc hôn nhân không "môn đăng hộ đối". Lộc còn biết sợ chị em Mai khinh mình nên đã về nhà nói hết cho bà Án biết. Lộc không đòi bắt con về theo như ý mẹ anh muốn. Sau cùng, Lộc xin Mai tha thứ và sẵn sàng bỏ công danh sự nghiệp, bỏ cả vợ là con gái cụ Tuần. Bà Án từng làm khổ bao người khác trong *Nửa Chừng Xuân*, nhiều lần dùng "kế ly gián" khiến cho cả Lộc lẫn Mai đều hiểu lầm và nghi ngờ nhau, cũng được tác giả coi như là nạn nhân của những tập quán cổ truyền mà việc bảo vệ gia phong là điều hệ trọng. Bà Án muốn bắt cóc Ái, con của Mai và Lộc, cũng chỉ vì muốn có cháu nối dõi tông đường. Tình yêu của hai người, ở cuối cuốn sách, trở nên lý tưởng cao thượng: Lộc say sưa với những công việc xã hội. Mai bằng lòng ở vậy dù tuổi đang độ Nửa Chừng Xuân, dù trong lòng cô vẫn yêu Lộc tha thiết. Cô sợ hai người trốn đi xây hạnh phúc riêng sẽ làm khổ thêm cho những người thân của Lộc và cô.

Cô Mai thân yêu, người đọc thuộc giới bạn gái có học bây giờ khó có ai khóc theo từng trang sách *Nửa Chừng Xuân*, thương cảm theo từng bước thăng trầm của cô và cô Loan trong *Đoạn Tuyệt* như thời tôi mới lớn. Thời mà ngay trong các thành phố vẫn nhiều nhà không muốn cho con gái đi học sợ biết chữ rồi sẽ viết thư cho trai. Đánh răng trắng, uốn tóc, mặc áo dài Lơ-muya của họa sĩ Cát Tường, đã trở thành cô "gái tân thời", còn xa lạ với đám đông. Con trai ở nhiều vùng quanh Hà Nội còn rụt rè khi phải cắt tóc ngắn.

Những hủ tục của bao đời phong kiến lạc hậu, tới thập niên 30,

không chỉ ở trong lũy tre xanh mà còn tung hoành mọi ngõ ngách ngoài thành phố. Nơi nào thì vai trò của chị em bạn gái chúng ta cũng bị xem thường bởi quan niệm trọng nam, khinh nữ. Càng bị khinh hơn nữa nếu là con gái nhà nghèo. Thân phận người đàn bà suốt đời lệ thuộc, phục tùng đàn ông: Cha, chồng và con trai, tùy theo lúc còn ở nhà, đi lấy chồng hay chồng chết.

Văn học Tự Lực Văn Đoàn, thời Pháp thuộc, cuốn hút thanh niên nam nữ vào vòng say mê không phải mục đích cốt chứng tỏ tài năng văn chương, thi ca của các nhà văn và nhà thơ cộng tác, cũng không nhằm viết làm sao cho sách bán chạy bằng những tác phẩm mà sau này người ta gọi là "lãng mạn thời chiến". Văn học Tự Lực Văn Đoàm chính là cơn bão táp dịu dàng, từ tốn quét dần những rác rưởi vây quanh đời người phụ nữ Việt Nam, giúp cho họ nhận ra và đòi lại quyền làm người bình đẳng. Văn học Tự Lực Văn Đoàn chính là con sóng ngầm, lặng lẽ dưới mặt nước xã hội êm ả, bất ngờ hất tung lên sức mạnh của lòng ái quốc, làm chòng chành hoặc lật úp con thuyền cầu an, mà trên đó bao thế hệ thanh niên đang bị ru ngủ bởi trường Bảo Hộ và trường Hậu Bổ, sống nô lệ: Cố học thành tài chỉ để ra làm quan, làm tay sai cho giặc.

Người nữ trong văn chương Khái Hưng, cô Mai, tiêu biểu cho một lực lượng yếu thế vùng đứng dậy, sống tự lập với những phẩm chất tốt đẹp của con người nói chung, nam hay nữ cũng là người như nhau. Qua *Nửa Chừng Xuân*, người nữ sống thành kiến, hẹp hòi và cố chấp chỉ có mình bà Án, điển hình cho nếp sống cũ. Những người nữ nhân hậu, đảm đang, ngoài cô Mai ra, còn có cô Diên, chị Trọng, bà Cán.

Cuộc tranh chấp trong *Nửa Chừng Xuân* không chỉ giữa mới và cũ mà cao hơn thế. Giữa đúng với sai, tốt và xấu, thiện và ác, ích kỷ và vị tha, sự thật và dối trá. Mai chống lại việc một người đàn bà phải đi làm lẽ, ngay trong lòng một xã hội phụ quyền và đa thê, mà biết bao người phụ nữ khác cũng đồng ý "tài trai năm thê bảy thiếp". Trước sau cô vẫn nói với bà Án: "Bẩm bà Lớn, nhà con không có mả đi lấy lẽ". Huy ghét Lộc vì Lộc nhờ người giả làm bà Án để lừa dối Mai. Mai đã khiến cho Lộc nhận ra trách nhiệm của một người có học đối với đất nước, đối với nhân quần xã hội. Một người thanh niên mất nước không thể sống chỉ biết có thân mình, gia đình mình. Nếu không, bao vốn liếng học thức cũng chỉ trở thành những phương tiện tốt nhất trong việc mưu cầu địa vị, áo cơm. Huống hồ càng cao địa vị trên đường hợp tác với Tây, càng nặng tội phản dân, hại nước.

Dũng hay Lộc, Nhất Linh hay Khái Hưng? Nhân vật tiểu thuyết hay tiểu thuyết gia? Sách vở hay cuộc đời? Cô Mai và cô Loan ạ, tôi chưa thấy có sự tách biệt nào cả. Tất cả đều trộn vào nhau, trong một giai đoạn lịch

sử từ trong bóng tối lần ra ánh sáng, thành loại văn học mở mang dân trí.

Khi đất nước được sống trong tự chủ và hoà bình, dân tộc ta có thể sẽ đòi hỏi một dòng văn học khác, không giống như dòng văn học mà Tự Lực Văn Đoàn thể hiện. Cô Mai và cô Loan chắc sẽ buồn nếu biết chuyện này: Giờ đây, 60 năm sau ngày Tự Lực Văn Đoàn ra đời, có một số nhà phê bình văn học, chuyên nghiệp hoặc tài tử, lại có ý tiếc rằng văn chương Tự Lực Văn Đoàn hiền lành, dung dị quá và tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết lý tưởng là những chiếc khung, chiếc lồng chật hẹp khiến các nhà văn không thả sức tung hoành được.

Nhưng từ thập niên 50 tới nay, 40 năm qua, nhiều trường phái văn học ra đời ở nước ta với mọi khuynh hướng, trào lưu...nếu thành công cũng chỉ có thể thành công trong địa hạt sáng tạo và thưởng ngoạn hoặc đánh dấu những khúc quanh trong văn học sử. Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa kiểu Cộng Sản, trên thực tế, không những làm triệt tiêu tài năng sáng tạo mà còn làm cho nhà văn và người đọc chìm đắm trong chính sách ngu dân. Phần khác, chỉ là bản sao vụng về của văn học phương Tây. Cuối cùng, những dòng văn học nêu trên không thuyết phục được cảm quan "dân tộc tính" vốn rất bén nhạy của người đọc. Chúng phải dùng đến sự cưỡng bách chính trị hoặc tha hóa để có đám đông người đọc nhất thời.

Ngoài Bắc, họ phải đọc những loại như *Ruồi Trâu* và *Thép Đã Tôi Thế Đấy*.. Trong Nam, họ thường đọc các tác giả ngoại quốc, phổ biến nhiều như *Mùa Thu Lá Bay* cùng *Tiếu Ngạo Giang Hồ*. Dòng văn chương ngoại nhập ấy nếu có hay cũng không phải là cái hay của văn học nước mình. Chưa kể nhiều nội dung của những cuốn sách khác, do lựa chọn sai và dịch vội vàng, còn làm hại tinh thần yêu nước của thanh niên nam nữ. Khi văn học dân tộc suy đồi, đất nước ắt phải suy vong, nếu không thế, đấy mới là điều chúng ta đáng ngạc nhiên, cô Mai và cô Loan nghĩ có đúng không?

Ngay từ khi nhận tờ *Phong Hóa* do Phạm Hữu Ninh giao lại năm 1932, với tư cách là Giám đốc kiêm Quản lý, Nhất Linh đã tính tới việc tập hợp một số nhà văn, nhà thơ cùng chí hướng: Chống phong kiến, chống thực dân, phổ biến những quan niệm nhân quyền và dân quyền, trình bày những quan niệm về tiến bộ cá nhân, gia đình và xã hội, đặc biệt là khơi dậy lòng yêu nước của người mình. Năm 1936, *Phong Hóa* bị đóng cửa, tờ *Ngày Nay* do Nguyễn Tường Cẩm điều khiển lại nhanh chóng ra đời, tờ nào cũng đông bạn đọc khiến cho thực dân Pháp lo sợ trước tầm ảnh hưởng ngày càng lan rộng của Tự Lực Văn Đoàn. Nên tới năm 1939 thực dân Pháp lại ra lệnh đóng cửa nốt tờ *Ngày Nay*.

Tám năm, hai tờ báo, một nhóm người mà âm vang của lòng yêu

nước và yêu tiếng mẹ đẻ tới ngày nay chưa tắt. Mất nước vừa nhục vừa khổ, viết văn làm báo bảo nhau đòi quyền làm người, bằng tiếng nói trong sáng dễ hiểu, văn học vì thế có sức mạnh. Việc ấy vô cùng tai hại cho giặc và cũng thật mỉa mai cho ta, khi hai miền đất nước, thời chia cắt, đều về tay người mình cai trị thì ở ngoài Bắc, tuyệt đối, không một tờ báo hay giai phẩm nào của tư nhân được xuất bản. Còn trong Nam? Nhất Linh không được cấp giấy phép ra báo! Ngày 17 tháng 6 năm 1958, *Văn Hóa Ngày Nay* số 1 ra đời dưới hình thức "Giai phẩm", một loại báo không chính thức, cơ quan kiểm duyệt bằng lòng số nào, số ấy mới được in. Chưa đầy một năm sau, ngày 11 tháng 5 năm 1959 Giai phẩm *Văn hóa Ngày nay* bị đình bản, Nhất Linh viết truyện *Cô Mùi* dang dở cũng dở dang luôn. *Cô Mùi* của Nhất Linh nằm trong bộ trường giang tiểu thuyết *Xóm Cầu Mới*, gồm *Người Chiến Sĩ*, *Nhà Mẹ Lê*, *Kẻ Sát Nhân*, *Cậu Ấm* và *Ông Năm Bụng*...

Từ cô Loan của *Đoạn Tuyệt*, gái tân thời ở Hàng Chiếu Hà Nội đến cô Mùi của *Xóm Cầu Mới*, gái phố Huyện Cẩm Giàng Hải Dương, là khoảng thời gian tan tác, mất mát của Tự Lực Văn Đoàn. Mất Thạch Lam, Hoàng Đạo, Khái Hưng, những người khác như Tú Mỡ, Thế Lữ, Xuân Diệu ra đi khỏi Tự Lực Văn Đoàn cho tới lúc họ chết hẳn. Bên cạnh Nhất Linh, sau năm 1954 ở miền Nam, chỉ còn mỗi một tay cự phách của Tự Lực Văn Đoàn xưa, Nguyễn Gia Trí, nhưng ông là người chỉ cầm cọ, không cầm bút. Nhất Linh không cô độc nhưng ông cô đơn.

Những người tiếp tay ông sau này đều đã chia sẻ cùng ông những khó khăn về cả hai mặt khách cũng như chủ quan trong việc sáng lập nhà xuất bản *Phượng Giang*, làm giai phẩm *Văn Hóa Ngày Nay*, củng cố lại Tự Lực Văn Đoàn. Miền Nam khi ấy có nhiều nhà văn tài hoa nhưng lại ít người cầm bút có ý thức mạnh mẽ về mối tương quan văn hóa chính trị xã hội. Cùng lúc họ phải đương đầu, trên trận tuyến văn hoá, văn học, với hai chế độ độc tài ở hai miền đất nước, bên nào cũng do người Việt nắm quyền mà phía nào cũng không thấy được tầm chiến lược, hết sức sinh tử, của văn hóa, văn học Quốc gia Dân tộc.

Trong bối cảnh đó, Cô Mùi lạc lõng với chính mình cùng những kỷ niệm ngày xưa nơi một phố huyện miền Bắc. Cô Mùi là quá khứ xa của hiện tại cuối thập niên 50. *Người Quay Tơ* là quá khứ của quá khứ, có mặt từ 1927, ngày nay càng không gây ấn tượng gì trong lòng người đọc.

Nhưng cô Loan là chính hiện tại của thời cô, thập niên 30, cô nghĩ, nói và làm thay cho bao người cùng thế hệ với cô và cùng họ hướng đến tương lai. Vì thế, cô Loan ạ, cô là hiện thân của những niềm mơ ước, hy vọng của chị em bạn gái chúng tôi ngày trước. Người mà ngày đó đa số bạn gái mong muốn gặp được ở ngoài đời thì cô Loan trong sách vở đã gặp. Dũng, một thanh niên có học thức, tâm hồn phóng khoáng, thích

đời sống tự lập và sẵn sàng bỏ nhà đi làm cách mạng. Trước hết, chúng tôi thích thú là vì người thiếu nữ trong *Đoạn Tuyệt* được đi học... Trong sâu thẳm của tâm hồn bạn gái chúng tôi, một phần nào ảnh hưởng xa gần của nền văn học tự do Pháp, nhưng chúng tôi hãnh diện về những nhân vật lịch sử xa như Bà Trưng, Bà Triệu, những nhân vật lịch sử gần như cô Giang, cô Bắc.

Hàng ngày, chúng tôi biết đau lòng, xấu hổ và tức giận trước những cảnh chà đạp, hành hạ phụ nữ, chồng chúa vợ tôi cùng các tấm thảm kịch mẹ chồng đanh ác, cay nghiệt. Giới phụ nữ chúng tôi trong xã hội yếu đuối càng thêm nhu nhược vì tối tăm, tối tăm vì không được đi học. Các bạn gái thời này không cách nào hình dung nổi cảnh "cha mẹ đặt đâu con ngồi đó", bất công, tàn nhẫn và vô lý chừng nào, cô Loan phải lấy Thân, con trai bà Phán Lợi, để mẹ cô trừ một món nợ cũ. Dù Thân là một thanh niên nhu nhược, thô lỗ và ít học nhưng Thân còn là một con người. Nhiều trường hợp khác, các cô gái còn phải lấy những kẻ bất thành nhân dạng, tàn tật tâm hồn vì cha mẹ gả bán, chống lại là bất hiếu. Người phụ nữ, một con người, chỉ được coi như một món hàng hóa, móm đồ vật đắt hay rẻ để người ta trao đổi với nhau vì nhu cầu kinh tế, thuận mua vừa bán. Khi bị chồng bạc đãi, đuổi đi thì pháp luật không bảo vệ mà dư luận còn chê cười, nhục mạ.

Trong *Nửa Chừng Xuân*, bà Án đã bảo thẳng cho cô Mai: "Này cô phải biết. Con đường tương lai của thằng Lộc còn dài. Thế nào nó cũng xuất chính nay mai. Tôi hỏi con quan Tuần tỉnh kia là người có thế lực cho nó, là tôi đã xét kỹ lắm. Quan tuần còn trẻ, bước hoạn đồ còn dài, sau này con tôi tất nương tựa vào bố vợ, mới mong chóng thăng quan tiến chức được. Nếu trái lại, tôi để nó kết hôn với cô, thì không những nó mất chỗ nương tựa, mà nó còn bị mang tiếng chơi bời bậy bạ, lấy người không xứng đáng, tránh sao được nốt xấu trong lý lịch."

Qua *Nửa Chừng Xuân*, chúng tôi vẫn thương hại bà Án, nếu bà được đi học, dù chỉ học một môn lịch sử thôi, bà sẽ hiểu "con đường tương lai còn dài" của anh Lộc khi "xuất chính" là thế nào và "nương tựa và bố vợ" để không có "nốt xấu trong lý lịch" là thế nào.

Chính những người như cô Mai và cô Loan đã nói lên ý nghĩ thay chúng tôi, hai cô đã làm giùm chúng tôi những điều chúng tôi không làm nổi ở ngoài đời.

Đoạn Tuyệt, không phải như một số người nhận định, chỉ là biểu tượng của cái mới chống cái cũ, của chủ nghĩa cá nhân chống chủ nghĩa tập thể hoặc chế độ gia trưởng đại gia đình, mà nó còn thể hiện bao khát vọng của nam nữ thanh niên thời đó: Sống tự lập để tranh đấu cho nền độc lập của đất nước. Qua *Đoạn Tuyệt*, chúng tôi vẫn thương hại bà Phán

đã nhờ lão thầy bùa ở Ô cầu Giấy chữa bệnh cho cháu nội mình bằng tàn nhang, nước thải chỉ vì bà thiếu kiến thức y học phổ thông.

Những người như thế lại là những người nắm quyền hành độc đoán bên trong gia đình, quyết định số phận cho từng thành viên một của gia đình. Bên ngoài xã hội mà người cầm đầu vừa chuyên chính vừa thất học hoặc ít học thì chắc chắn đất nước phải triền miên loạn lạc, dân tộc kéo dài lầm than. Qua lời bà Án nói với cô Mai đã vẽ lên một phần bức tranh xã hội triều Nguyễn thuộc Tây. Nhưng trong gia đình mà cô Loan còn biết nghĩ thầm: "Học thức mình không kém Dũng, sao lại không thể như Dũng, sống một đời tự lập, cường tráng, can chi cứ quanh quẩn trong vòng gia đình yếu ớt, sống một đời nương dựa vào người khác để quanh năm phải kình địch với một sự cổ hủ mà học thức của mình bắt mình ghét bỏ. Mình phải tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình."

Tự Lực Văn Đoàn không có tuyên ngôn, nhưng nếu cần, tôi nghĩ đoạn văn trên đây là tuyên ngôn của tinh thần tự lực. Vậy thì ở ngoài xã hội, những người trí thức, những người học thức nói chung và giới văn nghệ sĩ nói riêng, ngày hôm nay, tại sao phần lớn không nghĩ tới việc "tạo ra một hoàn cảnh phù hợp với quan niệm mới của mình" mà cứ phải "quanh năm phải kình địch với một sự cổ hủ mà học thức của mình bắt mình phải ghét bỏ" nhất là thứ hủ tục độc tài, độc đảng, chuyên quyền và bạo lực?

"Tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình" chính là khái niệm cách mạng, thay đổi một hoàn cảnh hiện có cùng những quan niệm cũ về cuộc sống và con người, về đất nước và dân tộc. Thế hệ thanh niên nam nữ thời Tự Lực Văn Đoàn, kể cả các nhà văn, nhà thơ, nhà báo lẫn các bạn đọc, trước hết phá vỡ thứ nhà tù tư tưởng gần hết thập niên 30. Tiếp đó, tờ *Ngày Nay*, không những chỉ là cơ quan ngôn luận của Tự Lực Văn Đoàn mà còn là tiếng nói chung của thanh niên, của nhiều người yêu nước. Tiếng nói ấy bị dập tắt năm 1939, năm khởi đầu thế chiến lần thứ hai, tình hình trong và ngoài nước sôi động những biến chuyển chính trị và kinh tế. Hoàn cảnh mới đã đến, Nhất Linh, Khái Hưng và các nhà văn khác trong nhóm khi cầm bút thì hành động có tên là Tự Lực Văn Đoàn, tới lúc này tất cả hầu như đều buông bút để cầm súng, thì hành động của họ lại có tên là Đại Việt Dân Chính thoát thai từ đảng Hưng Việt do Nhất Linh thành lập năm 1938.

Cùng toàn dân, họ muốn nhanh chóng tìm đường chuyển ngôi nhà Việt Nam, ra khỏi bóng nô lệ, nghèo đói và dốt nát, như họ đã khởi công xây dựng tập đoàn Ánh Sáng để làm nên những ngôi nhà thoáng mát, rẻ tiền cho giới bình dân ở Bãi Phúc Xá Hà Nội 1937.

Sau này, năm 1958, tờ giai phẩm *Văn Hóa Ngày Nay* bị đóng cửa,

mất gần hết những người bạn chiến đấu xưa, Nhất Linh vẫn như năm 1939, lại ngưng bút và vẫn lao vào cuộc chiến chống độc tài, áp bức. Cuối cùng, việc không thành. Nhất Linh không chấp nhận trát tòa và cả chế độ gia đình trị, ông uống thuốc độc và mất tại nhà riêng đêm 7 tháng 7 năm 1963, thọ 58 tuổi. Như một nhà tiên tri, qua lá thư tuyệt mệnh rất ngắn, ông đã thấy trước số phận của nước ta:

"Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xét xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng nề sẽ làm cho nước về tay Cộng Sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do."

Như cô Mai và cô Loan đã biết, các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn, thời Pháp không "xuất chính" theo cách nói của bà Án, không "tham chính", hoặc "làm chính trị" theo cách nói của thời này. Việc họ đã thành lập đảng Hưng Việt (1938), Đại Việt Dân Chính (1939) và Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết (1960), đối với họ, những hình thức tập hợp này chẳng qua chỉ cốt mong sao cho đất nước được sớm tự do, dân chủ, hỗ trợ cho công cuộc xây dựng văn hóa Dân tộc và Nhân bản.

Cô Mai và cô Loan ạ, theo chỗ tôi được biết, vì tôi là một trong những người thuộc Tự Lực Văn Đoàn lớp sau: Các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn lớp trước, nhất là Nguyễn Gia Trí và Nhất Linh, đều hiểu rằng: Bất cứ một lực lượng chính trị, quân sự và kinh tế nào ở nước ta, nếu không có quốc tế hậu thuẫn đều thất bại. Nhưng quốc tế là ai? Nếu không phải là thực dân Pháp, Cộng Sản Nga và Tàu thì cũng là tư bản Mỹ đã nhúng tay vào Việt Nam, thông qua những chân tay của chúng. Nhưng tinh thần Tự Lực mà các văn nghệ sĩ, nuôi dưỡng từ thời còn đi học, từng gửi gấm vào văn chương, toát ra ngoài cuộc sống khiến họ không thể nào làm khác hơn được. Nhiều người bảo họ không biết "làm chính trị" hoặc "chính trị tay mơ" cũng là vì thế.

Cho đến lúc mất, mỗi người trong họ, vẫn nguyên vẹn là người nghệ sĩ lớn lao, không chỉ vì sự nghiệp mà còn vì suốt đời phục vụ quê hương, sáng ngời tấm gương Tự Lực.

Chẳng phải riêng thời cô Loan mới có cảnh con cái không được bày tỏ ý nghĩ của mình, với cha mẹ, mà ngày nay vẫn còn đâu đó, một số không nhỏ các bậc sinh thành không chấp nhận cho con cháu được có ý nghĩ khác với họ, từ việc học hành đến chuyện hướng nghiệp. Nhiều người vẫn còn quan niệm hễ "con cãi cha mẹ" là "trăm đường con hư", họ sống ở thời nay với một tâm hồn tựa như bà Hai, mẹ của cô Loan, ở phố Hàng Chiếu Hà Nội trong những năm 30.

Những ai giống hệt bà Hai không bao giờ hài lòng với câu nói sau đây của cô Loan: "Thưa thầy mẹ, thầy mẹ cho con đi học, thầy mẹ không

cư xử với con như con vô học được nữa. Không phải con kiêu ngạo gì, đó là một sự dĩ nhiên. Lỗi ấy không ở con. Phân biệt phải trái với bố mẹ không phải là bất hiếu như con tưởng."

Tinh thần gia trưởng ấy, ngày nay còn tệ hại hơn nhiều, nó vượt qua khỏi ngưỡng cửa mỗi nhà để trở thành tầm vóc quốc gia. Toàn dân được xem như con cái không có ý nghĩ khác với cha mẹ là nhà cầm quyền.

Gia phong xưa theo lối bà Án, bà Hai, bà Phán Lợi ở Ấp Thái Hà nay đã trở thành kỷ cương, giềng mối mới của quốc gia. Không một thành phần nào, không một thành viên nào của đại gia đình dân tộc Việt Nam được quyền, được phép suy nghĩ khác với các bậc "phụ mẫu chi dân" của thời hiện đại.

Cô Loan, sau khi bà Hai chết đi cùng với tư tưởng chuyên quyền của bà, đã thành công trong cuộc cách mạng gia đình của chính cô. Cái khó khăn lớn lao của cô Loan là phải đối kháng với chính người mẹ thân yêu của mình. Nhưng chúng ta ngày nay vẫn chưa thành công trong cuộc cách mạng xã hội mặc dù cái dễ dàng to tát của chúng ta là chiến đấu với bè đảng nắm quyền mà chúng ta không bao giờ cho phép chúng là cha mẹ của toàn dân cả.

Hướng đến một xã hội dân chủ nhưng nhân dân không cần đầy tớ, vì mọi người đều làm chủ đất nước. Nhân dân cũng không cần ai lãnh đạo, chính toàn dân tự lãnh đạo mình, thông qua hiến pháp dân chủ và các đại biểu thi hành theo nhiệm kỳ dân cử. Việc lựa chọn một tư tưởng chỉ đạo cho cả quốc gia là việc vô cùng hệ trọng, ảnh hưởng đến sinh mệnh dân tộc, không thể để mặc cho một người hay nhóm người, kết thành bè đảng, áp đặt và thao túng.

Cô Loan ạ, chúng tôi đôi khi có thể tạm chấp vì thông cảm cho Thân, một người nhu nhược, mặt khác cũng chỉ vì anh muốn giữ chữ hiếu theo quan niệm xưa, khi Thân không dám chọn cuộc đời tự lập và đã nói với cô: "Tôi đã bảo mợ đừng nhắc đến nữa. Thầy mẹ không cho phép. Không những thế, mẹ lại còn giận mợ nữa đấy, mẹ giận lắm." Chúng tôi nghĩ ngợi nhiều về hai câu đối thoại ngắn sau đây:

— Giận về cớ gì cậu?

— Cớ mợ tự tiện...

— ...

Ngày nay ở trong nước ta, ngay cả các bậc thức giả, các văn nghệ sĩ, các nhà trí thức, bác học cũng không được "tự tiện" hay "tùy tiện" suy nghĩ theo ý mình nếu đảng và nhà nước "không cho phép". Cô Loan thân mến, tôi tin rằng gần như toàn dân Việt Nam, nhất là giới trí thức, trong và ngoài nước, cũng "không cho phép" ai được quyền "không cho phép" giới trí thức tự lực tìm kiếm một giải pháp cánh sinh cho dân tộc.

Không có đất nước độc lập khi dân tộc còn nô lệ tư tưởng! Dân tộc còn nô lệ tư tưởng khi mà giới trí thức, bao gồm các nhà chuyên môn mọi ngành, còn tin tưởng và phó mặc việc đảm đương đất nước cho các nhà chính trị mà những người này phần lớn, ngay cả khoa chính trị học, họ cũng không chuyên môn. Họ chỉ chuyên môn ra lệnh thôi!

Khi người cầm quyền chính trị mang cái sở đoản của mình ra để lãnh đạo chỉ huy các ngành chuyên môn, vốn là sở trường của giới trí thức liên hệ, thì điều gì sẽ xảy ra? Đó là tấn bi hài kịch trong đó bọn dốt nát lại cầm đầu những người giỏi dang. Bà Phán Lợi không biết gì về y khoa nên bùa chú cùng tàn nhang nước thải đã giúp bà giết chết ngay đứa cháu nội thân yêu của bà. Tích cực cộng với sự ngu dốt thành ra phá hoại, thành ra giết người. Cả nước chúng ta không lẽ cam chịu mãi một số phận như thằng cháu trai, con của cô Loan? Giữa tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn thời xưa và cuộc đời thực hôm nay nào có chi khác nhau? Sách vở như thế thường trở thành những tấm gương in hình đời sống đồng thời phản ảnh tâm hồn của những người làm gương.

Những tấm gương được làm ra bởi lòng yêu nước, soi rọi hình ảnh ngôi nhà Ánh Sáng cùng các áng văn chương trong sáng là hai đặc tính nổi bật nhất của Tự Lực Văn Đoàn thời cô Mai và cô Loan đang nổi tiếng như sóng cồn.

Cô Mai và cô Loan thân mến,

Trước khi dừng bút, tôi mong rằng: Đất nước ta không còn những tâm hồn yếu đuối như Thân và tinh thần tự lực mỗi người, sẽ trở thành sức mạnh chung, giúp chúng ta quét sạch cái chế độ thích làm gia trưởng của toàn dân. Chế độ ấy càng tồn tại, càng làm khổ dân mình. Không lẽ chúng ta cứ ngâm mãi câu thơ sau đây của Trần Tế Xương: "Sách vở ích gì cho buổi ấy, văn chương rồi cũng thế mà thôi!"?

Như một con người, mỗi cuốn sách cần phần tươi tốt của nội dung tức là vẻ đẹp tâm hồn bên cạnh vẻ đẹp của thể chất là giọng văn và cách kể chuyện. Sáu mươi năm sau ngày Nhất Linh viết ra những câu văn sau đây, giờ đọc lại, cô Loan và cô Mai ạ, chúng tôi còn thấy được nét đẹp của quê hương, nhất là mỗi khi xa nhà:

"Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm, như một giấc mộng: Mấy cây thông ở đầu hiên nhà đứng đợi gió... Ngoài kia ánh nắng vàng của buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng vảng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn quê rải rác dưới chân đồi, hay bên bờ con sông trắng cong queo như bị đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Khói thổi cơm chiều ở một vài nhà gần không có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám mây màu lam ôm ấp lấy các mái nhà tranh."

Em Gái Cà Phê
TRẦN HỒNG CHÂU

em gái cà phê đường Nguyễn Huệ
đôi mắt đen cà phê
đôi mắt đen đêm dài
em nghĩ gì trong vực mắt sâu
em nghĩ gì trong những đêm trắng
đen, nhạt nhoà mắt em?

tháng đợi năm chờ
bốn bức tường vây
cuộc đời như ly chén
cuộc đời ngọt nước lựu đỏ
cuộc đời đắng cà phê đen
cuộc đời đỏ đen
ngọt bùi cay đắng
buồn vui phải quấy
cuộc đời chảy giữa những bức tường vây

hồng nhạn bay đi em có nhớ chăng
mây trắng trôi về em có buồn không
hoa lá cành vươn qua những bức tường vây
hoa lá cành tươi xanh
em gái nhỏ mắt quầng lá úa
em nghĩ gì sau những bức tường vây?

em gái cà phê bên quầy
em nghĩ gì đây?

Đọc đoạn văn trên, tôi thấy đẹp và thấy nhớ. Nhớ những con người tốt đẹp. Nhớ cô Mai. Nhớ cô Loan. Nhớ quê hương thân yêu. Nhớ như anh Dũng nhớ cô Loan những ngày xa nhau, ngay cả lúc anh đang ngồi bên một người bạn chiến đấu:

"Tiếng nhạc ngựa ở đâu vẳng tới, ròn và vui trong sự yên tĩnh của buổi chiều. Trước mặt hai người, về phía bên kia, ánh đèn nhà ai mới thắp, yếu ớt trong sương, trông như nỗi nhớ xa xôi đương mờ dần"... ❐

* Bài nói chuyện của nhà văn Nguyễn Thị Vinh trong Ngày Tự Lực Văn Đoàn tổ chức tại Paris ngày 27.11.94. Trong dịp này nhà văn Nguyễn Thị Vinh cũng cho ra mắt tác phẩm mới của bà, "Na Uy và Tôi".

Hơi Mát

Doãn Quốc Sỹ

Văn Học hân hạnh giới thiệu với quí bạn đọc trích đoạn sau đây từ cuốn tiểu thuyết Mình Lại Soi Mình *của nhà văn Doãn Quốc Sỹ, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ ấn hành lần đầu và sẽ phát hành cùng một lượt với hai tác phẩm khác (*Dấu Chân Cát Xóa, Người Vái Tứ Phương*) để chào mừng nhà văn Doãn Quốc Sỹ và gia đình đến định cư tại Hoa Kỳ cuối tháng 2.1995.*

Trong hai mươi năm sống dưới chế độ cộng sản, với 13 năm tù tội, nhà văn Doãn Quốc Sỹ vẫn tiếp tục viết những điều cần viết, dù một trong những bản thảo của ông—cuốn Dấu Chân Cát Xoá*—rơi vào tay công an cộng sản và đưa ông vào tù lần thứ hai năm 1984.*

Tháng 4 năm 1988, chính quyền cộng sản đưa nhà văn Doãn Quốc Sỹ ra tòa cùng một số văn nghệ sĩ khác như Hoàng Hải Thủy, Khuất Duy Trác, Trần Ngọc Tụ, Nguyễn thị Nhạn... với tội danh "hoạt động phản cách mạng," mà thực tế chỉ là những liên lạc bình thường giữa những người cầm bút trong và ngoài nước và quyền tự do phát biểu và sáng tạo căn bản trong nhân quyền.

Tháng 8.1988, Văn Học *đã ra một số đặc biệt về Doãn Quốc Sỹ (số 31) tường thuật phân tích đầy đủ phiên tòa lịch sử này. Trong số báo nói trên, các bạn văn của Doãn Quốc Sỹ đều đồng ý với nhau về tính đôn hậu, lòng nhân ái, và sự trung thực ngay thẳng bàng bạc khắp tác phẩm của ông. Ông trân trọng con người, và không chấp nhận bất cứ thế lực nào hạ nhục con người. Trong* Khu Rừng Lau, *ông viết: "Làm nhục người khác là làm nhục chính mình, nhìn người khác quị lụy - nhất là vì miếng ăn, việc thường hay xảy ra ở trại tù binh - chàng có cảm tưởng như chính nhân phẩm mình bị sa sút. Bất cứ một cá nhân nào , theo ý Kha, đều mang trọn vẹn hình ảnh nhân loại nói chung. Tước đoạt nhân phẩm của một cá nhân nào là thương tổn đến nhân phẩm của cả nhân loại."*

Tinh thần nhân ái đôn hậu ấy, vẫn còn nguyên vẹn trong ba tác phẩm mới nhất của Doãn Quốc Sỹ, do Nhà Văn Nghệ sắp phát hành nay mai.

. . .

2

Sau 5 tháng ở trại Long Giao, Long Khánh anh Trung được chuyển tới Suối Máu, Biên Hòa. Hai tháng đầu anh cũng vô rừng lao động cùng anh em. Một người bạn tù vào lúc sắp chết giối giăng. Anh em cam kết sẽ chuyển bằng được những lời giối giăng đó về cho vợ con bạn, còn cúi xuống hỏi một lần cuối, "Anh còn điều gì muốn nói nữa không?" Người tù thì thào trong hơi thở nhẹ thoảng, "Xin cho tôi cục đường!" Anh em truyền tin nhau cố tìm ngay cho được cục đường. Rủi thay vào ngày quá xa kỳ thăm nuôi trước, lương thực dự trữ của mọi người đều khánh tận. Người bạn xấu số ra đi vĩnh viễn mồm chẳng được ngậm cục đường.

Phượng chợt thấy đôi mắt mình ứa lệ tự lúc nào. Anh Trung kể tiếp:
— Hai tuần sau một người bạn tù khác vượt ngục bị bắt lại. Anh để râu dài, bị lính canh tẩm xăng đốt. Mặt cháy phỏng, người tù thất thế vẫn lớn tiếng nói, "Các anh trước sau cũng không thể chống nổi chân lý đâu. Đứng sau chúng tôi là cả thế giới tự do!" Lập tức người lính dùng báng súng AK dầm đầu anh xuống, máu chảy ròng ròng từ gáy theo vết nhăn trên cổ nhỏ giọt xuống đất. Dưới ánh sáng của Bác, Đảng, chủ nghĩa cộng sản rõ ràng đã chiếm trọn miền Nam, kẻ bại trận từ chối tin tưởng đã là điều đáng trừng trị huống chi lại lớn tiếng thóa mạ. Anh bị dầm đầu vào thùng phân trước khi đưa vào sà—lim cùm chân, cố tình cho nhiễm trùng mà chết. May thay vào dịp anh Trung được tuyển tới làm việc tại bệnh xá cùng 5 người bạn bác sĩ quân y tù khác. Anh Trung đã kịp thời can thiệp cho người bạn tù kia được kịp thời đi tẩm rửa và bôi thuốc sát trùng lên các vết thương.

Trước khi dời phòng để chuyển tới ở hẳn bệnh xá, một bạn tù cùng phòng là đại úy phản gián rất ít nói bỗng lướt tới nói rất khẽ rất nhanh nhưng rất rõ bên tai anh Trung. Kể cả mấy anh em đứng sát đấy cũng không ai nhận thấy điều đó. Lời người bạn đại úy phản gián như rót vào tai anh Trung, "Nếu có dịp phát thuốc cho anh Tính —tên người bạn tù vượt ngục bị bắt lại—tại sà-lim, anh cố gắng bảo anh Tính lấy lòng đỏ trứng gà sơn lên mặt sẽ khỏi lẹ." Anh Trung chưa kịp đáp, người bạn đại úy đã lẩn về cuối phòng.

Anh Trung xách một ba-lô, một lẳng mây và một túi vải đựng đủ các thứ nhật dụng cùng áo quần chăn màn của anh xuống bệnh xá. Mãi tới bữa ăn trưa hôm sau, nhân dịp mở lon *guigoz* muối vừng làm thức ăn thêm, anh Trung thấy nằm gọn trong đó hai quả trứng gà tươi tự bao giờ. Anh Trung biết bộ phận tù phụ trách chăn trâu bò, nuôi heo, có nuôi

thêm gà mái lấy trứng. Thoạt anh Trung cũng lười chẳng buồn tự đặt câu hỏi anh đại úy phản gián đã làm cách nào mua lại hai quả trứng đó mà nhét vào lon guigoz muối vừng của anh. Anh chỉ giấu sẵn nơi túi khâu thêm phía trong cạp quần hai quả trứng đó.

— Quần và áo phát cho tù, dưới ánh sáng trí tuệ của Bác-Đảng, không hề có túi để không thể đựng giấu thứ gì. Sáng hôm sau anh có qua phát thuốc cho Tính tại sà-lim, nhân lúc tên lính đeo súng đi theo vô tình cúi xuống nhổ một cụm cỏ trên luống khoai lang, anh đã nhét vội hai quả trứng cùng mảnh giấy nhỏ ghi lời dặn dò vào miệng chiếc bị tay bỏ ngỏ với lời dặn cũng rất nhanh rất khẽ là Tính hãy theo đúng lời ghi trên giấy.

Ngay hôm sau vào giờ những người trực của từng đội xuống nhà bếp lĩnh phần cơm chiều, một người bạn tù trong đội cũ đã khéo lạng bước ghé sát chỗ anh Trung, lúc đó đương vô tình đứng sau hàng rào bệnh xá. Anh bạn trực đó đã kịp truyền đạt, "Bữa ăn trưa mai anh cố xoay được một tảng cháy đen như than trên phần cơm của đội mình. Rất cần!" Vì bệnh xá ngay sát nhà bếp nên anh Trung đã dễ dàng nhờ các bạn tù nhà bếp thực hiện cho điều sở cầu. Đồng thời cũng vào trưa hôm đó, sau khi đi phát thuốc cho các bạn tù về, anh thấy lọt vào kẽ tre đầu giường hai quả trứng gà tươi mới. Tới đây thì anh Trung thấy không cần phải biết ai trong đám bác sĩ quân y hay những bạn tù phục vụ bệnh xá đã làm việc đó. Hôm sau hai quả trứng mới đã tới tay Tính. Còn hai lần nữa anh Trung nhận được trứng tươi tương tự. Qua đi một tháng, Tính hoàn toàn lành vết thương mặt, không để lại một vết sẹo nhỏ. Tính đã nhiều lần quỳ xuống trong sà-lim, nói nhỏ, "Lạy Chúa, Chúa đã cứu con!" —Tính là người Thiên Chúa giáo. Anh Trung cũng được biết thêm tảng cháy cơm đen như than đã cứu sống một anh bị kiết lị nặng có thể nguy đến tính mệnh. Cách chữa bệnh này cũng do anh đại úy phản gián chỉ dẫn. Anh Trung hiểu tảng cháy đen đã cung cấp *carboganedin* cho bệnh nhân.

Tính khỏi mặt và được tha về đội để cùng anh em hằng ngày đi lao động như cũ.

Căn nhà sáu anh em bác sĩ quân y tù được ở tại bệnh xá dài khoảng 40 mét, rộng khoảng 6 mét, bốn bề đều có cửa, ba cửa khóa, riêng một cửa không khóa vì ăn thông sang nhà cầu. Cửa này là một tấm tôn nẹp trong khung gỗ, mỗi lần mở khép, tiếng tôn cọ sát kĩu kít rất chói tai đến nỗi sáu anh em bác sĩ phải bảo nhau nếu có ỉa đái thì ỉa đái trước khi có kẻng ngủ để khỏi làm mất giấc ngủ của anh em. Căn nhà được chia làm bốn phần đều nhau theo hai đường ngang dọc chính giữa. Hai phần trong cùng, một bên để bốn chiếc cáng khiêng bệnh nhân chồng lên nhau, một bên là những hàng gạch xếp nghiêng bố trí thành ba cái bếp đun. Sát tường dựng một chiếc mẹt tre thấp gãy một chân. Hai phần ngoài cùng là nơi

ngủ của 6 bác sĩ quân y tù. Anh Trung là tổ trưởng được chỉ định nằm ngay sát cửa tôn. Xung quanh nhà là tường tôn đóng sát mặt đất chỉ để hở khoảng năm phân cho gió lùa. Đèn bật sáng từ chập tối đến sáng.

Buổi trưa hôm đó sau khi đi phát thuốc cho bệnh nhân về, vừa bước vào khu bệnh xá, anh Trung hay tin người ta mới khênh tới một tù nhân tự sát tại trại đã được cấp cứu. Kẻ đó được thu xếp cho nằm ngay phần bếp phía trong cùng. Sáu bác sĩ ở đây vừa phụ trách săn sóc vết thương vừa chịu trách nhiệm canh phòng.

Anh Trung vô nhà, tiến tới sát giường bệnh làm bằng hai mảnh ván ghép kê trên hai chiếc mễ tre. Anh giật mình nhận ra người đương nằm thiêm thiếp đó là anh đại úy phản gián.

Lúc sáu anh em bác sĩ quân y cùng ăn trưa, tất cả tập trung những tin tức mỗi người lượm được mới vỡ lẽ người bạn tù đại úy phản gián đã tự tử vào lúc đêm tàn ngày rạng bằng một thanh tre cật dài một thước vót nhọn bào mỏng như hệt chiếc lưỡi lê. Thanh tre đâm xuyên từ phía trước ra phía sau may không trúng tim. Người tự sát để lại ba bức thư tuyệt mệnh. Một cho cha mẹ, cúi xin cha nẹ hãy tha tội bất hiếu cho. Một cho anh em bạn tù, tha thiết khuyên tất cả hãy nêu cao gương học tập tốt, lao động tốt cho xứng đáng với sự khoan hồng của cách mạng. Bức thư tuyệt mệnh thứ ba viết cho ban chỉ huy trại, ngỏ lời tha thiết cám ơn cách mạng —ý nói chính phủ— và Đảng đã rộng lượng khoan hồng cho đi cải tạo, nhưng tự xét mình đã làm phản gián trong bao nhiêu năm trường, lại từng tu nghiệp ở Okinawa, Nhật Bản hai lần, thì quả là trời không dung, đất không tha, làm sao mà mong cách mạng miễn cho khỏi chung thân biệt xứ, chi bằng tự xử lấy thân để minh xác lòng thành với cách mạng là hơn cả.

May thay mũi tre cật tuy xuyên từ trước ra sau không trúng tim mà chỉ chạm phổi chút ít, lại được biết kịp thời, nên cứu kịp. Cả ba bức thư tuyệt mệnh đều đã được ban chỉ huy đọc cho tất cả tù nhân nghe vào lúc tập hợp tại sân trại buổi sáng trước khi đi lao động.

Mỗi lần tiến tới giường bệnh anh đại úy, anh Trung đều ở tâm trạng ngập ngừng, chưa biết nên hỏi thăm ra sao. Nếu lại may mắn gặp lúc vắng chỉ có hai người, có nên tâm sự thân mật để gợi hỏi thêm về nhiều việc khác chăng? Nhưng mọi ngập ngừng của anh Trung đều thừa. Anh đại úy thường xuyên ngủ li bì. Xốc nách dựng anh ngồi dậy thì anh ngồi dậy, cho viên thuốc vào miệng thì anh ngậm, đổ nước chiêu thuốc thì anh uể oải uống, khi đặt nằm xuống thì toàn thân anh rũ ra như chiếc giẻ rách. Lúc tiêm thuốc, cho uống thuốc và cho ăn thường có cán bộ chứng kiến. Cứ như vậy được hơn một tuần thì đến đêm 24-12-1976, đêm Giáng Sinh, ban Quản lý cho phép tù nhân được thức khuya hơn chút ít, tổ chức

uống trà ăn kẹo do tù nhân góp với nhau, dĩ nhiên được ca hát nữa nhưng phải là những bài hát... cách mạng.

Sáu anh em bác sĩ quân y tại bệnh xá cũng tổ chức uống trà, ăn bánh kẹo và đồng ca vài bài. Thực ra anh Trung có thể đơn ca vì anh hát khá hay, nhưng dù yêu ca nhạc anh vẫn không sao tìm ra được bài ca cách mạng nào khích lệ anh đơn ca.

Người lính gác đeo AK đứng ngoài cửa hỏi lớn lần cuối cùng:

— Mấy giờ rồi anh?

Anh Trung, tổ trưởng đáp:

— Dạ mười rưỡi ạ.

— Thôi đi ngủ! Người lính ra lệnh.

Cuộc họp vui đêm Giáng Sinh giải tán, mọi người lục đục dũ chiếu mắc màn.

Hôm nào cũng vậy thường khoảng bốn giờ sáng là anh em đã có người dậy đun ấm nước sôi pha trà, uống chén trà trong sương sớm trước giờ cùng mọi người theo lệnh còi ra sân tập thể dục tập thể.

Tiếng anh bạn xách ấm vào phía trong chuẩn bị đun nước thốt khẽ nhưng dượm vẻ hốt hoảng, kinh hoàng nữa:

— Không còn bệnh nhân nằm đây!

Anh Trung dương nằm lơ mơ —anh không khoái trà— nghe vậy bèn vùng dậy hướng vào phía trong, giọng kinh hoàng không kém:

— Cậu bảo gì?

— Không còn bệnh nhân nằm đây nữa.

Cả năm người từ phía ngoài cùng bước vội vào. Trên giường nằm, chiếc mễ tre gãy một chân vẫn dựng sát tường nay được đặt ngược và phủ chăn lên. Lính đi tuần các ca trước nhìn qua cửa sổ vô, tưởng người nằm bắt chân chữ ngũ đắp chăn.

Anh Trung, tổ trưởng, gắng lấy lại tối đa bình tĩnh, nói rất khẽ:

— Thế nào chúng ta cũng bị cật vấn từng người. Nguyên tắc phải chúng khẩu đồng từ, lời khai cực kỳ gãy gọn. Ca hát đến mười giờ rưỡi. Cán bộ hỏi lần cuối cùng. Mắc màn ngủ. Thức giấc bốn giờ sáng. Phát hiện mất bệnh nhân. Bệnh nhân trốn thoát khỏi bệnh xá giữa khoảng đó.

Một anh góp ý ngay:

— Chúng ta hãy gấp trở lại giường ngủ như không có gì xảy ra. Phải bàn kỹ thêm rồi thống nhất ý kiến. Lính canh chưa đi tuần qua đây ca này đâu.

Thông cảm ý kiến hay, mọi người trở lại giường nằm im phăng phắc như cũ. Rồi ý kiến thầm trao qua trao lại. Nhấn mạnh lời khai phải cực kỳ rõ ràng đơn giản, toàn những gì tai nghe mắt thấy minh bạch. Chỉ có một điều mọi người phải tự kỷ ám thị cho thành phản ứng tự nhiên là khoảng

bốn giờ rưỡi sáng mới phát hiện ra người bệnh đã trốn thoát, chiếc mề lật ngược phủ chăn giả người nằm. Người phát hiện là anh Trung (nhân danh tổ trưởng anh nhận trách nhiệm đó) khi mang ấm thiếc vào đun nước. Như vậy họ có dùng *Penthotal (Sérum de la verité)* để khai thác tiếng nói tiềm thức thì mình cũng chẳng có gì để sợ.

Thực ra anh Trung vốn trực tính có sao nói vậy, nên hơi lúng túng khi sắp phải đóng vai giả vờ hô hoán phát hiện người mất tích — dù là hô hoán khi đứng một mình trong khoảng bếp vào lúc bốn bề trại vắng tanh. Đèn bệnh xá thì suốt đêm sáng trưng. May thay đúng lúc anh vừa xách ấm vào bếp thì bốn bề trại xôn xao những bước chân rầm rập, rồi có tiếng vọng từ ngoài, "Nó trốn trại!" Còn nghi ngờ gì nữa, đúng là anh bạn đại úy đã không may bị bắt khi vừa thoát khỏi bệnh xá. Thế là anh Trung hô lớn rất tự nhiên:

— Báo cáo các anh người bệnh đã trốn khỏi phòng này!

Tiếng chân rầm rập đổ lại và tiếng hỏi tức khắc:

— Anh nói gì?

— Báo cáo anh người bệnh phòng tôi không còn ở đây nữa.

— Thêm một tên trốn trại nữa rồi!

Anh Trung sững người. Tiếng một cán bộ đứng giữa sân hô lớn để thông báo:

— Thêm một tên trốn trại nữa là hai!

Lúc đó thì hầu như toàn trại thức giấc và nhốn nháo. Bỏ tập thể dục tập thể. Thỉnh thoảng có tiếng còi vẳng lại từ xa, thật xa. Bóng những người lính bước vội vã đổ người về phía trước, thoáng về ngả này thoáng về ngả nọ.

Sáu giờ sáng. Viên sĩ quan an ninh trên Ban chỉ huy ập tới cùng bốn người lính AK cầm tay lăm lăm. Thoạt y yên lặng đưa mắt quan sát nghiêm khắc quanh phòng. Sáu bác sĩ quân y đứng ngồi tản mạn. Giọng viên sĩ quan an ninh sắc gọn:

— Anh nào là tổ trưởng?

Anh Trung đứng thẳng người giơ tay:

— Thưa tôi!

— Anh theo tôi lên phòng làm việc.

Anh Trung thấy thót nơi bụng và lâm râm buồn... đi cầu. Bao giờ cũng vậy khi sắp phải đương đầu với cuộc thẩm vấn của sĩ quan an ninh cộng sản, anh Trung vẫn có tâm trạng nửa ngán ngẩm nửa chán chường như vậy, nhưng chỉ vào lúc đầu nhập cuộc thôi.

Khi tới phòng làm việc, anh Trung chưa kịp ngồi xuống chiếc ghế đẩu ngay trước bàn giấy, viên sĩ quan đã rút khẩu súng lục đặt mạnh trên bàn nói dằn giọng:

— Sinh mạng anh tùy thuộc ở lời khai của anh.

Anh Trung nghĩ trong đầu coi hôm nay như ngày giỗ của mình và anh xác định ngay thái độ bình tĩnh lì lợm bên trong nhưng vẫn giữ đủ lễ độ bên ngoài để khỏi chọc giận vô lối "đám con cưng của chế độ" này. Anh dư biết chúng giết người không gớm tay, nhất là vào dịp chạm tự ái thua mưu sĩ quan phản gián của mình. Anh bắt đầu trả lời những câu hỏi bằng giọng bình tĩnh, lời dễ dàng, và luôn luôn lòng nhủ rằng lời càng ít càng tốt, cứ đúng chuyện thật mà nói, có sao khai vậy tất cả những gì đã xảy ra. Dù có bị đòn cũng không còn một chi tiết gì khai thêm và như vậy anh cầm bằng bị ba trận là cùng. Anh biết kẻ bị tra tấn mỗi lần phun thêm một ít có thể tiếp tục bị tra tấn tới chết. Anh khẳng định với viên sĩ quan an ninh là sau câu hỏi cuối cùng của cán bộ lúc mười rưỡi khuya đến bốn rưỡi sáng là lúc anh dậy đun nước sôi. Anh tránh nói pha trà để khỏi chọc giận "người vô sản" về thói quen hưởng thụ... tiểu tư sản thối nát. Chợt viên sĩ quan hỏi:

— Đêm ngủ anh có ngáy lớn không?

Rất sáng suốt, anh hiểu ngay là câu hỏi gài bẫy. Nếu anh đáp "có" rất có thể bị hỏi lúc đó ai là người đánh thức anh dậy, như vậy liên lụy đến người bạn tình ngủ. Vì vậy anh đáp:

— Dặt mình nằm là tôi ngủ vùi một mạch vì mệt.

Anh dự định nếu bị cật vấn thêm anh cương quyết bám vào ý kiến ngủ vùi không biết là mình có ngáy không. Nhưng viên sĩ quan ngừng hỏi ở đây và để cho anh về bệnh xá. Năm người bạn cũng vừa phải đi làm bản tự kiểm về, mỗi người ngồi riêng một nơi cách biệt hẳn.

Thu thập tin tức, sáu anh em bệnh xá được biết hai người trốn trại đêm qua là anh bạn đại úy bệnh nhân và Tính, người đã nhờ xoa mặt bằng lòng đỏ trứng gà mà lành mọi vết cháy phỏng trên mặt, không để lại một vết sẹo nhỏ.

Anh Trung loay hoay suy nghĩ suốt buổi trưa, thêu dệt trong trí sự gắn bó của hai người, một hào hùng một mưu trí siêu tuyệt với cách dùng khổ nhục kế tự sát bằng thanh tre cật vót nhọn đâm xuyên người tránh không chạm phải tim. Anh thích thú ôn hình ảnh li bì và nằm như chiếc giẻ rách của tay cao thủ phản gián. Anh thích thú ôn lại nội dung ba bức thư tuyệt mệnh được đọc trước toàn trại buổi sớm nào.

Sau giờ nghỉ trưa anh Trung lại bị gọi lên phòng việc viên sĩ quan an ninh. Lại tiếng đập bàn và quát tháo phủ đầu cho một cuộc chất vấn mới. Nhưng anh Trung vẫn giữ vững lời khai minh bạch trước. Anh nhấn mạnh căn nhà sáu anh em ngủ không ai thấy động tĩnh gì.

Bỗng viên sĩ quan đổi giọng hết sức ôn tồn:

— Anh là tổ trưởng, anh nằm ngay bên cánh cửa tôn, anh không bao

che làm sao nó trốn thoát. Thôi tôi để anh về suy nghĩ cho kỹ, lần sau gặp lại tôi ở đây mong rằng anh có thái độ khôn ngoan hơn, thành khẩn hơn với cách mạng.

Nhất quyết không cho anh Trung nói thêm một lời, y làm điệu cho anh về ngay để suy nghĩ lại cho kỹ những điều đã nói với y. Trên đường về anh Trung tiếp tục suy nghĩ về hai người bạn tù vượt ngục, một hào hùng, một mưu trí siêu tuyệt, chắc chắn họ có bàn nhau trước, có hẹn nhau trước vào thời điểm đêm Giáng Sinh. Chao ôi, khổ nhục kế đâm xuyên ngực tính đúng đến ngày đó thì vừa bình phục để tới điểm hẹn, quả là mưu trí siêu tuyệt. Lạy giời cho hai người đó vượt thoát và bắt liên lạc được với lực lượng kháng cộng bên ngoài.

Cả sáu anh em đã tỉ mỉ quan sát thật gần thật kỹ quanh phòng. Không một dấu vết đào đất phía dưới tường tôn để chui ra. Tấm cửa tôn quả thật không một lần cót két đêm qua, bên trong nhà cầu không một gợn thay đổi. Khoảng nửa đêm hôm 25 rạng ngày 26-12-1976, cả sáu người đương yên giấc, có tiếng gõ cửa gấp. Cả sáu hoảng hốt nhỏm dậy lúc cửa ngoài mở khóa, viên sĩ quan an ninh bước vô, giọng cực kỳ nghiêm khắc sắc gọn:

— Anh Trung!

— Dạ có.

— Anh theo tôi!

Tới phòng làm việc, đèn điện sáng trưng, viên sĩ quan hầm hầm nói với anh Trung:

— Tất cả những lời khai của anh đều láo khoét! Tôi đã đọc 5 bản tự kiểm của 5 người bạn cùng phòng anh. Tôi đã được biết thêm một số chi tiết mới qua những lời khai của họ. Anh có nhiều liên hệ với tên bệnh nhân trốn trại. Anh ngồi đây, viết ngay cho tôi bản tự kiểm. Anh phải ghi rõ khoảng giờ này đêm qua anh làm gì. (*giọng y hạ xuống, dịu hẳn để đánh đòn tình cảm*). Anh hãy chứng tỏ lòng thành với cách mạng! Chúng tôi đánh giá lòng thành anh qua những dòng tự kiểm anh sắp viết.

Y trịnh trọng trao giấy bút cho anh Trung, trịnh trọng đặt lọ mực trước mặt anh Trung, rồi đi thẳng ra ngoài khuất dạng. Anh Trung viết bản tự kiểm y hệt những điều anh đã khai. Anh được phép trở về phòng khoảng ba giờ sáng, thực sự mệt đừ. Viên sĩ quan an ninh chỉ nhận bản tự kiểm anh trao mà không hề đưa mắt liếc qua một dòng. Trước khi cho anh về phòng, y nhắc lại, "Chúng tôi sẽ đánh giá lòng thành của anh với cách mạng qua bản tự kiểm này". Và anh cũng đáp lại, "Tôi biết nếu khai gian mình sẽ chết trước, tôi hoàn toàn khai báo thành thật tất cả những điều tai nghe mắt thấy".

Và câu chuyện qua êm, anh không bị gọi đi làm việc thêm lần nào

nữa. Hai người bạn tù đã trốn trại thoát không để lại quanh trại một tí vết tích gì. Thật thần sầu!

Cho đến ngày được tha về, kể lại chuyện đó cho bằng hữu nghe, anh Trung còn tỏ vẻ vô cùng thán phục cuộc trốn trại đó và ao ước sau đây có ngày được gặp lại Tính và nhất là người sĩ quan phản gián hai lần tu nghiệp ở Okinawa.

Phượng nhiều nữ tính, Phượng sợ mưu cơ. Nếu người sĩ quan phản gián đó trốn trại một mình, Phượng sẽ khắc khoải trong viễn tượng hận thù dằng dẳng, nhưng Phượng đã được hưởng hơi mát vì người đó kín đáo cứu Tính khỏi chết vì nhiễm trùng, cứu người đồng đội khác khỏi chết vì kiết lỵ bằng những môn thuốc đơn giản có tính cách gia truyền của anh, nhất là khi trốn trại anh đã khéo bố trí trước để kéo theo người bạn đồng đội hào hùng của mình. Và điều sau cùng chính Phượng gợi ý cho anh Trung hay là người sĩ quan phản gián thông minh tuyệt vời đó, sau khi đã hoạch định kỹ chương trình, anh theo đúng y boong như một máy toán điện tử. Sự kiện anh tuyệt đối nằm li bì, nằm như giẻ rách chính là để tránh gây tai họa cho bất kỳ ai khác.

3

Câu chuyện thứ ba anh Trung kể không có những nét ly kỳ hồi hộp, nhưng chính vì vậy hơi mát Phượng hưởng hiền dịu mênh mông hơn. Vẫn là thuở anh ở Suối Máu, Biên Hòa, sau vụ hai người vượt ngục thành công chừng một tháng, một chàng thượng sĩ Việt cộng trên hai mươi tuổi được phân công cung cấp lương thực cho bệnh xá. Ngày đầu nhận công tác, anh tập hợp toàn thể bệnh xá để nhắc lại khẩu phần mỗi nhân viên phục vụ bệnh xá, dù là bác sĩ, một đồng rưỡi một ngày, bệnh nhân ba đồng rưỡi một ngày. Giọng anh rõ ràng là cố lên gân hách dịch cho ra vẻ cán bộ nói với phạm nhân. Ngay chiều hôm đó, sáu anh em bác sĩ quân y đương cùng nhau ngồi chuyện gẫu tìm hết lời lẽ cay chua phê bình chính sách quốc tế cộng sản —chẳng riêng gì Việt Nam— hy sinh lẽ phải, hy sinh chân lý, hy sinh con người để bảo vệ ảo tưởng. Nơi nào chúng nắm chính quyền chúng thẳng tay trừng trị, nghiền nát mọi biểu lộ ý chí đòi tự do tư tưởng, trong khi trên sách báo của chúng, trên diễn đàn quốc nội cũng như quốc tế, chúng không ngớt tự tuyên bố, tự đề cao chúng là lực lượng tiến bộ nhất, chiến đấu kiên cường nhất cho tự do, dân chủ, dân quyền thiêng liêng. Điều bất hạnh cho những nạn nhân đương thời và những nạn nhân trong tương lai của cộng sản là nhân dân thế giới tự do nghe những lời tuyên bố ấy một cách nghiêm túc, tin tưởng nơi chúng có nhiệt tình như thế thật. Vừa lúc Thuận —anh thượng sĩ Việt cộng— xuất

hiện, tiến tới. Dĩ nhiên sáu anh em chuyển sang đề tài khác vô hại. Anh thượng sĩ cười hiền lành, nhập bọn làm quen. Sau mấy lời khách sáo trao đổi phút đầu, anh vào đề ngay, tình cảm tỏa ra nơi lời nói, giọng nói thành thực đến nỗi cả sáu người nghe cùng chung một cảm giác ngỡ ngàng (trường hợp quá hiếm trong thế giới cộng sản giả-dối-đã-thành-thiên-tính-thứ-hai):

— Em năm nay hăm hai các anh ạ, thuở học xong lớp Chín thì đi nghĩa vụ quân sự.

— Anh vào quân đội được hai năm chưa? Một anh hỏi.

— Tháng sau là vừa tròn ba năm đấy. Ngoài Bắc năm mười bảy đã phải đăng ký, năm mười tám đi khám sức khỏe, sau đó là được gọi bất kỳ lúc nào.

— Nếu là con một thì được miễn phải không anh?Một anh khác hỏi.

— Như em biết nếu ở Hà Nội, nhà một con trai, được miễn! Nhưng em ở miền quê Hà Nam Ninh thì không kể trai gái. Những năm quân số nam không đủ thì nữ được *khuyến khích xung phong* (sáu người bác sĩ quân y hiểu ngay là chỉ định xung phong).

Thuận dặng hắng đổi giọng lớn tiếng:

— Thôi nhé, tôi tới nói cho các anh biết vậy (sáu bác sĩ quân y vừa kịp nhận có anh bộ đội khác vai đeo AK đi ngang qua). Các anh nhớ chỉ bệnh nhân mới được hưởng xuất ăn ba đồng rưỡi một ngày, tất cả những người khác chỉ có một đồng rưỡi thôi.

Dứt lời, Thuận vội vã trở về văn phòng, không quên giơ tay chào anh bạn đồng ngũ vừa ngang qua.

Ba ngày sau vào một buổi trưa lại có cuộc họp mặt đột nhiên tương tự. Lần này —và tất cả những lần về sau— Thuận luôn luôn cầm trên tay quyển sổ và chiếc bút chì để ngụy trang là đương làm việc kiểm soát về vấn đề thực phẩm với các phạm nhân. Dịp tâm sự kỳ hai này Thuận hỏi:

— Các anh có đói không?

Anh Trung đáp ngay:

— Anh thấy đấy, toàn ăn bo bo với sắn mà cũng không đủ. Đói chứ! Thuận nói khẽ:

— Tối nay phiên em trực, sớm mai khi mở cửa trại, em đã để cho các anh một gói ở góc hàng rào có bụi cỏ cao đằng kia, một anh nhớ ra mà lấy, thật kín đáo.

Sáng hôm sau, anh Trung tới góc hàng rào khoảng có bụi cỏ cao, quả nhiên thấy một bịch gói rất gọn, mang về mở ra thấy bên trong có khoảng ngót một ký gạo và một hộp sữa.

Lần gặp mặt buổi trưa với Thuận, anh Trung thay mặt anh em cám ơn và trả lại hộp sữa. Thuận gạt đi mà rằng:

— Các anh cứ dùng, đừng lo em mất phần, chả là kỳ này có mấy anh em vệ binh đi phép chưa về nên hàng phân phối dư, em được mua thêm.

Anh Trung bèn đòi trả tiền sữa thì Thuận nói mua giá cung cấp không đáng là bao. Lần đó Thuận tỉ tê tâm sự với anh Trung là chính ra Thuận đã bỏ quê trốn lên Hà Nội trù tính tránh nghĩa vụ quân sự, nhưng bí thư xã đã triệu tập toàn thể xã viên họp và công bố nếu Thuận không về trình diện kịp để thi hành nghĩa vụ thì gia đình Thuận sẽ bị cắt lương thực. Như vậy cũng thành tù giam lỏng vì lẽ không được cấp giấy phép đi chuyển tới bất cứ đâu. Thuận đành phải về quê, thoạt đăng ký vào thanh niên xung phong tình nguyện đi phục vụ Trường Sơn. Một năm sau Thuận mới chuyển sang quân đội hẳn. Chính vì mấy năm phục vụ dọc theo Trường Sơn, Thuận bị sốt rét nặng. Anh Trung khám cho Thuận và thấy Thuận bị báng. Anh bèn ghi tên thuốc *Fansidar* trị sốt rét cho Thuận gửi mua tận Biên Hòa, anh tặng thêm Vitamin B12 bổ máu và một thứ thuốc bổ gan. Quả thực Thuận cư xử tốt với tất cả mọi người. Kỳ thăm nuôi nào mà anh em tù được Thuận đưa đi thì được nói chuyện thả dàn với người nhà, lĩnh đồ thả dàn, không hạn chế.

Thấy một anh bác sĩ quân y đi guốc bằng gỗ đẽo lấy, Thuận gửi tặng một đôi dép râu; thấy một anh khác rách mướp, Thuận tặng hai chiếc quần đùi. Lương thực đựng trong bịch, thỉnh thoảng Thuận vẫn kín đáo để sẵn nơi góc hàng rào cỏ cao, có thể là đường, mè, đậu phộng kèm theo với ít gạo. Đồng thời câu chuyện tâm sự càng sâu xa hơn. Ông ngoại Thuận thắt cổ tự vẫn vào năm 1956 vì bị tố là địa chủ. ít lâu sau ông cậu Thuận đương là sĩ quan trong bộ đội cũng bị cắt đứt nhiệm vụ gửi trả về quê để chưa đầy một năm sau u uất mà chết. Đứa con gái lớn của ông cậu ngày đó đương phục vụ ngành vật lý trị liệu tại bệnh viện Việt Đức cũng bị ngừng công tác. Lời Thuận kết thúc câu chuyện:

— Không thể sống tại miền Bắc được đâu, các anh ạ. Em nhất quyết rồi đây khi giải ngũ sẽ sống tại miền Nam. Em sẽ lấy vợ Nam, tìm cách đón thày mẹ vào Nam. Không thể sống tại miền Bắc được đâu các anh ạ.

Ngừng một phút đầy suy nghĩ, Thuận ướm hỏi:

— Sau này em giải ngũ liệu các anh có thể giúp em tiếp tục việc học tại Sài Gòn được không?

Chính anh Trung đoan với Thuận là dư sức giúp Thuận ăn, ở và học tại Sài Gòn. Đôi mắt Thuận sáng lên một cách vô cùng tội nghiệp, nói những lời thật chí lý mà ai cũng biết là Thuận đã suy đi nghĩ lại không biết bao nhiêu ngày tháng rồi:

— Em biết khi được giải ngũ phục viên, em mà về quê thì chỉ có đói, không sao nuôi nổi cha mẹ, mà cha mẹ cũng không sao cưu mang được em. Sức học em còn non kém quá, không học cao như các anh không làm

được cái gì ra trò. Em phải học, học cao, các anh ạ. Mà làm sao em sống tại miền Nam, sống tại Sài Gòn có thể học cao cho được nếu không quen biết ai, không được ai giúp đỡ. Em nói thật, ngày sau em sẽ nhờ vả các anh đấy. Bây giờ em có thể giúp các anh, giúp bất kỳ ai, bất kỳ cái gì, là em giúp à!

Lại sắp có một vệ binh ngang qua, Thuận một tay cuộn quyển sổ, một tay giơ cao cái bút chì nói lớn:

— Thôi nhé, số gạo tôi phát cho bệnh nhân hôm nay như vậy là thừa nửa ký đó, ngày mai tôi sẽ trừ số đó.

Khi người vệ binh đi khuất, Thuận nói:

— Các anh cần mua cái gì cứ bảo em, dạo này em đi Biên Hòa luôn mà. Kể từ đó Thuận đã mua giúp mấy anh em ở bệnh xá nhiều thứ lặt vặt như: trà, cà phê, thuốc lá, kim chỉ... Mua bao nhiêu lấy bấy nhiêu, tuyệt đối không giữ lại tiền lẻ. Anh em ép Thuận lấy một số tiền nhỏ làm tiền uống nước, hút thuốc dọc đường, Thuận cương quyết khước từ. Chuyện tâm sự vẫn tiếp tục. Thuận thú thực thuở còn ở Trường Sơn vẫn cùng một số anh em lén nghe đài *Mẹ Việt Nam* và đài *Gươm Thiêng Ái Quốc*. Thuận rất khoái nghe bài "Giọt Mưa Thu" vẫn hát ở đài Mẹ Việt Nam, lời cũ được đổi thành lời mới để chiêu hồi. Một lần Thuận nói riêng với hai người bạn quân y của anh Trung, "Hai anh đừng trốn trại nhé, hai anh sắp được tha rồi đó, chính em được đọc danh sách".

Cả buổi sáng chủ nhật đó mưa gió tầm tã tưởng như có bão rớt và có thể mưa gió mấy ngày liền như vậy. Nhưng không, quá trưa trời hửng nắng, Thuận tới bệnh xá rủ anh Trung sang bên trại Ban chỉ huy chơi, nói là để anh Trung biết số gạo sẽ phát cho bệnh nhân vào sáng mai, thứ hai, nhưng kỳ thực cùng đi đào khoai mì luộc ăn. Cùng đi đào khoai mì với Thuận và anh Trung còn thêm Toại, một vệ binh khác cũng là bạn thân của Thuận. Ăn khoai mì xong ba người rủ nhau tới Hội trường đánh pingpong. Khoảng hai giờ rưỡi chiều Thuận kêu đói và đề nghị với Toại đi nấu chè đậu xanh ăn, vì sau tết Toại còn một ít đậu xanh và Thuận còn một ít đường. Ba người ngừng chơi pingpong để trở về thực hiện ý định ngay. Đi ngang qua một trạm gác cũ cả ba thoáng thấy một con rắn khá lớn trườn mình chui vào phần đào sâu dưới đất của trạm gác, bên dưới và bốn bề đều lát loại tôn lợp sóng.

Thuận hăm hở cầm gậy đánh rắn dự định sẽ nấu cháo đậu xanh với thịt rắn thay vì nấu chè. Một tấm ván tôn lâu ngày mục để hở một lỗ lớn, con rắn bèn chui vào lỗ đó để ẩn mình phía trong một nếp sóng lượn của tấm vách tôn. Toại nói:

— Chúng ta ra gỡ lấy mấy trái lựu đạn trái khói quanh hàng rào kẽm gai ngoài bìa trại, rồi tháo ra lấy thuốc súng đốt hun khói lưu huỳnh, con

rản phải ra, bắt dễ ợt.

Thấy đi chơi chiều chủ nhật đã muộn, vả mình không thể theo đi gỡ lựu đạn, anh Trung từ biệt về trại nói là còn phải lĩnh phần cơm chiều. Khoảng bốn giờ, anh Trung xách thùng ra giếng vục nước tắm nghe có tiếng nổ lớn. Nhìn sang phía trại Ban Chỉ Huy, anh thấy một cột khói mỏng bốc lên. Tắm giếng về thì vừa có người bên trại chạy sang cấp cứu bác sĩ... ngụy. Anh Trung theo đi ngay, tới nơi mới hay nạn nhân bị lựu đạn nổ vừa rồi là Thuận và Toại. Quân y đơn vị vẫn chưa có ai tới, Thuận còn nằm oằn oại trên khoảng cỏ, mặt mày cháy đen, tay mặt cụt còn thấy sợi gân dài đong đưa, tay trái đứt mất ngón giữa và ngón đeo nhẫn, đôi mắt mở trắng dã không còn lòng đen, miệng rên la nhưng máu chảy ít, trái lại Toại nằm ngay bên rên la ít nhưng máu chảy nhiều. Một anh bạn bác sĩ quân y cũng vừa tới phụ trách Toại. Anh Trung giựt vội sợi dây thun đen ở một chiếc xe đạp gần đấy buộc quanh cổ tay cụt của Thuận để cầm máu. Thuận tỉnh, rất tỉnh, ngừng rên la, mắt vẫn trắng dã hỏi:

— Ai đấy? Ai đấy?

Nghe và nhận ra tiếng anh Trung đáp, Thuận rên la ảo não:

— Em chết rồi anh ơi, hôm nay là ngày hai mươi ba, ngày cuối cùng của đời em. Cha mẹ ơi, ngày hôm nay con sinh Bắc tử Nam mất rồi. Anh Trung ơi, tay em đâu? Sao em cảm thấy em không còn tay nữa?

Anh Trung vội nắm lấy tay trái Thuận đương muốn chụp lấy tay mặt. Vừa lúc người ta khiêng hai tấm phản tới, một cho Thuận một cho Toại. Trong khi khiêng cả hai về quân y tiểu đoàn K16 của họ, anh Trung luôn luôn đi sát bên tấm ván cáng Thuận, luôn luôn trấn an, nói dối tay mặt Thuận vẫn còn nguyên, anh Trung sẽ đích thân săn sóc, Thuận sẽ khỏi, không phải sinh Bắc tử Nam đâu. Tới tiểu đoàn quân y K16, anh Trung sửa lại, băng lại vết thương cho Thuận trong khi Thuận không ngừng nhắc đi nhắc lại xin anh Trung đừng bỏ Thuận. "Em chết, em chết hôm nay, anh ạ. Em đã quá vụng dại mở trái lựu đạn rì". Anh Trung đề nghị quân y đưa Thuận và Toại đi Biên Hòa để tiếp máu tức khắc, nhưng phải qua những thủ tục chuyển thương binh, thủ tục chẩn đoán, làm bệnh án, nên máu mất nhiều đã tới mức Thuận hôn mê. Xe từ Biên Hòa vô, trời vừa chập tối.

Từ lúc hôn mê tới lúc đưa lên xe dời khỏi quân y, Thuận chỉ còn rên rẩm kêu cha gọi mẹ.

Dĩ nhiên anh Trung và người bạn bác sĩ quân y không được theo đi Biên Hòa. Hôm sau hay tin Thuận chết, còn Toại có cơ cứu sống.

Hai tháng sau Toại bình phục nhưng thành tật tay phải. Hai người bạn quân y của anh Trung được thả, đúng như Thuận đã báo cho hay trước. Sau đó ít bữa anh Trung được chuyển tới trại Xuân Phước, Tuy

Hòa.

Đồng hồ dưới nhà rãi rệ điểm ba giờ sáng, Phượng còn ôn lại vài chuyện vui bông lơn anh Trung kể xen kẽ vào tấn bi kịch về cái chết của Thuận. Có người đứng nghiêm nói lớn trước chòi gác:

— Báo cáo anh, tôi đi cầu.

Anh vệ binh không rõ sinh trưởng nơi nào miền Bắc ngẩn người hỏi lại:

— Làm gì có cầu mà đi!

— Báo cáo anh tôi đi ngoài!

— Ai cho phép anh đi ra ngoài!

— Báo cáo anh tôi đi... đi ỉa.

— Đi!

Sau vài vụ kế tiếp "báo cáo anh tôi đi ỉa" nghe không thích hợp với nếp sống văn hóa mới, các anh em vệ binh "cán ngố" sau một buổi họp đả thông bèn đồng ý ra lệnh mỗi khi phạm nhân xin đi ỉa thì nói, "Báo cáo anh, tôi đi ngoài".

Một buổi trưa oi nồng, anh vệ binh mệt mỏi đương ngủ gà ngủ vịt trong chòi canh thì có tiếng một phạm nhân vừa tới:

— Báo cáo anh tôi đi ngoài.

Anh vệ binh vẫn ngủ gà ngủ vịt.

— Báo cáo anh tôi đi ngoài.

Nắng chính ngọ đổ xuống chói chang. Anh vệ binh vẫn ngủ gà ngủ vịt. Cả vùng nóng hừng hực.

— Báo cáo anh tôi đi ngoài.

Anh vệ binh giật mình sực tỉnh:

— Gì?

— Báo cáo anh tôi đi vô.

— Sao? Vừa xin đi ngoài mà.

— Báo cáo anh, tôi... ị ra quần rồi.

Nguyên do dạo đó trại đương có dịch kiết lỵ, có anh một ngày đi ngoài đến hai mươi lần.

Phượng đã thiếp ngủ khoảng ba giờ rưỡi sáng. Phượng chìm vào giấc ngủ thăm thẳm không khác gì Thuận đi vào giấc ngủ thăm thẳm của sự chết, nhưng kẻ ngủ cũng như người chết cùng yên tâm, vì quả thực hơi mát thăm thẳm của tình người vĩnh viễn còn đó bao phủ lấy sự sống — dù hiểm nguy, dù khắc nghiệt đến mấy.□

Những bài thơ tạm biệt thơ

KHOA HỮU

Đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau
Nguyễn Du

Tử lộ

gửi Cao Xuân Huy

Ta về đây, bụi đường dong ruổi
ngọn gió mùa vuốt mái đa nhăn
người lính cũ thành tên tù mới
cỏ cây ơi còn nhớ gì chăng.

Điếu thuốc dốt tâm can, dị diệt
vết thời gian khói ám vàng tay
ngày tháng tận, chiêm bao cũng tận
chỗ dung thân, chỉ trái tim này.

Cuối bãi, đầu sông, dòng nước rút
đánh thức ta đau nỗi nghìn thu
chọt mất chọt còn như lẽ thật
chữ tử sinh âu cũng diên rồ.

Đất rã thịt xương trời sạch máu
chuyến đời đi, nào, kể từ đâu
dứt ruột ta bầm gan tháng sáu
mềm thân ta dìm mắt đêm sâu.

Đồng đội ta mấy người khuất mặt
giống ma hờn quỉ khốc chờ đây
mưa tạt run lòng ta u uất
chừng nghe viên dạn mới phân thây.

Độ ấy, em về như hoang tưởng
áo tiểu thư phong kín chiều tà
ta gửi mắt, gửi môi, gửi tóc
bút cỏ vàng thay mộ cành hoa.

Diềm gở ấy báo tin định mệnh
ta biết tìm đâu lối đất trời
giữa đồng gió còn xanh hẹn ước
ngôi mộ nằm trắng toát mầu vôi.

Ta nguyền rủa ta sao chẳng chết
có gì, thiên hạ giết em đi
ta áo trận, súng tay, loạn nước
em yêu là phản nghịch, có gì.

Hai mươi năm nhìn ra tủ lộ
Ta khóc giùm ta nỗi chán chường
bầy ngựa cũ già rong tứ xứ
cắm đầu, không ngoảnh lại bắc phương.

Ta có tội, ngàn lần có tội
dã sống còn như thể hình nhân
giọt máu cắt thay lời sám hối
sợi dây thừng thắt tiếng đời câm.

Mộ thư

Người đi ngàn dặm, thư về
bóc thư ta xé mấy bề không gian
chữ đau, lời ngắn đôi hàng
tờ hoa ơi, mảnh da vàng trên tay.

Người đi họa ước chưa bày
có chi hẹn lại một ngày đoàn viên
mười năm ta sống đã quen
chọn chung đau khổ lựa riêng quê nhà.

Ta còn, cũng chỉ một ta
đêm nhăn mộng mị sáng già thức trông
tờ hoa ơi mộ chiến trường
tờ hoa ơi vạt hồn không giữa trời.

Nghi lễ

Cầu hôn em nhận đời ta
mắt chưa gian dối tóc chưa bạc tình
ngực còn hơi thở chưa tanh
Áo manh trời đất còn xanh quê người.

Cầu hôn ta tuyệt tình ơi
nắm tay chưa mở thốt lời chưa điên
dứng đi ngồi cũng chưa hiền
bán ta mấy thủa chưa đền đáp nhau.

Cầu hôn trước, cưới em sau
bài thơ giao ước môi sầu đính hôn
lễ đưa có quả linh hồn
có hoa tiền kiếp trong vườn mai sau.

Em về đất khách làm dâu
trăm năm trăng ngủ nhớ dâu luân hồi.

Cái chết từ một ẩn ngữ

Tưởng hồn oan khốc vào ra
mở đôi mắt thảm nhìn ta, hận thù
lông vàng, trốn gió ngàn thu
da vàng mấy mảnh cũng vừa bọc thây
tội ta, tội số phận mày
vết dau cắt máu ngón tay chưa cầm
lửa thiêu tàn rụi trăm năm
nỗi oan cô quả cái lầm thế gian
đất ơi trả nắm vuông tròn
nhà xưa vắng chủ về than tiếng người.

Sài gòn 1994.

Bản Đồ Tiểu Thuyết
Đào Trung Đạo

CHƯƠNG 2
Nhân Vật Tiểu Thuyết

Tôi tin rằng hầu hết mọi tiểu thuyết đều phải giải quyết vấn đề nhân vật, và điều đó có nghĩa là biểu lộ nhân vật—đây là chỗ để trình bày biểu lộ nhân vật chứ không ph ải là chỗ rao giảng chủ thuyết, ngân nga ca hát, hay là làm lễ kỷ niệm những vinh quang của Đế quốc Anh—rằng cái hình thức của tiểu thuyết đã tiến triển từ chỗ luộm thuộm vụng về, dài dòng văn tự và nhạt phèo đến chỗ đã phong phú, uyển chuyển, và sống động. Như tôi đã nói, tiểu thuyết là bày tỏ nhân vật; nhưng lập tức thế nào bạn cũng nghĩ rằng những chữ đó có thể hiểu theo theo nghĩa rất rộng. Chẳng hạn, nhân vật lão bà Brown sẽ làm cho bạn chú ý tới theo cách rất khác nhau tùy theo tuổi tác và xứ sở nơi bạn sinh trưởng. Cũng chẳng khó khăn gì mấy nếu ta muốn mô tả cuộc gặp gỡ bà Brown trên chuyến xe lửa theo ba cách, trong ba bản văn, một của người Anh, một của người Pháp, và một của người Nga.

Về phần nhà văn Anh thì ông ta sẽ biến lão bà này thành một "nhân vật"; nhà văn này sẽ tả ra những nét kỳ cục và những phong cách riêng của bà lão; những nút áo và nếp da nhăn nheo; những dải băng và những mụn cóc nơi bà. Còn nếu đó là một nhà văn Pháp thì ông ta sẽ bỏ hết những chi tiết đó đi; ông ta sẽ hy sinh cá nhân bà Brown để đưa ra một cái nhìn tổng quát hơn về nhân tính; để tạo nên một toàn thể trừu tượng hơn, cân đối hơn, và hài hòa hơn. Còn nếu là nhà văn Nga thì ông ta sẽ xuyên thủng thịt da nhân vật; ông ta sẽ phơi lộ phần linh hồn—chỉ có một mình linh hồn thôi là đang lang thang đi vào nẻo đường Waterloo Road, gạn hỏi đời sống một câu hỏi ghê rợn nào đó, một câu hỏi còn mãi mãi vang vọng bên tai ta sau khi đã đọc xong quyển sách.

Và còn nữa chứ, ngoài tuổi tác và xứ sở ra còn phải xét đến tính khí

nhà văn nữa. Bạn nhìn thấy nơi nhân vật một điều, còn tôi lại thấy một điều khác. Bạn nói nó có nghĩa thế này, tôi nói nó có nghĩa thế khác. Cho đến khi bắt tay vào viết lách thì mỗi người sẽ có chọn lựa riêng về nguyên tắc. Có nghĩa là bà Brown có thể được xem xét theo vô vàn cách thức khác nhau tùy theo tuổi tác, xứ sở, và tính khí nhà văn.

Virginia Woolf, *Mr. Bennett and Mrs. Brown*

Chúng ta đã nghe nói quá nhiều đến "nhân vật"! Tuy nhiên tôi e rằng chúng ta chưa nghe ai nói đến một điều cuối cùng cả. Với năm chục năm bệnh liệt, bản cáo phó đã được ký tên đi ký tên lại nhiều lần bởi những nhà biên khảo nghiêm túc, vậy mà chẳng có ai làm một việc gì để lật nhào nhân vật khỏi cái ngôi mà thế kỷ 19 đã đặt nó lên đó. Ngày nay nhân vật dã là một cái xác chết ướp khô nhưng người ta vẫn cứ đăng quang nó với một vẻ tôn nghiêm giả tạo, coi như một trong những giá trị được tôn kính trong nền phê bình văn chương cổ điển. Quả thật mỗi khi nền phê bình này nhìn nhận ai là một tiểu thuyết gia "đúng nghĩa" đều cứ vào điều: "ông ta sáng tạo ra những nhân vật"...

Nhằm biện minh cho sự vững vàng của quan điểm này người ta đã dùng đến lối lý luận quen thuộc: chẳng phải là Balzac đã cho chúng ta *Père Goriot*, Dostoievsky dã sáng tạo nên *Anh em nhà Karamazov* đấy sao, từ đó có thể suy diễn ra rằng viết tiểu thuyết chẳng phải là dựng nên nhân vật thì còn là cái quái gì nữa: cứ việc thêm một số chân dung thời nay vào cái phòng triển lãm do lịch sử nền văn chương của chúng ta dựng nên.

Một nhân vật—ai mà chẳng hiểu chữ này nghĩa là gì. Nó không phải là một "chàng, hắn, gã" tầm thường, vô danh tiểu tốt và ngó suốt qua được, một chủ thể giản đơn chủ nhân của hành động được mô tả bằng tiếng động từ. Một nhân vật phải có cái tên riêng, có khi hai tên nếu như khả dĩ: một tên tục và một tên chính thức. Hắn phải có cha mẹ hẳn hòi, có giòng có giống nữa. Hắn phải có nghề ngỗng. Nếu hắn có tài sản thì càng nhiều tài sản càng tốt. Cuối cùng là hắn phải có một "tính chất," một khuôn mặt phản ánh tính chất đó, một quá khứ đã nhào nặn nên cái khuôn mặt và cái tính chất đó. Tính khí (chất) hắn sai khiến những hành động của hắn, buộc hắn phải phản ứng theo một cung cách qui định trước mỗi biến cố. Tính chất của hắn cho phép người đọc phê phán hắn, yêu mến hắn, ghét bỏ hắn. Nhờ ơn cái tính chất này của hắn, một mai hắn sẽ truyền lại cái tên hắn cho một loại con người, và hình như loại người này đang chờ đợi lễ thụ phong rửa tội đặt tên.

Chính bởi vì nhân vật phải là có một không hai và đồng thời phải nâng mình lên đến cái tầm mức của một loại người cho nên hắn phải có

đủ cá tính để giữ nguyên ngôi vị không ai thay thế được nhưng cũng lại phải có đủ tính tổng quát để trở nên phổ quát...

Sự kiện hiển nhiên là những nhà sáng tạo nhân vật, hiểu theo nghĩa cổ điển, chẳng còn có thể tìm cách nào khác để đem đến cho chúng ta một cái gì khác hơn là những tên bù nhìn mà chính những kẻ sáng tạo ra chúng cũng chẳng còn tin tưởng gì nữa. Tiểu thuyết về nhân vật hoàn toàn thuộc về quá khứ rồi, nó mô tả một thời đại: một thời đại được đánh dấu bởi sự cực thịnh của cá nhân....Thế giới chúng ta ngày nay không xác quyết chắc nịch về tự thân, có lẽ khiêm tốn hơn xưa chính vì đã từ chối sự hiện diện khắp cùng của con người, của nhân vị, nhưng cũng lại tham vọng hơn vì thế giới ngày nay muốn nhìn xuyên suốt sang bên kia cõi bờ.

Alain Robbe-Grillet, *Pour un nouveau roman*, tr. 27-9

Nhân vật là một tính từ (un adjectif), một thuộc từ (un attribute), một tiền trí từ (un prédicat) (chẳng hạn: không tự nhiên, tối tăm, minh tinh, kết hợp, quá độ, vô tín ngưỡng, v.v...) Dù rằng sự hàm nghĩa (connotation) có rõ rệt, sự định danh cái được chỉ nghĩa (le signifié) vẫn không chắc chắn, có tính cách phỏng định, không vững bền: việc gắn một cái tên (một danh từ) cho cái được chỉ nghĩa phần lớn phụ thuộc vào sự thích đáng có tính phê phán mà ta tự đặt mình vào: cái được chỉ nghĩa do sự hàm định chỉ là một sự khởi đầu, một thông lộ của ý nghĩa thôi. Người ta có thể xếp đặt những thông lộ này thành những quang cảnh khác nhau: đó là những khoa toán học (ở đây ta không tiến hành bất cứ một sự sắp đặt nào như vậy mà chúng ta chỉ đưa ra một bảng danh sách những những nhân vật, ta cũng chẳng tìm cách đặt chúng theo một trật tự nào cả). Nếu chúng ta bỏ sang một bên những chỉ nghĩa của những đối tượng hay của những bầu không khí, thực ra rất là hiếm có (ít ra là ở đây), thì cái thường thấy chính là điều rằng cái hàm nghĩa được liên kết chặt chẽ với một ý thức hệ về nhân vị (làm bảng thống kê những hàm nghĩa trong một bản văn cổ điển chẳng qua chỉ là để quan nhận cái ý thức hệ đó): nhân vị chẳng qua chỉ là một sưu tập những hàm nghĩa (nhưng ngược lại, những hàm nghĩa lại có thể di cư từ một nhân vật này sang một nhân vật kia nếu như ta lặn xuống một độ sâu tượng trưng nào đó nơi không còn chỉ dành riêng cho những nhân vị: Sarrasine và người kể chuyện cùng có những hàm nghĩa chung). Vậy thì, đứng từ quan điểm cổ điển (có tính cách tâm lý hơn là có tính cách tượng trưng), Sarrasine là số thành, là nơi chốn tụ điểm của: sự xáo trộn, thiên bẩm nghệ thuật, độc lập, bạo động, quá độ, nữ tính, xấu xí, bản chất hỗn tạp, vô tín ngưỡng, thích ăn xén ăn bớt, ý chí, v.v...). Cái làm cho ta có ảo tưởng rằng cái tổng số được bù đắp bởi một phần còn lại quí giá (một cái tựa như cá tính, ở

chỗ vì nó là một phẩm tính, không phai nhòa được, cho nên nó lọt khỏi việc thống kê sổ sách tạp nhạp những nhân vật chắp nối), chính là cái Tên Riêng (Nom Propre), một sự khác biệt được lấp đầy bởi cái riêng của nó. Cái tên riêng cho phép nhân vị hiện hữu bên ngoài những hàm nghĩa (sèmes) vốn hoàn toàn được tạo thành bởi cái tổng số kia. Ngay khi có một cái Tên hiện hữu (dù cho đó có là một đại danh từ) để mọi thứ xuôi chảy về và dính chặt vào thì những hàm nghĩa trở thành những tiền trí từ, những chất dẫn sự thực tới, và cái Tên trở thành chủ thể. Người ta có thể nói rằng tính chất riêng biệt của truyện kể không phải là hành động mà là nhân vật coi như một cái Tên Riêng: chất liệu hàm nghĩa nguyên thủy (tương ứng với một thời điểm nào đó trong lịch sử truyện kể của chúng ta) đến lấp đầy cái riêng của thể tính, lấp đầy danh từ (cái tên) bằng những tính từ.

Roland Barthes, *S/Z* , tr. 196-7

Nhân vật tiểu thuyết có tầm cỡ lớn là dấu hiệu hiển nhiên duy nhất của một nền văn chương vĩ đại. Kẻ thô lậu, kẻ hèn mọn có thể thấy nơi Alyosha chẳng có gì khác hơn là hình ảnh một thanh niên khiêm tốn, yêu Chúa; nhà học giả có thể thấy qua lối ứng xử của nhân vật này một hình thái tượng trưng; nhưng cái anh chàng Alyosha không được dạy dỗ này hình như lại có thực và hiện rõ trước mắt hơn cả cái anh chàng trẻ tuổi gặp trên đường phố hồi mình còn thơ ấu.....Một nhân vật có tầm cỡ lớn mãi mãi khiến ta phải chú ý; sự quyến rũ của nhân vật này chẳng bao giờ phai nhòa. Thật vậy, ai mà chẳng nói như thế. Hamlet. Ahab. Julien Sorel, Madame Bovary. Thảm kịch của những nhân vật này không có hồi chung cuộc. Văn chương vĩ đại là vĩ đại bởi vì những nhân vật tiểu thuyết của những nền văn chương đó lớn lao, và nhân vật là lớn lao khi chúng được nhớ mãi. Một công thức đơn giản....

Tuy nhiên không phải ai cũng nghĩ vậy đâu. Aristotle coi nhân vật là kẻ phục vụ cho hành vi thảm kịch, và từ đó trở về sau đã có quá nhiều những quan niệm về giá trị và chức năng của nhân vật—tất cả các quan niệm này đều rất tối tăm—nhưng điều quan trọng phải ghi nhận về hầu hết những quan niệm này là, dù cho những quan niệm này có nói lên được những gì sâu xa và kỳ diệu về thế giới và con người đến đâu chăng nữa thì nhân vật vẫn rõ ràng được quan niệm như đang sống bên ngoài ngôn ngữ...

Nhân vật tiểu thuyết trước tiên là tiếng kêu của tên mình, là tất cả những âm thanh và nhịp điệu phát ra từ chính mình. Chúng ta lướt qua phần lớn mọi thứ trong tiểu thuyết giống như khi ta đi tàu hỏa nhìn lướt qua mọi vật. Những chữ bay lướt qua tựa như quang cảnh. Tất cả lung

linh chuyển động. Nhưng trong dòng kể chuyện có một vài điểm tương đối nằm cố định; chúng ta có thể rời xa những điểm này nhưng chẳng bao lâu chúng ta lại trở lại với chúng, hệt như giòng nhạc xuôi chảy rồi lại quay trở về với chủ đề. Nhân vật tiểu thuyết chính là những thực thể chủ yếu (primary substances) mọi thứ khác được nối kết vào. Những khách sạn, y phục, đàm thoại, thịt nhồi, tình cảm, cử chỉ, những đêm tuyết phủ, những khuôn mặt—mỗi thứ có thể sẽ mờ nhạt nhanh chóng như khi ta đọc qua chúng. Nhưng ngôn ngữ của tiểu thuyết sẽ xoáy cuộn quanh một tình tiết hay một cái tên nào đó, như lời kể chuyện của Melville luôn luôn quay vòng trở lại nhân vật Ahab và lễ cưới của hắn với con cá voi trắng. Trong tiểu thuyết *Under the Volcano* của Malcolm Lowry núi non là những nhân vật, một khe núi, một cuốn phim, một bụi xương rồng, hay một tranh quảng cáo cũng là một nhân vật. Một biểu tượng như cái thập tự cũng có thể là một nhân vật. Một ý tưởng hay một hoàn cảnh (một tay theo chủ nghĩa vô chính phủ trong truyện *The Secret Agent* với trái bom thủ kỹ trong túi), hoặc một biến cố đặc biệt nào đó, một ý nghĩ ám ảnh, một quyết định (chẳng hạn quyết định bỏ hút thuốc của Zeno), một sự đam mê, một ký ức, cái thời tiết, cái áo khoác của Gogol—thật vậy, bất cứ cái gì được sử dụng như một điểm đặt cố định, giống như một tảng đá giữa lòng suối hoặc cục xà bông trong túi áo Bloom đều hoạt động như một nhân vật. Theo nghĩa này thì nhân vật là một vấn đề thuộc mức độ những chữ được dùng, bởi ngôn ngữ của tiểu thuyết có thể quay vòng trở lại khi thì bất chợt khi thì thường trực, không nguôi. Nhưng cái quan niệm cho rằng nhân vật tiểu thuyết giống như những thực thể chủ yếu phải được hiểu theo hai chiều đi lại, bởi nếu như bất kỳ cái gì cũng trở thành một nhân vật đơn giản chỉ bởi vì cái mức độ những chữ được dùng trong quyển tiểu thuyết đủ để qui định tính chất nó thôi thì nó cũng mất đi một phần thực thể, một phần chủ yếu trong cái chừng mực chính đến lượt nó, nó lại có tính chất một cái gì khác. Trong một cuốn tiểu thuyết được tổ chức một cách hoàn hảo mỗi chữ có thể tận cùng chỉ dùng để chỉ một vật thôi, tựa như Thượng đế của nhà siêu hình học vậy, ngay từ đầu đã là chủ thể và là cốt tủy của cái toàn thể rồi. Thông thường nhân vật là những con người do trí tưởng tượng hư cấu, và rồi được đặt cho những cái tên riêng. Trong những trường hợp này, tạo ra một nhân vật có nghĩa là cho một yếu tố chưa được biết X nào đó một ý nghĩa; nó tuyệt đối là cái được định nghĩa; và bởi vì trên đời này không có cái gì tương ứng với những cái X đó cho nên thực tại của chúng nằm gọn trong cái tên của chúng. Chúng là thế, như đã được đặt để như vậy.

William Gass, "The Concept of Character in Fiction," *Fiction and the Figures of Life*, tr. 34-8

Khi tôi thức giấc, bấy giờ đã gần tám rưỡi sáng, tôi cố gắng thử hình dung Agnes. Cũng giống như tôi, nàng đang nằm trong một cái giường rộng mênh. Mặt giường phía bên phải trống trơn. Chồng nàng là ai thế nhỉ? Rõ ràng đó là một kẻ đã rời khỏi nhà từ tảng sáng mỗi thứ bảy. Đó là lý do tại sao nàng một mình ở nhà, ngọt ngào chập chờn giữa trạng thái nửa ngủ nửa thức.

Và rồi nàng trở dậy. Đối diện nàng là cái máy truyền hình, nàng đứng một chân, giò nàng dài như chân cò. Nàng ném cái áo ngủ phủ lên cái máy truyền hình trông giống như một cái màn che sân khấu núm tua màu trắng. Nàng đứng bên giường, và lần đầu tiên tôi nhìn thấy nàng khỏa thân: Agnes, nhân vật nữ chính trong quyển tiểu thuyết của tôi. Tôi không rời mắt khỏi người đàn bà đẹp này được, và như thể nàng cảm thấy được tôi đang chăm chăm nhìn nàng, nàng vội vã rảo bước sang phòng bên để mặc quần áo.

Vậy Agnes là ai vậy?

Cũng giống như Eve từ cái xương sườn của Adam mà ra, cũng giống như Venus sinh ra từ sóng nước, Agnes nảy sinh từ cử động của cái bà lão đã lục tuần ở chỗ hồ bơi vẫy tay gọi nhân viên cứu người chết đuối. Và những đáng vẻ của bà ta nay đã mờ nhạt trong ký ức tôi. Vào lúc đó, cái cử động của bà gợi lên trong tôi một niềm tiếc nuối mênh mông khó giải thích được, và niềm tiếc nuối này đã khai sinh ra người đàn bà tôi gọi tên là Agnes.

Milan Kundera, *Immortality* tr. 6-7.

Có thể nói nhân vật (character) là một đề tài có ưu tiên cao ngang hàng với biến sự (events), chuyện (story) khi bàn về tiểu thuyết. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là phần lớn những sách nghiên cứu lý thuyết tiểu thuyết ít khi dành cho đề tài một chương có chiều dài (dày) tương xứng với tầm quan trọng của nó. Trong những sách nghiên cứu cổ điển như *The Rhetoric of Fiction* của Wayne C. Booth không có một chương riêng về nhân vật, *The Nature of Narrative* của Robert Scholes và Robert Kellogg khi bàn về đề tài này lại gắn nó trong khuôn khổ đề tài kỹ thuật kể chuyện, và E.M. Forster trong *Aspects of the Novel* tuy có dành cho đề tài này hai chương nhưng thay vì thảo luận và đưa ra một cơ sở lý thuyết về nhân vật tiểu thuyết lại chỉ làm công việc kiểm kê những nhân vật cổ kim và khái quát về một vài cách dựng nhân vật tiểu thuyết, cuối cùng đưa ra một nhân sinh quan của riêng ông. Đi sâu vào những lý do giải thích tại sao người ta đã tránh đào sâu đề tài này chúng ta thấy có mấy lý do chính: (1) Người ta đã coi như vấn đề chẳng còn phải tranh luận (take it

for granted), viết /đọc tiểu thuyết thì cứ cho nhân vật là "như thế, như thế". (2) Những người bảo vệ và duy trì truyền thống tiểu thuyết hiện thực cổ điển tránh bàn tới đề tài này vì nó liên hệ căn cốt tới ý thức hệ và quan niệm về văn chương mà họ muốn duy trì. Nếu như các nhà văn hiện thực ngày nay có thêm thắt một vài chi tiết mới cho quan niệm về nhân vật chăng nữa họ cũng vẫn giữ nguyên căn bản cũ. (3) Thị hiếu đọc tiểu thuyết theo những lối cũ mòn của đa số người đọc vốn chỉ ưa thích sự dễ dãi (dễ đọc dễ hiểu). (4) Tính chất quá chuyên môn của những công trình nghiên cứu tiểu thuyết.

Tuy nhiên kể từ khi xuất hiện phong trào tân tiểu thuyết, học thuyết cấu trúc, ngành nghiên cứu kể chuyện (narratology) trong bốn thập niên gần đây thì đề tài nhân vật tiểu thuyết đã được nghiên cứu và tranh luận nhiều hơn. Trước hết là những tranh luận về một quan niệm về nhân vật tiểu thuyết sau sự suy tàn của chủ trương hiện đại (Modernism). Sau đó là những tranh luận trong giới chuyên môn nghiên cứu văn xuôi sáng tạo do tưởng tượng về những căn bản lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khu vực văn chương này. Tuy nhiên xem ra giới đông đảo độc giả tiểu thuyết khắp nơi nói chung đã không mấy lưu ý tới vấn đề này. Còn phía người viết tiểu thuyết, nhất là những nhà văn của ta thì sao? Đã có những dấu chỉ nào trong tiểu thuyết của ta nói lên một lối xây dựng nhân vật tiểu thuyết mới đặt cơ sở trên một quan niệm về tiểu thuyết nói riêng và văn chương nói chung?

Trong phạm vi hạn hẹp của bài báo này chúng tôi sẽ khái quát mấy vấn đề sau đây: Nhân vật tiểu thuyết nhìn dưới góc độ khoa nghiên cứu về thể văn kể chuyện (narratology) và nhân vật tiểu thuyết trong tiểu thuyết hôm nay.

Từ diễn viên tới nhân vật

Tiểu thuyết là một trong những hình loại văn chương được chuyên khoa về thể kể chuyện nghiên cứu. Danh từ dùng chung cho tất cả các thể loại để chỉ tác nhân của hành động là diễn viên (actor) chung cho người, vật, và sự vật. Riêng trong tiểu thuyết người ta giữ lại danh từ nhân vật có nghĩa rõ là một diễn viên với những đặc tính con người phân biệt hẳn với những diễn viên khác loại, những đặc tính này đủ tạo ra hiệu ứng của một nhân vật tiểu thuyết. Điều rõ ràng trước tiên là nhân vật thì tương tự con người còn diễn viên không nhất thiết phải là con người. Thêm bước nữa, diễn viên theo góc độ nghiên cứu này là một vị trí cấu trúc (structural position) trong khi nhân vật lại là một đơn vị từ nghĩa phức tạp (complex semantic unit). Algirdas Julien Greimas (nhà nghiên cứu văn học Pháp) trong khi biến đổi và khai triển mô hình của Vladimir

Propp (nhà nghiên cứu văn học Nga), một mô hình qui định sự tùy thuộc của nhân vật vào những vai trò, những vũng hành động, cho nhân vật mang hai tên mới: diễn viên và hành viên (acteur, actant), cả hai đều hoặc trình diễn động tác hoặc đặt mình trong hành vi. Lấy một thí dụ: Tí và Tèo cho Tũn một quả ổi. Tí và Tèo là hai diễn viên khác nhau nhưng cả hai là một hành viên vì cả hai cùng làm một việc "cho", Tũn cũng là một hành viên (nhận). Chúng ta rất dễ nhận ra rằng hành viên là một phạm trù tổng quát, thuộc về hạng (class) trong khi diễn viên có những đặc điểm cá biệt. Greimas thu phạm trù hành viên vào sáu loại: người cho (gửi, sender), đối vật (object), người nhận (receiver), người phụ giúp (helper), chủ thể (subject), và đối phương (opponent). Quan hệ đi lại giữa những hành viên được qui định tùy theo liên hệ của chúng với biến cố (events). Về phương diện câu chuyện (story), các nhân vật hay hành viên là những cá nhân khác biệt nhau, và với những đặc điểm được gán cho bởi tác giả, hoạt động theo những cách khác nhau tùy theo người đọc quan niệm. Người đọc tìm hiểu các nhân vật, thấy nhân vật hấp dẫn nhiều ít tùy theo từng cá nhân người đọc, hoặc đồng hóa mình với nhân vật ở mức độ ít nhiều (hoặc không thể đồng hóa) tùy nơi tùy thời. Chúng ta ở đây không tìm cách qui định xem nhân vật là ai (who they are) nhưng thử nêu đặc tính của chúng, xem họ là người nào (what they are) và làm sao ta có thể tìm ra họ trong tiểu thuyết. Khi làm như vậy có những vấn đề sau đây được đặt ra:

1. Chúng ta đều đồng ý rằng nhân vật tiểu thuyết không phải là những người thật ngoài đời. Nếu cần cho một cái tên thì ta có thể gọi đó là cái được dựng ra (construct), do phóng chiếu (projection), nhái lại, hư cấu, hoang tưởng v.v...không có máu cũng chẳng có xương thịt, chỉ là những con người giấy do chữ nghĩa tạo ra. Nhân vật không có một nhân cách thực, chỉ là một khung hình, không mang sẵn một ý thức hệ, nhưng lại là một không gian có khả năng dung chứa và đảm đương tất cả những thứ vừa kể. Làm sao để cho nhân vật tạo được hiệu ứng thực sự của nhân vật tiểu thuyết? Vấn đề đặt ra là: làm sao rạch ròi phân biệt một bên là con người thật ngoài đời, bên kia là nhân vật? Với tất cả lượng tin tức do tác giả cung cấp như chất liệu của tiểu thuyết (fabula, chuỗi những biến cố dẫn đến câu truyện) rải rác khắp cùng, được trình bày khi thì trực tiếp khi thì gián tiếp, lúc nhấn mạnh lúc phớt qua, người đọc làm sao có thể quyết định chất liệu nào phải cho vào bức tranh toàn hình của nhân vật?

2. Vấn đề kế tiếp là việc phân loại nhân vật rất thời thượng trong văn học cổ điển và văn học hiện thực xã hội không có cơ sở vững chắc về mặt văn chương. Phân loại do E.M. Forster đưa ra chia nhân vật tiểu thuyết thành hai loại nhân vật tròn trịa (round character) và nhân vật

phẳng lì (flat character), đặt cơ sở trên một tâm lý học đã lỗi thời. Nhân vật tròn trịa giống như một người phức tạp, sẽ có những biến đổi khi câu truyện triển khai, có thể làm ngạc nhiên người đọc trong khi nhân vật phẳng lì cố định, không thay đổi. Chúng ta thấy ngay lối phân loại này chỉ áp dụng được trong loại tiểu thuyết phân tích tâm lý, đem áp dụng vào những hình loại văn xuôi kể truyện khác ta sẽ thấy hầu hết các nhân vật sẽ phải xếp vào loại nhân vật phẳng lì. Như vậy có nghĩa là ta lại phải đưa ra những tiêu chuẩn phân loại khác cho từng hình loại văn chương. Còn về lối phân loại nhân vật ra hai thứ nhân vật phản diện và nhân vật chính diện là lối phân loại có tính cách sử thi và lối phân loại này đã làm mất đi thời gian tính trong tiểu thuyết, đồng hóa thời gian của đời sống với thứ thời gian chết của một quá khứ đã qua hẳn, không còn liên hệ gì tới hiện tại. Hiểu như vậy chúng ta không còn ngạc nhiên khi thấy thời gian cộng sản theo duy vật sử quan đã giết chết thời gian của thể tính phơi mở trong tự do.

3. Một vấn đề khác cũng cần được nêu ra là ảnh hưởng của hoàn cảnh ngoài bản văn (extra-textual situation) trên việc đọc truyện. Có nhiều thực tại ngoài bản văn đã tham dự vào việc đọc văn. Chẳng hạn đối với một người đã sống ở suốt dọc miền Trung, nhất là ở Huế trong những năm của thập niên 60 và 70 sẽ thấy những nhân vật trong *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác khác với một độc giả chỉ sống ở miền Nam, đấy là chưa kể sự khác biệt còn lớn hơn nữa đối với một độc giả lâu ngày sống ở ngoài nước. Có điều chắc chắn không nên quên rằng đó là những nhân vật tiểu thuyết, không phải là những nhân vật thực, hoặc ít ra là tuy những nhân vật này có gần với những nhân vật thực mấy chăng nữa nhưng chúng lại có một ý nghĩa khác hẳn điều người ta có thể lầm tưởng nếu như ta đặt chúng trong toàn bộ cuốn tiểu thuyết. Cũng tương tự như vậy nhân vật Tổng Thống Eisenhower trong *The Public Burning* của Robert Coover không phải là ông Tổng Thống Eisenhower bằng xương bằng thịt ngoài đời. Ngoài ra còn có nhiều yếu tố ngoại bản khác tham dự vào việc đọc, thật khó mà qui định cho rạch ròi.

4. Cuối cùng việc mô tả hay quan nhận nhân vật tiểu thuyết còn mang nặng ảnh hưởng của ý thức hệ người đọc hay người nghiên cứu, và thường quí vị này không mấy khi để ý đến điều này. Phán đoán vì vậy mang màu sắc những giá trị khuôn rập, và những nhân vật tiểu thuyết hoặc bị đem ra đả kích hoặc bênh vực như thể đó là những con người bằng xương bằng thịt! Làm sao có thể giải quyết những vấn đề trên?

Mieke Bal (nữ giáo sư Văn Chương Tỉ giảo Đại Học Utrecht) đề nghị mô thức sau đây để việc định tính nhân vật tiểu thuyết có cơ sở vững vàng hơn.

a. *Tính khả dĩ tiên đoán được* (Predictability): Nói chung, khi có trong tay một số dữ kiện ta có thể căn cứ vào đó mà tiên đoán về nhân vật. Đối với tất cả những dữ kiện, tin tức ngoại bản chúng ta xếp chúng vào nhóm gọi là khung qui chiếu (frame of reference) gồm tất cả tin tức tương đối chắc thực người trong cộng đồng có biết tới. Vai trò của khung qui chiếu rất quan trọng khi ta đọc tiểu thuyết mô tả những nhân vật lịch sử, vốn là những nhân vật qui chiếu. Trái với điều nhiều người vẫn nghĩ, nhân vật lịch sử khi đem vào tiểu thuyết, tuy một mặt người đọc khá quen thuộc với những tính chất của nhân vật nhưng mặt khác, các hành vi tính chất khác chưa ai nói tới khi được mô tả ra lại dễ dàng được chấp nhận nếu như sự mô tả vẫn tôn trọng những điều khả dĩ đối với khung qui chiếu. Những nhân vật lịch sử như Quang Trung, Gia Long, Nguyễn Du trong các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp chứng tỏ điều này. Đối với đại đa số người đọc, những điều Nguyễn Huy Thiệp mô tả có thể chấp nhận được. Nhưng chúng lại trở thành không thể nào chấp nhận được đối với những tay phê bình chấp pháp sử dụng tấm khung qui chiếu tối thượng là giáo điều của Đảng! Những yếu tố ngoại bản khác khiến cho ta có thể có tiên đoán về nhân vật khác cũng cần được nêu ra vì chúng cũng cũng đặt ra những giới hạn cho việc qui tính nhân vật như: giới tính, nhân vật được giới thiệu bằng ngôi nào trong các nhân xưng đại danh từ, tên của nhân vật, tuổi tác, nghề nghiệp v.v...đều tạo nên nơi người đọc những phỏng chừng. Quan trọng không kém là yếu tố hình loại văn chương, thái độ người đọc sách, cách thức đọc sách, trình độ văn hóa và giáo dục của người đọc v.v...Đây cũng là một phạm vi cần có những khảo cứu chi tiết tường tận để tìm hiểu hơn về nhân vật tiểu thuyết.

b. *Xây dựng những nội dung*: Đối với người đọc cũng như người viết thoạt đầu ta không thể hoàn toàn nhận diện được một nhân vật. Dần dà, bằng cách lặp đi lặp lại (repetition), thu góp tích lũy (accumulation) dữ kiện, nhận thức những mối liên hệ của nhân vật này với những nhân vật hoặc biến cố khác (relations)—liên hệ tương đồng hay liên hệ đối nghịch—và cuối cùng là sự biến đổi (transformation) là bốn nguyên tắc để xây dựng hình ảnh nhân vật.

c. *Lấp đầy phóng họa* (Filling in the Outline): Bước cuối cùng để ta có thể nói được rằng nhân vật có tạo được điều mong muốn là một nhân vật tiểu thuyết không là ta phải hoàn tất một cách khả dĩ việc lấp đầy những nội dung cần thiết trong bức phóng họa nhân vật. Vấn đề đặt ra trước tiên là việc qui định đâu là những đặc tính thích đáng, thứ bực quan trọng của từng đặc tính. Một trong những phương pháp khả dụng là việc chọn lựa những trục từ nghĩa (semantic axes) thích đáng. Trục từ nghĩa là những cặp từ ngữ có ý nghĩa đối nghịch, chẳng hạn

rộng/hẹp, giàu/nghèo, nam/nữ, hiền lương/ác độc...Khi đã có những trục từ nghĩa rồi ta sẽ tập trung việc chọn lựa trong vô số những đặc tính được nêu ra xem những đặc tính nào ăn khớp vào trục nào rồi từ đó qui định con số lớn nhất khả dĩ có được về những nhân vật, kể cả hai thứ yếu tố có dấu âm (–) và dấu dương (+). Khi đã qui định được nhân vật nằm trên trục nào rồi ta có thể thấy ngay nhân vật nào là có tính đậm nét, nhân vật nào mờ nhạt. Những nhân vật cùng nằm trên một trục và có cùng dấu âm hoặc dương là những nhân vật đồng nghĩa (synonymous). Điều không nên phạm là không được chọn trục một cách quá đơn giản theo kiểu phân đôi trục, và cũng nên xét xem sự khác biệt giữa các nhân vật là khác về mức độ hay khác về thể cách. Từ đó ta cũng có thể dễ dàng đẩy xa việc nghiên cứu các tương quan giữa các đặc tính của nhân vật. Chẳng hạn giới tính thường đi đôi với quan điểm ý thức hệ nào, nam nữ trong mỗi thời có thái độ với chiến tranh ra sao, tương quan của chúng đối với môi trường và thời đại sống như thế nào v.v...Khâu cuối cùng sau khi đã có bức chân dung nhân vật là đem đối chiếu chân dung này với những chức năng, vai trò của chúng trong hàng loạt những biến cố (fabula) để từ đó ta có thể điều chỉnh (đọc) hay thay đổi (viết) trong việc xây dựng nhân vật.

d. *Nguồn tin tức* (Sources of Information): Có hai nguồn tin tức về nhân vật: hoặc trực tiếp do chính nhân vật phát biểu hoặc suy diễn từ những hành động của nhân vật. Thường tính khả tín của những lời tuyên bố của chính nhân vật nên được cứu xét kỹ. Tính khả tín của những đặc tính của nhân vật trong những loại hình văn chương như nhật ký, hồi ký, tiểu thuyết tự sự cần phải được đặt thành vấn đề cứu xét. Còn một nguồn tin tức khác nữa không nằm trong chuỗi những biến cố là những phát biểu về nhân vật của người kể chuyện. Người kể chuyện có thể là kẻ khả tín, cũng có khi là bất khả tín (đặc điểm của tiểu thuyết hậu hiện đại). Nói chung, với ba nguồn tin tức bổ túc cho nhau nói trên chúng có thể giúp ta soi sáng việc mô tả và phân loại nhân vật tiểu thuyết. Từ phân tích nhân vật đứng ở góc độ của chuyên khoa nghiên cứu thể kể chuyện ta có thể rút ra những điều ngầm được chấp nhận: (1) nhân vật tiểu thuyết được dựng nên bằng chữ nghĩa (words) chứ không phải là con người thực ngoài đời; (2) Đặc tính nhân vật được qui định qua hành động chứ không do bản chất; (3) mô hình nghiên cứu lấy từ khoa từ-nghĩa-học (semantics), là một khoa học mô tả có tính hệ thống và có giá trị của một khoa học nhân văn; (4) Cơ sở của nghiên cứu này dặt trên khái niệm hội tụ (concept of focalization) do Gerard Genette (nhà nghiên cứu văn chương Pháp) nhấn mạnh đến sự phân biệt giữa kẻ quan nhận và người phát biểu vốn rất thích hợp với truyền thống phân biệt người kể

chuyện với những chân trời kể chuyện (narrative perspectives) của Henry James và Percy Lubbock, cho nên chuyên khoa nghiên cứu thể văn kể chuyện rất phát triển ở Mỹ và những xứ nói tiếng Anh.

Câu hỏi đặt ra là: Phải chăng mô hình nghiên cứu từ nghĩa cũng chỉ là một câu chuyện về đọc sách (a story of reading) trong muôn vàn câu chuyện về đọc sách khác? Nếu ta chú tâm theo dõi tư tưởng văn học của Roland Barthes, một người có ảnh hưởng rộng lớn trong ngành lý luận và phê bình văn học ngày nay, từ những tác phẩm đầu trong những thập niên 50, 60 chuyển qua những thập niên 70, 80 Barthes đã nhiều lần thay đổi quan niệm về nhân vật tiểu thuyết. Trong giai đoạn đầu cùng với Alain Robbe-Grillet và Claude Simon, Barthes phủ nhận sự hiện hữu của nhân vật, cho rằng nhân vật là tùy thuộc vào hành động, nhưng sang đến giai đoạn viết tác phẩm S/Z Barthes lại tuyên bố "cái riêng của thể kể chuyện không phải là hành động nhưng là nhân vật được coi như một cái Tên Riêng" như trong đoạn văn trích dẫn ở trên đã cho thấy.

Nhân vật trong tiểu thuyết hôm nay.

Sau khi Nietzsche tuyên bố Thượng đế đã chết và Barthes khâm liệm "tác gia" tiểu thuyết, Alain Robbe-Grillet trong *Pour un nouveau roman* tuyên bố: "Tiểu thuyết về nhân vật nay đã hoàn toàn thuộc về quá khứ, loại tiểu thuyết này mô tả một thời đại: thời đại đánh dấu thời cực thịnh của cá nhân". Vậy ta có thể hiểu: nhân vật tiểu thuyết theo quan niệm tiểu thuyết cổ điển thực sự đã chết. Nhưng nhân vật trong tiểu thuyết cổ điển như thế nào? Để trả lời câu hỏi này chúng tôi thấy cần đặt nó vào trong khung cảnh lịch sử của sự xuất hiện tiểu thuyết cũng như trong cái nền văn hóa và triết lý của giai đoạn lịch sử này. Như ta đã thấy, tiểu thuyết—hiểu như Kundera, một sản phẩm của Âu châu—xuất hiện và phát triển mạnh từ khoảng đầu thế kỷ 18 ở Âu châu, trong những thập kỷ đầu của Thời Mới (Modern Era) khởi đầu với Galileo và Descartes. Đó cũng là giai đoạn cực thịnh của các khoa học thiên nhiên và toán học, một cách tổng quát đều đã giảm trừ thiên nhiên vào những đối tượng nghiên cứu, với tham vọng "con người làm chủ và sở hữu thiên nhiên." Thời Mới khởi đầu đưa nhân loại vào cuộc khủng hoảng kéo dài do nỗi đam mê vô tận đuổi bắt tri thức, đẩy tư tưởng rơi vào sự "lãng quên thể tính" (Heidegger). Trong các khoa học và triết học của thời đại này con người đã là đối tượng trung tâm nghiên cứu và suy tưởng: ngọn cờ nhân bản khai phóng giương cao ngạo nghễ cùng với điệu nhạc tri thức bùa thiêng cất lên báo giờ khởi hành của chuyến tàu lịch sử phóng mất hút vào một tương lai vô định mang theo con người như một chủ thể đang bị trói chặt vào những quyền lực của kỹ thuật, khoa học, và lịch sử. Tiểu

thuyết đã xuất hiện trong khung cảnh đó. Con người đang là đối tượng đứng đầu trong mọi lãnh vực sinh hoạt của đời sống. Như vậy chúng ta không ngạc nhiên khi thấy trong giai đoạn này tiểu thuyết gia xoáy trọng tâm vào việc mô tả, phân tích tìm hiểu nhân vật: đó là những con người của một xã hội mới đang thành hình, trước hết là con người tư sản thành thị kẻ tiêu thụ tiểu thuyết thuộc lớp độc giả đông đảo chưa từng có trước đây. Lúc đầu con người đó còn có niềm tin vào Thượng đế, còn có một hệ thống qui chiếu giá trị và nền tảng tính thể hướng về mặt trời Thượng đế tối cao. Nhưng cũng đã manh nha những nhị nguyên đối nghịch đòi hỏi một giải đáp tự bản thân: hồn/xác, ta/tha nhân, thế giới nội/ngoại tại, thiên nhiên/con người, tự do/tất định v.v.... Tiểu thuyết cổ điển cho đến cuối thế kỷ 19 đã đưa ra hình tượng nhân vật tuy có thay đổi tùy nơi tùy thời nhưng khái niệm về con người chung qui vẫn không vượt qua khỏi hình tượng con người Du châu tự kỷ (Eurocentric)—hình tượng này không đếm xỉa gì tới những văn hóa và chủng tộc khác như Á châu, Phi châu, và một phần lớn Mỹ châu La tinh—do Triết lý Ánh Sáng đưa ra. Đó là hình tượng con người tuy mang đặc trưng cá biệt nhưng luôn vươn lên tầm phổ quát, từ đi chinh phục thế giới và thiên nhiên đến quằn quại trong những hệ lụy thảm kịch của đời sống, và cuối cùng sống cô quạnh trong nỗi cô đơn tuyệt cùng của giòng ý thức nội tâm. Trong hơn hai trăm năm nhân vật tiểu thuyết tuy có những hóa thân trăm hình ngàn vẻ, chân dung muôn thuở được trưng bày trong bảo tàng viện nhân vật văn chương, nhưng tất cả đều mang trong thân thể vết sẹo của anh chàng Odysseus, nhân vật trung tâm của nền văn chương hiện thực Tây phương với Homer hai tay nâng cao tấm gương Mimesis nhằm cổ võ việc phản chiếu hiện thực ngoại giới vào trong văn chương.

Như chúng ta đã rõ vào năm 1924 Virginia Woolf đã lên tiếng "Vào khoảng tháng Chạp năm 1910 nhân vật đã thay đổi", và sự thay đổi này buộc văn chương cũng phải có những thay đổi theo. Trong suốt hai thập niên đầu thế kỷ 20 nhân vật tiểu thuyết đã thấm mệt trong cuộc vật lộn với qui dữ nằm mai phục trong chính tâm hồn mình. Cho đến Kafka thì nhân vật tiểu thuyết chỉ còn là một chữ cái của một cái tên không trọn vẹn (lời kêu tên bị tắc nghẹn trong tăm tối hay chính con người muốn (bắt buộc?) quên chính tên mình ?—K. Nhân vật chỉ còn là một mẩu tự, như vậy khi phát âm lên chắc không đủ sức vực con người mang tên đó đứng thẳng, hiện hữu trong thế giới. Đến Samuel Beckett thì nhân vật không mặt mày mang nhiều danh tánh biến đổi ngay trong một tác phẩm và từ quyển sách này 8 sang quyển khác: Molloy, Malone, Watt, Murphy, Malone Meurt, Godot...cũng chỉ là một qua những hóa thân, sự hóa thân của niềm im lặng trong ngôn từ tiểu thuyết. Và Borges, vào một buổi sáng ở

Mexico City, trong một căn nhà nhỏ đầm ấm, bên một khuôn lò sưởi rực rỡ đã chỉ cho Carlos Fuentes thấy nhân vật của tiểu thuyết không gì khác hơn là Aleph, một nơi chốn trên mặt đất là hội điểm của mọi nơi chốn, nơi thời gian bị triệt hủy bởi không gian nên mọi vật đồng thời hiện diện. (Xem: Carlos Fuentes, *Myself with Others* Farrar, Straus & Giroux, 1988, trang 140-59).

Với những nét khái lược về sự biến đổi của khái niệm nhân vật tiểu thuyết như trên chúng ta thấy rằng lời tuyên bố của Alain Robbe-Grillet rằng "nhân vật tiểu thuyết đã chết" vào năm 1963 không có gì đáng ngạc nhiên. Hơn nữa phong trào Tân Tiểu Thuyết (Nouveau Roman) với Alain Robbe-Grillet, Claude Simon, Jean Cayrol, Nathalie Sarraute, Philippe Sollers, Michel Butor, Marguerite Duras...nên được đặt trong bầu không khí trí thức những năm 60 ở Paris khi thuyết cấu thức (structuralism) đang ở thời làm mưa làm gió. Chính trong giai đoạn này Roland Barthes cũng viết những bài lý thuyết và phê bình hậu thuẫn cho phong trào tiểu thuyết mới, và *nouveau roman* gắn liền với những luận điểm của thuyết cấu trúc, trên hết là sự xóa bỏ ý niệm chủ thể vốn là một ý niệm trung tâm trong tư tưởng Tây phương từ hai ngàn năm. Thuyết cấu thức (structuralism) cho nhân vật tiểu thuyết cổ điển chỉ là một "huyền thoại" (myth). Câu hỏi đặt ra là: "Cái gì kế tiếp chủ thể ?" nghĩa là sau khi chủ thể bị xóa bỏ, cái gì sẽ kế tiếp? Giai đoạn thứ nhất có tính cách cực đoan của *nouveau roman* chấm dứt nhanh chóng trong một thời gian ngắn, sau đó chính Alain Robbe-Grillet cũng có những thay đổi rõ ràng từ *Jalousie* sang *La Maison de Rendez-vous*.

Đến đây chúng ta có thể đã thấy rõ khái niệm về nhân vật tiểu thuyết không là gì khác hơn khái niệm về chủ thể (subject). Khái niệm này thường được hiểu theo hai mặt, mặt siêu hình và mặt tâm lý. Về mặt siêu hình, chủ thể được giải thích là một thực tại đối nghịch với đối tượng (object), tha nhân, và ngoại giới. Các siêu thuyết tư tưởng Tây phương thuyết nào cũng đưa ra một hình tượng chủ thể, từ con người tư duy của Descartes, chủ thể siêu nghiệm của Kant, chủ thể như một ý niệm tuyệt đối của Hegel đến con người hết-vong-thân của Marx, siêu nhân của Nietzsche, và rồi con người phi lý trong triết học hiện sinh. Về mặt tâm lý, chủ thể được hiểu như một cá nhân, một bản ngã với một chùm những cá tính. Khoa tâm lý học cũng đưa ra rất nhiều những mô tả cá tính con người khác nhau, người ta đã không thể đồng ý về một danh sách cá tính chung cho con người. Nói chung, dù chủ thể được hiểu như một hình tượng siêu hình hay như một tổng thể tâm lý những cá tính, chủ thể hiểu như một bản ngã (identity) chẳng qua cũng chỉ là một cái gì được dựng nên, được xây đắp rồi sau đó bị phá hủy đi và thay thế bằng một cái gì khác. Nghĩa

là chủ thể chẳng qua cũng chỉ là sản phẩm của siêu thuyết. Những người theo thuyết cấu trúc và hậu-cấu-trúc (post structuralism) cho rằng khái niệm chủ thể chỉ là một huyền thoại, và là một huyền thoại cần được tháo gỡ, di chuyển khỏi vị trí trung tâm, bị đảo chánh lật đổ vì tất cả những huyền thoại này nhằm bảo vệ quyền lực một ý thức hệ chủ trì. Chúng ta rất dễ nhận thấy trong quá khứ, nhất là ở thế kỷ 19, rất nhiều nhà tiểu thuyết có khuynh hướng mô tả, phân tích đào sâu tâm lý nhân vật, xây dựng nhân vật tiểu thuyết với những nét, những đặc tính tâm lý. Khi viết tiểu thuyết theo kiểu này, nhất là khi xây dựng nhân vật, nói chung họ đã thầm chấp nhận hai điều: thuyết hiện thực (realism) đặt cơ sở trên một siêu hình học, và khái niệm chủ thể lấy từ trong các khoa học nhân văn. Cả hai đều đã thu giảm chủ thể vào bản chất (essence). Một điều thật hiển nhiên đã bị bỏ quên: viết tiểu thuyết. *"Bởi vì (ở đây là) viết, viết giống như một trò chơi tự nó coi thường cả luật chơi, là một thực hành liên tục tiếp diễn, có thể nói rằng không những chẳng hề quan tâm tới việc đưa ra một "cái tôi" (the "me") vào trong ngôn ngữ, nhưng cốt để mở ra một không gian nơi đó cái tôi mất tích đi cùng lúc Tôi (I) không ngừng tới và lui, theo đúng sự đòi hỏi của ngôn ngữ.* (Trịnh thị Minh Hà, *Native, Woman, Other*, Indiana University Press, 1989, tr. 35).

Đến đây chúng tôi cũng muốn mở một dấu ngoặc để lướt qua về tiểu thuyết chịu ảnh hưởng triết học hiện sinh và tiểu thuyết hiện thực xã hội. Nói chung, nhân vật trong tiểu thuyết hiện sinh vẫn được xây dựng theo kiểu cổ điển, chỉ là một hình tượng—dù đó là con người từ chối Thượng đế—là một chủ thể siêu vượt (sujet transcendental) trong dự phóng sống, mang trong tự thân con sâu ý thức hư vô lạc lõng trong một thế giới sự vật hỗn độn. Nhân vật tiểu thuyết hiện sinh không có sẵn một bản chất vì hiện hữu có trước bản chất. Thật ra về tiểu thuyết Sartre đã không thành công, nhân vật kiểu Roquentin của Sartre chỉ là một hình tượng siêu hình học nhằm phát biểu những ý tưởng triết lý nằm trong mặt nhận thức (théorie de la connaissance) chứ không phải trong mặt thể tính (ontologie). Tuy Sartre phê bình Francois Mauriac đã đóng vai trò nhà văn-Thượng đế khi xây dựng nhân vật tiểu thuyết nhưng chính nhân vật tiểu thuyết của Sartre cũng không vượt qua hình tượng con người có những nét căn bản trong tư tưởng siêu hình học Tây phương cổ điển. Về phía văn chương hiện thực xã hội trong hơn nửa thế kỷ từ sau Cách Mạng tháng Mười ở Nga thì tiểu thuyết cũng như nhân vật tiểu thuyết quả thực đã chết. Quan niệm chủ chốt của tiểu thuyết hiện thực xã hội là quan niệm nhân vật chính diện-phản diện chỉ là một bản sao gượng ép của khái niệm nhân vật tiểu thuyết cổ điển tuy những nhà lý luận văn học hiện thực đã cho rằng quan niệm này là một phạm trù lịch sử. Nhưng phải nói rõ hơn,

đó là một phạm trù lịch sử duy vật biện chứng theo quan niệm của Marx. Khi được thực hành trong bản văn tiểu thuyết những nhân vật này được giao cho những chức năng phi văn chương, có tính cách sử thi, phơi bày chủ đích làm công cụ cho một ý thức hệ, được tô lục chuốt hồng, cuối cùng trở thành những hình nộm, những bánh vẽ, và không được giới độc giả yêu mến. Hơn nữa, nhân vật tiểu thuyết hiện thực xã hội là một biểu lộ tột cùng sự khinh thường độc giả (nền văn học này đã thất bại trong việc tạo nên một tầng lớp độc giả). Nếu nhân vật tiểu thuyết cổ điển đã sống được hơn ba trăm năm thì nhân vật hiện thực chỉ có một đời sống rất ngắn ngủi không đầy năm mươi năm. Trong khi nhân vật cổ điển đã có một thời trẻ tuổi vàng son được yêu mến suốt thế kỷ 19 và một tuổi già được kính trọng mãi đến cuối hai thập niên đầu thế kỷ 20, ngược lại nhân vật hiện thực xã hội chủ nghĩa (dù đó là hình tượng {chủ thể} con người cọng sản hay cái "chúng tôi" tập thể của một xã hội không giai cấp) đã bị chết yểu và tống táng bởi chính những người đã dựng nên nó, đẩy lui nó vào quên lãng trước khi chủ nghĩa xã hội cùng nền văn chương vắng bóng tiếng cười hiện thực xã hội chủ nghĩa bị xụp đổ. Không có một tác phẩm tiểu thuyết hiện thực xã hội nào có cái may mắn chiếm được một chỗ trên kệ cao ở từng nhất căn nhà tiểu thuyết.

Từ những nhận định khái quát trên ta có thể ta có thể tạm thời kết luận: Độc giả tiểu thuyết hôm nay không còn thể bị lôi cuốn bởi những nhân vật được xây dựng theo kiểu mẫu tiểu thuyết cổ điển nữa, đó là những hình tượng trong quá khứ, sống trải và nghiệm sinh những cảnh huống của những giai đoạn lịch sử đã qua. Nếu như những tiểu thuyết đó có một giá trị được thời gian thử thách và tồn tại thì giá trị đó nằm ở chỗ nhà tiểu thuyết đã có công mở rộng khả tính của tiểu thuyết, làm mới truyền thống tiểu thuyết bằng những nhân vật của thời đại mình và một ngôn từ văn chương có sức mạnh đảo nghịch những ngôn từ khát khao quyền lực của chính trị, ý thức hệ, khoa học, kinh tế... Những tiểu thuyết đó có một đặc tính chung là người đọc không thể nào vét cạn được ý nghĩa của chúng trong lần đọc đầu. Nó buộc người đọc phải từ bỏ thị hiếu đọc sách theo những lối mòn, và ta chỉ thực sự đọc từ lần thứ hai trở đi.□

Kỳ tới: Truyện và những biến sự trong truyện

Chim Quyên Ăn Trái Nhãn Lồng

Trần Vĩnh Phố

Bữa nhậu đã gần tàn. Lỏng chỏng trên bàn những lon bia không lẫn lộn mấy bao thuốc lép xẹp. Dĩa thịt quay vơi quá nửa. Tô súp gà lềnh bềnh những váng mỡ béo ngầy ngậy. Anh Tư ngồi ngã người ra sau ghế. Ánh mắt mơ màng một nỗi buồn xa vắng. Điếu thuốc trên tay cháy ngún cái tàn dài bộn mà anh chẳng buồn gạt. Mỗi lúc anh lại thở dài ủ rủ. Không khí chìm hẳn xuống cái trầm lắng ngột ngạt. Thằng Bổn chắt lưỡi :

— Thôi đừng buồn anh Tư. Vô một cái nữa đi.

Anh Tư quay lại ngó thằng Bổn chẳng nói tiếng nào, cầm lon bia nốc luôn một hơi. Gương mặt anh tái như gà cắt tiết. Người ta nói mấy tay uống rượu mặt càng ngày càng xanh mới là chiến tướng. Rượu chỉ làm họ tỉnh táo ra mà thôi. Anh Tư thuộc hạng người này. Thằng Bổn lại chắt lưỡi một lần nữa :

— Mười năm rồi hả anh Tư ? Nghĩ cũng lẹ thiệt. Mới đó mà mình ăn mười cái Tết ở ngoài này rồi. Nhớ hồi mới tới....

Thằng Bổn chợt khựng lại. Nó thấy cặp mắt anh Tư mọng đỏ.

— Ừ, mười năm rồi. Anh Tư lẩm bẩm. Mười năm.....

Thằng Bổn thiệt là gà mờ. Nó muốn bắt chuyện để anh Tư khuây khỏa mà trở tới trở lui nó lại nhắc anh chuyện cũ.

Mười năm. Hồi đó mới tới Canada, hai vợ chồng sung sướng biết bao nhiêu. Vừa thoát khỏi cái địa ngục trần gian ở Việt Nam, đến một nước tự do, công việc thừa mứa, tiện nghi ê hề, anh ham làm đến nỗi đầu tắt mặt tối, mỗi ngày chỉ gặp vợ có một vài giờ. Dầu gì thì anh cũng đã ra ngoại quốc, cha mẹ anh em khổ cực ở nhà chỉ trông đợi đồng tiền của anh gởi về. Ở bên đó thì còn làm ăn gì được. Ruộng đất tàu bè đã vô tập thể, hợp tác.Cha mẹ anh già yếu, mấy đứa em còn nhỏ, có lao động gì được đâu. Thành ra cả gia đình chỉ sống nhờ anh. Những lá thư nguệch ngoạc mấy dòng chữ vụng về của thằng em út làm anh càng nôn nả làm

ngày làm đêm. Một job rồi hai job . Riết rồi anh chẳng còn nhớ trời đất gì nữa. Đi làm, về nuốt vội ba miếng cơm, lăn ra ngủ, rồi lại hộc tốc thức dậy ra đi. Ngày tháng trôi qua nhanh vùn vụt. Cho đến một hôm anh khựng lại bàng hoàng, khi tình cờ về sớm mở cửa bước vào nhà. Không khí trong nhà có vẻ là lạ, bất trắc. Anh cởi cái áo khoác máng lên móc, tụt đôi giày bốt ra rồi nhẹ nhàng bước vào. Khi anh vừa đến nhà bếp, cửa phòng anh đột nhiên mở tung, rồi tên chủ nhà phóng chạy ra cửa. Anh Tư còn đang ngẩn người ra thì gã đã khuất dạng sau cánh cửa đóng sầm lại. Đến lúc đó anh Tư mới hiểu ra mọi chuyện. Anh choáng váng, lảo đảo. Anh biết giờ này vợ anh đang ở nhà. Mới tháng trước chị Tư than mệt, anh đã vội vã bảo vợ nghỉ ở nhà một thời gian dưỡng sức. Anh thì sao cũng được, còn chị Tư chân yếu tay mềm làm sao kham nổi lâu dài những cực khổ trong factory. Anh còn tính cuối năm đó sau khi dành dụm được một ít tiền anh sẽ bắt chị Tư ở nhà lo dọn dẹp, cơm nước cho anh. Dù sao, về nhà có một mâm cơm nóng hổi cũng ấm áp và hạnh phúc hơn là cả hai quần quật đi làm. Tiền thì nhiều mà thì giờ gặp nhau ngắn ngủi. Cơm nước cứ bỏ tủ lạnh rồi hâm đi hâm lại chán phèo. Anh thương vợ. Tội nghiệp, bồng chống nhau qua tới đây chỉ có trơ trọi hai vợ chồng. Không bà con thân thuộc. Không họ hàng anh em. Nhiều lúc đi làm về thấy vợ nằm ngủ mà anh nghe bần thần muốn khóc. Anh không biết nói những lời ngọt dịu, không biết những cử chỉ âu yếm vuốt ve, chỉ âm thầm thương vợ với tất cả tấm lòng mình.

Hồi ở quê nhà, anh Tư là dân đánh cá, học hành đâu có bao nhiêu. Mới hết lớp hai đã phải theo mấy chú đi biển. Chị Tư cũng nhà nghèo. Mỗi buổi chiều chị ra bãi chờ tàu về mót nhặt từng con cá vụn về nuôi mẹ nuôi em. Cuộc đời mộc mạc như cái lưới cái chèo, nhưng cũng khó khăn lận đận như chén cơm manh áo. Vùng biển mà. Kiếm một hạt gạo cũng đổ mồ hôi sôi nước mắt. Cay đắng trăm bề. Chị Tư đâu phải một mình một chợ mà mót nhặt được nhiều.Chị phải giành giật, phải cào cấu, phải la hét mới có lưng rổ cá bán mua gạo mua khoai. Những mùa cá nối nhau trôi qua nuôi lớn cô gái quê chất vật. Anh Tư cũng lớn dần lên với nắng gió biển khơi, với con tàu cái lưới.

Rồi "cách mạng" về. Rồi vùng biển "giải phóng". Những người vô sản như anh Tư rất "hồ hởi phấn khởi". Mình làm chủ rồi. Từ nay con tàu là của mình, không còn tên tư sản nào có thể hạch sách , chửi bới khinh khi. Những buổi học tập, những đêm họp tổ. Vùng biển náo nhiệt hân hoan. Dân chài lưới, những người còn ở lại hạ lá cờ vàng ba sọc đỏ ở chi khu xuống và kéo lá cờ đỏ phất phới bay lên. Độc lập rồi. Tự do rồi. Sướng thật. Mỗi lần đi ngang qua ủy ban xã là anh Tư lẩm nhẩm hai câu thơ dán hai bên vách trước cửa ủy ban. *Độc lập tự do nhờ ơn Đảng. Áo ấm*

cơm no nhớ Bác Hồ.

Những sôi nổi ban đầu rồi cũng lắng xuống. Men say chiến thắng nhạt dần theo những khó khăn vất vả ngày thường. Bọn chủ đã bỏ trốn gần hết. Còn lại một ít chậm chân thì những đợt đánh tư sản cũng đã nhốt chúng trong tù. Bây giờ thì "nhân dân" làm chủ. Nhưng những ông chủ mới chỉ có cánh tay vạm vỡ, và cái bụng đầy tham lam vì túng đói đã lâu. "Tư liệu sản xuất" còn có thể cướp được chớ cái đầu óc thì biết kiếm đâu cho ra. Dần dần đội tàu đánh cá nằm ụ tới tấp. Lúc có dầu lại không có nước đá. Cá đánh về hàng đống không kịp ướp lạnh, không kịp chuyển giao, sình thối trong kho mà dân đi biển chỉ được những phần chia ít ỏi hiếm hoi. Khi nước đá về thì mấy cái "đầu bạc đầu xanh" lại làm reo chẳng chịu nổ. Phụ tùng không có, các ngài thợ máy, giai cấp tiền phong của Đảng, có tài thánh cũng chẳng vật lộn nổi với những tàn dư của đám chủ bốc lột bỏ lại cho nhân dân. Nhưng rồi "cái khó cũng ló cái khôn" các ngài phải gở heo dầu ở máy này, mót pít tông ở máy khác, gom góp năm bảy cái mới "đại tu" được một. Thế là đội tàu què quặt dần, rốt cuộc chỉ còn độ hai ba chiếc khập khểnh ra khơi. Vì thế mà đói. Anh Tư cô thế bị cho nghỉ việc dài dài. Còn chị Tư cũng chẳng còn những buổi chiều giành giật cá vụn cá con. Đổi đời rồi, phải sống theo nếp sống văn minh chớ, bà con không được giành giật như thế. Của đáng tội, gía cách mạng có cho phép cũng chẳng có gì để mà giành. Những tàu về lặng lẽ buồn thiu. Những con mắt ngó mấy cái cần xé cá gánh kẽo kẹt vào kho. Tài sản của nhân dân đó.

Rồi đến năm 79, Trung quốc đánh sang miền Bắc. Nhớ hồi mới giải phóng, cán bộ ta huênh hoang khoác lác: Bà con thấy không, Đảng đã lãnh đạo chúng ta đánh Tây đuổi Nhật và bây giờ đánh thẳng tên đế quốc đầu sỏ. Một trăm năm nữa cũng chẳng có thằng đế quốc nào dám léo hánh tới nước ta. Cũng đúng thôi. Đế quốc thì không thấy tới, nhưng cái thằng bành trướng bá quyền đã xe tăng tàu bò hùng hổ kéo sang. Trận chiến kéo dài một tháng. Nghe đài Bắc Kinh nói cái răng đàn anh Trung quốc đã cắn cái môi em út Việt Nam bầm dập. Còn Việt Nam thì tuyên bố là đã đập cho đàn anh gẫy mấy cái răng. Ôi tình nghĩa răng và môi. Sau cuộc chiến đó, vùng biển sống lại. Không phải sống với những chuyến ra khơi đánh cá, mà sống với những chuyến đưa người vượt biên. Mạnh nhân dân, nhân dân làm. Mạnh nhà nước, nhà nước làm. Nhưng nhà nước thì làm công khai, có bò vàng đứng gác, có sùi sụt tiễn đưa. Còn nhân dân thì làm chui làm lén. Tiếng là lén chớ thật ra cũng phải lót đường, cũng phải ăn chia. Rồi đi hôi, rồi gởi gấm nên chuyến nào ra khơi cũng ì ạch mấy trăm người trên cái trọng tải bình thường mấy chục. Vì vậy mà tàu đi thì vô số kể mà tới được các nước xung

quanh cũng hao hụt bộn bề. Anh Tư ra đi trong những chuyến cuối cùng của chiến dịch buôn người đó. Sau bữa ăn đơn sơ của cái đám cưới lén lút, một tháng sau anh Tư và chị Tư đã lọt xuống một chuyến tàu. Chẳng là thủy thủ, thợ máy, tài công đã đi gần hết, nên người Hoa phải rộng rãi một chút với những kẻ có tay nghề còn lại. Anh Tư chỉ là thủy thủ, nhưng có kinh nghiệm nhiều năm và lúc đó thêm bớt một chỗ cũng chẳng có nghĩa lý gì nên chị Tư được chấp nhận cho theo. Đúng ra thì anh Tư cũng chẳng muốn đi. Còn cha mẹ già, còn đám em nhỏ. Nhưng ở lại cũng không nuôi nổi bản thân, nói gì tới giúp đở gia đình. Bên chị Tư thì thúc giục ngày đêm. Thằng trưởng công an xã đã để ý tới cái nhan sắc mặn mòi của chị. Nó đã đánh tiếng mở lời mấy lần, nhưng bên nhà chị Tư cứ giả bộ làm lơ. Ba chị Tư là nghĩa quân chế độ cũ, chết trong một trận công đồn của du kích. Còn thằng Trưởng công an xã xưa là thằng ăn cắp vặt bị bắt mấy lần phải bỏ trốn vô bưng. Anh Tư chị Tư với thằng trưởng công an xã cũng là trương bạn với nhau hồi nhỏ cả thôi, nhưng lớn lên với những số phần riêng. Kẻ bất lương cùng đường thì trở thành cách mạng, còn người chơn chất vẫn "làm chủ" muôn năm.... Anh không chịu đi thì tui cũng đi. Tui rình coi chuyến nào rước người ở gần đây tui đi hôi. Chị Tư đã cương quyết nói với anh như thế. Anh Tư ngần ngừ. Chẳng lẽ đương không mình xách nhau đi như vậy sao? Cũng phải cưới hỏi cho phải lẽ. Chị Tư gạt ngang. Ối hơi đâu mà lo chuyện đó. Bên má tui không có chấp nhứt gì đâu. Ăn thua là ở anh, anh có thương tui không mà thôi. Anh Tư thở dài. Thương thì thương đứt ruột đi rồi, nhưng đâu phải muốn đi một cái rột dược đâu. Anh Tư ôm vai chị Tư chặt lưỡi. Ừ thôi đi thì đi, nhưng cũng phải đãi ba má và mấy đứa nhỏ một bữa cơm.

Thế là hai vợ chồng ra đi cùng với ba bốn trăm người trên một chiếc tàu ọp ẹp đóng vội vã. Người Hoa đã đánh hơi thấy sắp sửa cuối mùa rồi nên hối hả gấp rút. Cây ván tốt không còn, cứ gỗ xoài gỗ mít cũng đóng bừa cho có một chiếc tàu. Miễn nó trôi nổi được một tuần lễ, mười ngày là tới rồi. Chuyến tàu ra khơi vào tháng bảy. Mùa biển động mạnh. Gió cấp 5, cấp 6 hoành hành ngoài khơi. Những con sóng hung dữ nhồi đập con tàu oằn oại thảm thương. Biển như tên khổng lồ trợn trừng cặp mắt bão, rú lên những tiếng gào thét man dại, tát những cái tát thù hằn vào hông tàu nghiêng ngửa, rã rời. Con tàu lăn như chiếc lá nhỏ trên biển ngùn ngụt sóng và gió. Mấy trăm con người lăn lộn dưới hầm tàu với nước tiểu, phân người và những đồ ói mửa tanh hôi. Những người kiệt sức nằm rũ riệt mê man giữa những người còn lơ mơ một trời mây lảo đảo. Cái sống ở tít mù một thiên đường lạ lẫm còn cái chết thì đầm đìa những tuyệt vọng chung quanh. Những người còn khóc được

thì rên rỉ. Những người còn cầu nguyện được thì van xin. Chúa ở đâu, Phật ở đâu trong cái hỗn mang của biển trời bão tố, trong cái bi đát của cộng nghiệp luân hồi. Anh Tư, chị Tư thì suốt đời chơn chất, tội sát sinh chỉ có mấy con cá con mắm lèo tèo. Còn mấy trăm người kia ai mà biết được. Những ăn gian nói dối , những lừa đảo bội tình. Đầu cơ tích trữ, đạo đức giả hình, buôn dân bán nước.

Thế nhưng cuối cùng tàu cũng tới được Mã Lai, sau hơn 13 ngày oằn oại trên biển. Sóng đập con tàu va vào đá vỡ ra thảy tung mấy trăm người xuống nước. Bờ ở trước mặt. Sự sống đùa cợt, chế giễu những cặp mắt kinh hoàng cuống cuồng quẫy đạp. Để bước chân lên ngưỡng cửa thiên đàng, đám người vượt biển còn phải trả cái giá sau cùng. Mấy chục đàn bà trẻ em đã ở lại với biển. Có lẽ đó là những người ít tội lỗi nhứt.

Chị Tư không biết lội. Sống ở vùng biển, nhưng chị Tư chưa tập lội bao giờ. Xuống biển, chỉ ở lấp xấp mé nước rụt rè. Vì vậy mà anh Tư phải ôm chị bơi vào bờ. Bình thường thì dễ dàng thôi, nhưng ở đây người nào cũng muốn sống nên níu kéo, trì giật bất cứ cái gì ở trong tầm tay. Chị Tư đã bị một gã đàn ông nắm lấy chân dìm xuống nước. Suýt chút nữa anh Tư đã vuột mất chị nếu anh không kịp chộp lấy mớ tóc rũ rượi. Anh đạp vào đầu gã đàn ông để gã buông chân chị Tư ra, rồi anh kéo chị bơi đi. Cái sống sót đôi khi là một tội ác mà hình phạt treo lửng lơ ở một khoảng đời sau. Nhưng hơi đâu mà nghĩ ngợi, cũng không có thì giờ để nghĩ ngợi nữa. Sống cái đã.

Không có anh Tư, chị Tư đã chết mất xác ở biển Mã Lai rồi. Vậy mà qua tới đây, trong khi anh lầm lũi đi làm, một mực thương yêu chị, thì chị Tư no cơm ấm cật lại phản bội ngoại tình. Nghĩ tới đó anh Tư sôi lên, anh xông vào phòng. Chị Tư ngồi co ro trong góc, mắt hoảng sợ nhìn khuôn mặt anh Tư đằng đằng sát khí. Mái tóc uốn, thả lơi lả những lọn màu hung hung trên cái áo cánh mỏng. Sức anh Tư muốn túm lấy vợ, bẻ cổ, vặn họng cho đã cái nư giận đang trào lên, đang ứ nghẹn trong ngực anh. Trời ơi trời....đồ..đồ...Anh Tư lắp bắp khi nắm lấy tóc chị Tư ghịt xuống giường. Tao giết mày, tao giết mày rồi tao tự tử chết luôn....Chị Tư một tay che mặt, một tay lính quýnh gở lấy tóc ra. Tiếng tru tréo ướt đẫm nước mắt. Anh làm gì vậy, buông tui ra. Bớ người ta...Mắt anh Tư đỏ ngầu. Anh đấm túi bụi vào mặt vào người chị Tư...Đồ đĩ...đồ chó. Tao đem mày qua đây để mày đi lấy bậy hả.....Chị Tư co rúm người lại. Tiếng la bài hãi. Bớ người ta, bớ phú lít....nó giết tui. Anh Tư càng đánh càng say. Gương mặt đỏ ké, mồ hôi nhòe nhoẹt lấm tấm những vạt tóc bung ra sùm sụp. Bàn tay tê đại đi, và anh đấm xuống liên hồi bất kể quân thần phụ tử gì cả. Chị Tư lăn lộn trên giường, vừa tránh né những nắm đấm

của anh Tư, vừa giẫy dạp để cố thoát ra khỏi bàn tay túm lấy tóc chị.Tiếng thở hổn hển, tiếng khóc, tiếng la ầm ĩ trong căn phòng ngủ chật hẹp.

Anh Tư chợt dừng lại. Trong một thoáng chốc mắt anh bỗng bắt gặp khuôn hình để trên cái tủ quần áo. Trong hình anh và chị Tư đứng cạnh bên nhau. Chị Tư ngập ngừng cười trong cái dáng vẻ thẹn thò khép nép, còn anh Tư ngượng nghịu với bộ đồ tây của Cao Ủy cho, hơi ngắn một chút, đầy lúng túng vụng về. Phía đàng sau là biển. Bãi cát vắng, chiếc thuyền buồm thấp thóang ngoài xa. Tấm hình chụp lúc hai vợ chồng mới tới đảo. Lòng anh Tư chùng xuống. Cơn giận như con nước đêm rút xuống sát rạt bày những gốc bần trơ trọi ăn năn. Anh buông tóc chị Tư ra, lặng lẽ bỏ ra ngồi ngoài salon. Chị Tư sau một thoáng ngạc nhiên vì thoát nạn bất ngờ, rú lên khóc hù hụ. Tiếng kể lể than oán, trách móc như cái búa bổ vào đầu anh Tư những nhát đay nghiến. Anh biết tui có một mình, anh ăn hiếp tui.... Biết vậy thà tui ở lại Ba Động, có nghèo có đói cũng còn có bà con... ở đây tui cô thân tui trơ trọi, còn anh... anh đi tối ngày sáng đêm, anh có ngó ngàng gì tới tui đâu, anh có thương yêu gì tui đâu. Tiếng kể lể nghẹn lại trong tiếng nấc tức tưởi, rồi tiếng khóc tiếp tục hù hụ kéo dài. Anh Tư ngồi chết điếng ngoài phòng khách. Cơn giận không còn thiêu đốt tâm trí anh điên cuồng nữa nên anh trở lại với cái chơn chất thường ngày. Anh ngơ ngác nhìn bàn tay sưng vù bối rối. Trời đất, mình đánh vợ bằng nắm đấm này đây. Cái thân xác yếu đuối của nó làm sao mà chịu nổi . Anh cảm thấy ân hận vô cùng. Nhưng mà tại sao nó lại làm vậy ? Anh đi tối ngày sáng đêm? Ủa, chớ không đi làm rồi làm sao có tiền ăn tiền uống tiền nhà tiền xe. Còn tiền gởi về cho ông già bà già và mấy đứa em nữa. Nó làm như mình đi chơi không bằng. Anh có thương yêu gì tui đâu. Cái đó mới tầm bậy. Mình thương nó nó biết chớ. Không thương mà bồng chống nhau qua tới đây? Không thương mà nghe nó mệt, nghe nó bệnh một chút cũng đã xót xa trong lòng.

Mình đâu biết màu mè. Vợ chồng ăn đời ở kiếp với nhau chớ bộ mèo mã gà đồng sao mà phải o bế, phải làm bộ làm tịch.

Chị Tư đã mệt lả người ra. Tiếng khóc không còn tru tréo nữa mà chỉ còn những rên rỉ tấm tức. Thỉnh thoảng chị nấc lên một tiếng, chừng như nhịp thở tắt nghẹn, ngưng hơi nhưng rồi chị lại cất giọng rên rỉ. Anh Tư bứt rứt. Một nỗi bực bội ở đâu dồn ứ vào trong lồng ngực anh. Anh giận anh, anh giận... ông trời, nhưng anh không còn giận chị Tư nữa. Ừ mà cũng tội nghiệp nó. Sao mình có thể đánh nó dữ dội vậy cà? Đây là lần đầu tiên anh Tư đánh vợ. Trước kia vợ chồng cũng có lúc gây gổ, nhưng rồi anh Tư cũng dằn xuống và quên đi. Lần này sự phản bội như cái tát nẩy lửa vô tự ái anh, đốt cháy cơn giận dữ bùng lên những

hung bạo bất ngờ. Anh Tư cảm thấy ân hận. Anh muốn đi vào phòng xin lỗi vợ. Nhưng anh không quen những dịu dàng đó. Anh lúng túng quay qua, trở lại trên salon. Anh muốn nói một điều gì đó cho chị Tư khuây khỏa, nhưng anh chẳng biết phải bắt đầu như thế nào. Anh đứng lên, bước tới cửa phòng rồi bối rối quay trở lại. Tiếng nói ngập ngừng, cáu kỉnh một cách vụng về.

— Rồi...rồi khóc hoài như vậy hả? Có nín đi không ?

Chị Tư nghe tiếng chồng quát tháo, càng làm mình làm mẩy hơn nữa. Tiếng khóc rên rỉ ban nãy chợt rống lên hù hụ tức tưởi.

— Anh giết tui đi...giết tui chết đi cho vừa bụng anh....

Đột nhiên anh Tư sôi giận lên. Lần này anh không giận anh, không giận ông trời nữa mà đâm ra giận cái thằng cha chủ nhà. Cái đồ...đồ chó đẻ. Bây giờ anh Tư mới vỡ lẽ tại sao mấy lúc sau này thằng chả cứ tránh mặt anh. Chẳng bù lúc mới tới, hắn vui vẻ chào mời và lân la xuống chỗ vợ chồng anh ngồi tán dóc mỗi ngày. Thì ra từ lúc đó hắn đã để ý chị Tư, để ý tới cái sắc đẹp đơn sơ mộc mạc của người đàn bà trẻ trung miền biển mặn mòi. Vậy mà anh có biết đâu. Anh cứ tưởng cái tình đồng hương, đồng cảnh kéo người ta lại gần nhau ở một chỗ tạm cư xa lạ này. Cái thằng mất dạy. Chả trách nó mồ côi vợ từ bao nhiêu năm nay mà chẳng kiếm ra được một mụn đàn bà. Chắc ở đây người ta biết nhẵn mặt hắn rồi. Chỉ có vợ chồng anh chân ướt chân ráo mới tới nên sa vào cái ổ thối tha mà có ngờ đâu.

Anh Tư đứng bật dậy, lao lên nhà trên đập cửa rầm rầm. Thằng cha chủ nhà biết thân nín im thin thít, không dám hó hé ngo ngoe. Vừa dập, vừa chửi một hồi không thấy tăm hơi gì anh Tư cũng chán. Cơn giận hạ xuống thành cái ấm ức trong lòng. Anh quay xuống phòng. Chị Tư nghe tiếng đập cửa, tiếng chửi rủa ầm ỉ cũng đâm ra hoảng vía nín khóc. Nhưng chị không ra ngoài. Chị nằm thiêm thiếp như người bệnh nặng. Mà chị đau nặng thật. Những cú đấm loạn xạ của anh Tư làm mặt mày chị sưng vù bầm tím, và mỗi lần ngóc đầu dậy là choáng váng quay cuồng. Cái đau ê ẩm khắp đầu cổ mình mẩy.

Buổi chiều anh Tư vô ngồi bên cạnh vợ. Anh lấy khăn nóng đắp lên những chỗ máu bầm, và lấy dầu xoa bóp mấy chỗ sưng. Chị Tư để yên cho anh Tư săn sóc, nhưng không nói một tiếng. Chị nhắm mắt, chị làm reo. Chị làm eo làm sách hành hạ cho anh Tư bứt rứt khốn khổ đủ điều. Anh Tư nhẫn nhục chịu đựng. Đúng một tuần lễ, sau khi chị Tư bình phục, thì anh nói một câu dứt khoát. Dọn nhà. Đi, không ở gần cái thằng cha đê tiện này nữa.

Vợ chồng ở với nhau được thêm mấy tháng. Không khí trong nhà không còn êm đềm như trước. Chị Tư cứ kiếm chuyện cằn nhằn, đay

nghiến. Còn anh Tư thì lầm lũi đi làm. Mỗi khi về đến nhà là anh lại nốc bia. Uống tới say mèm rồi ngã lăn ra ngủ. Một hôm sau một chầu bia, anh Tư tỉnh dậy thì chị Tư đã gom góp quần áo đồ đạc bỏ đi biệt tăm. Mấy ngày đầu anh Tư lồng lộn chạy đi tìm kiếm khắp các chỗ thân quen. Thậm chí anh trở lại tìm thằng cha chủ nhà cũ để nghe ngóng. Nhưng tuyệt nhiên không có tin tức gì của chị Tư cả. Như hòn sỏi quăng xuống giếng sâu. Biệt tăm biệt tích.

Những đêm tối nằm một mình trên cái giường đôi rộng, anh Tư buồn thấm thía cái cảnh mất vợ cô đơn. Thoang thoảng đâu đây vẫn còn cái mùi mồ hôi quen thuộc của chị Tư. Cái quần cái áo, cái gối cái mền, ôi những đồ vật vô tri mà như đang thầm thì nhắc nhớ. Câu ca dao mộc mạc ngày nào sao bây giờ nghe cay đắng xót xa. *Chim quyên ăn trái nhãn lồng. Thia thia quen chậu vợ chồng quen hơi.* Cái hơi hướng cũ càng không phai không nhạt còn vật vã thêm cảnh đơn chiếc quạnh hiu. Riết rồi anh Tư không còn thiết tới đi làm nữa. Anh bỏ việc. Anh lang thang trên đường phố, thơ thẩn trong các khu thương xá hy vọng một tình cờ gặp lại chị Tư. Nhưng chị Tư như con chim đã sổ lồng. Biệt tăm biệt tích.

Phải sáu tháng sau anh Tư mới lấy lại bình tĩnh. Anh đi làm trở lại nhưng vật vờ như một kẻ mộng du. Nét mặt anh lúc nào cũng cau có, còn cơm nước quần áo thì bừa bãi thất thường. Trước kia anh là một công nhân chăm chỉ, chí thú, bây giờ anh làm qua loa, chiếu lệ, chẳng quan tâm tới công việc cũng chẳng mong tới giờ về. Bởi vì về nhà anh cũng chẳng biết làm gì khác. Ngồi thừ ra một đống. Không T.V, không radio. Chỉ có rượu. Cuối cùng anh cũng bị đuổi sở. Anh lại dọn đi, tìm chỗ ở khác, tìm công việc khác. Nhưng tinh thần anh càng ngày càng suy sụp, và sức khỏe anh thỏn mỏn dần. Bốn mươi tuổi tóc anh Tư đã muối nhiều hơn tiêu. Tính ra chị Tư đi cũng đã ba năm, vậy mà đêm nào anh Tư cũng nghe lảng vảng ở chung quanh cái hơi hướng chị Tư đằm đằm quen thuộc. Có đêm anh còn thấy cả chị về. Khuôn mặt đó. Thân hình đó. Tiếng nói, tiếng cười tê điếng lòng anh.

Dần dần anh Tư cũng nguôi ngoai. Cái nhớ cái đau không còn lộ liễu những thất thần xuống sắc mà chìm xuống, đọng lại dưới đáy lòng một nỗi ủ ê. Không nhắc thì quên, còn nhắc tới lại rưng rưng đôi mắt buồn rầu.

Thằng Bổn xoay trở bứt rứt. Tiếng nói an ủi một cách gượng gạo:

— Thôi đừng buồn anh Tư. Nhớ làm gì cái con đàn bà bội nghĩa. Xưa như ông Trang Tử đó, mới giả chết nằm xuống, con vợ đã lật đật quạt mồ để đi lấy chồng cho sớm. Còn thời nay mụ vợ phó Tổng đi lấy thằng hương vệ dù ổng còn sống ràng ràng. Đâu phải một mình anh, anh Tư.

Thằng Bổn cầm lon bia lên uống một hơi rồi đưa tay quẹt miệng. Giọng nói chán chường :

— Ôi, mà nói làm gì cho hao hơi tổn tiếng anh Tư ơi. Ở hải ngoại này chuyện thay vợ đổi chồng như cơm bữa. Nhớ làm gì.

Anh Tư tằng hắng khan:

— Tao đâu có nhớ mậy. Nhưng mà buồn. Buồn cho tình đời.

— Ờ, cũng buồn thiệt chớ. Nhưng mà tốt hơn hết anh quên đi. Kiếm một con vợ khác. Chẳng lẽ tay chiến như anh mà không kiếm được ai sao?

Anh Tư có vẻ ngượng ngùng đánh trống lảng:

— Còn mày? Sao mười năm rồi mà không chịu lấy vợ đi?

Thằng Bổn nhún vai, lắc đầu :

— Ôi thấy hoàn cảnh anh sao tui ngán quá anh Tư. Ba chục tuổi rồi chớ có ít ỏi gì đâu. Nhưng mà thà ăn bánh trả tiền cho nó nhẹ nhàng mình mẩy. Rước về một con vợ hỏng biết có sung sướng gì không, chớ tui nghe như có con dao kề cổ. Không biết nó chặt mình lúc nào. Chừng tỉnh ra thì thân bại danh liệt.

— Bậy mầy. Dừng có quơ đũa cả nắm chớ. Tao buồn nhưng tao không hận. Mầy thấy không, tao vẫn quí đàn bà. Tại cái con đàn bà của mình, chớ có phải ai cũng vậy hết đâu.

Thằng Bổn cười mím chi. Ánh mắt lém linh :

— Tui biết rồi. Đàn bà cũng có năm bảy hạng đàn bà phải không? Như chị Ngọt chủ nhà này chẳng hạn. Chồng chết mấy năm rồi mà vẫn chí thú nuôi con. Ba đứa chớ ít ỏi gì đâu. Giỏi thiệt.

Rồi chợt xuống giọng, thằng Bổn kề sát mặt anh Tư thủ thỉ :

— Hay là nhào vô đại đi anh Tư. Kẻ chết chồng, người mất vợ, được lắm à anh Tư.

Anh Tư xô thằng Bổn té cái rầm ra đằng sau. Mặt anh đỏ bừng như con trai mới lớn. Thằng Bổn lồm cồm ngồi dậy cười hề hề :

— Ậy, ậy tui nói bậy chớ mai mốt ông bà có lậy nhau thì nhớ thằng Bổn này nghe anh Tư.

Anh Tư hết hồn, nhìn dáo dát, nạt ngang :

— Thằng mắc dịch, về đi mầy.

Thằng Bổn về rồi anh Tư lại thấy buồn ủ ê. Anh nằm ngửa ra salon, nhìn lên trần nhà. Trong thâm sâu của cô đơn, chớm nôn nao những ước ao thầm kín. Anh nghĩ tới chị Ngọt, chị chủ nhà góa chồng mà mấy tháng trước thằng bạn giới thiệu cho anh tới mướn nhà.Nó cũng thòng một câu như thằng Bổn. Được nghen mậy. Hiền lành, chí thú, mà cái nhan sắc cũng chưa đến nỗi tàn phai. Vô được thì tới luôn cho đời bớt hiu hiu. Anh Tư cười gượng gạo. Lúc đó anh Tư cũng không

để ý đến những lời xúi giục này. Anh mới vừa được nhận đi làm, cần tìm một chỗ gần hãng. Và cái hơi hướng của chị Tư cũng còn héo hắt lòng anh.

Chị Ngọt không phải dân biển. Quê chị đâu ở miệt Cái Tàu Hạ Vĩnh long. Hai vợ chồng qua đây cũng vào khoảng năm 79, 80 như anh Tư. Hồi mới qua họ chỉ có một đứa con trai 5 tuổi. Hai vợ chồng gởi con rồi lao vô hãng xưởng kiếm tiền. Mấy năm sau liên tiếp thêm hai đứa, một trai một gái, được sinh ra trên xứ Canada. Đứa con gái út mới biết đi lẫm dẫm thì anh Ngọt ngã bệnh. Ung thư gan. Cái căn bệnh quái quỉ quật ngã người đàn ông nông dân dình dàng to lớn nằm bẹp trong bệnh viện có mấy tháng thì qua đời. Chị Ngọt khóc ngất bên cái xác sưng phù vàng ệch màu nghệ. Chôn cất anh Ngọt xong, chị Ngọt rũ ra như một tàu lá chuối khô. Sinh ly, tử biệt. Ngày nào vợ chồng con cái rộn rã trong căn phòng nhỏ ấm cúng. Bây giờ lạnh ngắt buồn hiu. Tấm hình anh Ngọt trên bàn thờ với cặp mắt nhìn ái ngại, bứt rứt. Dường như anh cũng xót xa cho cái cảnh mẹ góa con côi của vợ, nhưng anh bất lực. Kẻ sống, người chết, gần một bên mà vói hoài không tới. Mỗi tối chị Ngọt đốt một cây nhang cắm vào lư hương van vái. Mình sống khôn thác thiêng phù hộ cho tui mạnh giỏi đi làm nuôi con. Khói lãng đãng khuôn mặt anh Ngọt như những dòng nước mắt ràn rụa.

Không biết anh Ngọt có nghe được những lời van vái của chị Ngọt không, nhưng từ lúc anh Ngọt chết đi, sau một thời gian buồn rũ, chị Ngọt đã ngóc dậy đi làm. Về tới nhà thì đăng đăng đê đê bao nhiêu là dọn dẹp, tắm rửa, giặt giũ cho lũ con côi. Thằng Vẽ, thằng lớn nhứt chỉ mới mười một tuổi. Nó lẩn quẩn bên mẹ, giúp cái này, phụ cái kia. Nhưng nó là con trai, lại còn nhỏ có đỡ đần cho chị được gì nhiều đâu. Nhưng được cái có nó chị cảm thấy dỡ khổ phần nào. Cặp mắt nó giống y như cặp mắt anh Ngọt. Có lúc chị ôm nó vào lòng rồi khóc. Thằng Vẽ dường như hiểu "nỗi lòng" của mẹ, nó nhăn nhó cái mặt trẽ thơ, nhưng không biết nói gì hơn là lau mấy dòng nước mắt của mẹ, rồi ôm mẹ hun chùn chụt.

Thấm thoắt mà đã bốn năm. Đời sống buồn, trôi theo những lận đận thường ngày. Kỷ niệm dù có sâu sắc đến mấy thì tới một lúc người ta cũng có thể quên. Để sống, để làm lại. Để trang trải những nợ nần còn lẽo đẽo sau lưng.

Chắc là nợ duyên gì đó cho nên mới xui anh Tư về mướn phòng trong nhà này. Mấy tháng đầu tiên mọi việc bình thường. Anh Tư, chị Ngọt mỗi người đều có một nỗi ủ ê tận đáy lòng và những bận tâm loay hoay xoay trở. Quan hệ chỉ là những xã giao chào hỏi, những tiếp xúc của chủ nhà và người thuê. Một vài lần lên trả tiền nhà, anh Tư có ngồi

lại nói vài câu chuyện nhỏ. Trời nắng, trời mưa, việc làm, con cái. Rồi thôi. Mỗi người lủi thủi trở lại với đời mình. Thỉnh thoảng hai đứa nhỏ cũng có kéo vào phòng anh. Bi bô đùa giỡn. Nhen một chút lửa ấm. Rộn rã một khoảng đời im. Những lúc đó chị Ngọt e dè bước vào. Nhìn phớt qua một chút rồi vội vã kéo đám con ra ngoài. Đi, đi ra cho bác nghỉ ngơi con. Tụi bây phá quá trời. Anh cười. Dã lã. Có gì đâu. Có tụi nó cũng vui. Còn hơn nằm một mình lạnh ngắt. Chị Ngọt lùa lũ nhỏ lên nhà. Dường như có một đuôi mắt len lén nhìn lại anh Tư. Anh Tư nằm lăn ra giường. Tiếng hò lãng đãng một khúc sông bật ra từ những rạo rực trong lòng anh. *Hò ơ...xuồng ai bơi trước, cho tui lướt tới cùng. Chiều đìa trời đất mung lung, nếu phải duyên thì xáp lại ờ...hò ơ...nếu phải duyên thì xáp lại cho đỡ não nùng tiếng sương....*

Chị Ngọt nằm thao thức trên giường. Cái giường tối nay sao như chợt rộng ra, lạnh hơn. Mấy lần chị cố nhắm mắt nằm im chờ một giấc ngủ, nhưng rồi cũng không ngủ được. Có một cái gì xôn xao trong lòng chị. Chị không dám nghĩ tới, cũng không muốn chấp nhận nó. Nhưng như con nước dềm, nó thầm lặng dâng lên, tràn ngập bãi bờ.

Có tiếng lục đục ở dưới hầm nhà. Chị Ngọt biết anh Tư cũng đang trằn trọc như mình. Tự nhiên chị cảm thấy vui vui. Tội nghiệp, ảnh có một mình. Đi làm về thui thủi nấu nướng qua loa rồi ngồi ăn lặng lẽ. Mình thì dù sao cũng còn mấy đứa nhỏ. Cực thì có cực nhưng cũng đỡ quạnh hiu. Ái chà, sống cô độc như ảnh chắc là mình buồn chết. Vậy mà ba bốn năm gì rồi đó, từ ngày vợ bỏ đi. Chị Ngọt có nghe mấy người bạn bàn tán về câu chuyện của anh Tư. Chớ còn mỗi lần hỏi ảnh, ảnh chỉ lúng túng ừ à mấy tiếng rồi gương mặt buồn hiu. Chị Ngọt biết ý, lảng sang chuyện khác. Mấy lúc gần đây chị Ngọt thấy anh Tư đổi khác. Anh không còn tự nhiên khi nói chuyện với chị như trước. Ánh mắt dửng dưng lúc mới tới đã có những ấm áp lén nhìn. Lời ăn tiếng nói thỉnh thoảng một vài câu kín đáo, dọ dẫm. Chị Ngọt biết hết chớ. Là đàn bà, tự nhiên chị có những cái linh cảm đó. Chị biết anh Tư đã để ý thương chị. Còn chị? Bốn năm nay không phải là không có người tò vè gạ gẫm. Nhưng chị Ngọt phần thì vướng víu mấy đứa con, phần thì thấy họ cũng chẳng thiệt bụng thương mình. Nên đời chị lại cứ trôi lặng lẽ một nhánh sông trơ trọi. Chị cũng chẳng màng. Mấy đứa con là hạnh phúc của chị. Có tụi nó, chị có thể lặn lội trăm suối ngàn đèo. Có điều nhà vắng đàn ông, đôi khi hụt hẫng.

Từ khi anh Tư về ở dưới basement, mấy chuyện lặt vặt trong

nhà, chị Ngọt không còn phải bận tâm lo lắng nữa. Cái bếp hư, ống nước rỉ, hệ thống sưởi trục trặc. Lúc trước động một chút là kêu thợ, tốn biết bao nhiêu tiền công. Bây giờ anh Tư cặm cụi làm hết. Trả tiền công anh không lấy, thôi thì chị Ngọt chỉ còn có cách là nấu một món gì đó đem xuống biếu anh. Nhận tô canh nóng hổi trên tay chị, anh Tư mỉm cười sung sướng. Và chị Ngọt cũng thấy rộn rã trong lòng. Tối đến nằm thao thức chị nghe tiếng anh hò ở dưới basement. *Hò ơ...xuồng ai bơi trước, cho tui lướt tới cùng....*

Chị Ngọt liếc nhìn đồng hồ. Gần một giờ đêm rồi. Tụi nhỏ đã ngủ say như chết. Vậy mà anh Tư vẫn còn lục đục ở dưới nhà dưới. Mở một vòi nước. Đóng một cái cửa tủ. Những tiếng động khô khan e dè mà chị Ngọt nghe sao như có vẻ mời gọi, khẩn cầu. Chị Ngọt cũng thấy trong lòng bứt rứt. Hồi chiều đem xuống cho anh Tư dĩa cá chiên, chị không còn thấy anh Tư cười sung sướng, mà trong ánh mắt anh chị cảm được sự tuyệt vọng buồn hiu. Tội nghiệp, chắc anh thấy những câu hò, những cử chỉ săn đón , những lời nói bóng gió rơi vào chờ mong vô vọng, nên nản chí. Ngu ơi là ngu. Chị Ngọt lẩm bẩm. Hỏng lẽ mình tới với ảnh trước. Ảnh không thấy mình cũng...tô canh, dĩa cá, giọng nói tiếng chào, ảnh không thấy cái gì ở đó sao?

Cái đèn đêm bỗng nhiên tắt phụt. Chị Ngọt với tay bật đi bật lại cái công tắc cũng không có điện. Cái đồng hồ cũng không còn kêu tích tắc. Chắc là lại đứt cầu chì rồi. Chị nhìn ra bên ngoài. Ngôi nhà chìm trong bóng tối thẫm đen. Chị Ngọt mò tay trong ngăn bàn đêm lấy đèn pin. Ánh sáng rọi một vệt tròn trên vách. Chị Ngọt cầm đèn lần ra cửa phòng. Ở chỗ cầu thang đi xuống basement, chị thấy loáng thoáng ánh đèn pin của anh Tư. Chắc anh đang tìm chỗ cầu chì. Chị Ngọt bước xuống cầu thang. Đột nhiên chị nghe cổ họng mình khô đi. Tiếng nói hụt hẫng:

— Anh Tư...cầu chì ở chỗ này.

Anh Tư bước tới. Bóng anh dềnh dàng như một con gấu. Ánh đèn pin chập choạng khuôn mặt anh bối rối. Anh mở hộp cầu chì, săm soi từng cái. Bàn tay như hơi run. Chị Ngọt đứng sau lưng anh, soi đèn cho anh làm. Mùi đàn ông phả vào mũi chị một nồn nao kỳ lạ. Chị mím môi, nắm chặt cái đèn pin trong tay như rán giữ cho mình đứng vững. Hơi thở chị hối hả. Trống ngực đập mạnh như vừa chạy từ đâu về. Chị buông rơi cái đèn pin xuống sàn nhà. Ánh đèn tắt phụt. Hoảng hốt chị cúi xuống lượm. Anh Tư quay lại. Anh cũng cúi xuống, và bàn tay anh nắm lấy bàn tay chị Ngọt, nóng bỏng run rẩy. Chị Ngọt như lịm đi, mê đi, khi anh Tư ôm chị vào lòng.

Chị Ngọt nhớ những lần đầu đi shopping với anh Tư. Gặp mấy người quen họ nhìn chị cười cười. Đầu tiên chị hơi mắc cỡ, nhưng rồi chị cũng mặc kệ. Ôi hơi đâu mà để ý ba cái lẻ tẻ đó. Họ cười hở mười cái răng. Họ có giúp gì được cho chị đâu. Cái đàn con ba đứa. Ngôi nhà bừa bãi lung tung. Căn phòng vắng vẻ, lạnh lẽo. Mặc kệ họ. Mà chị có làm điều gì sai trái đâu chớ. Ở đây người ta thay vợ đổi chồng như thay áo. Huống hồ chị, chồng đã chết. Chị cũng đã ở vậy để tang anh Ngọt bốn năm rồi. Bốn năm một mình một thân, vừa đi làm, vừa trông nom đàn con nhỏ. Cũng may ở xã hội này người ta đã dự liệu tất cả. Trường hợp của chị được hưởng rất nhiều sự giúp đỡ của chính phủ. Nhờ thế chị còn có nhà để ở, có việc để làm và cho đàn con tiếp tục đến trường. Nếu ở Việt nam thì chỉ có chết. Thằng Vẽ, thằng Đa chắc đã đi bán vé số, đi móc bọc, hay đi bụi đời rồi. Nghĩ tới mà chị Tư rùng mình. Gì thì gì cũng phải cho tụi nó đi học nên người. Cha mẹ đã dốt nát, thiệt thòi trăm chuyện, thì bây giờ có phương tiện phải cho con cái nở mặt nở mày với đồng hương, bản xứ. Chị cũng có nghe một số bạn bè phàn nàn. Con cái cho đi học võ vẽ năm ba chữ Tây, chữ Mỹ đã nhìn cha mẹ bằng cặp mắt khinh thường. Cha mẹ thì mặc cảm. Một số giận dữ chửi mắng, đẩy con em ra xa hơn. Một số nem nép, tự ti để mặc lũ con muốn làm gì thì làm. Khi có chuyện xích mích, chúng nó dọa kêu cảnh sát. Thế là cha mẹ sợ hãi nhũn ra. Được đằng chân, lân đằng đầu, lần lần bọn trẻ hư hỏng mất nết. Phước đức cho chị là thằng Vẽ rất ngoan ngoãn. Nó thương mẹ, thương em. Sau giờ học là quấn quít giúp đỡ chuyện nhà. Chắc là vong hồn anh Ngọt phù hộ cho mẹ con chị.

Nghĩ tới chồng, chị Ngọt nghe bần thần, lo lắng. Chị nhìn lên tấm hình anh Ngọt trên bàn thờ. Ánh mắt anh vẫn nhìn chị với vẽ khoan dung. Chị bước lại bàn thờ, đốt một cây nhang, cắm lên lư hương rồi lầm bầm van vái :

— Mình đâu có trách tui phải không mình? Mình cũng biết là tui cực quá rồi. Ba đứa con còn nhỏ. Một mình tui cáng đáng làm sao cho nổi. Tui rán ba bốn năm nay cũng đã mỏi mòn. Thôi thì mình cũng từ bi hỉ xả cho tui. Tui có đi bước nữa cũng hổng phải vì tui ham hố gì.

Có tiếng động ở bên ngoài. Chị Ngọt quay lại. Thằng Vẽ đứng ở cửa phòng lặng lẽ nhìn chị. Đôi mắt ráo hoảnh.

Anh Tư về tới nhà thì thấy chị Ngọt đang ngồi chết trân trên ghế salon. Hai hàng nước mắt còn ướt đẫm trên gò má chị. Anh Tư hoảng hốt :

— Gì vậy mình ? Sao mình khóc? Sao vậy?

Chị Ngọt vẫn ngồi bất động. Tiếng nói như từ một nơi nào xa

xăm vọng tới.

— Thằng Vẽ bỏ đi rồi.

— Ủa, sao nó đi?

Chị Ngọt bật ồ lên khóc tức tưởi :

— Tui đâu có biết. Nó không nói gì với tui hết. Nó chỉ nói với thằng Đa là nó không muốn sống ở đây nữa. Nó đi xa.

Chị ngừng lại, quẹt hai hàng nước mắt, rồi tiếp :

— Nhưng tui nghi là nó buồn.

Anh Tư ngồi xuống bên cạnh chị Ngọt. Anh đưa tay ôm lấy vai chị, vỗ vỗ như an ủi, hỏi nhỏ :

— Buồn cái gì? Có ai làm mích lòng nó đâu?

Tiếng "ai" anh Tư nói có vẻ ngập ngừng. Chừng như một mặc cảm có lỗi làm anh ngượng ngập. Ừ , mà anh có làm gì cho nó buồn đâu. Trái lại là khác. Anh đã tìm mọi cách lấy lòng lũ con chị Ngọt. Với mấy đứa nhỏ thì dễ rồi. Một bịch kẹo, một gói chip. Những lần chở đi phố Tàu, đi shopping. Lũ nhỏ đã quen với sự chìu chuộng săn sóc của anh, và chúng đương nhiên chấp nhận anh như người trong gia đình. Chỉ có thằng Vẽ, nó không bao giờ nhìn anh với ánh mắt thân thiện. Những lần anh rủ nó đi phố, nó lạnh lùng từ chối. Ở nhà, nó luôn luôn tìm cách tránh mặt anh. Đang ngồi coi T.V. thấy anh đến gần, nó bỏ đi vào phòng. Nhìn ánh mắt oán ghét của thằng Vẽ, anh Tư biết mình không bao giờ chinh phục được nó. Nhưng thằng Vẽ cũng không dám nói một tiếng hỗn hào với anh. Nó chỉ lặng lẽ xa lánh, chối bỏ. Một lần anh Tư nói với chị Ngọt:

— Thằng Vẽ không ưa tui.

Chị Ngọt buồn buồn:

— Thì tự nhiên thôi, nó nhớ ba nó.

Anh Tư phôn cho Đại úy Tuấn, trưởng trạm cảnh sát ở khu Côte de Neige, báo tin thằng Vẽ bỏ nhà ra đi, và nhờ tìm kiếm. Anh lại phôn sang một số nhà bạn bè quen biết của thằng Vẽ. Chẳng có ai biết nó đi đâu cả. Chị Ngọt lại khóc mùi mẫn. Thằng Đa, con Lệ thấy mẹ khóc cũng xúm lại khóc ồ lên. Căn nhà ầm ĩ tiếng than văn não nuột. Anh Tư bứt rứt trong lòng. Anh cảm thấy như mình là thủ phạm gây ra tai họa này. Tiếng khóc của chị Ngọt và lũ nhỏ như kim châm chích lòng anh xốn xang. Khoác lấy áo ngoài, chộp chùm chìa khóa xe, anh Tư mở cửa lao ra ngoài như chạy trốn.

Anh Tư đang ngồi rầu trong phòng thì chuông điện thoại reo vang. Anh chộp lấy ống nghe. Tiếng thằng Bốn bên kia đầu dây hối hả :

— Anh Tư, tui thấy thằng Vẽ rồi. Không biết chuyện gì mà hai

ba thằng đen lôi kéo nó ở trước căn nhà đường Courtrai.

— Mày có chạy lại hỏi không?

Thằng Bổn la lên :

— Trời đất. Cái đám đen mua bán sì ke ma túy đó. Tiên tổ tui cũng không dám nhào vô. Anh phôn cho cảnh sát đi.

Anh Tư cúp phôn rồi gọi lại cho Đại úy Tuấn báo sơ mọi việc. Quay sang chị Ngọt đang hớt hải đứng một bên, anh Tư hấp tấp nói :

— Có thằng Vẽ rồi. Nó đang bị tụi đen hành hung. Tui đã báo cảnh sát.

Xỏ vội đôi giày, anh Tư vừa cài nút áo vừa chạy ra cửa.

— Tui đi lại đó liền đây. Mình chờ tui nghe.

Khi đóng sầm cửa lại, anh Tư nghe tiếng chị Ngọt khóc oà lên.

Tới đầu đường Courtrai, anh Tư thấy cảnh sát đang bố trí bên ngoài một căn nhà nhỏ. Đại úy Tuấn khoát tay chào anh rồi quay lại mấy người cảnh sát. Tiếng loa phóng thanh oang oang ra lệnh. Đèn xanh, đỏ chớp rực một góc đường.

Thằng Bổn chạy tới đứng cạnh anh Tư. Tiếng nói sôi nổi :

— Đó anh Tư, trong căn nhà đó đó.

Căn nhà nhỏ, im lìm như những căn nhà khác ở chung quanh. Nhưng anh Tư cũng như cảnh sát ở vùng này đều biết khu này là khu bản doanh của tụi Haiti. Chuyên môn mua bán sì ke, ma túy. Và cùng với những hoạt động đó là những thanh toán, bắn giết, cướp bóc. Hồi tháng ba, báo đăng tin thằng Gourdon bị bắn chết ở đây. Nó là thằng em út trong ba anh em nhà Gourdon khét tiếng dã man, là đầu đảng của những đường dây ma túy từ Haiti, Colombia nhập vào Canada. Hai năm trước thằng anh cả bị thanh toán chết. Năm rồi thằng anh thứ bị bắn gục trong khi đang lái chiếc xe Jaguar cáu cạnh. Năm nay thì thằng em út. Sinh hoạt của bọn buôn lậu bao giờ cũng thế. Tiền, gái, súng đạn, cuối cùng là cái chết. Cái vòng lẩn quẩn trụy lạc, tội ác, bạo lực, xoay những vòng quay định mệnh trên những số phận thiêu thân. Lao vào là xong, không lối thoát. Không biết tại sao thằng Vẽ dính tới bọn này. Anh Tư lo lắng nghĩ thầm. Chẳng lẽ nó bị dụ dỗ đi bán sì ke? Cũng có thể. Một tháng nay bỏ nhà ra đi nó ở đâu, làm gì để sống?

Những người cảnh sát súng cầm tay, đang từ từ siết chặt vòng vây. Tiếng loa phóng thanh một lần nữa ra lệnh cho bọn Haiti đầu hàng. Không khí căng thẳng những chết chóc đe dọa. Anh Tư bồn chồn nóng nảy. Không khéo bọn chúng thủ tiêu thằng nhỏ thì anh biết ăn nói làm sao với chị Ngọt đây? Rồi còn vong hồn anh Ngọt? Trời đất, cảnh sát gì mà làm ăn chậm chạp quá. Tại sao không tấn công đại vào cho lẹ. Anh Tư đưa mắt nhìn Đại úy Tuấn. Ông đang đăm chiêu nhìn vào căn nhà

nhỏ. Vầng trán nhíu lại những đắn đo, tính toán. Anh Tư rề tới bên cạnh ông. Anh chưa kịp nói gì thì Đại úy Tuấn đã đưa tay ngăn lại, dường như ông biết rõ tâm trạng anh, và những điều anh sắp nói.

— Anh đừng nôn nóng. Tụi nó sẽ phải đầu hàng thôi. Rán chờ một chút nữa đi.

Cánh cửa trước của ngôi nhà nhỏ đột nhiên bật mở. Còi xe cảnh sát hụ lớn lên uy hiếp và đèn pha chiếu sáng rực ngôi nhà. Một tên Haiti xuất hiện trước cửa. Hai tay đưa cao, hắn bước từng bước ngập ngừng. Phía sau hắn còn lố nhố ba bốn tên khác. Khi tất cả đã ra khỏi nhà, đứng một hàng dài bên hè phố thì cảnh sát xông vào.

Chị Ngọt ngồi sững sờ trên giường. Đêm lù mù bóng tối. Căn phòng ngủ chập choạng, lạnh lẽo. Tiếng anh Tư chầm chậm, bùi ngùi nỗi buồn bã, trì kéo, nặng nề.

— Mình cũng biết là tui đâu có muốn đi. Nhưng tui không thể ở lại. Thằng Vẽ đã về rồi đó. Vậy là mình đã yên bụng được một bề. Nhìn hình anh Ngọt, mình không còn phải sợ sệt, xấu hổ nữa. Tui thương mình, mình biết. Và tui nghĩ cả anh Ngọt cũng biết điều đó. Tui chỉ là người thay thế ảnh. Nhưng chỉ với mình thôi. Còn đối với thằng Vẽ thì tui không thể thay thế ba nó được. Trẻ con nó rất thẳng thắn. Hôm qua khi đưa nó về, nó nhìn tui lặng lẽ rồi nói một câu ngắn ngủi. Cảm ơn bác. Tui biết nó không còn oán hận gì tui, nhưng để sống đầm ấm với nhau thì không bao giờ. Vì vậy mà tui đi.

Chị Ngọt khóc lặng lẽ. Hai tay chị níu lấy tay áo anh như một lôi kéo, van nài. Chị không thể nói một tiếng nào, vì chị cũng biết như anh. Điều anh nói là sự thật. Anh còn ở lại đây, một ngày nào đó thằng Vẽ cũng sẽ lại đi. Đó là định mệnh của đời chị. Được cái này thì mất cái kia, mà chị thì không muốn mất cái nào cả. Chọn lựa nào cũng đau lòng, mất mát nào cũng nát ngấu tâm can. Chị chỉ còn có khóc, và hai tay níu anh tìm kiếm một nương tựa phù du vô vọng. Anh Tư ôm chị Ngọt vào lòng:

— Tui đi nhưng lúc nào tui cũng nhớ mình. Mình cứ tin vậy đi. Tui sẽ không bao giờ lập gia đình nữa. Thỉnh thoảng rồi tui về thăm mình.

Chị Ngọt ngẩng lên trong vòng tay anh. Chị mếu máo :

— Mình, mình đi đâu?

Anh Tư cười gượng :

— Chỗ nào có việc cho tui làm thì tui ở. Nhưng chắc là tui sẽ đi Vancouver.Thằng Bổn nó giới thiệu tui với mấy đứa bạn của nó đang đánh cá ở bển. Tui trở về với nghề biển là hạp ý nguyện của tui rồi. Mình yên lòng, đừng lo lắng gì cho tui nữa hết.

Chị Ngọt ôm chặt lấy anh Tư, làm như buông ra là anh sẽ trôi mất tăm mất tích qua cái xứ Vancouver xa mịt xa mù. Chị đau đớn trong lòng, nhưng còn an ủi là chưa mất hẳn anh.

— Thỉnh thoảng rồi tui về thăm mình.

— Ừ, lâu lâu mình về đây tui nấu cho mình một bữa cơm.

Vợ chồng một ngày một bữa cũng tình nghĩa. Huống gì anh và chị Ngọt hơn một năm nay sớm tối có nhau. Chắp nối thì chắp nối chớ khẳn khít có thua gì vợ chồng một kèo một cột đâu. Chị Ngọt chui vào nách anh Tư hít lấy cái mùi mồ hôi đàn ông cả năm nay nồng nàn chăn gối. Anh Tư bùi ngùi vuốt ve chị.

— Ngủ đi, mình ngủ đi cho khỏe.

Chị Ngọt lắc đầu nguầy nguậy. Chị không muốn ngủ. Chị biết chỉ một đêm nay nữa là không còn bao giờ chị được nằm trong lòng anh như bây giờ. Rồi sẽ là chia xa. Rồi sẽ là tiếc nhớ. Thà là chết đi như anh Ngọt mà năm ba năm cũng sẽ nguôi ngoai. Chớ còn sống mà phải xa nhau...Tử biệt sanh ly, cái nào cũng bàng hoàng đau đớn, nhưng cái đau đớn của sanh ly nó đứt ruột hơn nhiều. Chị Ngọt không muốn ngủ. Nhưng sự lo âu, buồn khổ suốt một tháng trời nay, từ khi thằng Vẽ bỏ đi, rồi sự căng thẳng sợ hãi trọn một ngày hôm qua làm chị mỏi mòn. Hơi hướng quen thuộc của anh Tư, cái ấm áp dịu dàng xoe nhẹ sau lưng càng làm cho chị Ngọt ríu hai mắt lại. Chị cố chống chỏi, nhưng không được. Trước khi trôi vào giấc ngủ chị còn nấc lên mấy tiếng tức tưởi.

Khi chị Ngọt thức dậy thì anh Tư đã đi lâu rồi.

Tiếng Lòng Đất

Hà Thúc Sinh

1.

Nam California, trên sườn đỉnh Wilson—chỗ cư trú của giới cự phú nhìn bao quát xuống thành phố Glendale—có một toà nhà lộng lẫy nằm tách biệt với nhiều toà nhà tương tự. Sân trước trồng nhiều loại hoa hiếm quý. Chủ thuê thợ Nhật đến xén tỉa mỗi hai tuần. Bên hông nhà có hồ tắm nước xanh ngắt, gọi mời. Chủ cho trang trí trên bờ hồ nhiều tượng thạch cao, băng ghế đá mài, nom quý phái, xa xỉ. Có điều không thấy ai bơi lội bao giờ.

Trong nhà im vắng, rất hiếm tiệc tùng khách khứa. Nhưng sáng chủ nhật đẹp trời nào người ta cũng thấy hai người đàn ông Á Châu ra ngồi nơi hàng ba, thảng hoặc họ mới to nhỏ vài câu, kỳ dư sự lặng lẽ như lúc nào cũng thừa hấp lực lôi họ mỗi người đi mỗi ngả.

Người lớn tuổi quãng trên năm mươi, to béo, ăn mặc nghiêm chỉnh tóc tai tươm tất. Thường ông có trên tay tờ *The Wall Street Journal* với cây bút chì. Ông hay ghi ghi vạch vạch trên tờ báo. Người kia trẻ hơn nhiều, ngoài ba mươi, cao gầy, quần áo tóc tai cẩu thả, trông nghệ sỹ. Anh ta hay đặt một chai Hawaii Bunch trên lan can có cắm một ống hút dài ngoẵng, lâu lâu hờ hững hút một hơi, rồi lại ngả người trên ghế bành lơ đãng nhìn hàng cây Tử Kinh Đào trước nhà có những chùm hoa đỏ tía. Hễ khi người lớn tuổi nói gì, anh trẻ tuổi thôi nhìn hoa, đầu nghiêng nghiêng ra chiều lắng nghe như kẻ nặng tai. Miết rồi lối xóm, phần lớn dân da trắng, có cảm tưởng khó chịu toà nhà như nấm mồ tráng lệ an táng hai bóng cô đơn. Có điều lâu nay họ cảm thấy dễ chịu hơn. Mỗi cuối tuần, khi bóng chiều êm ả rơi, từ ngôi nhà có vẳng ra tiếng dương cầm—thứ tiếng đàn của tay lão luyện.

Những chiều nắng râm ran có cặp vợ chồng người Mỹ hay chạy bộ

qua, ông chồng nói:

"Vườn hoa đẹp như ổ bánh *fruit cake*."

Bà vợ bâng quơ:

"Chắc bọn đồng tính luyến ái." Bà nhìn hồ bơi vẻ tiếc rẻ: "Bọn sa đọa này lười biếng và chẳng chịu thể thao bao giờ!"

Ông chồng nhún vai:

"Nhưng có hoa và nhạc. Hoa đẹp và nhạc tráng lệ."

Bà vợ bĩu môi:

"Thế là giảm được sự đệ tiện đấy!"

Hai vợ chồng cãi nhảm. Hai người bên trong không phải dân đồng tính luyến ái. Họ là anh em ruột. Còn bảo ông anh chơi hoa? Không hẳn. Thì giờ tâm trí đâu ông ôm lấy cái thú chơi tẩn mẩn đó. Nghề nghiệp của ông đòi ông cần có một cơ ngơi sang trọng, một xe hơi đắt tiền và những bộ quần áo chỉnh tề để tạo một mẽ ngoài, một sự tin tưởng. Ông không có thói quen đoái hoài đến cây cỏ. Và cũng hiếm thì giờ cho việc thể thao.

Lại bảo người em chơi dương cầm lão luyện sợ càng sai hơn. Điều ấy dĩ nhiên không có nghĩa anh ta không yêu nhạc—Anh ta yêu say đắm dù điếc một tai. Anh chẳng hay nói với ông anh "trước mọi vật đã có âm nhạc" đấy sao? Nhưng đúng nhất anh ta yêu mọi thứ thuộc về cái đẹp theo đúng với quan niệm của anh, dù tốn kém.

Đôi phen người hàng xóm cũng nghe thấy tiếng gấu ó, đó là lúc người anh tính sổ. Thí dụ như mới đây, trước những khoản chi ông cho là vô lối của em, ông bực bội cằn nhằn:

"Tiêu như mày núi cũng lở."

Người em đáp:

"Ai ăn nổi ba ký thịt một bữa, uống hai chai *cognac* một đêm, thay năm bộ quần áo một ngày anh nói em nghe? Vấn đề là hạnh phúc."

Người anh đổ quạu:

"Hạnh phúc của mày, không của tao. Khoẻ mày cứ ăn mười ký thịt, uống một thùng *cognac* và thay hai chục bộ quần áo. Tao nói tao cụt lưỡi. Nhưng..."

"Có vẻ anh không ưa Nhã Mi?"

"Sao đến nỗi không ưa. Có điều..."

"Anh kỵ một bóng hình hạnh phúc? Hay anh không ưa tiếng đàn? Nếu thế anh sắm làm gì chiếc Grand Yamaha, nuôi bụi? Hay anh nghĩ tai con người thích nghe lời cằn nhằn hơn nghe nhạc? Tập đi anh. Có khi tiếng đàn giúp mình thấy mình còn sống."

Ông anh vùng vằng bước về phòng. Ông tức giận sập cửa lại. Chỉ chốc lát ông lại đá tung cửa ra, nói:

"Nhưng mày nghe đàn mà tao trả tiền. Những khoản tiền phung phí

vô lối tao không chịu được. Mày tính lấy chuyện mày."

Người em nghếch một bên tai lắng nghe, xong lại úp tờ tạp chí lên mặt, thở dài:

"Anh nỡ cư xử với nghệ thuật bằng cung cách con buôn thế sao?"

"Trăm bạc mỗi tuần cho mấy tiếng đàn, trời đất ơi sao tôi phải gánh một ông trời con thế này?"

Tiếng cửa lại đóng cái rầm. Nhưng ngay sau đó người anh tự ngạc nhiên cho câu nói của chính ông. ồ không, rõ ràng trong thâm tâm ông nào có tiếc gì với em ông trăm bạc mỗi tuần. Ông chỉ bối rối, chỉ mơ hồ thấy rằng thằng quái lại sắp làm phiền tới ông—một thứ phiền phức ông không còn muốn dây dính, một thứ phiền phức có khả năng tạo lại một chấn động âm thanh khó chịu trong tâm hồn đã quen sự tĩnh lặng, thứ tĩnh lặng đã trở thành thân ái đến cần thiết dù ông khó có thể giải thích.

Bà vợ người Mỹ có lần nghe thấy tiếng cãi vả, tiếng sập cửa. Bà không hiểu nhưng có thêm có nhỏ to với chồng:

"Lũ đồng tính khó thoả mãn nhau!"

2.

Ông Phú Vinh là chủ toà nhà. So với mười năm trước thời gian lột của ông quá nửa sự nhanh nhẹn, hăm hở. Gần đây ông phát phì, khi đi đầu hay chúi về phía trước, giống một con bò uể oải kéo sau lưng cỗ xe nặng vô hình. Nhưng trong giới làm ăn đồng hương ông vẫn giữ được nguyên sự thán phục pha ghen tị. Kinh tế Mỹ đổ dốc các mặt, ai cũng thấy, nhất là ngành địa ốc Nam California. Dân ta phá sản tùm lum, ngay lũ Tàu Hương Cảng và Đài Loan cũng vỡ mặt vỡ mày, nhưng ông Phú Vinh chỉ mới bước vào giai đoạn thủ kỹ hơn những gì đã có để không mất tất cả.

"Giàu như lão thì giàu làm mẹ gì?" Người hiểu chuyện có kẻ thắc mắc. Thực thì chẳng đợi ai thắc mắc, chính ông Phú Vinh đã lắm phen tự vấn như vậy.

Bốn năm sau ngày ông bốc giàu gia đình đổ vỡ. Vợ ông thay lòng, và theo luật định, được ra đi đem theo nửa gia tài với đứa con gái. Lòng ông như trúng phát đạn. Nhưng không chết. Chỉ để sẹo.

Để quên vết sẹo ông càng vùi đầu vào công việc. Mà công việc thì tạo ra tiền. Tiền lại đẻ ra tiền. Hơn thế vận may như con chó trung thành. Lắm lúc ông tưởng ông có ruồng rẫy chưa chắc nó đã chịu đi cho. Ông đành coi như trời lấy đi hạnh phúc gia đình của ông bằng tay phải, hối hận nhét tiền cho ông bằng tay trái.

Ông an phận, ở vậy. Ông trung thành với cái bóng đen một hạnh phúc đeo theo? Không rõ lắm, duy có điều ông khá rõ là từ đổ vỡ ông có

một cảm giác ghê ghê: Hạnh phúc đến và đi xoáy như viên đạn. Không êm như tiếng dương cầm...

3.

Non hai mươi năm sống và lớn lên ở Mỹ, Mộng Sinh chỉ làm mỗi ba công việc: Ăn bám, lấy vợ và ly dị.

Nếu Mộng Sinh mê Kim Mai vì "Anh thấy không, nụ cười trong khoé mắt là nụ cười của các tượng thánh"; hay Thanh Vân vì "Anh phải đồng ý với em mọi vẻ đẹp nơi người đàn bà là số không nếu họ không sở hữu một mái tóc mảnh như tơ mềm như khói"; và đến Kỳ Phụng thì "Trời ơi, em ngờ đấng Sáng Thế không phải đã mất bảy ngày mà là tám ngày. Ngày thứ tám để riêng đúc ra nàng."

Giờ nó mê muội tiếng đàn của Nhã Mi.

Có lúc ông Phú Vinh nghĩ vẩn vơ hay vì em ông điếc một tai, nó không sở hữu trọn vẹn khả năng nghe ra hạnh phúc bền vững chính là khi hạnh phúc biết dừng những bước nhảy rộn rã, những âm thanh sôi nổi để biến thành những bước đi âm thầm, những lời thầm thì quanh quẩn bên đời ta? Rõ là đứa điên rồ. Kẻ phung phá. Nó là thứ nâng niu hạnh phúc tìm gặp buổi sáng, chiều đến thở dài ném xuống núi với sự hậm hực vô lối tại sao hạnh phúc lại như một đóa hoa chóng tàn?

Tại sao? Rốt cuộc ông tự thú ông không hiểu con người chung quanh, không hiểu ai hết dù đó là vợ hay em ông. Anh làm xiếc nuốt lửa không nóng vì có quỷ thuật. Và như thế anh ta là con người. Những hạng như em ông, vợ ông, có lúc ông ghê sợ với ý nghĩ họ có điều gì đó khác với con người.

4.

Một chiều tối có con trăng tròn móc trên ngọn núi cao nhất phía Đông Nam—con trăng Trung Thu đã trở về chỗ cũ—Hai anh em ông Phú Vinh bầy tí trà bánh lặng lẽ thưởng trăng ngoài hàng ba.

Ông Phú Vinh nhấp chút trà nhưng miệng chợt đắng chát. Ông sực nhớ đến mẩu đối thoại của chú cháu nó lúc trưa, khi con gái ông ghé thăm ông. Con Bích Lan hỏi:

"Có gì *fun* không chú?"

"Vậy vậy."

"Chú có bồ mới hả?"

"Ừ."

"Đẹp không chú?"

"Thua mẹ cháu."

"Thế sao chú yêu?"

"Vì cô ấy có tâm hồn."

Ông Phú Vinh nổi sùng trong bụng. Ông tính hỏi "Thế từ nào mày nghĩ vợ tao không có tâm hồn?" nhưng ông nín kịp. Ông bật cười khan một mình. Có điên chăng ông đi đóng vai một công tố bênh vực bị cáo?

Ra thế! Ông lại cười thầm. Kỳ này nó mê con ấy vì nó cho là hạng "có tâm hồn."

Con gái ông nói nhỏ với chú:

"Mẹ cũng sắp lấy chồng."

Ông đứng lên mượn cớ vào nhà lấy cốc nước lọc, nhưng sau cửa ông vẫn lắng nghe.

"Sao, thằng chả sao?"

"Chồng cháu đâu mà cháu biết."

"Nhưng thấy sao?"

"Mới *shopping* chung một lần. Điệu nghệ lắm."

"Tiền mẹ mày hay tiền nó?"

"Ú, bộ đồng tiền nó biết mách đấy!"

"Hắn biết đánh đàn không?"

"Không, nhưng biết hát *country music* chú ơi!. Như Kenny Rogers ấy." "Trời, Mỹ hả?"

"Gốc Mễ."

Vết sẹo lại như muốn mưng mủ. Ông Phú Vinh ngầy ngật. Có lẽ vì thế chiều nay hậu vị ngụm trà đắng chát trong cổ ông chăng?

Ông quay sang nhưng em ông đã lên tiếng trước:

"Anh cả."

"Gì?"

"Em cần tiền."

"Hỏi việc làm."

"Em lấy vợ."

"Nữa!"

Nghe cái giọng kinh ngạc pha mỉa mai của anh, người em hơi chồm lên, hai bàn tay giữ cứng lấy chiếc phích nước, giống một người ngờ một người khác đang manh tâm hất đi một báu vật vừa chụp bắt được của mình. Anh ta gằn giọng:

"Đó là hạnh phúc. Nhất định anh không chịu hiểu điều đó sao?"

"Tao đã bảo hạnh phúc kiểu ấy của mày, không của tao."

"Sao anh có vẻ hậm hực? Hay là anh không thể tha thứ cho một quả quýt vì nó không là quả cam?" Hai bàn tay người em thả lỏng dần phích nước để sau cùng lại ngã người ra ghế. Giọng anh ta đột ngột mơ màng, tha thiết: "Hay anh không hiểu nổi số phận nhiều lúc buộc hạnh phúc như giấc mộng, giấc mộng này qua đi giấc mộng khác sẽ đến, và người ta

dừng mong có cánh cửa bền vững của giấc ngủ say sưa nào có thể cản nó được, ngoài giấc ngủ sau cùng?"

Ông Phú Vinh im lặng. Ông nhìn vào hai đầu gối của ông và tiếp tục im lặng. Lâu lắm ông mới đứng lên, lặng lẽ dạo một vòng sân. Rồi ông quay trở vào nhà. Vầng trăng mây che khuất. Mặt tiền nhà tối hẳn. Ông bật ngọn đèn trước cửa, thốt cằn nhằn:

"Lạ, thay bóng mới hoài mà sao vẫn cháy."

5.

Cụ Đại Lâm ném xoạch tờ báo vào góc sân. Thời sự. Toàn chuyện nhảm! Cụ lẩm bẩm. Thấy đứa con gái lớn bước ra sân, sắp đi, cụ dặn:

"Tiện thể mày ghé đâu đó mua cho tao cái quà cưới quãng năm chục, rồi đem đến nhà bác Kim Ngân cho tao."

"Thế bố..."

"Không!"

"Kỳ lắm bố ơi."

"Nhất quyết rồi! Từ đây đám ma tao đi, đám cưới đám hỏi tao cạch." Cô gái nhăn nhó:

"Bố..."

"Cái con bé gì nhỉ..."

"Nhã Mi..."

"Nhã với lại chẳng nhã. Trời đất ơi sao nó thay chồng hoài vậy. Ảnh hưởng bầu không khí chính trị khốn nạn này ư? Hay vì nó thấm nhuần triết lý tiêu dùng kiểu Mỹ? Nó làm như xứ này in ấn rẻ rề, vài năm không in một thiệp cưới nó bệnh không bằng. Mới hôm nào đây thôi, nể bố nó, tao lết tấm thân già đi ăn cưới nó lần thứ hai ở nhà hàng Song Hỷ. Nó thì hỷ mình thì méo mặt. Nó làm như mớ tiền già của tao to lắm, tính đẽo tao lần thứ ba..."

"Bố không đi thì thôi, bố nói gì ghê thế?"

"Ghê gì. Tối qua bố nó mới điện thoại cho tao, bảo 'bác đến cho cháu nó vui'. Không rõ bố nó vui thật không mà lo cho nó kém vui. Tao dí vào."

"Đâu được bố."

"Sao không được? Nhố nhăng!"

Cụ Đại Lâm nhả một hơi thuốc lào vào chậu Đa Đại Diệp. Đôi mắt cụ lờ đờ. Chả rõ cụ say thuốc hay vừa có một ý nghĩ nào chen vào đầu khiến cụ áy náy, cụ thều thào:

"Mấy mươi năm giao tình... Thôi vậy, khỏi mua quà... Chậc chậc, không biết đến bao giờ con quái ấy nó mới bỏ được cái thói thay chồng cho tao đỡ khổ."

Cô gái im lặng. Cô đẩy xe ra tới cổng cụ mới sực nhớ, nói lớn theo:

"Này, nhân tiện nhớ ghé chợ Mekong mua bố bánh thuốc lào."

6.

Vào đầu Xuân 94 trận động đất Northridge làm cả khu gia cư trên sườn núi sững sờ. Sức chấn động lên tới miệt núi chỉ đủ làm nhà cửa rùng mình như kẻ đi đêm, thế mà toà nhà của ông Phú Vinh sụp một góc, vuông hồ tắm bị nứt phơi đáy cạn khô. Lâu dần vườn hoa phía trước tàn tạ theo vì không còn ai chăm sóc. Những người Mỹ lối xóm chỉ mơ hồ biết có hai người trong nhà thiệt mạng, một đàn ông một đàn bà. Nhưng xúc động không cứ phải đến với họ sau một thảm kịch động đất mà họ vốn quen, ấy là chưa nói không ít người bực mình, vì toà nhà bẩy tám tháng sau chưa được sửa sang, làm giảm đi nét thẩm mỹ chung của cả khu. Hai vợ chồng người Mỹ năng chạy bộ, nhiều lần để ý thấy vào những sáng chủ nhật đẹp trời, nơi hàng ba không còn ai ra ngồi nữa. Nhưng điều đó không làm ông chồng khó chịu, nếu như nó đừng có tiếng đàn dương cầm thường vọng ra bài "Love Story" của Francis Lai— thứ tiếng đàn như lời tố giác một đôi bàn tay to lớn, vụng về, không năng khiếu, tuyệt vọng gợi lại một điều vừa xót xa, vừa huyền nhiệm của một uẩn tình.

Bà vợ có lần tò mò:

"Không biết thằng cha nào còn sống mình ha?" Lát sau đổi giọng chắc mẻm, bà nói như người rành chuyện: "Mà bọn đồng tính luyến ái họ cũng chung tình lắm đó mình ơi!"

Mùa Xuân 95 toà nhà được sửa sang lại với một mặt tiền khác hẳn, kế công ty địa ốc Century 21 treo bảng bán. Ở cái nước lắm đổi thay này, mọi thứ dễ trở thành chuyện cũ; mà chuyện cũ, cỡ như trận động đất, người ta ghi cả trong *Almanac*, chẳng ai ghi trong trí nhớ chút tai biến còn con của một gia đình, cho dù quang cảnh gia đình ấy có thể có đôi điều từng tạo cảm hứng cho họ tò mò. ❐

Một Nơi Để Đi, Một Nơi Để Đến...

Trần Doãn Nho

Một anh bạn nhà văn, khi được đặt chân tới đất Mỹ, đã hết sức mãn nguyện viết "...người khác ra sao, riêng tôi không còn một ước ao nào để đi tới một nơi xa hơn nữa".

Tôi thì khác. Tôi nghĩ, rồi ra anh bạn cũng sẽ khác. Tại đây và lúc này, anh buông dấu chấm cho một đoạn đời đầy dẫy những cơn ác mộng và nỗi khát khao. Một đoạn đời khác mở ra. Ác mộng có thể không còn, nhưng khát khao thì chẳng bao giờ có thể được lấp đầy. Nước Mỹ, hay ngay cả thiên đường cũng quá tù túng, chật chội, không bao giờ có đủ chỗ để chứa những ước mơ vốn dĩ không định hình và luôn luôn bất toàn. Nó lấp lửng ở giữa những gì có được và những gì chưa có, giữa cái còn lại và cái mất đi, giữa tưởng tượng và hiện thực.

Một anh bạn từ Việt Nam viết: "Nhận thư ông, tôi mới bàng hoàng nhận ra rằng ông ở cách xa tôi đến nửa vòng trái đất". Nửa vòng trái đất chưa hẳn đã xa hơn vòng rào thép gai của trại tù. Còn nhớ những ngày thăm nuôi, nhìn người thân ngồi cách có nửa mét ở trước mặt mà tưởng như xa nhau cả vạn trùng dương. Thế thì, nửa vòng trái đất đối với người bạn tôi thực sự chỉ là một tiếng thở dài cho vai trò của một "kẻ ở", muốn đi mà đành phải ở. Khoảng cách thực sự là khoảng cách giữa ước mơ và hiện thực, chứ không hẳn chỉ là khoảng cách địa lý. Ngày tiễn tôi lên tàu, anh rưng rưng nói: "Thôi thì ông đi cho bù những tháng ngày tù tội. Còn tôi, ở lại với tháng với ngày". Tôi cũng ngậm ngùi giã từ người bạn, nỗi luyến tiếc không che hết niềm vui được rời quê hương khốn khó để đến một vùng đất hứa.

Vùng đất hứa! Vâng. Ước mơ đã trở thành hiện thực. Cái "ảo tưởng" đó chỉ tồn tại có một đêm (tôi nói một đêm cho chẵn). Hiện thực bắt đầu thô nhám, sần sùi, lổn cổn, bất định. Ta vẫn cứ tưởng cái ước mơ khi trở thành hiện thực thì tròn trĩnh, đáng yêu, bền lâu. Không. Chỉ một thoáng

thôi. Mà nó cũng lững lờ, chập chờn lắm. Tôi đã bỏ đất nước tôi, "một nơi để đi", để tới "một nơi để đến". Tôi đã đến. Phi trường to, tàu bay nhiều, đường sá hiện đại, nhà cửa đẹp đẽ, tiện nghi... Mỹ, Mỹ, Mỹ. Trời ơi, nước Mỹ, dễ gì được đến! Nhưng đến được, rồi sao? Mọi sự, dần dà diễn ra phức tạp, gai góc, và kỳ quặc chung quanh cuộc sống mới. Trong một thoáng mơ hồ, cái quê hương khốn khó mà tôi vừa bỏ đi bỗng chợt hiện đến với những gì yêu dấu muôn đời của nó. Nó chưa hình thành nên một khát khao mới: khát khao được trở về. Nhưng nó chắt lọc ra khỏi những gì bất ưng để còn lại những chi tiết khiến ta bồi hồi: hòn đá, dốc cầu, chén bún, con muỗi, đôi dép... và ngay cả nụ cười cầu tài của tay công An khu vực trước lúc lên đường. Phải chăng đó chỉ là một phản ứng tự vệ trước một hoàn cảnh sống mới xem ra cũng chẳng dễ dàng gì như mơ ước? Đất nước mênh mông, giàu có này thiếu gì cái bất ưng.

Sau khi trải qua những dị ứng đầu tiên, chỉ ba tuần sau khi đặt chân đến Florida - nơi được bảo trợ đến - tôi mang gia đình ngược lên miền Bắc, xuyên qua chín tiểu bang miền duyên hải phía đông nước Mỹ. Tôi từ giã vùng nắng ấm miền Nam để đến một vùng giá lạnh miền Bắc. Người bảo trợ tôi bảo: "ở đó, mùa đông lạnh quá, hai lỗ tai dòn đến nỗi kéo đứt ra được". Mặc, tôi cứ đi. Ở đó trợ cấp cao hơn và có việc làm bằng tiền mặt. Ngày lên đường - lại lên đường! -, toàn gia đình người bảo trợ nghỉ việc lên tiễn chúng tôi tại bến xe. Tôi chào họ, lòng ân hận vì đã phụ tấm lòng tốt. Họ không vui vì không níu được gia đình tôi ở lại để họ có dịp hưởng cái thú vị giúp đỡ một gia đình đồng hương. Nhưng làm sao được, tôi muốn đi xa hơn. Chiếc xe bus xuyên bang, mang chúng tôi đi hết bang này đến bang khác, mênh mông, lạ lẫm, đường sá, cầu cống, đất trời, người vật...lòng bâng khuâng nhớ lại những đêm nào, trong căn phòng chật chội, nghèo nàn, ngồi bên cạnh chiếc máy thu thanh, lắng nghe những bài phóng sự của đài VOA về các vùng nước Mỹ, về sự tự do, sự giàu có, về những vùng đất lạ... Bây giờ, đột nhiên, tôi có tất cả. Nước Mỹ chung quanh, ở trước mặt. Nước Mỹ có tôi hay tôi có nước Mỹ? Vấn đề không phải như vậy. Tôi bị ném đến đây hay được đến đây, xứ sở của tự do? Cũng không phải là vấn đề. Cái chính là: nỗi mừng vui cứ mòn dần, thu hẹp lại dần. Hạnh phúc có như bị đẩy về phía sau, khi ta tiến tới. Hạnh phúc không hề có ở đây, nơi này. Nó nằm ở đâu trên những khuôn mặt buồn của kẻ tiễn đưa, trên những khát khao chưa đạt, trên những băn khoăn, day dứt của người ở lại, trên sự hãnh diện với người chung quanh, với bạn bè khi được phép đi đến một "thiên đường"... Hạnh phúc là quá khứ, của quá khứ, phải chăng?

Nơi định cư mới đón tôi bằng hai cái giá lạnh: cái giá lạnh của mùa đông và cái giá lạnh của lòng người. Mùa đông thì đã hẳn. Cái giá lạnh

của lòng người khiến tôi chưng hửng: một cộng đồng người Việt nhỏ bé, nhưng chia rẽ đến cùng cực. Người ta sợ hãi lẫn nhau, chửi bới lẫn nhau. Rốt cuộc, mọi người đều thu mình về trong các căn hộ đóng kín: trốn tuyết và trốn người đồng hương. Tôi tổ chức một tiệc nhỏ để cám ơn những người đã giúp đỡ tôi: nhiều người từ chối không đến - một ít người đến dự lại học hặc lẫn nhau sau khi uống vài ngụm bia. Sau này tôi mới rõ: mọi người đều sợ phải ngồi lại với nhau. Và đến lượt tôi cũng như họ: trốn tất cả mọi người. Nếu lỡ có phải gặp nhau trong xưởng hoặc ở tiệm cà phê, thì rất cẩn thận trong lời ăn tiếng nói. Tôi sống trong một không khí thù nghịch giả tạo đến buồn cười. Có lúc, tôi cảm tưởng như đang sống trong chế độ Cộng sản những ngày đầu khi họ chiếm miền Nam: ngờ vực, nghi kỵ, sợ hãi. Mọi người sống bằng một cái thú kỳ dị: nó xấu người khác. Để làm gì vậy? Không để làm gì hết. Nhưng ai cũng nơm nớp lo âu: mình sẽ bị cô lập và sẽ bị hại bởi chính người đồng hương. Khác với nhiều nơi khác, cộng đồng người Việt ở đây không có báo chí, không sách vở, không văn nghệ, một cộng đồng câm. Cái quá khứ phục quốc với bao nhiêu hoạt động và hội đoàn đã đưa đến cái kết quả thảm bại đó. Chỉ còn thì thào, rì rào. Những chuyện ngồi lê đôi mách trở thành một thứ báo lá cải, truyền rất nhanh trong cộng đồng mà tác dụng là phân hóa toàn bộ cộng đồng. Điều này không được mấy ai quan tâm, vì lý tưởng trước mắt của nhiều người rất thực dụng: ăn trợ cấp, làm chui, lãnh tiền mặt và dành dụm tiền về Việt Nam. Cái nơi để đến bây giờ là: Việt Nam. Nước Mỹ mất hết phẩm chất "thiên đường" của nó. Nước Mỹ chỉ là nơi buộc mọi người phải "cày": ca một, ca hai, giờ phụ trội, thứ bảy, chúa nhật. Người ta than thở, người ta cảm thấy vỡ mộng, người ta muốn trở về "thiên đường" đã bị trần tục hóa. Thiên đường đảo ngược, chuyển dịch. Không ai nghĩ Việt Nam là thiên đường, nhưng "thiên đường" ở chỗ: "cày" ở Mỹ và tiêu tiền ở Việt Nam.

Tôi có cái ước ao khác, nhỏ bé và dễ thực hiện hơn: về Cali. Về Cali - cũng như về Huế, về Sàigòn, về Hà Nội. Chỉ âm thanh không thôi, ta cũng thấy đậm mùi quê hương ở nơi hai chữ Cali.

Cali trở nên thân quen với hàng triệu người Việt, ở trong cũng như ngoài nước. Không phải Cali có thủ đô của người Việt tị nạn là quận Cam, không hẳn nó chỉ là một thứ "Việt Nam Cộng hòa nối dài". Hình như nó còn mang một cái gì hơn thế nữa. Ở trong nước, người ta không chỉ mơ đi Mỹ, mà còn mơ đi Cali, đặc biệt là đến Quận Cam. Có phải vì đó là nơi phát hành băng nhạc, nơi đầy ắp báo chí, sách vở, hội đoàn Việt Nam, hoặc là nơi nhiều người Việt Nam quần tụ về đó?

Tôi cố gắng làm thêm mấy tuần ca hai để kiếm tiền về Cali. Bảy tiếng đồng hồ ngồi trên chuyến bay qua một đường chéo thuộc vào loại dài

nhất nước Mỹ - từ Boston đến Los Angeles - , tôi được nhìn một nước Mỹ mênh mông bên dưới. Chuyến bay dài nhất nước Việt Nam từ Sàigòn ra Hà Nội chỉ mất khoảng hai tiếng trên máy bay phản lực. Đất nước mình nhỏ bé quá! Nhưng cái đất nước mênh mông này đâu phải của riêng ai. Từ trên cao nhìn xuống những núi đồi, những rừng, những con sông, những nhà cửa và các công trình kiến trúc, tôi thầm cảm phục trí thông minh và nghị lực cũng như sáng kiến của những lưu dân Âu châu khi họ rời bỏ quê hương họ để định cư nơi đây. Họ đã tạo lập được một quốc gia kỳ lạ nhất trên thế giới, trong đó các chủng tộc có thể sống với nhau dưới cái ô của luật pháp. Nước Mỹ là cái gì vậy? Âm vang của nó đối với người Mỹ có gợi nên bao điều như âm vang của chữ Việt Nam gợi nên trong chúng ta, những lưu dân mới? Hai tiếng quê hương tạo nên ấn tượng gì? Tôi chưa có dịp hỏi một người Mỹ về hai tiếng quê hương, nhưng tôi cho rằng, không ai cảm thấy nước Mỹ là quê hương cả. Rốt cuộc, lúc nào họ cũng tự thấy mình là lưu dân, dù tổ tiên của họ đã ở đây ba trăm năm rồi.

Ồ lan man quá, quên mất chuyện Cali.

Cali nắng ấm, có hơi lành lạnh về đêm, trong lúc Massachussetts của tôi đã bắt đầu có tuyết. Vừa xuống phi trường, tôi đã nôn nóng muốn đến ngay quận Cam, nhưng người bạn tôi bảo chưa vội. Tôi phải ngủ một đêm bâng khuâng, thấp thỏm, đợi trời sáng. Cái cảm giác này khiến tôi chợt nhớ đến lần đầu tiên tôi ra Hà Nội. Cũng bâng khuâng, thấp thỏm trông trời sáng để nhìn phố, nhìn phường. Điều lạ là, trong thâm tâm, khi đến Hà Nội cũng như khi đến quận Cam lần đầu như thế này, tôi vẫn có cảm giác "trở về", chứ không phải "đi đến".

Sáng hôm sau, tôi "trở về" quận Cam. Tôi thực sự xúc động khi xe chạy dọc trên đường Bolsa, Westminster...những cái tên thân quen, nghe nhiều, đọc nhiều, nhưng lần đầu được thấy. Chữ Việt Nam cùng khắp. Quán xá, tiệm ăn, văn phòng...nối nhau. Có một Việt Nam ở đây. Tất nhiên là một Việt Nam sạch sẽ hơn, văn minh hơn, lạ lẫm hơn. Thiếu nhiều thứ để làm thành một Việt Nam thực sự: thiếu rác, thiếu trẻ con chạy ngoài đường, thiếu xe đạp, thiếu xe Honda, thiếu gánh bún, thiếu tủ bán thuốc lá lẻ, thiếu đường hẻm, thiếu vân vân. Nhưng vẫn là một Việt Nam, tuy có phần nào trừu tượng. Ta có thể ngửi thấy hơi thở Việt Nam, những lo âu Việt Nam, những cái hồn Việt Nam. Có thể chúng nó méo mó đi một chút, chúng nó pha tạp đi một chút, thậm chí chúng không thiếu điều buồn cười. Chúng không tạo nên một Việt Nam Cộng hòa nối dài, nhưng chúng hình thành một Việt Nam Cộng hòa kiểu khác, một thứ Việt Nam Cộng hòa vô chính phủ, chống cộng nhưng thao thức, trăn trở vì mục đích của mình. Điều đáng nói là hình như, tuy trong hoàn cảnh rất đặc biệt, càng ngày nó càng trở nên phóng khoáng hơn, dân chủ

hơn và do đó, dù còn vô số điều bất ưng đứng trên một quan điểm nào đó, tiếng nói của nó càng ngày càng có sức vang xa và có ảnh hưởng đáng kể. Nội nhìn số lượng những sách vở được in ra - cũ có, mới có, chống cộng có, thân cộng có, đủ đề tài, đủ khuynh hướng, ta có thể nói mà không sợ mang tiếng đại ngôn rằng nó đóng vai trò của một trung tâm văn hóa - không những chỉ có Hải ngoại, mà còn cho cả nước. Hầu như mọi nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu đều muốn tác phẩm của mình được phổ biến tại đây. Dĩ nhiên, kể cả trong nước. Hồi còn trong nước, tôi được biết nhiều nhà văn, nhà thơ...rất hãnh diện nếu tên tuổi mình được có lần xuất hiện ở tại quận Cam, cho dù đôi khi điều đó rất nguy hiểm cho bản thân.

Tôi ghé một vài tiệm sách, thăm một vài tờ báo và gặp gỡ một số bạn bè làm văn hóa, văn nghệ. Không khí cũng hào hứng, sôi nổi như thuở nào ở Sàigòn. Tôi có cảm giác rằng hình như cả cái Sàigòn cũ được mang đến đặt ở đây. Những điều hay nhất và những điều dở nhất. Tôi như được sống lại những ngày tháng cũ trong một dáng vẻ mới. Qua những câu trao đổi với một số bạn bè, tôi lấy làm lạ rằng những vấn nạn cũ rích của trước 1975 vẫn còn hiện diện với một mức độ còn nóng hổi: quốc-cộng, dân tộc, ngoại bang, dân chủ, độc tài, tiến bộ, bảo thủ... Lại đấu láo, tranh cãi...bên cốc cà phê, bên chén rượu, ly bia. Có khác chăng là các tham dự nên bây giờ đều đã hai thứ tóc trên đầu. Phải chăng chúng ta cứ mãi kéo cái quá khứ lê thê theo một bên mình, dứt ra không được? Chúng ta đặt quá khứ vào tương lai, trong lúc tương lai có cách riêng của nó? Ai mà biết. Tôi nhớ, hồi còn ở Việt Nam, trong một bữa nhậu, một anh bạn vốn hoạt động cho Cộng sản có nói đại ý: "Tụi tao có tranh đấu, phản kháng, tiến bộ... đến mức nào đi nữa, thì khi cái Nhà nước này sụp đổ, tụi tao vẫn cứ bị kết án là Cộng sản thôi. Vậy thì tranh đấu làm cái quái gì!" Có thể anh bạn đã nói đúng. Ở Nga, mấy ai nhắc nhở đến việc Yelsin đã từng là Uỷ Viên bộ Chính trị hay ở Tiệp Khắc trước đây, mấy ai quan tâm đến Dubcek đã là lãnh tụ đảng Cộng sản. Ở Việt Nam thì khác. Lý lịch phải đứng hàng đầu. Cái chủ nghĩa lý lịch quái ác mà người Cộng sản áp dụng, đã đưa đất nước đến đâu, điều này ai cũng rõ.

Mà thôi, băn khoăn làm gì mãi đến chuyện chính trị!

Về Cali, tôi chỉ muốn đến quận Cam, đến Little Saigon và tự xem như thế là đủ cho một chuyến đi ngắn ngày. Chắc là tôi bị tuyên truyền, bị quảng cáo? Ngay cả chữ Little Saigon không thôi, cũng đã đủ gợi nên biết bao điều. Riêng đối với người Mỹ, quận Cam có một cái gì đặc biệt. Bản hướng dẫn du lịch của Sở Du Lịch California diễn tả quận Cam (Orange County) như là nơi "trông có vẻ California nhất trong tất cả các vùng của California" (the most California-looking of all the California), vì

nó giống như phim, như truyện, như mơ, và thậm chí như thiên đường. ồ, đúng là quảng cáo!

Tôi không hoàn toàn tin như thế.

Nhưng từ giã quận Cam, lòng cứ thấy bâng khuâng. Nhớ cảnh. Nhớ người. Mong có ngày về lại quận Cam.□

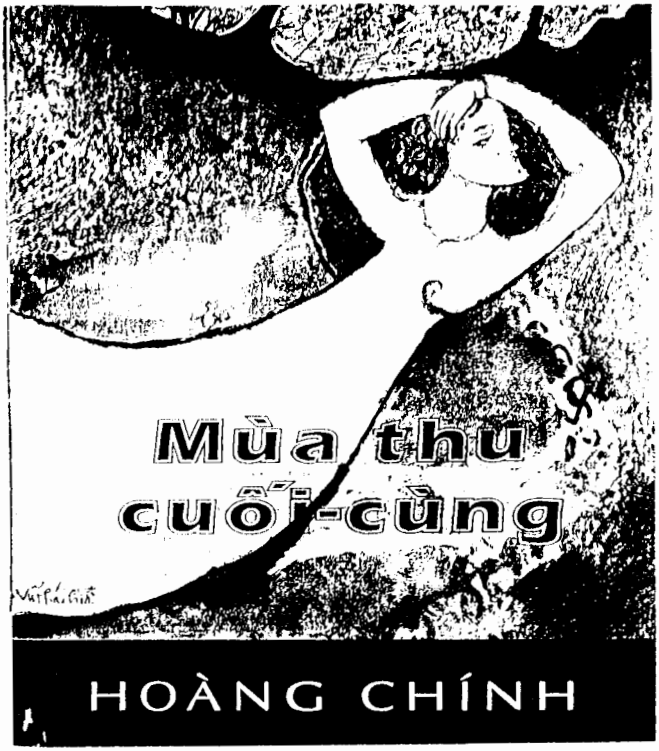

Tuyển tập truyện ngắn của tác giả thi tập

Nửa đêm nghe mẹ thở dài.

*

Làng Văn xuất bản, Vũ Thái Hòa vẽ bìa.

Bán tại các nhà sách, 10 My kim (14.50 Gia kim)

Ấn bản có chữ ký tác giả: Thêm 2$ cước phí về P.O.Box 27042

421 Greenbrook Dr. Kitchener, Ontario, Canada, N2M-5P2

Nên Bao Cấp Văn Hoá Chăng?

Lời Toà Soạn: Nhật báo Los Angeles Times, *số ra ngày Chủ Nhật 12 tháng Hai, 1995, có một bài phỏng vấn ông François Barre, Giám đốc Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Hiện Đại thuộc Trung tâm Georges Pompidou. Bài phỏng vấn rõ là có dụng ý gián tiếp đề cập tới một vấn đề thời sự tại Hoa Kỳ khi Quốc Hội do phe Cộng Hoà vừa chiếm đa số đã mở chiến dịch đòi cắt giảm ngân sách trợ cấp của liên bang cho một số sinh hoạt văn hóa nghệ thuật (bài tường thuật của Robert Pear trên* New York Times); *và chiến dịch đã gặp phản ứng mạnh của những người yêu chuộng nghệ thuật và của cánh tả đảng Dân Chủ. Nhưng, bỏ bên ngoài yếu tố thời sự và dù sao cũng cục bộ (Hoa Kỳ) nói trên, bài phỏng vấn còn lý thú ở nhiều điểm: nó nêu lên hai quan niệm Pháp-Mỹ đối nghịch về việc chính quyền nên hay không nên trợ cấp văn hoá, nó phản ảnh bản lãnh của cả người hỏi và người đáp và nhất là nó làm người đọc suy nghĩ về một số vấn đề rộng lớn hơn là việc chi thu ngân sách văn hóa, như Franỗois Barre nói lên khá rõ ràng và sâu sắc. Đó là những lý do khiến Văn Học phiên dịch và trân trọng giới thiệu với bạn đọc. (Những chữ trong ngoặc vuông [...] là của người dịch).*

Quản Thủ Nghệ Thuật
Cho Một Xứ Khoái Chi Tiền Cho Nghệ Thuật

Scott Kraft Phỏng vấn François Barre

PARIS. *Khi chính quyền Pháp mở ra Trung tâm Georges Pompidou 17 năm về trước, chưa ai rõ là dân chúng sẽ phản ứng ra sao về lối kiến trúc kỳ dị như hình hộp khổng lồ, bên ngoài chạy đầy những xà ngang xà dọc màu xanh đương, và về cái lối mà trung tâm phục vụ văn hoá một cách ê hề. Nhưng chẳng có mấy chính phủ [kế tiếp] thua lỗ trong vụ đánh cá về nỗi say mê nghệ thuật của quốc gia này. Và hàng ngày có 26.000 người tới xem Viện Bảo Tàng Quốc Gia Nghệ*

Thuật Hiện Đại của Trung tâm Georges Pompidou (1), vào tham khảo một thư viện chứa 550.000 cuốn sách, một phòng thí nghiệm 110 ngôn ngữ, hoặc thăm trung tâm "sáng tạo" kiến trúc, viện khảo cứu âm thanh, hay tham dự các buổi chiếu phim, diễn kịch và hòa tấu. Trong khi dân Mỹ đang tranh luận về việc nên hay không nên xài tiền thuế của dân cho các sinh hoạt nghệ thuật thì chính phủ Pháp dường như lúc nào cũng tìm ra cách chi mạnh hơn nữa cho nghệ thuật, mặc dù tỉ lệ thất nghiệp lên tới 12,6% và rõ ràng là có nhu cầu giảm chi. Mới đây, Bộ Văn Hoá vừa mở ra một "Cité de la Musique", thị trấn Âm nhạc, gồm có một viện bảo tàng âm nhạc, một sảnh đường hòa nhạc và một trung tâm nghiên cứu về nhạc và vũ. Một thư viện quốc gia mới, đại công tác cuối cùng của tổng thống François Mitterand sắp mãn nhiệm, đang được xây cất. Và ngay cả Trung tâm Georges Pompidou này cũng sắp được trùng tu và trang trí lại với một ngân sách 110 triệu Mỹ kim, từ nay tới cuối thế kỷ. Người phụ trách dự án trùng tu đó, và cũng nắm trong tay ngân sách hằng niên 100 triệu của trung tâm là ông François Barre. Ở tuổi 56, vẻ cởi mở, ông quản trị viên này có sự nghiệp gắn liền với nghệ thuật, ở nhiều chức vụ khác nhau, trong và ngoài chính quyền. Ông cũng từng làm việc với nhiều Bộ trưởng Văn hoá dưới cả hai trào tả và hữu.

Tại Trung tâm Pompidou, ông làm việc trong một văn phòng thênh thang thoáng gió, với hàng trăm nhân viên thấp thoáng sau những tấm vách ngăn dựng tạm la liệt khắp nơi trong một căn phòng lớn bằng cả một sân banh. Với niềm nở làm việc trong bộ môn nghệ thuật kiến trúc, ông cho biết là mình rất ưa thích cách trang trí ngoại ốc của Trung tâm, tuy lối trang trí này cũng đã gây nhiều phẩm bình trong dư luận. Nhưng về lối trang trí thông thống bên trong thì ông thú nhận rằng quả là "chịu không nổi." Ông sẽ dọn các văn phòng hành chánh qua bên kia đường, sau khi Trung tâm được tân trang lại.

Chẳng có gì ngạc nhiên khi ông François Barre xem việc chính phủ bảo trợ các sinh hoạt văn hoá và nghệ thuật là một đặc điểm lành mạnh của xã hội Pháp. Ông nhận xét là lúc Trung tâm Pompidou mở cửa, Pháp chỉ có năm viện bảo tàng dành cho nghệ thuật thế kỷ 20, ba trung tâm nghệ thuật, và không có một viện nghiên cứu âm nhạc có quy mô lớn nào. Ngày nay, có đến 20 viện bảo tàng nghệ thuật hiện đại, 30 trung tâm nghệ thuật và 10 viện dành cho việc nghiên cứu âm nhạc.

"Tôi thích có sự cạnh tranh" ông nói. "Điều đó chỉ có thể coi là tiến bộ".

[Sau đây là bài phỏng vấn của Scott Kraft, đặc phái viên của tờ Times tại Paris]

Hỏi: *Trung tâm Pompidou được coi là nơi có nhiều người lai vãng nhất nước Pháp chăng?*

Đáp: Nhất nước Pháp—và nhất thế giới. Như năm ngoái, chúng tôi đã có tới tám triệu khách thăm viếng. Gấp đôi số du khách lên tháp Eiffel.

H: Và gần bằng [trung tâm giải trí] EuroDisney.

Đ: (Cười). Nhưng cái EuroDisney đó có phải là một địa điểm văn hoá không?

H: Không, nhưng nó cũng chẳng là một doanh nghiệp nhà nước. Điều đó dẫn tôi đến câu hỏi là làm sao chính phủ Pháp có thể dùng tiền thuế của dân một cách hậu hĩnh như vậy—gần ba tỷ Mỹ kim năm ngoái—cho nghệ thuật?

Đ: Trước nhất, chúng tôi có một truyền thống. Chúng tôi luôn luôn tin rằng... rằng tất cả những gì nâng cao giá trị của giáo dục, kiến thức và sự sáng tạo đều thuộc loại dịch vụ công cộng, giống như dịch vụ y tế hay cứu hỏa vậy. Vì vậy, dân chúng coi như mọi người dân đều có quyền hưởng những dịch vụ trên. Có thể có những bất bình đẳng về kinh tế, nhưng tối thiểu cái di sản chung của cả dân tộc thì ai cũng được quyền chia sẻ. Ngân sách nhà nước bảo đảm sự bình đẳng cho mọi người dân có cơ hội đồng đều để họ tìm đến kiến thức, giáo dục, văn hoá và sáng tạo, cơ hôi mà quy luật thị trường không bao giờ cho phèp.

H: Phải chăng điều đó cũng phản ảnh trào lưu thịnh hành?

Đ: Tôi nghĩ vậy. Người ta nói là chúng ta đang sống trong thời kỳ khủng hoảng về các giá trị. Ý thức hệ đã hết. Cả cái ý niệm về những gì thiêng liêng cũng không còn. Thất nghiệp gia tăng cùng với phản ứng khai trừ nhau trong xã hội. Trong không khí đó, văn hoá không là một thứ xa xỉ mà là một thành tố của tính hợp quần xã hội, của bản sắc và của mối liên hệ trong cộng đồng. Điều thê thảm nhất trong thời kỳ khủng hoảng đó là gì? Là đánh mất bản sắc, đánh mất sự hợp quần. Văn hoá là yếu tố tạo ra mối kết hợp xã hội đó.

H: Tại Hoa Kỳ, người thọ thuế ngần ngại chi tiêu nhiều tiền như vậy cho nghệ thuật trong khi có thể dùng khoản tiền đó vào việc giải quyết những khủng hoảng cấp kỳ hay bất bình đẳng trong xã hội. Tại sao ở bên này người ta lại không nghĩ như vậy?

D: Người ta nói đúng chứ, khi đòi hỏi chi dụng tối đa để giải quyết nạn thất nghiệp. Không là một nhà kinh tế nhưng tôi cũng mường tượng được là nước Pháp cũng chi cho thất nghiệp nhiều hơn số tiền chi dùng vào văn hoá gấp bội. Dù sao thì những chi tiêu cho văn hóa cũng chưa lên tới 1% ngân sách quốc gia. Nhưng ta cũng dừng quên rằng đầu tư vào văn hoá cũng tạo ra công ăn việc làm. Một số sáng tác nghệ thuật cũng giúp cho sự bành trướng của các ngành công nghiệp văn hoá. Vì vậy ta chẳng nên coi những gì liên hệ tới văn hoá là không tạo ra công ăn việc

làm và không tác dụng tới kinh tế.

H: Nếu nhà nước chi trả cho các công trình sáng tạo nghệ thuật, theo một cách nhìn nào đó, những nghệ sĩ này là nghệ sĩ "quốc doanh" sao?

Đ: Đó là một sai lầm nghiêm trọng, và là sự nhầm lẫn nhiều người Mỹ mắc phải. Trong truyền thống nhà nước tài trợ văn hoá tại Pháp, không khi nào có hiện tượng gây áp lực. Tôi ở trong nghề này, đâu nào, từ khi khởi đầu với nghệ thuật trang trí từ năm 68, nghĩa là cũng khá lâu. Và tôi không nhớ thấy bất cứ một lần nào có sự áp đặt cả. Cách đây không lâu trong một cuộc họp báo tại Nữu Ước, có nhiều nhá báo Mỹ họ hỏi tôi là việc khai triển các dự án trưng bày tại Trung Tâm Pompidou có được tự do không. Và lúc đó tôi không hiểu câu họ hỏi. Điều họ muốn hỏi là: Có phải chính tôi là người quyết định việc triển lãm, hay ông bộ trưởng ra lệnh tôi cần phải trưng bày cái này hay cái kia? Không khi nào có việc một bộ trưởng Pháp—dù thuộc cánh tả hay cánh hữu—điện thoại cho giám đốc một cơ quan công quyền, cơ quan về văn hóa, để chỉ thị: "Ông phải dựng vở kịch này, hay phải thực hiện cuộc triển lãm kia". Điều này không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ xảy ra.

H: Nhưng, dĩ nhiên, khi nhà nước thu mua các tác phẩm nghệ thuật thì mặc nhiên đã can thiệp vào thị trường tự do của các sản phẩm nghệ thuật chứ?

Đ: Việc thu mua khiến cho hệ thống thị trường tự do bị xáo động. Việc thu mua này quả đúng là do ảnh hưởng của một số nghệ sĩ, cũng như nghệ sĩ Pháp. Nhưng, liệu mình có thể nói là nấc thang duy nhất để đánh giá một nghệ sĩ là quy luật thị trường chăng? Tôi không chắc như vậy.

H: Thế thì tại Pháp này, ai quyết định rằng cái gì là nghệ thuật hay và nghệ thuật không hay? Người tiêu thụ hay chính phủ?

Đ: Đó là câu hỏi chung cho mọi nước. Ông quản thủ Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Hiện Đại ở Nữu Ước đó đang làm gì? Ông ta đang tự nêu ra câu hỏi trên. Và ông ta xử trí ra sao? Ông ta làm y hệt như một người quản thủ tại Pháp. Cũng nghiên cứu tìm hiểu, cũng có phần chủ quan, cũng phải biết về bối cảnh quốc tế và phải chọn lựa—những chọn lựa hiển nhiên là chủ quan.

Vì vậy nó cũng tùy thuộc ở từng địa hạt nữa. Trong địa hạt nghệ thuật chẳng hạn, sự phán đoán thường không bị chi phối bởi thị trường. Những người quản thủ bảo tàng tại Philadelphia, Los Angeles và các nơi khác đều làm như mọi người quản thủ khác trên thế giới: họ có những chọn lựa chủ quan.

Và đI đến quyết định chẳng hạn như sẽ triển lãm (Cy) Twombly thay vì một người khác. Vì mình chủ quan nghĩ rằng Twombly là một nghệ sĩ lớn và người khác kia thì không.

H: Thế số người tham dự nhiều hay ít có phải là một tiêu chuẩn phán xét sự chọn lựa đó đúng hay sai không?

Đ: Cái đó phức tạp. Người ta hay cố so sánh những chọn lựa đó qua sự tiếp nhận nhiều hay ít của quần chúng thưởng ngoạn. Và nhiều khi có người có thể vặn : "Nhưng có chi quý vị lại làm triển lãm cho nghệ sĩ này nghệ sĩ kia; có mấy ai xem đâu." Nhưng, là một cõi của sáng tạo, địa hạt văn hoá không giống với địa hạt kinh tế. Trong kinh tế, cầu quyết định về cung, nếu ta nghĩ là giới tiêu thụ muốn có một sản phẩm nào đó thì mình sản xuất ra. Trong địa hạt văn hoá thì trái lại. Chỉ có quy luật cung ứng mới tác động. Và ta đều biết có nhiều nghệ sĩ thực sự vĩ đại lại rất ít ăn khách khi họ còn tại thế.

H: Thế còn điện ảnh?

Đ: Đây là lãnh vực mà Pháp có những tranh chấp gay gắt nhất, như với Hoa Kỳ chẳng hạn. Vì chi phí thực hiện phim ảnh rất tốn kém, nếu ta căn cứ hoàn toàn vào luật cung cầu thì chỉ trong một thời gian ngắn nữa thôi, ta chỉ có rặt phim [rẻ tiền] cho thiếu nhi coi. Đây là một vấn đề. Trong xứ nào cũng vậy, truyền hình khắp nơi đều tìm cách thỏa mãn nhu cầu của khán giả, và nói một cách chung chung thì nhu cầu đó hầu như không có gì gọi là văn hoá cả.

H: Nhưng khi nhà nước tài trợ văn hoá và nghệ thuật nhiều như vậy thì có bị chỉ trích không?

Đ: Dĩ nhiên là có vì đó là tiền dân đóng thuế. Với một định chế công quyền, dân chúng có khe khắt và đòi hỏi nhiều hơn là với một định chế tư nhân thì cũng là điều dễ hiểu. Điều đó có nghĩa rằng khi một cuộc triển lãm không được mấy người xem hoặc bị giới thưởng ngoạn chê bai, người dân nên xem đó là một phần của quy luật dân chủ, tạo cơ hội cho các nghệ sĩ trưng bày tác phẩm của mình dù không được dân chúng ưa chuộng.

Nếu một cá nhân tung tiền túi ra thì họ có quyền tự do. Nhưng trong trường hợp đó, tôi không chắc là họ dám nhận lấy tối đa rủi ro vì dù sao cũng là tiền của họ. Và cuộc phiêu lưu tìm kiếm nghệ thuật, theo thiển nghĩ, là một việc có quá nhiều rủi ro.

H: Khi mua các tác phẩm nghệ thuật, nhất là loại hiện đại, cho Trung tâm Pompidou, ông có hay bị chỉ trích không?

Đ: Dĩ nhiên là bao giờ cũng có chỉ trích, nhưng không hoàn toàn về việc thụ đắc vì nghệ phẩm nào cần được mua đều do chuyên gia quyết định. Quảng đại quần chúng thì chỉ biết chúng tôi triển lãm những gì thôi, chứ không biết là chúng tôi mua những gì, với giá bao nhiêu. Nhưng, cũng có khi gặp phản ứng tiêu cực đối với nhiều cuộc triển lãm. Thí dụ như chúng tôi có cuộc triển lãm vừa mới xong mang tên Hors de Limite,

[Ra Ngoài Giới Hạn] chẳng hạn. Có những bài viết khá thô bạo công kích cuộc triển lãm trên một số báo cực hữu. Có người viết cho ông bộ trưởng nội vụ yêu cầu là nên cấm trẻ vị thành niên coi cuộc triển lãm, điều mà dĩ nhiên chúng tôi không đồng ý. Chúng tôi chỉ cảnh giác người xem là cuộc triển lãm có thể gây chấn động cho cảm xúc của trẻ em mà thôi. Nói chung, tôi thấy phản ứng của dân chúng cũng là bình thường.

H: Một điều khác nữa cũng làm người Mỹ ngạc nhiên, đó là việc thay đổi chính phủ ở bên này—dù là theo cánh tả hay hữu—không mấy ảnh hưởng tới môi trường văn hoá.

Đ: Điều đó đúng. Và đó một phần cũng do truyền thống của nước Pháp. Vì chúng tôi không có một loại tổng thống chế kiểu Hoa Kỳ và vì chúng tôi cho rằng chính quyền có ý nghĩa liên tục. Đổi thay chính trị thường không xuyên nhập được vào một số lãnh vực tại Pháp.

H: Phải chăng đó là điều người thường dân mong muốn?

Đ: Tôi nghĩ rằng có một sự đồng thuận về chánh sách văn hoá. Thí dụ như chúng tôi sắp bước vào một cuộc tranh cử tổng thống, và tương lai của đất nước sẽ được tranh luận gần như hàng ngày. Nhưng tôi tin chắc là điều phân biệt các ứng viên sẽ không phải là vấn đề văn hoá. Về văn hoá, chúng tôi luôn luôn có sự đồng thuận.

H: Ông thấy sao về việc cắt giảm trợ cấp cho văn hoá và nghệ thuật tại Hoa Kỳ? Ông có nghĩ rằng điều đó nguy hiểm không?

Đ: Tôi nghĩ rằng ngày nay—không riêng gì tại Hoa Kỳ mà trên toàn cầu—chúng ta đang đi vào giai đoạn suy thoái, giai đoạn mà trật tự luân lý được củng cố, mà lẽ phải trái về chính trị được đề cao, một giai đoạn quả đáng lạnh mình, và một thời kỳ khủng hoảng vì tình hình kinh tế. Trong giai đoạn này, loài người không có nổ lực hợp tác trong những dự án tập thể nữa. Vì vậy mà một trật tự luân lý mới len vào chế ngự. Nhưng đây là một nguy cơ cho mọi người, cho cả Âu Châu lẫn các nơi khác.

H: Về văn hoá và nghệ thuật, nhiều người Mỹ thấy là người Pháp kênh kiệu và hơi quá chủ quan tin rằng khảo hướng của Pháp mới là đúng nhất.

Đ: Họ không sai cả đâu vì người Pháp thường tin rằng họ rất thông minh, điều chưa chắc đã hiển nhiên. Nhưng sự thể là như vậy. Càng ít giáo dục thì người Pháp càng tin rằng họ thông minh hơn người khác. Vì vậy mà họ nhiều khi thành quá quắt.

Nhân vô thập toàn mà. ❐

(1) Georges Pompidou, tốt nghiệp Normale Sup. và thạc sĩ Văn chương, một nhà biên khảo về thi ca Pháp trước khi tham chính. Ông là người đề xướng ra trung tâm khi còn tại chức tổng thống Pháp, 1969-1974.

Jane Alexander Biện hộ vai trò của Cơ QuanTài Trợ Nghệ Thuật

Robert Pear

The New York Times, Ngày 27 tháng 1, 1995

WASHINGTON, Jan 26.— Jane Alexander, chủ tịch Hội Đồng Quốc Gia Tài trợ Nghệ thuật (National Endowment for the Arts), ngày hôm nay đã biện hộ vai trò của cơ quan này như một tổ chức bảo trợ cho các nhà thơ, hoạ sĩ và nhạc sĩ, nhưng những Thượng nghị sĩ đảng Cộng hoà khuyến cáo là cô phải áp dụng những tiêu chuẩn nghiêm nhặt hơn kiểm soát việc xài tiền do dân đóng thuế.

Trong một buổi điều trần trước Ủy ban Lao Động và Nhân dụng của Thượng viện, nữ nghệ sĩ Alexander phản bác lại lời những người chủ trương giải tán tổ chức được thiết lập từ năm 1965 này. "Chính phủ Liên Bang đóng một vai trò hợp pháp trong sinh hoạt nghệ thuật," cô tuyên bố. "Tổ chức tài trợ đáp ứng sinh hoạt tinh thần của con người chúng ta, kể về phương diện cá nhân cũng như quốc gia."

"Chúng ta làm gì qua văn chương và nghệ thuật?" cô hỏi. "Chúng ta cố xác định bản sắc của chúng ta. Khi mọi phương tiện khác thất bại hay tan biến, nghệ thuật vẫn tồn tại. Không những bảo tồn văn hoá là việc làm thiết yếu, mà việc nuôi dưỡng động cơ sáng tạo, tìm hiểu, tưởng tượng cũng thiết yếu không kém." Nhưng những nhà lập pháp đảng Cộng hoà khuyến cáo Alexander rằng cơ quan này phải áp dụng những tiêu chuẩn kiểm soát nghiêm nhặt việc kế toán đối với những người được trợ cấp. Những người có đầu óc bảo thủ luôn luôn chê bai những công trình do cơ quan này tài trợ là có tính khiêu dâm, phạm thánh hay làm cho người khác bất bình.

William J. Bennett, cựu chủ tịch Tổ chức Quốc Gia Tài Trợ Nghiên cứu Nhân Văn (National Endowment for the Humanities), cũng là cựu Bộ trưởng Giáo dục thời Reagan, khuyến cáo Quốc hội hồi đầu tuần là nên chấm dứt việc tài trợ cho các cơ quan tài trợ nghệ thuật và nhân văn. Ông cho là các cơ quan này không những thối tha về phương diện tri thức, mà còn băng hoại về mặt đạo lý, một phần vì các cơ quan này đã tài trợ cho những nghệ nhân, những học giả chỉ nhằm làm hại đến những "giá trị chính thống của Mỹ."

Đáp lại lời chỉ trích đó, cô Alexander nói: "Tôi hết sức sững sờ khi nghe thấy những từ như "thối nát, băng hoại" khi người ta nói đến cơ quan."

Với dáng điệu thanh thản của một diễn viên, cô Alexander nói. "Tôi đến đây không phải để đem chôn cơ quan này, mà là để tán dương nó." Cô nhấn mạnh là "việc tài trợ nghệ thuật không dành cho những kẻ thượng lưu (elite), "như một vài nhà lập pháp Cộng hoà đã từng nghĩ. Cô nói thêm là các Mạnh Thường quân doanh nghiệp và tư nhân không thể nào bù đắp được một khi tiền tài trợ của chính phủ liên bang khô cạn.

Thật ra, theo cô, một trong những chức năng của cơ quan này là "đóng một dấu ấn kiệt xuất" lên nghệ nhân và các tổ chức nghệ thuật để cho những nhà Mạnh Thường quân tư nhân biết ai xứng đáng được tài trợ.

Sau buổi điều trần, Cô Alexander được phỏng vấn là liệu cô có nghĩ rằng mình đã thuyết phục được Quốc hội hay chưa trong việc duy trì cơ quan tài trợ này dưới một hình thức nào đó, cô trả lời: "Mọi việc vẫn còn lơ lửng." Cô thêm: "Dường như đây là một cuộc trưng cầu ý kiến chung chung về văn hoá thời nay."

Trong buổi điều trần, Ủy ban nhiều lần đặt câu hỏi về vai trò của chính phủ Liên bang trong việc tài trợ cho các sinh hoạt nghệ thuật. Tất cả đều đồng ý là cơ quan này phải chịu cắt giảm ngân sách, nếu muốn còn tiếp tục. Ngân sách cho cơ quan này trong tài khoá 1995 là 167.4 triệu Mỹ kim.

Thượng nghị sĩ Dan Coats (Cộng hoà, Indiana) bảo rằng nếu cơ quan không sàng lọc đơn xin tài trợ kỹ lưỡng hơn trước, "người thọ thuế chỉ còn nước dang tay lên trời rồi nói, 'Thôi dẹp nó đi. Mỗi một việc sổ sách mà làm cũng không xong!'"

Thượng nghị sĩ Ashcroft (Cộng hoà, Missouri) nói rằng dùng tiền thuế của quốc gia để "tài trợ cho những việc làm nhằm chống lại những giá trị, chống lại tôn giáo hay chính trị," là việc không thể chấp nhận được, và ông bảo là một số người được cơ quan trợ cấp đã làm như thế trong quá khứ.

TNS Ashcroft bảo là người dân Mỹ không muốn việc tài trợ cho những phát biểu về chính trị, tôn giáo hay phản bác tôn giáo. "Để được mọi người đồng thuận một cách rộng rãi, chúng ta hãy tránh vướng mắc vào những việc có thể gây tranh cãi," ông nói. "Khi chúng ta bước vào những sinh hoạt có ý thách thức những giá trị căn bản của nền văn hoá Mỹ, chúng ta tự chuốc lấy những khó khăn cho chính mình. Nếu định nghĩa nghệ thuật là một ngành sinh hoạt nhằm thách thức hay gây cho người khác bất bình, thì tôi nghĩ chúng ta đang lâm vào một tình thế mà cho dù việc trợ cấp của liên bang có nhỏ nhoi đến đâu cũng đưa cơ quan này vào một vị thế hết sức bấp bênh."

Mike DeWine, một Thượng nghị sĩ mới đắc cử nhiệm kỳ đầu (Cộng

hoà, Ohio) không đứng chung trong hàng ngủ những người chủ trương dẹp bỏ cơ quan này. Ngược lại, ông còn nói rằng cơ quan này cần được cấp thêm tiền. Nhưng ông cũng gợi ý là cơ quan tiêu dùng quá nhiều tiền cho việc hành chánh, 14% ngân sách. Và ông còn lên tiếng khuyến cáo cơ quan này tìm cách mang nghệ thuật đến những "cộng đồng thiếu điều kiện," hay "những vùng thôn quê."

"Tiền của liên bang, vốn đã hiếm hoi, chỉ nên được tiêu dùng phục vụ những người không có phương tiện thưởng thức nghệ thuật, " TNS DeWine nói. "Tiêu dùng tiền trợ cấp của liên bang để cho những người giàu có đi xem nhạc kịch hay vũ ba-lê là một việc làm chẳng thể nào biện minh được."

Vị chủ tịch Ủy ban, TNS Nancy Landon Kassebaum (Cộng hoà, Kansas) nói rằng một số trợ cấp "đã khiến người ta đặt vấn đề về khả năng của cơ quan trong việc quản trị tiền liên bang một cách có trách nhiệm." Nhưng bà nói thêm, "Cá nhân tôi vẫn tin rằng Chính phủ liên bang có một vai trò" trong việc bảo trợ sinh hoạt nghệ thuật, với điều kiện là việc tiêu dùng tiền bạc phải được kiểm soát nghiêm nhặt hơn.

Tìm đọc

VÙNG ĐÁ NGẦM

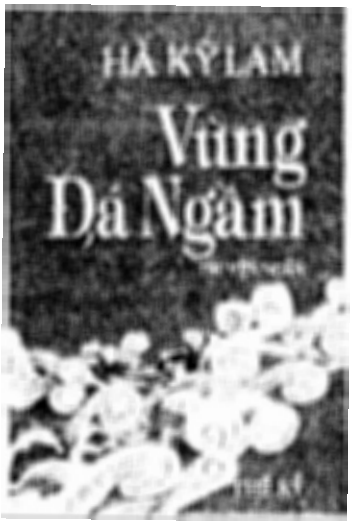

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN CỦA
HÀ KỲ LAM
214 trang.
Giá $10.00

***Thế Kỷ** xuất bản và phát hành*
11022 Acadia Parkway # A
Garden Grove, CA 92640 USA
Tel: 714-638-9510
Fax: 714-638-1944

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

• 13 nhân vật đoạt giải Nobel văn chương họp mặt ở Atlanta, Mỹ

Mười ba nhân vật đoạt giải Nobel Văn chương sẽ tham dự một cuộc họp mặt Văn Học bên lề Thế Vận Hội Atlanta 1996, tổ chức vào tháng Tư tới đây. Cựu Tổng thống Hoa Kỳ Jimmy Carter và thi sĩ hàng đầu của Hoa Kỳ, Rita Dove, sẽ cùng chào đón cuộc gặp gỡ đông đảo chưa từng thấy của những nhân vật đoạt Giải Nobel Văn chương trong lịch sử 94 năm của giải này. Mười ba trong số 16 vị từng đoạt Giải Nobel Văn Chương hiện còn sống, sẽ gặp gỡ nhau trong các ngày từ 23 đến 25 tháng Tư, 1995 tại Trung Tâm Carter ở Atlanta, Georgia. Việc tham dự cuộc gặp mặt này được mở cửa cho mọi người, tuy nhiên hội trường của Trung tâm Carter chỉ có thể tiếp đón tối đa là 700 người mà thôi. Muốn được tham dự hai ngày đọc sách, thơ và thảo luận văn chương tại Trung tâm Carter dịp này, phải đóng tiền vào cửa là 200 đô la cho mỗi đầu người. Còn muốn dự bữa ăn chiều để khoản đãi 13 nhà văn Nobel Văn Chương, thì phải đóng thêm 150 đô la nữa. Bạn đọc muốn tham dự cuộc họp mặt Văn Học qui mô này, có thể liên lạc với số điện thoại (404) 224-1835. Đây là một trong các tiết mục của chương trình văn hóa văn nghệ bên lề Thế Vận Hội Atlanta 1996, sẽ diễn ra vào mùa Hè 1996 tại Atlanta, Georgia.

• Nhà văn, nhà thơ Bồ Đào Nha Miguel Torga qua đời

Nhà văn - thi sĩ Miguel Torga, người Bồ Đào Nha, đã qua đời hôm thứ Ba 17 tháng Giêng, 1995, thọ 87 tuổi tại thị xã Coimbra sau trận bệnh dai dẳng. Miguel Torga là tác giả của trên 50 tiểu thuyết và nhiều tập thơ. Các tác phẩm nổi tiếng nhất của Miguel Torga là *Animals*, *The Creation of the World* và *Mountain Tales*. Tác phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng, kể cả tiếng Trung Hoa. Torga được đề nghị

giải Nobel Văn chương hai lần. Ông là một người trầm lặng. Ông chào đời trong một gia đình nông dân nghèo.

• Phạm Văn Hải ra mắt *Đàn Bà*

Nhà văn Phạm Văn Hải, còn có bút hiệu là Hải Vân, đã ra mắt bạn đọc tại Hoa Thịnh Đốn tập truyện ngắn *Đàn Bà*. Trung Tâm Văn Bút Miền Đông và thân hữu của tác giả đã tổ chức buổi ra mắt *Đàn Bà* tại trường đại học George Mason hôm Chủ Nhật 18 tháng Chạp, 1994. Buổi sinh hoạt được xem là thành công vì đông người tham dự mặc dù có người nhận là đến để chỉ "nghe hát cho vui," trong khi những người khác đến là vì *Đàn Bà*. "Đàn Bà" là một đề tài hấp dẫn. Và tác giả Phạm Văn Hải khi chọn "đàn bà" làm đề tài cho tác phẩm mình chắc chắn ông phải là một ngòi bút "bạo gan." Một nhà báo ở miền Đông khi viết về buổi ra mắt sách của Phạm Văn Hải đã hạ bút: "Về phần này, tác giả Phạm Văn Hải và chỉ riêng tác giả Phạm Văn Hải, một nhà mô phạm, một tiến sĩ ngữ học sinh văn chương mới có đủ thẩm quyền để xem mình với tư cách là người viết—hấp dẫn trong thế giới ấy đến đâu và bạo gan đến mức nào để xông xộc đi vào một phạm trù mà rất nhiều người khôn ngoan né tránh.

• Khi Jean-Paul Sartre làm lính

Người ta thường nhắc đến Jean-Paul Sartre như một triết gia, một nhà văn, nhưng ít ai nghĩ đến ông ta như một người lính. Trong một bài viết đăng ngày 13 tháng 2 năm 1995 trên tờ *New York Times*, Alan Riding nhân lúc giới thiệu một cuốn sách mới của có nhan *Nhật Ký Ghi từ Một Cuộc Chiến Tranh Giả Tạo* do nhà Gallimard xuất bản tháng này hé mở cho chúng ta thấy hình ảnh một người lính có dư dả thì giờ để suy tư, sáng tác, viết hàng trăm lá thư cho Simone de Beauvoir và cho cô nhân tình Wanda Kosakiewics, hay nghiền ngẫm ấn bản mới nhất của cuốn *Nhật Ký* André Gide, chứ chẳng phải lo toan gì đến sự vào sinh ra tử như những người lính bình thường khác.

Nguyên văn bài viết của Alan Riding như sau:

"Được phái đến mặt trận Alsace vào tháng 9 năm 1939 để ngăn chặn cuộc xâm lăng của Đức, người lính Jean-Paul Sartre có dư dả thì giờ để nhuận sắc cuốn sách mới nhất của ông, đọc ấn bản mới nhất của cuốn *Nhật Ký* của André Gide, và hơn hết cả, ông dư thì giờ để suy nghĩ và viết lách.

Trong khoảng thời gian 10 tháng trước ngày bị Đức bắt làm tù binh hôm 21 tháng 6, 1940, Sartre viết hàng trăm lá thư gởi cho Simone de Beauvoir, cho cô nhân tình Wanda Kosakiewics, và cho

bạn thân. Nhưng ông vẫn luôn luôn quan tâm đến thế hệ hậu sinh, viết đầy 15 cuốn sổ tay trong tập *Nhật Ký* mà ông đã căn dặn chỉ cho in sau khi ông mất.

Sau khi ông qua đời vào năm 1980, ở tuổi 75, người ta chỉ tìm thấy 5 trong số 15 cuốn sổ tay đó—gồm các cuốn số 3, 5, 11, 12 và 14—và được nghĩa tử là cô Arlette Elkaim-Sartre cho xuất bản vào năm 1983. Bây giờ người ta lại tìm ra được cuốn thứ 6, và được gộp chung vào với ấn bản mới nhất của tập *Nhật Ký Ghi Từ Một Cuộc Chiến Giả Tạo* do nhà xuất bản Gallimard ấn hành tháng này.

Nhưng người ta lại hỏi là cuốn nhật ký mới này sẽ cho người đọc biết thêm được gì mới mẻ hơn về triết gia hiện sinh và khuynh tả này, ngoài những điều đã biết qua các tác phẩm, qua những nhận định về chính trị của ông ghi lại trong thư từ của ông lẫn của Simone de Beauvoir, trong vô số các sách viết về ông, và nhất là trong tập *Nhật Ký* của ông?

Cho dù lúc này Sartre đã lỗi thời ngay cả trong hàng ngũ những người trí thức khuynh tả, tập nhật ký mới gần 150 trang này cũng gây được nhiều chú ý, vì đó là cuốn đầu tiên trong loạt những cuốn nhật ký ghị lại "cuộc chiến tranh giả tạo" này. Tập này chứa đựng những chiêm nghiệm tiên khởi của một nhà văn 34 tuổi, về cuộc đời của một người lính, mặc dù ông chẳng tham dự vào một hành động nào hào hùng hơn là chỉ dự đoán thời tiết. Hồi tưởng lại khuynh hướng "chủ hoà" của mình vào thập niên 1920, rồi sau đó là khuynh hướng "khắc kỷ" của thập niên 30 chẳng hạn, Sartre than thở là trước khi tham gia vào chiến tranh, ông đã không chọn cho mình một thế đứng chống đối Đức quốc xã trước khi đăng lính. Khi Anh và Pháp bao che cho việc Đức chiếm đóng Sudentenland năm 1938, ông viết là ông đã không có được cái "can đảm của người trí thức" chọn cho mình một cái thế chống hay thuận việc nhân nhượng đó đối với Đức.

Vào thời đó, ông bảo là hiện thực của chiến tranh vẫn còn mù mờ đối vối ông. "Tôi chỉ thấy là đời mình bị ngăn trở, việc viết lách bị gián đoạn, và chỉ thấy là Paris đang bị dội bom," ông viết.

Nhưng mấy tuần sau đó, ông vẫn còn băn khoăn tại sao lại có chiến tranh. "Để bảo vệ nền dân chủ chăng?" ông hỏi. "Nền dân chủ đó đâu còn nữa. Hay để duy trì một nếp sống đã có trước khi chiến tranh xảy ra. Nếp sống đó thì lại quá ư hỗn độn. Chẳng làm gì có những phe phái hay những ý thức hệ nào ra hồn. Bất công xã hội tràn đầy. Hay đó là những trò ma-nớp cuả tư bản? Nhưng chiến tranh thì có lợi lộc gì cho bọn họ?" Ông nhắc lại một mẩu đối thoại với Beauvoir—ông thường dùng tục danh của bà là Castor—trong đó ông nói là mình đã sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ "quyền tự do

của sáng tác chống lại ý thức hệ Đức quốc xã". Nhưng ông cũng rất bực mình khi nghe bà đáp lại: "Điều đó cũng tốt cho anh thôi, nhưng người chăn cừu ở Cévennes thì có gì để hẳn lo bảo vệ?"

Thực ra, Sartre đã không tham dự một trận đánh nào, mặc dù quân Pháp và quân Đức thỉnh thoảng vẫn pháo kích nhau ở gần nơi đóng quân. Ngay cả những lúc đó, ông không bao giờ nghĩ đến điều mình có thể chết. "Castor bảo tôi tự cho mình là bất tử," ông viết như thế vào ngày 23 tháng 9, 1939. "Có lẽ cũng đúng phần nào, vì tôi không có ý định chết đâu."

Thay vào đó, ông không ngần ngại chiêm nghiệm về số mệnh trở thành một nhà văn quan trọng của mình, quyết tâm hoàn tất những "tác phẩm" của ông vào tuổi 60, rồi từ đó để lại một khoảng trống "từ lúc cuối đời cho đến lúc tôi chết." Nhưng ngay lúc đó ông viết: "Tôi không có thì giờ đâu mà chết, và kỳ diệu thay, ý nghĩ đó đã khiến tôi càng thấy chắc chắn rằng tôi sẽ không chết cho đến khi tôi đi trọn con đường của mình."

Phần lớn của tập hồi ký này, viết vào tháng 9 và 10 năm 1939, dành cho những suy nghiệm triết lý về nhân phẩm, kiêu hãnh, đạo lý, sự hủy hoại và chiến tranh. "Cái chết của một người lính chẳng hơn gì sự hủy diệt một dụng cụ," ông viết. "Sự thể đó dẫn ta đến đâu? Đến hư không? Không. Phá hoại không phải là hủy diệt, nhưng là phi nhân hoá con người và cuộc đời."

Trong cuốn này và những cuốn kế tiếp, Sartre viết rất ít về đời sống thường ngày, có đoạn ông chỉ than văn là "cô đơn tuy không sống biệt lập," hoặc thỉnh thoảng mô tả một vài người bạn đồng đội, những bữa ăn với gia đình nơi ông đóng quân. Ông vẫn quan tâm nhiều đến một cuộc sống cá nhân phức tạp ông để lại đàng sau, và duy trì đời sống đó qua thư từ trao đổi với những người đàn bà trong đời ông.

Trong lời tựa của ấn bản mới này, Cô Elkaim-Sartre viết rằng quả thật Sartre đã thấy chấn động khi phải sống trong một thế giới toàn đàn ông. "Từ sau khi rời khỏi nhà trường, ông đã quen với một đời sống không thiếu những người đàn bà yêu thương và ngưỡng mộ vây quanh, cho nên khi phải sống trong một thế giới toàn đàn ông, ông mới khám phá ra là mình không biết phải cư xử như thế nào," cô viết.

Và đó là thế giới ông phải sống cho đến tháng 3, 1941, lúc ông được thả ra sau khi bị bắt làm tù binh, trở lại sống với Beauvoir và bạn hữu trong thành phố Paris bị quân Đức chiếm đóng. Không rõ là lúc bị bắt làm tù binh, ông có đánh mất cuốn nhật ký nào không, nhưng cuốn nhật ký đầu tiên đã nằm trong bộ sưu tập của một tư nhân ở Paris từ năm 1960. Năm 1991, Thư Viện Quốc Gia Pháp

mua lại và sau đó cho xuất hiện qua ấn bản mới này của nhà Gallimard.

• Vở kịch đầu tiên của Samuel Beckett

Cuộc giằng co sôi nổi về việc có nên hay không nên xuất bản vở kịch đầu tiên có nhan "Elutheria" của Samuel Beckett nay tới hồi kết thúc. Hai năm trước đây, một nhà xuất bản Mỹ ở Nữu Ước dự định xuất bản vở kịch này, nhưng gặp sự chống đối mãnh liệt của gia đình cũng như nhà xuất bản Pháp. Họ cương quyết từ chối, vì cho rằng kịch tác gia người Ái nhĩ lan này xem vở kịch đó là một thất bại của ông. Trong khi đó, Barney Rosset, một người Mỹ vốn là bạn thân của Beckett, được nhà soạn kịch đoạt giải Nobel này tặng một bản sao trước khi ông qua đời, lại hoàn toàn hỗ trợ cho xuất bản.

Các dự định phổ biến vở kịch qua các hình thức diễn đọc công cọng hay xuất bản đều bị cảnh cáo trước là sẽ bị truy tố, nên mọi việc đành phải gác lại.

Nhưng đầu tháng hai, sau một loạt những trao đổi không đưa đến kết quả, Rosset nhận được một điện thư ngắn của Jérôme Linden, nhà xuất bản Pháp và cũng là người được ủy thác giám hộ các di sản văn học của Beckett, yêu cầu Rosset gởi cho bản dịch tiếng Anh của vở "Elutheria," do nhà văn kiêm kịch tác gia Micheal Brodsky thực hiện. Rosset đáp lời, hứa sẽ gởi ngay sau khi bản dịch hoàn tất. Hôm sau, Rosset lại nhận một điện thư khác của Lindon, cho biết "tuy tôi vẫn nghĩ là Sam [Beckett] không muốn phổ biến 'Elutheria', nhưng vì thấy ông nằng nặc đòi xuất bản, tôi đành lòng cho phép ông xuất bản bản dịch của vở kịch này tại Mỹ."

Tuy chưa có giao kèo rõ rệt, nhưng Rosset cùng với nhà xuất bản Foxrock dự định sẽ phát hành ấn bản đầu tiên với 20,000 bản vào tháng ba năm nay.

"Elutheria," sáng tác vào năm 1947, là một vở hài kịch về một nhà văn trung lưu tên là Victor Krap, một nhân vật giống như nhiều nhân vật khác của Beckett, quay lưng với đời, chẳng màng đến chuyện làm ăn sinh sống, trong khi gia đình và bạn bè tìm cách thuyết phục hắn thay đổi thái độ, nhưng tất cả đều vô hiệu. Đây là một vở kịch có nhiều vấn đề phức tạp, có đến 17 nhân vật, phông cảnh lại thay đổi liên miên. Nhưng các học giả lại cho rằng "Elutheria" quan trọng ở chỗ nó báo trước những sáng tác về sau của Beckett, và nhất là định lại thời điểm xuất hiện của nền "kịch nghệ phi lý" mà từ trước đến nay người ta vẫn xem là khởi đầu với vở "Bald Soprano" của Ionesco năm 1950.

Trong nhiều năm qua, các học giả đã xem qua bản thảo của vở kịch này tại các thư viện đại học, tuy cũng có bàn đến chuyện trình diễn, nhưng rồi chẳng ai làm gì cho đến khi Rosset nhúng tay vào. Tưởng cũng nên biết, Rosset chính

là người Mỹ đầu tiên xuất bản cuốn *Tropic of Cancer* của Henry Miller, và ấn bản nguyên thủy, không bị đục bỏ, của cuốn *Lady Chatterley's Lover* của D. H. Lawrence. Năm ngoái, ông còn tổ chức một buổi diễn đọc vở kịch này trong vòng riêng tư cho 100 thính giả.

Robert Scalan, Chủ tịch hội Nghiên cứu Samuel Beckett và cũng là giám đốc văn học của Kịch viện Hoa Kỳ ở Cambridge, Massachussetts phẩm bình về "Elutheria" như sau: "Dây không phải là một vở kịch có tầm cỡ của Beckett, và vì thế mà đã có sự dằng co. Nhưng vở kịch này sẽ làm thay đổi cách nhìn về vở "The Bald Soprano" và những vở kịch khác. Và đó là một quả bom văn học sau cùng của Beckett."

Bản dịch sẽ do Four Walls Eight Windows phát hành, đề giá $20.

• Thêm một truyện ngắn của Faulkner được phát hiện

Năm ngoái, J. D. McClatchy, một biên tập của Tạp chí *The Yale Review*, trong lúc đang ngủ, bỗng thức giấc vì nhác thấy trong mơ một bản thảo mà ông đã nhìn thấy 25 năm về trước. Bản thảo đó là một truyện ngắn của Faulkner chưa hề được phổ biến, và McClactchy tình cờ tìm thấy ở Thư Viện và Bảo tàng Rosenbach ở Philadelphia, trong lúc soạn bài dạy môn luận văn cho sinh viên đại học.

Sau đêm đó, ông đã lần tìm ra được bản thảo, và phổ biến truyện ngắn có nhan "Christmas Tree" trên *The Yale Review*, số mùa đông. Truyện này Faulkner viết vào năm 1921, thuật lại một câu chuyện "tiền dâm hậu thú" với một đám cưới vội vã xảy ra vào dịp Giáng sinh. Trong phần ghi chú, biên tập còn ghi thêm là tuy Faulkner có lần cho biết là ông đã viết lại truyện này vào năm 1936, dựa theo ký ức, và đặt cho truyện một nhan mới "Two Dollars Wife," nhưng sự thật thì hai truyện này chỉ giống nhau ở một số rất ít chi tiết nhỏ.

• Không có quan tài đủ lớn để chôn cả người lẫn sách

"Nhắm mắt buông tay," câu nói thường tình của thế nhân ám chỉ mọi của cải vật chất khi chết chẳng ai mang theo được gì, nhưng cũng đã có người *nghĩ* đến chuyện mang theo gia sản của mình khi lìa đời. Đó là chuyện của GS. Matthew J. Bruccoli, Giáo sư Văn Chương Anh ở Đại Học South Carolina. Nhưng của cải ông giáo sư này muốn mang theo bên mình, chôn trong cùng một cỗ quan tài, lại là 2000 cuốn sách, hơn 10,000 trang giấy, trị giá 2 triệu đô la. "Tôi đi khắp mấy tiệm bán hòm, và tôi bảo họ 'Tôi cần một cỗ quan tài chứa tôi cùng với 2000 cuốn sách, 10,000 trang giấy, có thể nhiều hơn." Nhưng ông bảo là chẳng tìm đâu ra được một cỗ quan tài lớn như thế.

Sách và tài liệu ông dự định

mang theo là bộ sưu tập đầy đủ nhất trên thế giới về văn hào Mỹ F. Scott Fitzgerald. Mang theo không được, ông đành phải tặng lại cho Đại Học South Carolina, nơi ông giảng dạy.

Trong một cuộc phỏng vấn, vị giáo sư 62 tuổi tiết lộ những mẩu chuyện thích thú trong việc tìm mua, thu thập tài liệu về Fitzgerald mà ông khởi đầu 45 năm về trước, cùng với hiền thê là bà Arlyn. Ông bảo: "Bộ sưu tập này một nửa là của bà ấy. Không bao giờ phàn nàn việc tôi tiêu tiền. Vợ chồng tôi quyết định là giao toàn bộ cho Đại học, vì đại học đã yểm trợ tôi rất nhiều trong việc nghiên cứu và xuất bản sách tôi viết về Fitzgerald trong 25 năm qua. Chúng tôi muốn toàn bộ sưu tập nằm trong phòng Sách Quí để cho sinh viên và hậu thế sử dụng."

Họ đã thoả thuận với đại học để chi trả cho họ 800,000 đô la, phân ra nhiều năm, phần còn lại là quà tặng.

Đáng chú ý nhất trong bộ sưu tập này là một trong hai bản sao của vở kịch "Fie! Fie!," Firtzgerald viết cho Princeton Triangle Club lúc ông còn là sinh viên năm thứ nhất, 1913-14; một bộ sưu tập những bức thư; hai chục cuốn sách có ghi tặng cho Fitzgerald hay do Fitzgerald đề tặng. Nhưng giáo sư Bruccoli lại xem món đáng qúi nhất là bản vỗ đầu tiên của cuốn *The Great Gatsby*, do chính tác giả viết lại ngay trên bản vỗ (galley) đó. Giáo sư Bruccoli giải thích: "*The Great Gatsby* không phải được sáng tác một lần, mà là hai lần." Fitzgerald viết tác phẩm này lúc ông đang ở bên Pháp, sau đó gởi bản thảo cho nhà Scribner's, và nhận được bản vỗ lúc ông đang ở Ý. "Và sau đó ông ta viết lại." Không phải chỉ nhuận sắc, không phải chỉ sửa chữa. Ông viết lại toàn bộ ngay trên bản vỗ. Và cuốn tiểu thuyết nổi danh của Hoa Kỳ, được người dọc khắp thế giới ưa chuộng, được mọi người trên thế giới xem là tác phẩm tiêu biểu nhất của Mỹ, lại chính là một bản văn được viết lại." Mặc dù tình tiết cuả cuốn truyện không thay đổi, nhưng GS Bruccoli cho biết là đã có một vài thay đổi trong một vài cảnh quan trọng. Buổi dạ tiệc của Gatsby là buổi dạ tiệc quan trọng nhất trong văn chương. Và ông đã viết lại cảnh này." Tác giả còn viết lại cảnh đoàn tụ của Gatsby và người đàn bà trong mộng, Daisy Buchanan. Giáo sư còn nói thêm: "Fitzgerald vất bỏ toàn bộ bản vỗ, thay thế bằng những câu mới, chữ mới."

Trong lúc đó, toàn bộ bản thảo của F. Scott Fitzgerald lại nằm tại thư viện Princeton, nơi ông theo học trước đây. Con gái ông là Frances Scott Fitzgerald Lanahan Smith, trước khi qua đời vào năm 1984, đã tặng toàn bộ bản thảo cho trường. Bà này và Giáo sư Bruccoli tình cờ quen biết nhau trong một buổi bán đấu giá sách do Hemingway và Fitzgerald ký tặng

tại Baltimore năm 1964, và bà đã trả giá cao hơn ông khi hai người cùng tranh nhau mua một cuốn sách.

Giáo sư Bruccoli cho biết là ông chú ý đến Fitzgerald vào năm cuối ở Trung học Khoa Học ở Bronx, Nữu Ước, tháng 3 năm 1949. Ông còn nhớ vào một buổi chiều Chủ nhật, cùng cha mẹ ngoạn cảnh trên chiếc xe Dodge màu đen đời 1947, chạy trên xa lộ Meritt và ông lắng nghe truyền thanh truyện ngắn "The Diamond as Big as the Ritz."

Hỏi tại sao ông lại thích Fitzgerald, GS Bruccoli trả lời: "Chính John O'Hara đã nói: 'F. Scott Fitzgerald là nhà văn xuất chúng nhất của chúng ta, kể về cách dùng chữ.' Cũng nói về cách dùng chữ, viết câu, Gertrude Stein nói: "Fitzgerald là người duy nhất thuộc thế hệ trẻ viết câu văn hết sức tự nhiên.' Ngay từ lúc còn nhỏ, đọc văn hay là tôi thấy ngay. Tôi nhận ra rằng đây là một nhà văn mà không bao giờ tôi có thể hấp thụ hết được. Bốn mươi lăm năm sau, tôi vẫn còn nghiên cứu Fitzgerald." Sau đó ông nói thêm: "Hơn một phần tư thế kỷ, tôi là người sưu tập Fitzgerald hàng đầu trên thế giới. Tôi vẫn là người sưu tập hàng đầu trên thế giới cho đến khi những người lo việc mai táng đến mang tôi đi."

- **Tạp chí văn học Granta đi về đâu?**

Cuối năm 1994, tạp chí The New Yorker loan tin bổ dụng Bill Buford—tổng biên tập tạp chí văn học *Granta*— vào chức vụ biên tập văn học và tiểu thuyết, một phần vụ trước giờ vẫn do nhà văn biên tập viên đảm trách. Ngoài ra, *The New Yorker* còn loan tin một vài thay đổi khác trong các phần vụ biên tập của tạp chí.

Bill Buford, năm nay 40 tuổi, là một người Mỹ sinh sống tại Anh từ năm 1977. Năm 1978, ông nhận chức tổng biên tập tạp chí *Granta*, một tạp chí văn học phát hành mỗi ba tháng, và đã nâng con số độc giả từ 800 lên đến 100,000 và được lưu hành rộng rãi ở Anh quốc lẫn Hoa Kỳ. Ngoài ra, Granta còn xuất bản khoảng 20 đề sách trong một hợp tác chung với Penguin Books.

Bill Buford, người gốc California, đến Anh theo học Cao học Văn chương tại Đại học Cambridge, từ bỏ tạp chí ông đã gầy dựng thành công để trở lại Mỹ. Giới văn học và xuất bản đặt câu hỏi tương lai Granta đi về đâu khi người gầy dựng nên nó ra đi.

"Tạp chí đó là của ông ấy," nhà văn Redmond O'Hanlon phát biểu. Nhà văn này cũng là một người bạn của Buford, cộng tác viên của *Granta*, và ông còn nhớ rất rõ lần gặp gỡ trong bữa ăn tối đầu tiên với Buford 14 năm về trước. Thực khách đêm đó còn có nhà thơ James Fenton, nhà văn Martin Amis, Ian McEwan, Timothy Garton Ash, và ngay sau bữa

ăn, tất cả đều đã nhận lời cộng tác. O'Hanlon tỏ vẻ thích thú và ngạc nhiên khi ông phát biểu: "Tôi không tưởng tượng nổi là mọi việc sẽ tốt đẹp nếu không có Buford. Anh ấy quả là tài giỏi."

Cho đến giờ, việc tìm kiếm người thay thế Buford trong chức vụ tổng biên tập chưa có kết quả, mặc dù không thiếu người muốn được làm biên tập tạp chí văn chương hàng đầu này. Phản ứng từ phía nội bộ đường như muốn giảm thiểu ảnh hưởng của Buford, và cho rằng chính độc giả mới là người phải chấp nhận sự ra đi của Buford hơn là toà báo. Catherine Eccles, Tổng thư ký *Granta* nói "hiển nhiên việc ông ấy ra đi là một mất mát lớn lao, tờ báo rồi sẽ khác đi đôi chút, không nhiều, bởi tạp chí *Granta* vốn có nhiều nhân tài."

Bill Buford thành công trong việc nâng *Granta* từ một tạp chí hạng xoàng lên thành một tạp chí văn học tầm cỡ vì đã kêu gọi được sự đóng góp của nhiều nhà văn nhà thơ có tài, trong đó phải kể đến những danh tài như Kazuo Ishiguro, Salman Rushdie, Martin Amis, và nhất là đã tạo lại địa vị hàng đầu cho thể văn du ký, tường thuật, có khi dài hàng chục trang. Buford cũng đã thành công trong việc chọn lựa đề tài thích hợp với từng tác giả, và đã tụ họp được nhiều người viết nhiều thể loại khác nhau trong cùng một số báo quay quanh một chủ đề.

Nhưng xét về mặt quản trị, Buford không phải là một người ngăn nắp, thứ tự và thường đợi "nước đến chân mới nhảy." Bàn giấy của ông chất ngất thư từ chưa mở, mỗi khi công việc đáo hạn ông lại cuống cuồng lên. Có người đặt vấn đề là liệu ông có chịu nổi lề lối làm việc ở *The New Yorker* không, nhất là bây giờ lại phải làm việc dưới quyền một người đàn bà là Tina Brown, Tổng biên tập của *The New Yorker*.

• Cựu tổng thống trở thành nhà thơ

Cựu tổng thống Jimmy Carter gần đây được chú ý vì các hoạt động nhằm giải quyết các tranh chấp chính trị trên thế giới. Từ Trung Mỹ đến Đông Á, sang Đông Âu, Jimmy Carter đồng nghĩa với hoà giải, như ông đã đóng góp vào việc giải quyết tranh chấp về việc sản xuất vũ khí nguyên tử giữa Mỹ và Bắc Hàn; hay thuyết phục phe quân phiệt ở Haiti thuận trao quyền lại cho Tổng thống Aristide, tránh một cuộc tranh chấp quân sự với Mỹ; và gần đây nhất là chuyến thăm viếng của ông ở Sarajevo. Hẳn nhiên những hoạt động ngoại giao và chính trị đó tạo cơ hội cho ông xuất hiện trên báo chí và truyền thanh truyền hình, ít nhiều làm lu mờ vai trò của tổng thống Clinton và ngoại trưởng Warren Christopher, nên cũng đã có lúc gây ra nhiều phản ứng bất lợi, nếu không nói là ác cảm. Vào những lúc đó, Jimmy Carter tìm bình an trong việc sáng tác thơ.

Đầu năm nay, Jimmy Carter xuất bản tập *Always a Reckoning*, gồm 47 bài thơ sắp xếp thành bốn phần: People, Places, Politics và Private Lives. Tập thơ được một người cháu của ông minh họa. Phần lớn các bài thơ đều lấy quê hương của ông, thị trấn Plains ở Georgia làm bối cảnh, và đề tài khiêm nhường chứ không có những khai thác có tính cách hào hùng hay cao cả. Thơ ông bộc lộ quãng đời thơ ấu, những thú tiêu khiển như săn bắn, câu cá. Có bài thơ viết về mẹ, có bài thơ viết về chuyện bán đậu phụng, có bài viết về một đàn ngỗng trời bay ngang trụ sở Quốc Hội nhìn từ trên sân thượng toà Bạch ốc.

Cựu tổng thống Carter giải thích tại sao ông lại làm thơ mà không viết văn: "Có những điều nói được trong thơ một cách dễ dàng mà tôi không thể nào nói ra bằng lời hay viết thành văn xuôi được."

Trong lúc ký tặng sách cho độc giả ở hiệu sách Rizzoli ở trung tâm Tài Chánh Thế giới, Manhattan, nhà thơ Jimmy Carter không tỏ ra mỏi mệt chút nào, dù có ngày ông bảo là ký đến 3700 cuốn thơ. Mỗi phút ông ký trung bình là 20 cuốn, vỏn vẹn có chữ "JCarter." Trong một phòng chứa sách đằng sau tiệm, nhâm nhi miếng bánh mì và ngụm cà phê trong lúc nghỉ tay, ông giải thích lý do làm thơ của mình: "Lúc còn học trung học, tôi thỉnh thoảng có làm thơ. Tôi rất yêu thi ca, và chỉ tiếc một điều là mình đã học ngành khoa học và nguyên tử." Ông kể là cách đây năm năm, ông bắt đầu chú tâm học làm thơ với hai nhà thơ và là giáo sư ở Đại học Arkansas là Jim Whitehead và Miller Williams. Ông gặp hai người này sau khi rời toà Bạch ốc. Họ đến riêng từng người, tặng thơ cho ông viết về những gì họ nghĩ lúc ông còn làm tổng thống. Ông thấy thích hai người này, và sau đó mời cả hai về tư gia ở Plains dạy ông làm thơ. Nhà thơ Carter sau đó nói thêm là nhờ có sự chỉ dạy của họ, ông đã học làm thơ một cách có hệ thống. "Là một kỹ sư, tôi thường phải viết, nhưng viết ngắn gọn, trong sáng, và tôi không bao giờ quan tâm đến cách viết nào khác hơn là lối viết với cách dùng chữ đơn giản. Với thi ca, tôi có kinh nghiệm là mình có thể mở rộng đầu óc tìm kiếm chữ thích hợp, nghiền ngẫm những biến từ và tìm hiểu xem nghĩa nguyên thủy của những biến từ đó là gì."

Sáng tác thơ xong, ông cũng khá thận trọng khi tìm cách phổ biến. Ông gởi những bài thơ của mình đến các tạp chí như *New England Review*, *New Orleans Review* và *North Dakota Review*. Tất cả đều thuận đăng thơ ông. "Tôi yêu cầu họ là không nên nhân nhượng vì tôi là một cựu tổng thống và họ cũng đồng ý với tôi như thế."

- **Chủ sách trong làng sách Saigon hiện nay**

Báo *Saigon Giải Phóng* số ra ngày 14 tháng Tám, 1994 đã thực hiện một loạt phóng sự (ba bài đi trong ba kỳ) về Chủ sách trong làng sách? do ký giả Việt Hà thực hiện. Tác giả bài báo đã mô tả chân dung các ông chủ sách trong làng sách Saigon như những "con người" đặc biệt và con số những tư nhân làm báo này lên đến hàng trăm. Nhưng vẫn theo bài báo nói trên thì trong số hàng trăm chủ sách ấy có khoảng 10 nhân vật thuộc loại "ông chủ lớn," mà tác giả gọi là "thập đại gia." Tác giả thiên phóng sự đã phác hoạ chân dung đôi ông chủ sách như S."M.K.", chuyên các vụ án tình; T."T.Đ.","vua truyện tranh cho thiếu nhi; M."T.G.", nổi tiếng với các loại truyện tình cảm, M."B.", chuyên sách chưởng và truyện Quỳnh Dao. Th.,vua Streamline, chuyên sách ngoại ngữ và từ điển; vợ chồng Đ.H., sách chuyên đề...Còn sách thì có sách lậu, sách luộc, sách lụi, sách xào...Có sách chỉ in gọn trong một đêm là tung ra thị trường. Thế giới sách vở tại Việt Nam hiện nay là một cái chợ chữ nghĩa, nó làm giàu cho một số người này và làm "nghèo" đầu óc một số người khác.

Xin chép lại để bạn đọc có dịp thấy được một khía cạnh của sinh hoạt chữ nghĩa tại Việt Nam.

Làng sách tại Saigon hiện nay: Đôi nét chân dung

Trên đường Nguyễn Thị Minh Khai, người ta thấy có những hiệu sách bé nhỏ thờ ơ với chuyện bán lẻ. Những quầy sách này như muốn ẩn mình sâu hơn trong những vòm cây. Tới lui nhộn nhịp nơi đây chỉ có những người quen biết và những chuyến xe chở đầy sách lên hàng, xuống hàng. Chỉ có giới xuất bản và dân trong "làng sách" mới biết nơi đây là những tụ điểm, những "đại bản doanh" của những tư nhân làm sách nổi tiếng trong giới xuất bản.

Bước vào cơ chế thị trường, việc liên kết với tư nhân trong việc tạo nguồn bản thảo và xây dựng mạng lưới phát hành đã giúp cho các nhà xuất bản (NXB) tháo gỡ được những khó khăn ban đầu. Song từ phương thức liên kết này đã bắt đầu nảy sinh một thực tế khác: bên cạnh các NXB đã hình thành một hệ thống tư nhân đang dần thâu tóm công việc xuất bản. Chỉ trong vòng một vài năm, đội ngũ xuất bản tư nhân đã ngày một bành trướng thêm và đang hoạt động ráo riết với sự cạnh tranh ngày càng dữ dội. Theo thống kê không chính thức, số tư nhân bung ra làm sách ở thành phố có thể đếm hàng trăm. Có những người làm lớn, có người làm nhỏ, có lúc được, có lúc thua, song trong làng sách hiện nay có khoảng trên dưới mười nhân vật làm sách thuộc loại ông chủ lớn. Giới làm sách gọi họ là "thập đại gia". Khởi đầu sự nghiệp từ những chân chạy sách, bán sách lẻ, đến nay, những nhân vật này đã trở thành những ông chủ giàu

có, có đủ kinh nghiệm, phe cánh, đủ vốn liếng và đủ sức để xuất bản lượng sách bằng tất cả các NXB cộng lại. Dựa vào các NXB, mỗi "đại gia" chia nhau "mỗi người hùng cứ một phương" để hoạt động. Chẳng ai còn nhớ đến họ tên của họ mà chỉ nhắc đến những biệt danh.

Vài khuôn mặt truyện vụ án tình—Người được giới làm sách nhắc đến nhiều nhất là người đàn ông trạc 40 tuổi có biệt danh là S. "M.K.". Với giới làm ăn thì S. "M.K." có nhiều chiến tích đáng nể. Còn với các NXB ở thành phố thì chỉ nghe đến tên S. "M.K." nhiều "nhà" đã lắc đầu. Xuất thân là... lái xe, vốn liếng duy nhất để S. bước vào làng xuất bản là... sự quen biết. Năm 1989-1990, S. bỏ việc ra làm ông chủ quầy sách. S. bắt đầu nổi tiếng từ việc làm ăn với NXB Lâm Đồng với hàng loạt những truyện vụ-án-tình ngày đó. Hiện nay S. "M.K." là một trong những người làm sách lớn nhất nhì thành phố. Sách nào "ăn" là làm, không có giấy phép cũng làm. Từ các loại sách tình cảm, cho tới cả sách chưởng... Nhiều NXB thành phố gần đây đã không dám hợp tác với S. do thanh toán chậm, có không ít vụ còn "xử" cả các NXB. Quản lý văn hóa biết S. có làm sách lậu song chưa xử lý được vụ nào vì S. hoạt động rất kín đáo. Gần đây S. ít ra mặt mà điều khiển từ xa cho các đệ tử hoạt động.

Hệ thống phát hành của S. vươn ra tới tận Hà Nội. Đường dây xuất bản, giao dịch, in ấn đều do những người thân tín trong gia đình nắm. Hàng hóa cất giữ ở một nơi bí mật. Giới làm sách còn cho biết S. có máy in đặt ở Long An, có hệ thống đóng xếp nằm trong các hang cùng gõ hẻm... S. cũng nổi tiếng có tài ngoại giao.

Sách thiếu nhi—Người được coi là "tuổi trẻ tài cao", phất lên nhanh nhất đến độ làm các đàn anh cũng phải ngỡ ngàng là T. "T.Đ.", còn được gọi là T. "thiếu nhi". Tuy thuộc vào lớp đàn em, nhập vào làng sách khá muộn nhưng T. nổi tiếng là làm ăn bạo. Cách đây 3, 4 năm T. thừa kế một hiệu sách đã bị phá sản của bà chị, và bắt đầu sự nghiệp bằng việc thầu các loại sách bán "xôn" của các đàn anh và sách thanh lý của các NXB. Được chỉ vẽ vài "đường cơ bản", T. đã nhanh chóng qua mặt các bậc đàn anh bằng việc nhảy vào làm sách thiếu nhi và khuếch trương nhanh chóng. Chỉ trong một thời gian ngắn T. đã chiếm được vị trí "đặc trách" của một NXB tỉnh cùng một lúc có trong tay hàng chục giấy phép khống chỉ. Phương thức làm ăn của T. là xin một giấy phép cho một tên sách, nhưng mỗi tên sách kéo ra hàng chục tập, mỗi tập lại có một tên riêng. Thực ra cả bộ sách dài 30 tập ấy, giữa các tập không có liên quan gì đến nhau, và các "tác giả" tha hồ "phóng tác" thoải mái. T. cũng làm sách

lậu thuộc loại bạo. Thấy truyện tranh "Anh em Hồ Lô" của NXB Trẻ bán chạy, T. liền tung ra truyện "hậu anh em Hồ lô". Cuối năm 1993, Quản lý văn hóa quận 3 kiểm tra kho sách của T. và lập biên bản tịch thu mười mấy ngàn cuốn truyện tranh lậu, trị giá hàng chục triệu đồng. Sau vụ này, T. "T.Đ." lánh mặt, hiệu sách được dời về đường Lê Quý Đôn đứng tên một người khác và làm ăn sầm uất hơn. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 94, vẫn với giấy phép của NXB tinh nọ, T. đã làm hàng chục truyện tranh và vẫn được coi là "vua truyện tranh".

Truyện tình cảm —Đứng sau T. "T.Đ." về truyện tranh thiếu nhi trong làng sách còn phải kể đến M. "T.G.". Xuất thân từ tỉnh lẻ, M. tham gia làng sách thành phố và nổi lên từ loạt sách Hồ Biểu Chánh. Nhằm vào đối tượng độc giả bình dân, một thời M. "T.G." nổi tiếng với các loại truyện tình cảm trước 1975 xào xáo lại. M. cũng đã từng bị Quản lý văn hóa xử lý về cuốn "Nữ tướng miền sơn cước" có nội dung không lành mạnh. Cuốn sách này lấy giấy phép của NXB Bắc Thái và đem in ở Đồng Nai. Trong vài năm trở lại đây, M. "T.G." nhảy vào lĩnh vực truyện thiếu nhi với hàng loạt giấy phép của NXB Mỹ thuật. Đặc điểm của các loại sách thiếu nhi của M. "T.G." là xào xáo lại, ăn theo, cạnh tranh với một số sách lành mạnh của các NXB. Giới xuất bản đều biết cuốn "Dôrêmon" của NXB Kim Đồng đang bán chạy, M. "T.G." liền tung ra bộ sách "Chú vịt Aisaka" nội dung xào xáo, bắt chước nét vẽ, có trang còn sao chụp y chang Dôrêmon. Chỉ có khác chi tiết: Dôrêmon có thêm mỏ vịt. Do làm ăn chụp giựt, chất lượng yếu kém, nhiều truyện tranh có nội dung không lành mạnh, bị báo chí lên tiếng phê phán, nên từ tháng 6-1994 NXB Mỹ thuật đã thông báo ngưng toàn bộ giấy phép làm truyện tranh thiếu nhi. Song trên thực tế, các loại sách này vẫn tiếp tục xuất xưởng nhiều hơn. Hiện M. "T.G." có hai trụ sở và tham gia sản xuất một số phim.

Nói đến M. "T.G.", không thể không nhắc tới vợ chồng Bé T.. Nhân vật này vừa có quan hệ làm ăn, vừa có quan hệ gia đình với M. Bé T. đóng đô trong khuôn viên thuê lại của một NXB trung ương đóng trên địa bàn thành phố. Trình độ văn hóa chỉ ở mức độ cấp một, nhưng Bé T. và vợ đều là những biên tập chính của các loại tiểu thuyết "tình cảm tâm lý xã hội". "Trung tâm" này cũng là nơi chuyên đổi các loại tên tác giả thành... tác giả nữ để ăn khách như: Minh Kim, Ngọc Lệ, Mai Lan... Dây cũng là một điểm thường xuyên xuất hiện sách chưởng.

Sách Kim Dung, Quỳnh Dao —Mặc dù thời gian gần đây ít xuất đầu lộ diện, song M. "B." vẫn được biết đến như một "chuyên gia" ở

lĩnh vực sách chưởng, sách Quỳnh Dao lậu. Còn trẻ tuổi và khá năng động, M. "B." trước đây từng là đệ tử, chuyên chạy sách cho S. "M.K.", sau này ra riêng. Có một thời, cùng với chị ruột, M. "B." có văn phòng riêng, ai muốn gặp phải điện thoại hẹn trước. Hiện nay, các loại sách "xào lại" không ăn, M. "B." chuyên làm sách chưởng Kim Dung, tiểu thuyết Quỳnh Dao nguyên bản. Không có giấy phép, mỗi tuần M. "B." vẫn xuất xưởng đều đặn từ hai đến ba bộ sách chưởng. Một tác giả còn cho biết ở đây khá kén chọn, không nhận sách võ hiệp dã sử trong nước, chỉ chuyên làm sách chưởng... ngoại. Cùng làng sách kiếm hiệp còn có D. "F." nổi danh từ bộ sách "Follow me", Th. "Ngã Sáu"...

Vua Streamline—Về sách ngoại ngữ, từ điển có Th. – biệt danh "vua Streamline". Vốn là một nhân viên NXB tỉnh, Th. khởi đầu bằng việc đi giao sách cho các quầy bán lẻ. Sau cuốn sách "Streamline" ("thẳng" lớn), Th. đủ tiền để sống dư dả và có vốn đầu tư làm từ điển. Chỉ trong vòng ba năm, Th. đã làm 5 bộ từ điển lớn, có bộ mới phát hành ở Mỹ, ở thành phố này đã rục rịch làm. Làm từ điển vốn lớn, nhưng lãi cũng nhiều, bán được quanh năm. Số lượng phát hành không bao giờ dưới 4,000 cuốn. Chỉ với 5 bộ từ điển, Th. đã có số lợi nhuận lên đến hàng trăm triệu đồng. Một nhân viên phát hành cho biết "từ điển của ông Th. lật ra mỗi trang trung bình có 20 lỗi, nhưng bán vẫn chạy."

Sách chuyên đề—Trên thị trường sách hiện nay, loại sách dễ làm, dễ bán và dễ lời nhất là các loại sách chuyên đề. Trùm của các loại sách này phải kể đến vợ chồng Đ.H. Do có sự quen biết rộng nên Đ.H. "mua" được một lúc nhiều giấy phép, chủ yếu là giấy phép của các tỉnh Nghệ An, Long An, Thanh Hóa... Trung bình mỗi tháng Đ.H. làm 5-6 cuốn. Sách loại này nửa báo, nửa tạp chí nên dễ bán. Nếu phát hành 10,000 cuốn, giá mỗi cuốn 3,000 đồng, trung bình các chủ sách lời mỗi cuốn không dưới 10 triệu đồng. Nếu số phát hành cao hơn, lời lãi nhiều hơn. Thị trường của các loại sách chuyên đề chủ yếu là thành phố, thứ nhì là đi các tỉnh và ra tận Hà Nội...

Sách lậu, sách luộc, sách lụi—Trong làng sách hiện nay không mấy ai không biết đến những từ: sách "lậu", sách "luộc" và sách "lụi". Những chủ sách là những người hơn ai hết biết rõ làm một cuốn sách đàng hoàng cũng lắm nỗi trần ai, lúc ăn, lúc thua. Làm ăn đúng bài bản, cho dù tài giỏi đến mấy lợi nhuận cũng chỉ đủ cho người làm sách sống tạm được, có khá hơn cũng chỉ dư dật chút ít. Còn những người giàu nhanh chỉ có con đường duy nhất là làm sách "lậu". Trong làng sách hiện có hai mức độ: loại sách lậu "nặng" và loại sách lậu "nhẹ". Thông thường,

những chủ sách thuộc hàng làm ăn đứng đắn nhất hiện nay vẫn làm sách theo phương thức "cổ điển": Sau khi có bản thảo, được sự ủy quyền của tác giả, chủ sách liên kết với NXB chạy giấy phép, thủ tục. Điều bất hợp lý nhất hiện nay là giữa các NXB và tư nhân đều có một thỏa thuận ngầm, một hiệp ước "bất thành văn" như sau: Cho dù in ít hay nhiều tác giả và NXB cũng chỉ hưởng tiền nhuận bút và tiền quản lý phí theo tỉ lệ phần trăm của 1,000 cuốn sách. Hơn thế nữa, các tư nhân còn chủ động qui định phần trăm số tiền quản lý phí cho các NXB tùy theo loại sách "ăn khách" hay "không ăn khách". Theo tỉ lệ của thị trường sách hiện nay, cao giá nhất là loại sách biên khảo, tình dục khó xin giấy phép,, NXB được 12% tiền quản lý phí; sách dịch 10%, sách trong nước 8%; sách khoa học xã hội chỉ có 6%.

Chủ sách móc ngoặc với nhà in—Trong khi đó, trên thực tế, các chủ sách tha hồ tự tung tự tác. Hầu hết các chủ sách đều móc ngoặc với các nhà in để in vượt số lượng. Theo lời một tư nhân làm sách cho biết "không có cuốn sách nào in dưới 3,000 cuốn, sách từ điển không dưới 4,000, sách học ngoại ngữ thì nhiều hơn". Với các loại sách truyện thiếu nhi, sách chuyên đề, giấy phép cấp cho 2,000 cuốn, song trên thực tế không bao giờ chủ sách in dưới 10,000 cuốn, có khi còn nhiều hơn. Với phương thức đó, các chủ sách giàu lên nhờ số lợi nhuận ở số sách in "dư" không phải trả nhuận bút, không phải trả quản lý phí, chưa kể việc không in giá, tự do "kê" giá sách lên... Dù vậy, với giới làm sách, những vụ việc như trên vẫn được coi là làm sách "lậu" thuộc loại "nhẹ".

Sách lậu nặng, in trong một đêm—Điều đáng lo ngại nhất trên thị trường sách hiện nay là các loại sách thuộc loại "lậu nặng". Trong số này đầu tiên phải kể đến các loại sách thuộc loại "không được phép xuất bản", song vẫn đang được lén lút tung ra thị trường như các loại sách chưởng, sách tình dục độc hại... Hiện nay, nhiều "ông chủ" đang làm giàu nhờ những loại sách này. "Qui trình công nghệ" của việc làm sách chưởng rất nhanh gọn. Thường là đích thân chủ sách đem bản thảo đến một cơ sở sắp chữ, làm ma-két bằng máy vi tính tại tư gia. Sau khi chụp bản kẽm xong xuôi, chủ sách sẽ bí mật đem bản kẽm xuống một nhà in quen thuộc, có khi đi tận một tỉnh xa. Tại nhà in, chủ sách huy động công nhân in nhanh gọn trong một đêm, sáng ra hủy ngay bản in, xóa mọi dấu vết và đem hàng về thành phố hoặc phân phát ngay cho các tỉnh. Loại chủ sách làm sách chưởng một cách chụp giựt hơn thì in theo kiểu quay ronéo hoặc photocopy tại máy tư gia. Hiện nay, sách chưởng vẫn công khai xuất hiện tại nhiều quầy sách. Tại một điểm

mua sách cũ ở đường Điện Biên Phủ, người viết đã bắt gặp hàng cây sách chưởng được bày bán công khai. Hầu hết các cuốn sách này đều được in với giấy phép của NXB Quảng Nam - Đà Nẵng 1991, nhưng thực chất đều là các loại sách giả "cũ", mới ra lò năm 1994. Một thanh niên dừng xe ngay tại quầy để giao sách với lời giới thiệu "hàng nóng". Cả cây sách đều là hàng mới cứng, với tên khá giật gân: "Loạn giang hồ". Giở bìa sách, chúng tôi thấy đây là loại sách chưởng được in ở dạng photocopy, bìa vẽ nguệch ngoạc bằng mực đen. Ở bìa sau vẫn còn nguyên dòng chữ "Chịu trách nhiệm xuất bản: Cao Việt Hiến, Biên tập: Lê Hà, Vẽ bìa: Ngọc Hồng, NXB Quảng Nam - Đà Nẵng 91, Giấy phép (bỏ trống)...". Cô bán hàng lạnh lùng bảo tôi "Sách không cho thuê, 98 ngàn trọn bộ".

Sách luộc, sách xào —Trong số sách thuộc loại "lậu nặng" còn có các loại sách được dân làm sách gọi là sách "luộc", sách "xào xáo". Đây là các loại sách ăn khách của một số NXB, một số sách của nước ngoài hoặc sách trước 1975 được các chủ sách thuê người gia công xào xáo lại. Loại sách này hiện nay xuất hiện khá phổ biến trên thị trường. Có loại "luộc" này là do nhiều NXB, nhất là các NXB tỉnh, bán giấy phép cho các chủ sách, song không hề có sự thẩm định nội dung hoặc thẩm định qua loa sơ sài. Lộn xộn nhất trong thị trường làm sách hiện nay vẫn là các tay làm sách "lụi". Đây là các chủ sách chuyên ăn cắp nguyên bản tất cả các loại sách trên thị trường. Một cuốn sách hay vừa ra lò, được bạn đọc chú ý, chỉ ngay một ngày sau, trên thị trường sách đã tràn ngập các loại sách này, được in ấn cẩn thận, y chang sách mẫu, không sai một ly. Không những thế, những cuốn sách lậu này được bán với giá rẻ. Hiện nay, các NXB và ngay cả các chủ sách cũng đang la ó về vấn đề này. Trong giới làm sách tư nhân, một số "đại gia" cũng làm sách "lụi" của nhau, song chuyên nghiệp nhất phải kể đến một đội ngũ những chủ sách trẻ đang làm đám đàn anh phải lo ngại. Những tay làm sách "lụi" này khoảng lứa tuổi 20 với cung cách làm ăn rất bạt mạng, chụp giựt. Họ không cần có địa điểm cụ thể, thường ẩn danh, song giới làm sách có thể nhận diện được đám này trong những chuyến "chạy hàng" rong ruổi trên đường phố. Một chủ sách trẻ tâm sự hồn nhiên: "Có cuốn nào được, chỉ sau một đêm là tụi em "làm" liền." Sau khi in ấn xong, các chủ sách này chạy đi giao cho các điểm bán lẻ. Nổi danh trong làng sách "lụi" phải kể đến S "lụi", D "quận tư" kéo cả gia đình vào công nghệ sách "lụi". H.H. được mệnh danh là "Vua lụi" có máy in đặt ở Trường Văn hóa Thủ Đức đã nhiều phen bị Quản lý văn hóa xử lý, song cũng không mấy suy suyển... Giới này làm ăn rất bạo,

song các nạn nhân của họ cũng chỉ biết "ngậm đắng nuốt cay", không dám kiện cáo vì "bút dây động rừng", liên quan đến nhiều chuyện làm ăn. Có những vụ lớn, giới làm sách nhiều khi tự xử với nhau theo "luật rừng". Các chủ sách thường chọn những sách giáo khoa, sách học ngoại ngữ... là loại dễ dàng tiêu thụ nhất để "lụi". Đây cũng là những trung tâm cho xuất xưởng những loại sách bói toán, tử vi... Đội ngũ làm sách "lụi" sống được là nhờ vào sự trợ giúp của các cơ sở in và phát hành sách lậu. Các chủ sách có rất nhiều mánh lới trong in ấn, ví dụ như kiểu "giấy phép thật, nội dung giả": đầu nậu đem một giấy phép với tên của một cuốn sách khác xuống xí nghiệp in, còn bản thảo là nội dung của sách lậu. Sau khi in xong, bìa in offset đàng hoàng, họ đem sách về, cắt bỏ chữ tên sách, kéo lụa tên sách, tên tác giả mới dè lên... Nhiều nhà in móc nối với tư nhân in không giấy phép. Có thể kể đến Xí nghiệp in giấy tập quận 1. Chỉ trong 3 tháng – tháng 4, 5, 6 năm 1994 – xí nghiệp này đã 4 lần vi phạm in sách không có giấy phép. Xuất bản, không có hợp đồng in, ngày 15-4-1994 in cuốn "Start With Ustenning" của Trường Đại Học Nông lâm; ngày 10-5-1994 in "Practice Test for Effective", "Complete Book of Effective" và 10 đầu sách tiếng Anh theo nguyên bản nước ngoài; ngày 7-6-1994 in cuốn "Đàm thoại tiếng Pháp" của NXB Đồng Tháp (do đường dây của S. "M.K." đặt hàng); ngày 14-6-1994 in cuốn "Hệ thống các bài tập môn kế toán công nghiệp" của Đại học Mở bán công... Xí nghiệp in Đường sắt trong 6 tháng đầu năm nay cũng đã 4 lần vi phạm bị xử lý. Ở thành phố cũng có những trung tâm phát hành sách "lụi" khá nổi tiếng như H.H. với quầy sách trên đường Nguyễn Chí Thanh; bà D. trên đường An Dương Vương và bà H. trên đường Nguyễn Thị Minh Khai. Thường những quầy sách này ẩn dưới danh nghĩa những quầy mua bán sách cũ, như bà H. trên đường Nguyễn Thị Minh Khai chuyên kinh doanh các loại sách "lụi" về giáo dục. Ở quầy sách này "bất cứ trên đời này có sách gì đều có." Nắm vững thị trường, khi thấy cuốn sách nào thiếu, bà H. thường chỉ đạo cho đàn em in lậu. Có lần bà H. bị niêm phong 1,000 cuốn sách. Bà D. ở đường An Dương Vương in lậu 4,500 cuốn "Anh ngữ thực hành cho trẻ em". Đây là sách bà D. "lụi" của NXB Trẻ đưa in không có giấy phép xuất bản, không có hợp đồng in, tại Xưởng in Trung tâm Học liệu ở số 240 Trần Bình Trọng. Mới đây, NXB Trẻ còn bị "lụi" cuốn "100 tình huống giao tiếp" (sách song ngữ). Sách này được phát hành tận... quận Hai Bà Trưng (Hà Nội). Các loại sách lậu bằng nhiều hình thức đang xuất hiện ngày một nhiều tại Saigon.□

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Westminster Herald, PO Box 428 Westminster CA; EBSCO Dumont NJ; Dang Dinh Ky Jacksonville FL (mua sách), Hoàng văn Hùng Alabama NM; Lưu Trọng Hồ Ottawa Canada; Anh Ho San Jose; Lê Trung Định Atascadero CA; Đặng Hiền Santa Ana (mua báo và mua sách); Tien Võ Charlottesville VA; Kiệt Tấn Paris France (sửa sai địa chỉ); Đỗ Khiêm Santa Fe Springs ; Cường Nguyễn Mississauga Ont Canada; Lê văn Hữu San Jose CA; Tôn Thất Ân Medford MA; Nguyễn Công Thuần Vestal NY; Đinh công Huỳnh Philadelphia PA, Tan N Nguyen Delavan WI; Nguyễn văn Hoa Newton KS; Lê Thanh Cảnh Elveta CA (gia hạn và mua sách); Ross Barnum Lib, Denver Public Library Denver CO; Tôn thất Niệm Huntington Beach CA; Quỳnh Trang Little Saigon TV Santa Ana; Đỗ Hòa Houston TX; Nguyễn Hữu Lệ Ottawa Ont. Canada; Hồng Phượng Fountain Valley (mua báo cho Ông Hồng Huy Canada); Van Nguyen Calgary Alberta Canada; Trần văn Điền Westminster CA; Nguyễn thị Thủy Downey CA; Mộng Hoàng Hoa El Cajon CA; Nguyễn Mạnh Thắng Orléan Ont Canada; Nguyễn Đức Thanh Emporia KS; Bửu Hậu Stanton CA; Nguyễn Nguyên Phương Denver CO; Bùi Ngọc Tô San Jose CA; Vũ Quỳnh Hương San Jose CA; Cao T. Nga Alexandria; Nam Vũ Brooklyn NY; Quang T. Nguyễn (trả tiền báo và mua sách cho ô. Đỗ Dức Trọng Frankfurt Germany); Thanh Bui Gaitherburg MD; Lâm Tú Anh Redmond WA (đổi địa chỉ); Từ Nguyên Dzương Houston TX; Lâm Chương Dorchester MA , Trần Hữu Thục Worcester MA; Tuyết Lam Calgary Canada; Tiến Võ Charlottesville VA; Hao Nguyên Houston TX; Tôn Thất Tuân Ont Canada; Linh Thuy Le Garden Grove Ca; Nguyễn Hoàng Lân Seattle WA; Lê Quốc Uy Ontario Canada; Nguyễn Công Khanh Seattle WA; Library of University of Wisconsin, WIS; V.L. & C.P. Pascoe Australia; Hạ Thảo Yên Clarkston GA; Lưu Hà San Diego CA; Tuyết Nguyễn Plano TX; Hạnh Nguyễn Fairfax VA; Dương Thanh Phong Anjou Québec Canada; Phạm Hữu Thanh Montbard France; Phạm Hữu Trác Montréal Canada; Lauren Hoanglan Nguyên Santa Ana; Chung Phuoc Khanh Brighton MA, Thường Quán Victoria Australia; Huỳnh thị Hạnh DDS Westminster CA; Khánh Dương Pearland TX ; Tôn Thất Thọ San Jose CA; Hoàng Đức Nhã Winnetka, IL; Xuan Ly Le Dinh, Northbrook, IL; Nguyen Cong

Hoang, Wheaton, IL; Hoang Huy Phuong, Barrington, IL; My. D. Do,Chicago, IL; Ngoc Lan T. Lam, Arington Heights, IL.

* *Bà Tuyết Nga Huỳnh Lê:* Nhận danh mục sách mua đợt hai của ông bà, chúng tôi đã chuyển ngay cho nhà Văn Nghệ, và nhà phát hành đã gửi sách. Chắc ông bà đã nhận sách đầy đủ.

* *Ô. Tan N. Nguyên*: Đã gửi báo xuân, sách tặng "Kiếp người" và sách mua"Văn học Miền Nam Tổng quan". Văn Học xin chào mừng một độc giả mới từ tiểu bang Wisconsin.

* *Bác sĩ Nguyễn Minh Dức, Montréal Canada*: Đã nhận "Đi tới", thiệp Giáng sinh và món quà của anh. Thư anh đến khi báo Xuân đã đem đi in, nên không kịp sửa địa chỉ. Vấn đề thuế "dịch vụ" của Canada gây trở ngại nhiều cho báo chí bên này, biết thế, nên chỉ dám nhờ anh vận động các văn hữu bên đó đóng góp bài vở và bạn đọc mua dài hạn mà thôi.

Nhắn tin chung: Quí bạn gia hạn hoặc mua báo có yêu cầu tặng sách, tính đến ngày 8.1.95, tòa soạn đã gửi sách biếu. Trong trường hợp đến nay có bạn vẫn chưa nhận được sách biếu, xin tin cho Văn Học biết để chúng tôi gửi bù cuốn khác. Những sách mua, nhà xuất bản Văn Nghệ phụ trách gửi thẳng đến quí bạn.

Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Chân dung, Nụ quỳnh, Mùa xuân và Vòng tròn, Niềm cô đơn và bộ râu, Tuổi thơ gửi từ Santa Ana; Hoài vọng, Tình thơ gửi từ Charlottesville VA; Cảnh đêm, không phải dậy hâm sữa gửi từ Santa Fe Springs CA;Đêm nghe tiếng hát trên sông Hương gửi từ Kent, Ohio; Tắm ngựa giùm bạn. Đôi đường ân oán gửi từ Memphis TN; Nơi tôi viết tên gửi từ Portland OR; Vùng ký ức đớn đau gửi Kitchener Ont. Canada; Thư Phan Lạc Giang Đông Seattle WA, Thư Huỳnh Sanh Thông Hamden CT; Yêu cả thế gian, Thấy em, Bước tới một mai gửi từ San Francisco CA; Con chưa về, Chết chung gửi từ Santa Ana CA; Truyện rất ngắn, Muộn gửi từ Montréal Canada; Thư của G/s Nguyễn văn Trung, Xuôi dòng nhân thế gửi từ Alberta Canada; Con vịt què gửi từ Huntsville AL; Lan man từ một cuốn sử hiện đại gửi từ Oklahoma City OK; Cơn đau, Buổi sáng hômnay, Hoa vàng tịch mịch gửi từ Netherland; Thơ của một người ba phải gửi từ San Jose CA, Bạch y mỹ nữ gửi từ Bakersfield CA; Có loài hoa tên thục nữ gửi từ Seattle WA; Niềm riêng hề vỗ một bàn tay gửi từ Santa Ana; Tinh thần tự lực của người cầm bút hôm nay, Thư gửi hai người đàn bà nổi tiếng... gửi từ Norway; Mưa sương gửi từ Emporia KS; Từ truyện Kiều, tìm hiểu

qui luật tiếp nhận văn học dân gian và văn học viết, Giao lưu văn hóa và chiến lược văn hóa mới gửi từ Berlin Germany; Đọc Tĩnh tọa gửi từ Montréal Canada; Giấc mộng con năm 2000 gửi từ Long Beach CA; Hành hương gửi từ Netherlands; Đêm xa lộ-trăng-và tôi, Dạo khúc gửi từ Renton NA; Hầm địa gửi từ Dorchester MA; Mưa đời, Hương tình, Vấn vương gửi từ Westminster CA; Cầu trời em đừng biết, Một tiếng than, Căn phòng đêm ấy gửi từ Berlin Germany; Gửi người xa (thơ dịch) gửi từ Bruxelles;Quyên, Ba chìm bảy nổi gửi từ Noeway; Khai bút gửi từ San Josa CA; Những nốt cuối của bản tình ca gửi từ Westminster CA; Thư ý kiến bạn đọc của Nguyễn Thị Minh Diệu Tewksbury MA; Lịch sử là một giấc mơ gửi từ Dallas TX; Thắt dạ xuân về gửi từ Santa Ana CA; Thời gian gửi từ Chomedey Québec Canada; Truyện nhỏ to gửi từ San Antonio TX; Vướng víu gửi từ Worchester MA; Chim quyên ăn trái nhãn lồng gửi từ Montréal Canada; Em gái cà phê gửi từ Santa Ana CA; Hãy cho ta chết giùm đời nhau gửi từ Houston TX, Mộ tình gửi từ St Laurent PQ Canada; Cha và Con, Sáo ngữ gửi từ Bakerfield CA.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Trừ thơ, những bài khác nếu đăng được, Tòa soạn sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư riêng hoặc điện thoại. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

Vì số trang hạn chế, một số thơ truyện và biên khảo phải gác lại cho số 108 phát hành đầu tháng 4 năm 1995.

Thư bạn đọc và văn hữu

* *Ông Tôn Thất Ân, Boston, MA:* Dù bận vẫn thấy có bổn phận viết vài dòng khen ngợi sự cố gắng vượt bực của các anh. Nhờ nỗ lực đó mà Văn Học càng ngày càng trang nhã về hình thức và phong phú về nội dung. Hết lòng cầu chúc các anh thân tâm luôn an lạc để tiếp tục một công việc rất cần thiết, nhưng không phải ai cũng làm được.

* *Ông Lê văn Hữu, San Jose, CA:* Cuối năm Dương lịch, chưa gửi trả tiền cho tạp chí hết hạn thì đã nhận được Giai phẩm Văn Học Xuân Ất Hợi, xin cảm ơn và khen ngợi việc xuất bản đúng ngày tháng của tạp chí.

Mấy tháng nay định gửi truyện "Đường Tăng" và "Hoa muộn" để chia sẻ với những độc giả Văn Học khác, nhưng chưa tiện. Số Xuân có bài nói về chuyện trên, nên tôi xin gửi bản copy cho Văn Học sử dụng. Nhân dịp năm mới, xin chúc Văn Học tiếp tục góp phần vào việc xây dựng tư tưởng cộng đồng VN được phong phú và bình an hơn.

* *Ông Tiến Võ, Charlottesville, VA:* Tôi là một độc giả mới của Văn Học, yêu thích và tự hào về ngôn ngữ Việt Nam. Tôi cũng muốn các con tôi yêu thích và tự hào về ngôn ngữ cội nguồn đó. Và vì vậy, tôi đến với Văn Học để tìm thấy nguồn vui sau hai năm vào đất Mỹ. Những dòng chữ tôi viết gửi về Văn Học là một chút tâm tư của một người Việt đang thấy mình còn được sống vui sau khi đã vượt qua một quãng đường đầy bất trắc.

* *Anh Nguyễn Quí, San Francisco, CA:* Xin hoan nghênh hình thức và nội dung mới của tạp chí Văn Học, và xin cảm ơn lòng tha thiết của quí vị trong ban chủ trương biên tập.

Về văn chương bên nhà, xin đề nghị quí vị lưu ý đến tác giả Lê Minh Khuê, ngòi bút sắc bén và can đảm, lạnh lùng vạch rõ mặt thật những giới chạy theo đô la, quên làm người. Văn của bà rời bỏ những ướt át vẩn còn đang nằm trong thói quen của những người cầm bút trong nước.

* *Giáo sư Huỳnh Sanh Thông, Hamden CT:* Chúc các anh thành công trong việc làm văn hóa cho cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại. Tạp chí có mòi "đổi mới" khả quan. Tôi đặc biệt tán thành quan điểm của Triệu Châu trong hai bài đăng trên số 103 và 104.

* *Anh Nguyễn Thế Việt, Germany:* Về việc tìm hiểu văn học Miền Nam, tôi đã tìm đọc T.T.K., quả thật như các anh nói, không giúp được gì nhiều ngoài việc biết thêm được mấy khẩu vị của nhà văn. Tôi sẽ tìm đọc cuốn của ông Võ Phiến để hình dung được phần nào công việc. Về vụ anh Thiệp, bài viết của tôi chủ yếu là quay về những tác phẩm của anh ấy sáu năm về trước. Thời đó, anh ta có đóng góp. Tôi cũng không thích nói theo kiểu ông Viên Linh là văn học đổi mới thời này mô phỏng miền Nam cũ. ở trong Nam hồi trước, cuộc sống khá ổn định, những quan niệm định giá con người ổn định, nên mặc dù được tự do hơn ngoài Bắc, các anh các chị viết "lành" hơn, ít "gai góc" hơn. Nhưng cái hay của thời đó, là các anh các chị tiếp cận kịp những giá trị văn hóa lớn của thế giới mà ngoài Bắc bị bưng bít.

Sau này anh Thiệp viết bớt sắc sảo đi, điều ấy đã rõ. Anh ấy lại rơi vào "triết lý siêu phàm" , mà cuộc sống chỉ còn là cái dinh, cái giá áo để anh ấy mượn cớ diễn đạt. Tuy nhiên, tôi mừng vì cả trong lẫn ngoài nước đã có những cây viết chủ lực sung sức, đủ các thế hệ. Những tên tuổi lạ mới nổi trong nước viết lên tay. Ngay gần đây trên Văn Học, mấy truyện của Trần Doãn Nho tôi thấy thích. Sang đây, vấn đề thời gian là một thử thách đối với người viết, chưa nói đến nhiệt huyết, niềm tin. Trong nước,

nghe anh Thiệp đã mở nhà hàng, dễ hiểu thôi, thế là cơ chế ấy đã thắng, đã nuốt chửng vào cái dạ dày hổ lốn của nó một nhà văn có tài. ở hải ngoại cũng không tránh được qui luật đó. Số anh em "trụ" được về kinh tế ở bên này đều đã lần lượt từ bỏ cái "nghiệp chướng" bạc bẽo này...

* *Anh Bùi Ngọc Tô, San Jose CA:* Tình cờ đọc được truyện "Hư cấu" của Mai Kim Ngọc trên Văn Học Xuân Ất Hợi. Truyện hay lắm. Nhưng có một chi tiết chuyên môn xin anh nhắn lại với Mai Kim Ngọc (mà tôi rất mến mộ): Có thực Pénéciline dạo đó (khoảng 1945) đã có rồi chưa? Theo tôi nhớ (cũng không rõ) Pénéciline chỉ có khoảng 1950 trở đi mà thôi. Xin anh hỏi lại anh Mai Kim Ngọc xem sao.

* *Cô Vũ Quỳnh Hương, San Jose CA:* Thư của V.Q.H. gửi đầu tháng 1.95 nhưng vì quên dán thêm tem theo giá biểu mới nên tới 20.1.95 mới tới hộp thư. Rất cảm động về món quà đầu năm V.Q.H. dành cho Văn Học. Hy vọng món quà tiếp theo cho năm 1995 là V.Q.H. viết trở lại.

* *Cô Nguyễn Minh Diệu, Tewksbury Connecticut:* Ý kiến về bài "Tao đàn nhị thập bát tú tiếng Đứ của Trần văn Tích trên Văn Học 103:

"Trước khi nước Đức được thống nhất, một người ở phía Đông có thể vào tù nếu dùng tài liệu "tư bản", dù không có tính cách chính trị chăng nữa. Những tài liệu tiên sinh đề nghị nay cũng khó tìm được. Tiểu nữ sống ở ngoại ô Boston, nếu muốn đọc sách ngoại ngữ phải vào Cambridge (USA!) đặt và đợi khoảng hai tháng. Sách Việt với trình độ trên các loại tiểu thuyết "ba xu" thì càng khó kiếm. Tuy vậy, tuần báo thì cũng có vài chỗ bán. Nếu tiên sinh có dịp đọc tờ der Spiegel Nr 51, bài báo "Wie schlau sind die Deutschen?" (Người Đức tinh khôn đến mức nào?) tất sẽ kết luận là có lẽ quyển của bà U. Lies được chừng một chục người đọc là nhiều!

Về vài lời chính trị trong bài báo, tất nhiên ta chỉ nghĩ đến cuộc chiến tranh chống Iraq cách đây vài năm thì đủ hiểu. Ai cũng biết dối trá là tiêu chuẩn của thế giới ngày nay, bất kể khuynh hướng chính trị.

Cách đây ít lâu, tiểu nữ xem quyển catalogue của nhà xuất bản khoa học Springer Verlag của Đức: trong số vài trăm tựa chỉ có vài quyển bằng tiếng Đức hay Pháp, còn lại toàn bằng tiếng Mỹ (không phải tiếng Anh!). Về loại giải trí thì có đầy những bản Stephen King dịch ra Đức ngữ (catalogue của Heyne chẳng hạn). Vậy mà cụ Khổng đã được coi như cha đỡ đầu của thời Aufklarung! Có lẽ chỉ còn có Pháp là còn cầm cự với "văn hoá" Mỹ.

Người Việt dưới 30 tuổi bên

này có lẽ có trình độ Việt văn cấp tiểu học (nếu họ còn biết tiếng Việt). Tiếc rằng phần nhiều những chỉ trích ít khi đóng góp vào việc xây dựng. Tiểu nữ đề nghị tiên sinh viết một quyển sách giới thiệu văn học Việt Nam cho các em ở hải ngoại. Tiểu nữ này mù tịt Việt văn, Hán văn thì chữ nhất bẻ ra thành hai nửa. Trong hơn 33 năm ở hải ngoại, tiểu nữ chỉ có dịp dùng thứ tiếng "vợ dẻ" của các bà chị dâu mà thôi!

Lauren Hoanglan Nguyen, Santa Ana CA: Cảm ơn Văn Học đã gửi cho tôi năm báo vừa qua. Lúc nào Hoàng Lan cũng thấy lòng vui khi cầm Văn Học trên tay mỗi đầu tháng.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

📖 ***Mùa thu cuối cùng***, tập truyện ngắn của Hoàng Chính, Làng Văn xuất bản, bìa của Vũ Thái Hòa, , phụ bản của Nguyên, sách dày 214 trang, giá 10 Mỹ kim hoặc 14 Gia kim. Tác phẩm văn xuôi đầu tay của Hoàng Chính, sau tập thơ đầu tay "*Nửa đêm nghe mẹ thở dài*" cũng do Làng Văn xuất bản năm 1991. Tuyển tập gồm tám truyện ngắn đặc sắc của Hoàng Chính, trong đó bốn truyện đã đăng trên Văn Học, những truyện khác đăng trên Văn, Làng Văn, Sóng, Nắng Mới...Ngay từ lúc Văn Học đăng truyện "Phiên toà" trên tạp chí, nhiều bạn đọc đã chú ý ngay đến lối viết đối thoại dí dỏm, linh động của anh. Các bạn đọc từng yêu thích văn Hoàng Chính trên Văn Học không thể không mua tuyển tập truyện ngắn này. Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách, hoặc liên lạc về Nhà Xuất bản Làng Văn: PO Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada.

📖 ***Hòa bình và Tôi***, tập thơ của Hà Thúc Sinh, tác giả tự xuất bản, dày 30 trang, có lẽ chỉ để tặng bạn hữu nên không đề giá bán. Hà Thúc Sinh tâm sự trong bài "Thưa": *Lâu lắm rồi, tôi mới gặp lại tôi trong một đêm nhân xem lại những tờ báo cũ, đó là những tờ báo tôi có dính tay vào làm hơn mười năm trước, trong có đăng tôi thời tôi còn ở lớp tuổi bốn mươi. Bất giác tôi nhận ra tôi thật rõ, nhớ lại tôi thật rõ, y như mới gặp tôi đâu đó ngày hôm qua.*

Mười bốn bài thơ "tôi ở tuổi bốn mươi" của Hà Thúc Sinh đều lấy thi hứng từ cảnh đất nước tang thương sau 1975, do tác giả viết vào những năm mới đặt chân tới Mỹ, khi ấn tượng xót xa về quê hương vẫn còn đậm nét. Dường như đây là tập thơ tác giả muốn tặng cho Nguyễn Bắc Sơn, tác giả "Chiến tranh Việt Nam và Tôi".

📖 *Tùy phong Độc thoại*, tuyển tập thơ văn của quí vị y sĩ Việt Nam thích văn chương, Tủ sách Áo

trắng xuất bản, Hội Văn nghệ sĩ Áo trắng Việt Nam Tự do ấn hành. Sách dày trên 350 trang, sưu tập văn thơ của 33 y sĩ và thân hữu (sở dĩ phải thêm chữ *thân hữu* vào, vì Văn Học biết chắc một số vị có tên trong tuyển tập không phải là y sĩ như Cung Trầm Tưởng, Thanh Tâm Tuyền, Hà Huyền Chi, Trần Vấn Lệ...), giá 15 Mỹ kim. Bạn đọc có điều kiện cũng nên mua xem để biết các vị thầy thuốc có "mát tay" với văn chương hay không. Có vài điểm nhận xét về hình thức: Nhan đề tuyển tập cũng như bút hiệu quí vị y sĩ chủ trương biên tập sao có vẻ "tàu" quá: Tùy phong độc thoại, Huyền Châu Nữ, Vi Đạo Nhân. Chọn chữ brush và optima để in sách cũng là một điều nghịch thường trong nghề xuất bản.

Địa chỉ liên lạc: Oanh Châu, 8031 Lem Turner Rd, Jacksonville, Florida 32208, USA. Phone: 904-766-7341

🕮 ***Tiếng thơ Hải ngoại***, tuyển tập thi ca do Hoàng Duy chủ trương, Hướng Dương xuất bản

Trước tình trạng bế tắc của thơ (in khó khăn, không thể phát hành, thơ gửi đăng ở các tạp chí bị ối đọng hay bị xem thường), thi sĩ Hoàng Duy đã có sáng kiến lập ra một hội thơ lấy tên là "Tiếng thơ Hải ngoại" để mỗi nhà thơ đóng óp một món tiền hằng năm in chung với nhau một tập thi tuyển. Kết quả vận động là "Tiếng thơ Hải ngoại 1994" Văn Học vừa nhận được, gồm thơ của 65 tác giả. Vì góp gạo nấu cơm chung như thế nên khó có thể nói về bản sắc hoặc giá trị của tuyển tập. Đây là một quà xuân những người làm thơ cùng đóng góp để tặng nhau, có lẽ vì thế không thấy đề giá bán, chỉ có địa chỉ liên lạc: Little Saigon Enterprise, 9361 Bolsa Ave., Suite 201, Westminster CA 92683. Phone: 714-775-6436.

🕮 ***Dấu vết văn hóa Việt trên đường Bắc Mỹ, tập 1*** của Phạm Quốc Bảo, Việt Hưng xuất bản, sách dày 300 trang, giá 15 Mỹ kim. Theo lời giới thiệu của nhà xuất bản thì hai biến cố thời sự: những chuẩn bị kỷ niệm hai mươi năm người Việt sống lưu vong và việc Hoa Kỳ bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam đã gợi ý cho Phạm Quốc Bảo đi tìm những biểu hiện cụ thể của văn hoá Việt trên xứ người. Qua nhiều cuộc gặp gỡ, phỏng vấn, ghi nhận những phản ứng của các cộng đồng đối với những đề tài thời sự, tác giả muốn phân tích, tổng hợp lại thành những suy luận về văn hóa. Sách hiện có bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa xin liên lạc :Mrs Ngọc Hương Ngô Phạm, 14381 Pleasant St., Garden Grove CA 92643, USA. Phone: 714-531-8639.

🕮 ***Tháng Một Buồn***, thi tập của Hà Huyền Chi, Cung Tên xuất bản, bìa và phụ bản của Vũ Hối, Lê Quang Xuân, H. Đặng, nhạc

phổ thơ của Hoàng Linh Duy. Tập thơ tình mà chính nhà thơ đã tóm tắt nội dung ở trang cuối thi tập: "Tháng Một Buồn mở ra ở tím môi và ướt mi. ở tiếng réo gọi mù sương của tâm thức và vô thức. Hạnh phúc rã cánh bay. Gió ngược. Tình yêu nở đóa phiền, màu tím. Cũng màu ấy, hạt thơ nẩy mầm từ đá hoa cương. Và mưa ngậm ngợi nỗi buồn. Vì em." Gía mỗi thi tập là 12 Mỹ kim. Liên lạc: Đặng Trí Hoàn, 7613 SE 50th Ave. Lacey, WA 98513.

🕮 ***Thơ Kẽm Gai***, của Mậu Binh, một bút hiệu khác của nhà thơ Hà Huyền Chi, sưu tầm những bài thơ châm biếm chính trị đã đăng trên các báo Việt ngữ, mỗi bài chỉ trích những nhân vật hoặc vấn đề thời sự tác giả không ưa. Vì mục tiêu là chính trị, nên tác giả không e ngại dùng những lời lẽ tục tằn nhất để phun vào mặt kẻ thù, trước hết là cộng sản, sau đó là những kẻ tác giả liệt vào loại làm lợi cho cộng sản. Nên tìm mua và đọc để thấy một khía cạnh khác của nhà thơ tình Hà Huyền Chi, tác giả "Tháng Một Buồn". Mỗi tập giá 12 Mỹ kim. Cùng một địa chỉ liên lạc.

🕮 ***Vùng đá ngầm***, tập truyện ngắn đầu tay của Hà Kỳ Lam, một cây bút quen thuộc của độc giả các báo Văn Nghệ Tiền Phong, Tiểu Thuyết nguyệt san, Tự Do, Dân Ta, Thế Kỷ 21 và Người Việt, Thế Kỷ xuất bản, sách dày 214 trang, giá 10 Mỹ kim. Tuyển tập gồm mười truyện ngắn mà theo nhận định của nhà nghiên cứu Lê văn Lân :"Đề tài có vẻ tản mạn, rời rạc, tùy hứng, nhưng có một sự nhất quán kín đáo như một sợi dây xuyên suốt nối liền những viên đá quý để tạo thành một món nữ trang. Nói một cách giản dị, những truyện ngắn của Hà Kỳ Lam là những mẩu truyện về một vài khía cạnh của cuộc sống thực tại của dân tị nạn Việt trên đất khách. Truyện của Hà Kỳ Lam "dễ đọc" vì lời văn bình dị, hoàn toàn không khúc mắc, không lý luận dài dòng mà đi thẳng vào đề tài vốn là những điều trông thấy, nghe thấy trong thực tại. Nhưng "dễ đọc" không có nghĩa là đọc rồi để "dễ quên" mà chính là dễ cảm nhận, để đọc xong rồi cùng tiếp dòng suy tư với tác giả".

Sách hiện có bán tại các hiệu sách. Địa chỉ liên lạc: Thế Kỷ , 11022 Acacia Parkway # A, Garden Grove CA 92640. Phone : (714) 638-1944.

🕮 ***Bụi đường***, truyện dài của Vĩnh Hảo, Chiêu Hà xuất bản, bìa của họa sĩ Phượng Hồng, sách dày 380 trang, giá 15 Mỹ kim. Đây là tác phẩm thứ tám được xuất bản của nhà văn có sức viết mạnh vào hạng nhất hiện nay, vẫn với kinh nghiệm của một tăng sĩ Phật giáo trong thời tu tập tại các chùa. Tuy hiện nay tác giả không còn là tu sĩ nữa, nhưng dấu vết của quá khứ

đậm nét trong tất cả tác phẩm của Vĩnh Hảo: nét nghiêm túc khổ hạnh pha trộn với nét thơ mộng thi vị. Những dấu vết ấy là đặc điểm của văn Vĩnh Hảo, nhưng cũng ràng buộc ngòi bút của tác giả không ít. Đạo và đời là đề tài của nhiều cuốn tiểu thuyết hay, nhưng cũng là đề tài rất khó viết. Vì tiểu thuyết, trước hết phải là đời!

Địa chỉ liên lạc: Chiêu Hà Publisher P.O. Box 2303 North Hills, CA 91393-0303.

🕮 ***Trung luận***, của Bồ tát Long Thọ, Thích Viên Lý dịch , Viện Triết lý Việt Nam và Triết học Thế giới xuất bản, lời giới thiệu của Phạm Công Thiện, tranh bìa của Võ Đình, có kèm theo nguyên bản tiếng Phạn và Hán ngữ. Theo ý kiến của dịch giả, "Trung luận là một bộ luận vô cùng thâm áo và tối cực trọng yếu trong các bộ kinh Phật. Đã có ít nhất hằng trăm luận án tiến sĩ và tác phẩm của những học giả nổi danh trên thế giới viết về Trung luận, chỉ vì tư tưởng sâu thẳm bất khả tư nghì của nó". Sách dày 280 trang, giá 14 Mỹ kim.

🕮 ***Âm bản***,tập truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng, Minh Văn xuất bản, bìa và phụ bản của Đinh Cường, sách dày 220 trang, giá 11 Mỹ kim. Đây là tác phẩm thứ bảy được xuất bản của một nhà văn cộng tác lâu năm với Văn Học, và được bạn đọc yêu mến qua nhiều truyện ngắn đa dạng về đề tài lẫn bút pháp đã giới thiệu trên Văn Học gần mười năm qua. Những bạn đọc thích văn Ngô Nguyên Dũng nên tìm mua thêm sáu tác phẩm trước đây của anh, gồm Dòng chữ tâm tình (1988), Mười hai hoa cúc (1988), Đêm (1989), Tiếng núi (1992), Chuông đêm (1992), và Gia đình cún (1994). Sách hiện có bán tại các hiệu sách. Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Minh Văn, P.O. Box 647, Oakton VA 22124. Phone: (703) 560-0390.

🕮 Bóng Thiên đường *1*, tập thượng cuốn 3 trong bộ trường thiên tiểu thuyết Dung thân của Trần Long Hồ, sau cuốn 1 Cõi sa mù, cuốn 2 Cửa địa ngục. Theo tác giả cho biết ở đầu sách, "bộ trường thiên tiểu thuyết Dung thân rất dài, hơn 1000 trang của hai cuốn đầu chỉ mới là phần mở đầu của bộ sách. Bắt đầu từ Bóng thiên đường, tác giả mới chính thức bước vào nội dung của bộ trường thiên. Bối cảnh của Bóng thiên đường được xây dựng ở nhiều nơi, thay đổi từ thị xã Vị thanh ở phần 1 cho đến thành phố Sài gòn ở phần 3. Thời gian truyện là vào những năm 1980 và 1981" . Như vậy khi hoàn tất, chắc chắn Dung Thân sẽ là bộ trường thiên tiểu thuyết dài nhất của văn học Việt Nam. Với sức làm việc kiên nhẫn và hăng say của Trần Long Hồ, ngày hoàn tất bộ Dung thân sẽ không xa. Sách dày 300 trang, bìa của Đinh Cường, giá 15 Mỹ kim. Sách đã bày bán

tại các hiệu sách. Địa chỉ liên lạc: nhà xuất bản Minh Văn.

Tạp chí thân hữu nhận được trong tháng:

Hoa Sen, tạp chí nghiên cứu Phật giáo, số 24 Xuân Ất Hợi

Định Hướng, tập san nghiên cứu và nghị luận, số 6 chủ đề: Công giáo Việt Nam hải ngoại.

Thụ Nhân, đặc san Xuân 95 của Hội cựu sinh viên Đại học Đà lạt tại Houston Texas

Dân chủ và Phát triển, số ra mắt tháng 5/94 và số 2 tháng 12/94, tạp chí chính trị, kinh tế, văn hoá do Hiệp hội Dân chủ và Phát triển VN tại Đức ấn hành. Chủ đề số 2: Những vấn đề đối ngoại của Việt Nam.

Tây Sơn, giai phẩm Xuân Ất Hợi của Hội Ái hữu Tây sơn Bình định Nam California

Văn, Giai phẩm Xuân Ất Hợi.

Tin Phật, Xuân Ất Hợi 1995 của Trung tâm Phật giáo Chùa VN Houston, TX

Thế Kỷ 21, số Tân niên 1995

Hợp Lưu, số Tết Ất Hợi và số Tân niên.

Phật giáo Việt Nam, Xuân Ất Hợi

Phật giáo Hải ngoại Xuân Ất Hợi của Văn phòng II Viện Hóa đạo.

Đi Tới, tạp chí xuất bản tại Montréal Canada.

Y tế Nguyệt san, nguyệt san y tế và văn hóa xuất bản tại Nam California.

Quảng Đà, Xuân Ất Hợi 1995.

Trân trọng cảm ơn quí thân hữu đã gửi báo tặng đến Văn Học.

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC TRÍCH ĐĂNG BÀI CỦA VĂN HỌC

Gần đây, một số báo chí và cơ quan truyền thanh Việt ngữ đã tự động sử dụng các sáng tác hoặc biên khảo đăng trên Văn Học mà **không có sự thoả thuận của tác giả và Tạp Chí Văn Học.**

Tất cả các tác phẩm (truyện ngắn, thơ, biên khảo...) đăng tải trên Tạp Chí Văn Học đều thuộc **bản quyền của tác giả và tạp chí Văn Học.** Việc trích dăng, trích đọc, hay sử dụng các tác phẩm đó dưới mọi hình thức **phải có sự thoả thuận chính thức và tiên quyết của tác giả và Tạp Chí Văn Học.**

Trân trọng

Văn Hữu cộng tác và Tạp chí Văn Học

ĐÓN ĐỌC TRONG VĂN HỌC SỐ TỚI

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	Sử học và Hệ thống Hùng vương
TẠ QUỐC TUẤN	Thơ mới Trung Hoa
VŨ MINH THIỀU	Âm nhạc trong văn Tchekhov
NGUYỄN THUYẾT PHONG	Đêm nghe tiếng hát trên sông Hương
NGUYỄN NAM ANH	Đi xa với Học giả Hoàng Xuân Hãn
NGUYỄN MỘNG GIÁC	Trời xanh, bên kia sông (truyện)
MINH Ý	Cuối đường (truyện)
HOÀNG CHÍNH	Vùng ký ức đớn đau (truyện)
TRẦN DOÃN NHO	Vướng víu (truyện)
NGUYỄN CHÍ KHAM	Thành phố trong hư tưởng (truyện)
HOÀI MỸ	Quyên (truyện)
NGUYỄN MINH ĐỨC	*Thuyền trăng (thơ)*
LÂM CHƯƠNG	*Hãm địa (thơ)*
NGU YÊN	*Hãy cho ta chết giùm đời nhau (thơ)*
TRÚC CHI	*Giọt nắng (thơ)*
TRẦN THIỆN HIỆP	*Có loài hoa tên Thục nữ (thơ)*
HOÀNG VŨ ĐỨC VÂN	*Sáo trúc vô thanh (thơ)*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	*Mảnh sáu, tám (thơ)*
	Mùa lá lục (thơ)
	Bốn mùa (thơ)

Văn Học số 109 phát hành đầu tháng 5,1995 sẽ có chủ đề "Kỷ niệm hai mươi năm lưu vong," trong đó một số trang dành để đăng những ký ức về ngày 30.4.75 trong đời bạn. Mỗi mẩu ký ức cần trung thực, ngắn gọn (không quá 5 trang báo). Xin quí văn hữu và bạn đọc gửi bài về cho Văn Học trước ngày 31.3.1995.

Ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn có thiện ý biếu không hoặc bán với giá rẻ cho các **độc giả Văn Học mới mua báo dài hạn hay gia hạn** trong thời gian **từ đầu tháng 2 cho đến cuối tháng 6 , 1995.** Sau đây là danh sách những cuốn sách biếu (có dấu hoa thị *) hoặc bán giá hạ (trừ 30%). Độc giả chọn một cuốn sách biếu, và ghi tên những cuốn mua thêm vào phiếu mua báo dài hạn gửi về toà soạn Văn Học. Ngay khi nhận được, chúng tôi sẽ gửi ngay báo, sách biếu và sách mua giá hạ cho quý vị theo bưu phí book rate hay surface.

SÁCH VĂN NGHỆ

001 ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI (hết, sẽ tái bản)
Hồi ký Nguyễn Hiến Lê

002 TÙY BÚT (tái bản) 15MK
Võ Phiến

003 TÙY BÚT II (hết) 15MK
Võ Phiến

004 MÙA BIỂN ĐỘNG I (đã in lại lần 5) 8MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

005 MÙA BIỂN ĐỘNG II (đã in lại lần 3) 10MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

006 MÙA BIỂN ĐỘNG III (đã in lại lần 1) 13MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

007 MÙA BIỂN ĐỘNG IV (BèO GIạT) 15MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

008 MÙA BIỂN ĐỘNG V (THA HƯƠNG) 21MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

009 20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM (đã in lại lần 1) 14MK
Biên khảo Võ Phiến

010 KÝ THIÁC (tái bản) 7MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc

011 THƠ HIỀN 6MK
Thơ Như Chi

*012 MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG 7MK
Tiểu luận văn học Nguyễn Hiến Lê

*013 HÓA RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẨN QUANH 6MK
Thơ Ngu Yên
*014 TRẦM MẶC CÂY RỪNG 6MK
Tập truyện Võ Hồng
015 HỢP LƯU 7MK
Truyện dài Hồ Trường An
016 MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC 10MK
Tập truyện Phan Thị Trọng Tuyến
017 MỘT CHÚT RIÊNG TƯ (hết) 10MK
Tập truyện đầu tay Mai Kim Ngọc
018 NGỰA NẢN CHÂN BON (đã in lại lần 2) (hết) 9MK
Tập truyện Nguyễn Mộng Giác
019 TRUYỆN NGẮN I (hết)
Tập truyện Võ Phiến
020 TRUYỆN NGẮN II 14MK
Võ Phiến
021 ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI 7MK
Truyện dài Lê Tất Điều
022 THƠ CAO TẦN 6MK
Thi tập Cao Tần
023 TẠP LUẬN (hết) 14MK
Võ Phiến
024 CUỐNG RÚN CHUA LÌA (tái bản) 8MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc
*025 CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ 9MK
Tiểu thuyết Nguyễn Hiến Lê
*026 VÒNG ĐAI XANH 8MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh
*027 TỤA ĐỀ Ở BÊN TRONG 8MK
Thơ Ngu Yên
028 XÚ SẤM SÉT 8MK
Tuyển tập Võ Đình
029 NỤ CƯỜI TRE TRÚC 11MK
Tập truyện Kiệt Tấn
030 YÊU CON, DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT (hết)
Đỗ Quý Toàn
*031 CON SUỐI MÙA XUÂN 7MK
Tập truyện Võ Hồng

032 TÌM PHẬT Ở ĐÂU? (tái bản) 7MK
Minh Tâm
033 HOA BƯƠM BƯỚM 9MK
Tiểu thuyết Võ Hồng
034 MUÔN KIẾP CÔ LIÊU 14MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc
035 TIỂU THUYẾT II 15MK
Võ Phiến
036 TÙ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY 6MK
Thơ Nguyễn Ngọc Thuận
*037 NƠI TRẠI TRÙNG GIỚI 10MK
Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang
*038 KIẾP NGƯỜI 13MK
Tiểu thuyết W.S. Maugham, Nguyễn Hiến Lê dịch
*039 NHƯ CÁNH CHIM BAY 13MK
Tiểu thuyết Võ Hồng
040 HỒI KÍ TẬP I 14MK
Nguyễn Hiến Lê
041 HỒI KÍ TẬP II 15MK
Nguyễn Hiến Lê
042 HỒI KÍ TẬP III 9MK
Nguyễn Hiến Lê
*043 TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT 7MK
Nguyễn Hiến Lê
044 LONG LANH HẠT BỤI 10MK
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc
045 TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975 (HẾT)
046 DÒNG CHỮ TÂM TÌNH (hết) 8MK
Tập truyện Ngô Nguyên Dũng
*047 CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC
LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY 10MK
Lê Tuyên
048 TIẾNG KÈN 8MK
Tập truyện của Nhật Tiến
*049 NGÀY N+... 11MK
Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7, Hoàng Khởi Phong

050 TIỂU LUẬN 14MK
Võ Phiến
051 NGUYỆT THỤC 7MK
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm
052 TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH (hết)
Tập truyện Nguyễn Ý Thuần
053 CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA 14MK
Tiểu thuyết Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch
*054 ĐƯỜNG MỘT CHIỀU 7MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác
*055 Ý CAO TÌNH ĐẸP 8MK
Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch
*056 YOGA CĂN BẢN 8MK
Võ Đình Mai
057 THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT 16MK
Khảo luận Tạ Chí Đại Trường
*058 CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ 8MK
Nguyễn Xuân Hoàng
059 CÒ VÀ TUYẾT 8MK
Thơ Đỗ Quý Toàn
*060 BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ 8MK
Will và Ariel Durant Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc
*061 QUÊ HƯƠNG 8MK
Thơ tình Định Nguyên
062 THÊM HOANG 8MK
Truyện dài Nhật Tiến
*063 MỘT THUỞ LÀM "TRÙM" 8MK
Nguyễn Tấn Hưng
064 LỚP LỚP PHÙ SA I 13MK
Truyện dài Kiệt Tấn
*065 MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN 7MK
Kiều Phong
066 GIÓ ĐÊM 7MK
Tập truyện Trần Thị Kim Lan
067 TẠP BÚT 16MK
Võ Phiến
068 NGHĨ VỀ THƠ 9MK
Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc

069 HOA SEN TRÊN TUYẾT (tái bản) 8MK
Nguyên Phong phóng tác

070 ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI 12MK
Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh

071 ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI (sắp hết) 23MK
Hồi ký của Hoàng Liên

*072 KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI 7MK
Khảo luận văn học Nguyễn Văn Xuân

073 NGOÀI GIẤC NGỦ 11MK
Thơ Thường Quán

074 THUYỀN NHÂN 19MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc

075 VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ 8MK
Nguyên Giác Phan Tấn Hải

076 TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ 12MK
Tác phẩm trong nước gởi ra của Dương Thu Hương

077 VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 16MK
Nguyễn Hưng Quốc

078 TRUYỆN THẬT NGẮN (hết) 6MK
Võ Phiến

079 NGỤ NGÔN 11MK
Giáo sư Đoàn Nhật Tấn

080 THƠ MIỀN NAM TẬP I (Văn học miền Nam) 6MK
Võ Phiến

081 SAO CÓ TIẾNG SÓNG... 13MK
Võ Đình

082 KINH DỊCH (sách viết sau 75, tái bản) 20MK
Nguyễn Hiến Lê

*083 HỞI ƠI (thơ 6MK
Ngu Yên (tập thơ thứ 3)

*084 KHỔNG TỬ (sách viết sau 75, mới in ở Mỹ) 12MK
Nguyễn Hiến Lê

085 TRUYỆN MIỀN NAM TẬP I 6MK
(trong bộ Văn học miền Nam), Võ Phiến

*086 ĐẶC KHẢO HOÀNG SA TRƯỜNG SA 12MK
Nhiều học giả

087 QUÊ 6MK
Tập truyện Võ Phiến

088 HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ
MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (tái bản lần 1)22MK
Hồ Sĩ Khuê

089 TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY (tái bản lần 2) 14MK
Hồi ký đức Đạt Lai Lạt Ma Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

090 MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG 12MK
Nguyên Phong dịch

091 CHUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI DI CƯ
NHÚC ĐẦU VỪA PHẢI 10MK
Nguyễn Bá Trạc

092 LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC 14MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

093 NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI 13MK
Hồi ký của đức Đạt Lai Lạt Ma, Hồng Hà dịch

*094 ĐỜI NGHỆ SĨ 9MK
Nguyễn Hiến Lê

095 VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI 32MK
Đỗ Mậu, tái bản lần 9

096 MÂY BÃO 12MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh, tái bản

097 VIẾT (sách mới) 10MK
Võ Phiến

098 ĐỐI THOẠI (sách mới) 8MK
Võ Phiến

099 KÝ BÚT KỊCH I (trong bộ Văn học miền Nam) 10MK
Võ Phiến

100 TRUYỆN MIỀN NAM II (trong bộ Văn học miền Nam) 10MK
Võ Phiến

101 SÀIGÒN TẠP PÍN LÙ (tức SàiGòn năm xưa II, III) 15MK
Vương Hồng Sển

102 LUẬN NGỮ 13MK
Nguyễn Hiến Lê

103 XUÔI DÒNG 7MK
Truyện ngắn Nguyễn Mộng Giác

SÁCH AN TIÊM, THANH VĂN

*PH 001 MỒ HÔI CỦA ĐÁ 8MK
Truyện dài Nhật Tiến

PH 002 LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ 13MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

PH 003 MƯA 11MK
8 tác giả, Nguyễn Hiến Lê dịch

PH 004 ĐỌC KINH 6MK
Vũ Khắc Khoan

PH 005 HOÀNG TỬ BÉ SAINT EXUPERY 6MK
Bùi Giáng dịch

PH 006 SỢI CHỈ TRONG HỒN 13MK
Truyện dài Nguyễn Ý Thuần

PH 007 MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC 6MK
Gérald de Nerval, Bùi Giáng dịch

PH 008 TỪ CHỐN LƯU ĐÀY 13MK
Tạp bút Hoàng Nguyên Nhuận

PH 009 NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG 15MK
Hermann Hess, Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch

PH 010 SÔNG CÔN MÙA LŨ I 18MK

PH 011 SÔNG CÔN MÙA LŨ II 20MK

PH 012 SÔNG CÔN MÙA LŨ III 20MK

PH 013 SÔNG CÔN MÙA LŨ IV 20MK
Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác

PH 014 THƯ GỞI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI 6MK
Phạm Công Thiện dịch

PH 015 QUÊ HƯƠNG BẠN HỮU TÙ ĐÀY 10MK
Trần Dạ Từ

PH 016 THƠ TAGORE 8MK
(Lời Dâng, Tâm Tình Hiến Dâng, Tặng Vật), Đỗ Khánh Hoan dịch

PH 017 LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM 15MK
Tạ Chí Đại Trường

PH 018 BA TRỤ THIỀN 20MK
Philip Kapleau, thiền sư người Mỹ Đỗ Đình Đồng dịch

PH 019 MỘT TRANG ĐỜI (tập truyện) 11MK
Phan Thị Trọng Tuyến

PH 020 NỬA ĐÊM SỤC TỈNH 9MK
Hồi ký những cuộc tình Lưu Trọng Lư

PH 021 NGHỀ LÀM VUA 12MK
Tiểu thuyết mới của Lệ Hằng

PH 022 TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI 14MK
Tiệp bút Đỗ Quý Toàn

PH 023 BỤI VÀ RÁC 13MK
Truyện dài Nguyễn Xuân Hoàng

PH 024 PHẬT HỌC KHÁI LUẬN 20MK
Biên khảo, Thích Chơn Thiện

PH 025 CÁT BỤI CHÂN AI 12MK
Hồi ký Tô Hoài

PH 026 QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN 7MK
Hồi ký Hồ Dzếnh

PH 027 QUÊ NGOẠI II 7MK
Thơ Hồ Dzếnh

PH 028 MỘT KHOẢNH VNCH NỐI DÀI 16MK
Hồi ký Tạ Chí Đại Trường

PH 029 PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO 12MK
Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện dịch

PH 030 CUỐI ĐÊM DÀI 10MK
Truyện Nguyễn Thị Thanh Bình

PH 031 NHỮNG BÍ ẨN SAU CỖI CHẾT 16MK
Đoàn Văn Thông

*PH 032 HƯƠNG RỪNG CÀ MAU 8MK
Truyện Sơn Nam

PH 033 TIỂU THUYẾT I (Tập chót trong Võ Phiến Toàn Tập) 15MK
Võ Phiến

PH 034 TRẢNG HOÀNG CUNG 8MK
Truyện Phùng Quán

PH10035 VIỆT NAM NHÌN TỪ BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI 15MK
Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa

PH0036 BÊN LỞ BÊN BỒI
Nguyễn Thị Hoàng Bắc

PH10037 THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG 8MK
Tùy bút Trần Hồng Châu

PH1038 NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG 10MK
Thơ Trần Hồng Châu

Quý Vị Yêu Thích Những Ca Khúc Nghệ Thuật
Hãy Tìm Mua Đĩa Nhạc

Duy Cường hoà âm

Với Mười Một Bài Ca Bất Hủ Của Nền Tân Nhạc Việt Nam

● **Ngọc Lan** *Dương Thiệu Tước* ● **Tiếng Chuông Chiều Thu** *Tô Vũ* ● **Sao Đêm** *Lê Trọng Nguyễn* ● **Bến Xuân** *Văn Cao & Phạm Duy* ● **Dạ Lai Hương** *Phạm Duy* ● **Nguyệt Ca** *Trịnh Công Sơn* ● **Đường Chiều Lá Rụng** *Phạm Duy* ● **Tà Áo Văn Quân** *Phạm Duy Nhượng* ● **Gởi Áng Mây Hàng** *Vũ Thành* ● **Đêm Màu Hồng** *Phạm Đình Chương, thơ Thanh Tâm Tuyền* ● **Hoàng Hạc Lâu** *Cung Tiến, thơ Thôi Hiệu, Vũ Hoàng Chương cảm dịch*

CÓ BÁN TẠI NHỮNG NHÀ SÁCH VÀ TRUNG TÂM BĂNG NHẠC UY TÍN

Gởi Thẳng Về Nhà, Kể Cả Cước Phí
Hoa Kỳ: US$ 12.00 — Ngoài Hoa Kỳ: US$14.00
Thư từ, Chi Phiếu hay Lệnh Phiếu:
Doantrang Nguyen
P.O. Box 1445
Tustin, CA 82681-1445

HÃY TÌM ĐỌC

THƠ ĐẶNG HIỀN

- Bìa bảy màu trình bày mỹ thuật
- Gồm nhiều nhạc phẩm phổ từ thơ Đặng Hiền
- Một món quà xuân dành để tặng nhau đầy ý nghĩa
- Giá 8MK *(cả cước phí)*

Thư từ, đặt mua:
PHẠM MỸ HƯƠNG
1714 E. McFadden Ave., # 0, Santa Ana, CA 92705. USA
Tél: (714)48-0325 • Fax: (714)648-0326

Lê Tín Hương,
tác giả và tác phẩm âm nhạc
"Có Những Niềm Riêng"

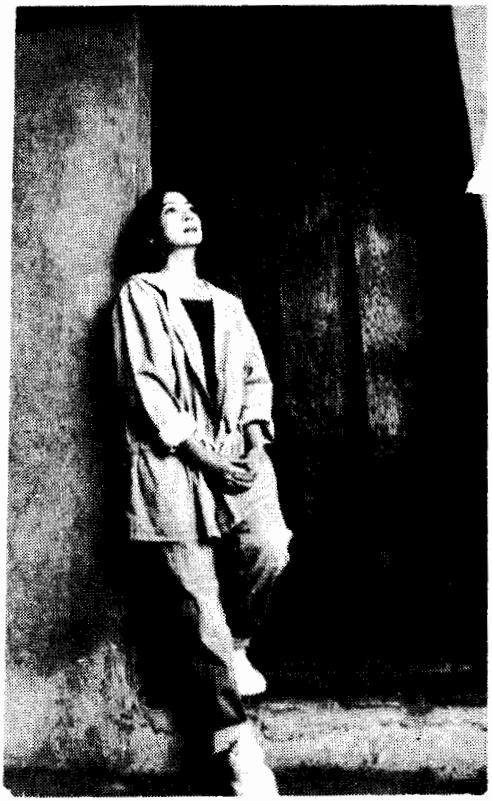

Niềm vui nào dấu kín?
Nỗi buồn nào cầm nín?
Ước mơ nào lặng thinh?

Trong mỗi chúng ta chắc ai ai cũng phải có những nỗi niềm riêng tư thầm kín. Nỗi niềm riêng ấy đã được trang trải qua dòng thơ ý nhạc của Nữ nhạc sĩ Lê Tín Hương trong nhạc phẩm "Có những niềm riêng" Một sáng tác mới lạ đầy rung cảm. Nhạc khúc đang được rất nhiều thính giả yêu thích và được xem như là một trong những nhạc phẩm hay nhất, có giá trị nghệ thuật thuật từ nhạc đến lời của cuối năm 1994.

Một hiện tượng lạ và hiếm quí trong vườn hoa âm nhạc hải ngoại suốt hai mươi năm nay.

Có Những Niềm Riêng

những nhạc khúc mới của **LÊ TÍN HƯƠNG**

1. Anh đi	Thanh Hà	6. Một góc đời	Thanh Hà
2. Còn biết về đâu	Duy Trác	7. Như mây như mưa	Vũ Khanh-T.Hà
3. Đừng bao giờ hứa	Thanh Hà	8. Trả lại cho đời	Duy Trác
4. Vùi trên lối mòn	Thanh Hà	9. Hoài mong	Thanh Hà
5. Như cánh chim trời	Duy Trác	10.Có những niềm riêng	Thanh Hà

TRUNG TÂM VÕ THƯỜNG (VT MUSIC)
5002 W. Mc. Fadden St. # 24 Santa Ana CA 92704 • Tel (714) 839-2950 Fax (714) 531-4292

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES • LAY OUT • DESIGN

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố_____ Tiểu Bang_____ Zip_____ _____
Quốc gia_____
Đồng ý mua báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Tôi chọn sách tặng số____, sách mua số_____, giá tiền_____
Tổng cọng : Văn Học US$_____, Sách Mua US$_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:
Họ và tên_____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Sau khi thân hữu trở thành độc giả dài hạn, tôi muốn nhận được sách tặng số_____.

GIÁ BÁO DÀI HẠN KỂ TỪ 4/1/95

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: **(714) 527-5761**

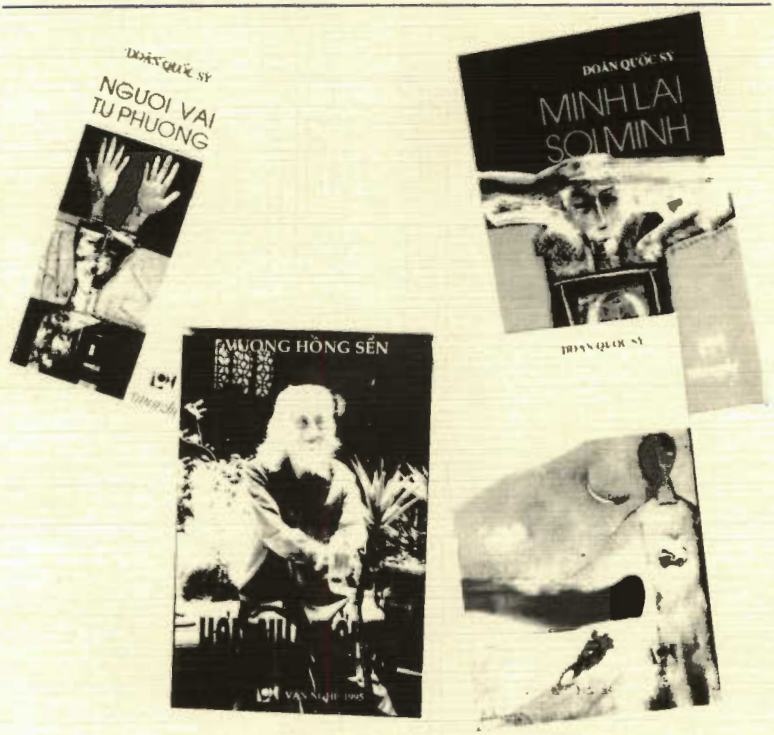

• Khác với bản của một nhà xuất bản tại hải ngoại đã chụp lại bản in trong nước, từng bị kiểm duyệt nhiều đoạn quan trọng. Được ủy quyền của nhà văn **Vương Hồng Sển**, HƠN NỬA ĐỜI HƯ do nhà Văn Nghệ phát hành có đầy đủ những đoạn trên. Giá 20MK. Ngoài Hoa Kỳ 23MK

• Chào mừng nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vừa đến định cư tại Hoa Kỳ, độc giả hãy tìm đọc ba tác phẩm mới nhất của ông:

• NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG. Đem nhân ái hóa giải tham tàn, nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vẫn giữ nguyên tâm hồn than thản và đôn hậu qua tác phẩm này. Giá 10MK. Ngoài Hoa Kỳ 11MK

• DẤU CHÂN CÁT XÓA. Ngời ngời cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng. Giá 9MK. Ngoài Hoa Kỳ 10MK

• MÌNH LẠI SOI MÌNH. Sau những năm tù tội, **Doãn Quốc Sỹ** "mình lại soi mình" qua bốn trăm trang sách. Trung thực, dạt dào tình cảm, bát ngát yêu thương. Giá 16MK. Ngoài Hoa Kỳ 18MK

Giá $3.50